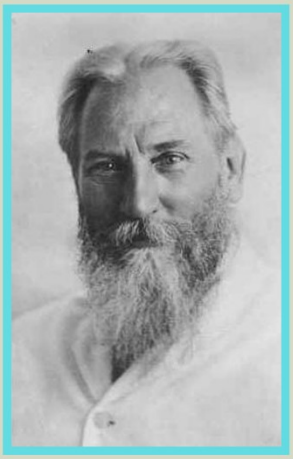
C.W. Leadbeater



Thuyết Giáng Linh & Thông Thiên Học

Spiritualism and Theosophy

minhtrietmoi.org

Spiritualism and Theosophy

Scientifically Examined And Carefully Described

BY

THE Rt. REV. C. W. LEADBEATER

Anand Gholap Theosophical Institute

2009

MỤC LỤC

MỤC LỤC **3**

CHAPTER I—CHƯƠNG I **8**

SPIRITUALISTIC PHENOMENA—HIỆN TƯỢNG THẦN LINH HỌC 8

The Phenomena Natural *8*
Hiện tượng là tự nhiên *8*
How Theosophy Explains Them *9*
Thông Thiên Học giải thích chúng như thế nào *9*
A Classification *11*
Phân loại *11*
Visible materialization *12*
Hiện hình nhìn thấy được *12*

CHAPTER II—CHƯƠNG II **12**

PERSONAL EXPERIENCES—KINH NGHIỆM CÁ NHÂN 12

The Silk Hat Experiment *12*
Thí nghiệm với mũ phớt *12*
Violent Demonstrations *15*
Những màn phô diễn dữ dội *15*
Evidence Of Unknown Power *17*
Bằng chứng về một quyền năng vô hình *17*
Lights *18*
Ánh sáng *18*
Professional Mediums *21*
Đồng tử chuyên nghiệp *21*

CHAPTER III—CHƯƠNG III **22**

UTILIZATION OF THE MEDIUM'S BODY—VIỆC VẬN DỤNG THÂN THỂ CỦA ĐỒNG TỬ 22

What Mediumship Is *22*
Đồng cốt là gì *22*
Trance-Speaking *23*
Nói trong xuất thần *23*
Automatic Writing *24*
Viết tự động *24*
The Private Archangel *25*
Vị "Tổng Thiên Thần" riêng tư *25*
Drawing Or Painting *27*
Vẽ hoặc họa *27*
Personation *28*
Nhập tướng *28*
Impressibility Of The Physical Body *30*
Tính dễ cảm ứng của thể xác *30*
Using Force Thbough The Medium *31*
Dùng Mãnh Lực thông qua Đồng tử *31*

CLAIRVOYANCE IN SPIRITUALISM—THÔNG NHÃN TRONG THẦN LINH HỌC **35**

Clairvoyant Faculties *35*
Các Năng Lực Thông Nhãn *35*
The Missing Papers *36*

Những Giấy Tờ Bị Thất Lạc....36
A Lost Will....37
Một Bản Chúc Thư Thất Lạc....37
The Lost Brooch....38
Chiếc Cài Áo Bị Thất Lạc....38
Clairvoyant "Readings"....43
Những "Bài Đọc" Thông Nhãn....43
A Private Test....45
Một Phép Thử Riêng....45
SOME RECENT TEST CASES—MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP THỬ NGHIỆM GẦN ĐÂY....46
Test Conditions....46
Các Điều Kiện Thử Nghiệm....46
Mother Marius And The Convict....47
Mẹ Marius Và Tên Tù Khổ Sai....47
The Pearl Tie-Pin Case....50
Trường Hợp Cài Cà Vạt Ngọc Trai....50
The Bird Nesting Case....51
Vụ Làm Tổ Của Chim....51
Cross References....53
Tham Chiếu Chéo....53
The Deer In The Bois....55
Con Nai Trong Khu Rừng....55
The Fir-Tree Test....57
Phép Thử Cây Thông....57
The Two Drowned Sailors....59
Hai Thủy Thủ Chết Đuối....59
The Book Tests....60
Các Phép Thử Bằng Sách....60
A Test By Madame Blavatsky....62
Một Phép Thử Của Bà Blavatsky....62
The Newspaper Tests....64
Các Phép Thử Bằng Báo Chí....64
The Source Of The Messages....66
Nguồn Gốc Các Thông Điệp....66

CHAPTER VI—CHƯƠNG VI....68

PARTIAL MATERIALIZATION—HIỆN HÌNH MỘT PHẦN....68
Varieties Op Materialization....68
Các Dạng của Sự Hiện Hình....68
A Luminous Hand....70
Một Bàn Tay Phát Quang....70
Cases Of Levitation....71
Những Trường Hợp Thăng Không....71
Lifted To The Ceiling....73
Được Nâng Lên Tận Trần Nhà....73
True Levitation....75
Sự Thăng Không Chân Thực....75
A Slate-Writing Seance....76
Một Buổi Gọi Hồn Viết Trên Bảng Đá....76
An Hour's Writing....80
Một Giờ Viết Liên Tục....80
Direct Painting....81
Họa Phẩm Trực Tiếp....81

Musical Performances....82
Các Trình Diễn Âm Nhạc....82
The Telegraph Operator....83
Người Điện Báo....83
The Direct Voice....84
Giọng Nói Trực Tiếp....84
Interesting Photographs....86
Những Bức Ảnh Thú Vị....86

CHAPTER VII—CHƯƠNG VII....89

THE MANIPULATION OF PSYCHIC RODS—SỰ ĐIỀU KHIỂN CÁC CẦN LỰC THÔNG LINH....89
The Goligher Circle....89
Vòng Tròn Goligher....89
Recording The Sounds....90
Ghi Âm Các Âm Thanh....90
Weighing The Medium....91
Cân Nặng của Đồng Tử....91
The Lines Of Force....92
Các Đường Lực....92
Feeling The Substance....94
Cảm nhận Vật chất....94
The Cantilevers....98
Dầm Công-xôn....98
The Raps....101
Những Tiếng Gõ....101
Type Writing....102
Đánh Máy....102
Impressions In Clay....104
Dấu Ấn Trong Đất Sét....104
Transportation Of Clay....105
Sự Vận Chuyển Đất Sét....105
The Path Op The Teleplasm....106
Con Đường của Ngoại Chất....106
The Photographs....110
Những Bức Ảnh....110
The Direct Voice....111
Giọng Nói Trực Tiếp....111

CHAPTER VIII—CHƯƠNG VIII....113

MISCELLANEOUS PHENOMENA—CÁC HIỆN TƯỢNG LINH TINH....113
Precipitation....113
Ngưng Tụ....113
Various Kinds Of Lights....118
Các Dạng Ánh Sáng Khác Nhau....118
How Form Is Retained....120
Làm Sao Giữ Được Hình Dạng....120
Objects Brought From A Distance....121
Các Vật Được Mang Đến Từ Xa....121
A Fiery Test....131
Một Thử Lửa....131
The Production Of Fire....133
Sự Tạo Lửa....133

CHAPTER IX—CHƯƠNG IX....134

VISIBLE MATERIALIZATIONS—CÁC HIỆN HÌNH NHÌN THẤY ĐƯỢC....134
Intangible Forms....134
Những Hình Tướng Phi Tiếp Xúc....134
Mattes From The Medium....135
Chất Liệu Từ Nơi Đồng Tử....135
Madame D'espérance....138
Madame D'espérance....138
"Anna Or I?"....139
"Anna hay Tôi?"....139
An Intimate Relation....142
Một Mối Liên Hệ Mật Thiết....142
A Scandalous Outrage....143
Một Sự Sỉ Nhục Tai Tiếng....143
"Spirit" Drapery....147
Vải "Linh"....147
Materialization In Full View....149
Hiện Hình Ngay Trước Mắt....149
Evil Effect Of Tobacco....153
Tác Hại của Thuốc Lá....153
A Dead Man's Joke....154
Trò Đùa của Người Chết....154

CHAPTER X—CHƯƠNG X....158

SOME RECENT MATERIALIZATION PHENOMENA—MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG HIỆN HÌNH GẦN ĐÂY....158
Ectoplasms....158
Ngoại chất....158
The Phenomena Of Eusapia Palladino....160
Các Hiện Tượng Của Eusapia Palladino....160
The Teleplasm Of Eva C....162
Viễn Chất Của Eva C....162
Scientific Precautions....169
Những Biện Pháp Khoa Học....169
The Development Of The Forms....170
Sự Phát Triển Của Các Hình Thể....170
The Clothing Of Phantoms....171
Y Phục Của Các Bóng Hình....171
The Wax Gloves....173
Những "Găng Tay" Bằng Sáp....173

CHAPTER XI—CHƯƠNG XI....176

OUR ATTITUDE TOWARDS SPIRITUALISM—THÁI ĐỘ CỦA CHÚNG TA ĐỐI VỚI THẦN LINH HỌC....176
Much In Common....176
Nhiều Điểm Chung....176
Points Of Agreement....177
Những Điểm Đồng Thuận....177
Untrained Observation Of Little Value....178
Quan Sát Chưa Được Huấn Luyện Ít Giá Trị....178
Drawbacks....179
Mặt Bất Lợi....179
Resolution Needed....180
Cần Có Quyết Tâm....180

Possibility Of Deception.....*181*
Khả Năng Bị Lừa Dối.....*181*
Harm To The Medium.....*184*
Tổn hại đối với Đồng tử.....*184*
Harm To The Dead.....*185*
Tổn hại đối với Người chết.....*185*
The Place And Work Op Spiritualism.....*186*
Vị trí và công việc của Thần linh học.....*186*
A Story Of Reincarnation.....*188*
Một câu chuyện về Tái sinh.....*188*
Reincarnations In India And Japan.....*192*
Những lần tái sinh ở Ấn Độ và Nhật Bản.....*192*
Reincarnations In Burma.....*197*
Những lần tái sinh ở Miến Điện.....*197*

CHAPTER XII—CHƯƠNG XII.....**204**

CONCLUSION—KẾT LUẬN.....204
An Earnest Appeal.....*205*
Lời Kêu Gọi Khẩn Thiết.....*205*

CHAPTER I—CHƯƠNG I

SPIRITUALISTIC PHENOMENA—HIỆN TƯỢNG THẦN LINH HỌC

A quarter of a century ago I wrote a book called *The Other Side of Death*, in which I described the condition of the next world, quoting many illustrative stories. This book has been out of print for some years, so I have just issued a new edition, much enlarged and brought up to date. Some of its chapters deal with spiritualism; in them I recount many of my own experiences, and offer my readers such explanation of the phenomena as has been suggested to me by my forty-five years' study of Theosophy. I am now publishing these chapters separately as a smaller book, hoping that it may be of interest to my spiritualistic brethren, and may perhaps even help a little towards bringing about a better understanding between the two camps of Theosophists and Spiritualists, who have so much in common that they surely ought to co-operate and never to waste their time in disputation.

Cách đây một phần tư thế kỷ, tôi đã viết một cuốn sách nhan đề *The Other Side of Death*, trong đó tôi mô tả tình trạng của thế giới bên kia, kèm theo nhiều câu chuyện minh họa. Cuốn sách ấy đã hết bản in từ vài năm nay, vì vậy tôi vừa cho xuất bản một ấn bản mới, bổ sung rất nhiều và cập nhật hóa. Một số chương trong đó đề cập đến thần linh học; ở những chương ấy tôi thuật lại nhiều kinh nghiệm của riêng mình, và dâng tặng độc giả phần giải thích về các hiện tượng như đã được gợi mở cho tôi qua bốn mươi lăm năm nghiên cứu Thông Thiên Học. Hiện tôi cho in riêng các chương ấy thành một cuốn nhỏ hơn, với hy vọng nó có thể làm vừa lòng những bằng hữu thuộc giới thần linh học, và có lẽ còn góp phần, dẫu nhỏ nhoi, vào việc gây dựng sự thấu hiểu tốt hơn giữa hai "phe" người Thông Thiên Học và người Thần linh học—những người có rất nhiều điểm chung nên lẽ ra phải cộng tác với nhau, chứ không bao giờ phí thời giờ vào tranh luận cãi vã.

The Phenomena Natural—Hiện tượng là tự nhiên

The investigation of the phenomena which take place at spiritualistic seances is one of the lines along which information with regard to man's survival after death might have been obtained. Just as many of the facts so clearly stated for us by Theosophy might have been deduced from careful observation and comparison of the records of apparitions, so also many of them might have been inferred from equally careful examination and comparison of the accounts given in spiritualistic literature. They were not so inferred, however, except by the spiritualists themselves, and not usually clearly expressed

Việc khảo cứu những hiện tượng diễn ra tại các buổi gọi hồn là một trong những đường hướng nhờ đó người ta có thể thu lượm thông tin về sự sống còn của con người sau khi chết. Cũng như nhiều sự kiện được Thông Thiên Học trình bày cho chúng ta một cách sáng rõ hoàn toàn có thể suy luận được từ quan sát cẩn trọng và đối chiếu các ghi chép về những hiện hình, thì nhiều điều trong số đó cũng có thể được suy ra từ việc khảo duyệt và so sánh, với mức độ thận trọng tương tự, các tường thuật trong văn liệu thần linh học. Tuy nhiên, những suy luận như vậy đã không được rút ra, ngoại trừ bởi chính những người theo thần

as a coherent system even by them. But just as, now that we know the facts from Theosophical sources, we can see how all the various types of apparitions fall into place and are explained by them, so we may also see how spiritualistic manifestations can be classified and comprehended by means of the same knowledge.

linh học, và ngay cả họ cũng hiếm khi trình bày được như một hệ thống mạch lạc. Nhưng cũng như hiện nay, khi đã biết các sự kiện từ nguồn của Thông Thiên Học, chúng ta có thể thấy mọi kiểu loại hiện hình đều vào chỗ của chúng và được giải minh bởi những sự kiện ấy, thì chúng ta cũng có thể thấy các sự biểu hiện thần linh học được phân loại và lĩnh hội bằng cùng kho tàng tri thức đó.

It has always seemed to me that our spiritualistic friends ought to welcome the Theosophical system, for much of the difficulty which they find in obtaining acceptance for their phenomena arises from the belief that their claims are in opposition to science, and not in harmony with any reasonable scheme. This idea is an entirely mistaken one, yet spiritualism does little to dispel it; it continues (quite rightly) to insist upon its facts, but does not usually attempt to harmonize them with science. There is, it seems to me, rather a tendency to cry: "How marvellous! how wonderful! how beautiful!" and to be lost in admiration and awe, instead of realizing how entirely natural it all is, and more beautiful *because* it is so natural. For all that is really natural is beautiful; it is only we, reduced to pessimism by our own corruption of and interference with Nature's methods, who fall back in doubt, and say hesitatingly that certain things are too good, too beautiful to be true—not yet understanding that it is precisely because a thing is good and beautiful that it must also be true, and that a far more accurate expression would be: "It is too good *not* to be true". For God is Truth, and He is good.

Tôi vẫn cho rằng những người bạn thần linh học của chúng ta nên hoan nghênh hệ thống của Thông Thiên Học, vì phần lớn khó khăn mà họ gặp phải trong việc thuyết phục người khác chấp nhận các hiện tượng của họ bắt nguồn từ niềm tin cho rằng những tuyên bố của họ đối lập với khoa học, và không hòa hợp với bất kỳ đồ án hợp lý nào. Quan niệm đó hoàn toàn sai lạc, vậy mà thần linh học lại ít làm gì để xua tan nó; họ vẫn (hoàn toàn chính đáng) khăng khăng nơi những sự kiện của mình, nhưng thường không nỗ lực điều hòa chúng với khoa học. Theo tôi, dường như có một khuynh hướng la lên: "Thật kỳ diệu! thật đáng kinh ngạc! thật tuyệt mỹ!" và đắm chìm trong thán phục cùng kính sợ, thay vì nhận ra rằng tất cả đều hoàn toàn tự nhiên, và càng đẹp hơn *chính vì* nó tự nhiên như thế. Vì tất cả những gì thật sự tự nhiên đều đẹp; chỉ có chúng ta—bị đẩy vào bi quan bởi sự bại hoại nơi chính mình và bởi việc can thiệp, bóp méo các phương pháp của Tự Nhiên—mới thoái lui trong ngờ vực, và ngập ngừng nói rằng có những điều quá tốt, quá đẹp đến nỗi khó mà là thật—chưa hiểu rằng chính vì một điều là tốt và đẹp nên nó nhất định cũng là thật, và diễn đạt đúng đắn hơn nhiều sẽ là: "Nó quá tốt đẹp *để có thể không* là sự thật". Vì Thượng đế là Chân Lý, và Ngài là điều thiện.

How Theosophy Explains Them—Thông Thiên Học giải thích chúng như thế nào

The Theosophical explanation as to the planes of nature, and the existence of many varieties

Lời giải thích của Thông Thiên Học về các cõi của thiên nhiên, và về sự tồn tại của nhiều

of more finely subdivided matter, with their appropriate forces playing through them, at once opens the way to a comprehension of many of the phenomena of the seance-room. When we further come to understand the possession by man of vehicles corresponding to each of these planes, in each of which he has new and extended powers, much that was before difficult becomes clear as noonday. I have written fully of these capacities in my little book on *Clairvoyance*, so I need not repeat that account here. It will be sufficient to remark that when we grasp their nature we see at once how it is possible for the dead man, if he is so disposed, to find a passage in a closed book, to read a letter inside a locked box, to see and report what is happening at any distance, or to read the thoughts of any person, present or absent.

dạng chất liệu tinh vi hơn nữa, với các loại năng lực tương ứng vận hành xuyên qua chúng, ngay lập tức mở ra con đường để lĩnh hội nhiều hiện tượng trong phòng gọi hồn. Khi chúng ta lại hiểu thêm rằng con người sở hữu những vận cụ tương ứng với mỗi cõi ấy, và trong mỗi vận cụ đó người ta có các quyền năng mới, mở rộng hơn, thì nhiều điều trước đây còn khó hiểu bỗng trở nên sáng rõ như giữa trưa. Tôi đã viết khá đầy đủ về những năng lực này trong cuốn sách nhỏ *Thông nhãn*, nên không cần lặp lại ở đây. Chỉ cần nói rằng khi nắm bắt được bản chất của chúng, chúng ta lập tức thấy được vì sao người đã chết, nếu có ý muốn, lại có thể tìm đúng một đoạn trong một cuốn sách đóng kín, đọc một bức thư trong một hộp khóa, nhìn và thuật lại những gì đang xảy ra ở bất kỳ khoảng cách nào, hoặc đọc tư tưởng của một người, dù hiện diện hay vắng mặt.

All that the dead man does along any of these lines can be done with equal facility by the living man who has developed his latent powers of astral vision, and we thus realize that for a man residing in and functioning through an astral body, these actions which to us appear phenomenal and marvellous must bear a different aspect, for to him they are simply his ordinary everyday methods of procedure. The man who has not studied such matters is unused to these manifestations, and cannot comprehend how they are produced; he feels toward them just as a savage might towards our use of the electric light or the telephone. But the intelligent and cultured man is familiar to some extent with the mechanism in each of these cases, and so he regards the results obtained no longer as magical, but as natural; he looks upon the matter in an entirely different light.

Tất cả những gì người đã chết làm theo các hướng này đều cũng có thể được người sống thực hiện dễ dàng như thế, nếu người ấy đã phát triển các tiềm năng thị kiến cảm dục tiềm tàng của mình; nhờ vậy chúng ta nhận ra rằng đối với một người trú ngụ và vận hành qua một thể cảm dục, những hành động vốn hiện ra đối với chúng ta như ngoại lệ và kỳ diệu ấy lại phải mang một diện mạo khác, vì với người ấy đó chỉ là những phương thức xử sự hằng ngày, bình thường của chính mình. Người chưa từng học hỏi những điều như vậy thì không quen với các sự biểu hiện ấy và không hiểu nổi cách chúng sinh khởi; người ấy có cảm tưởng không khác gì một người man dã trước việc chúng ta dùng đèn điện hay điện thoại. Nhưng một người thông minh, có văn hóa, ở chừng mực nào đó thì quen thuộc với cơ chế trong từng trường hợp, nên người ấy không còn xem những kết quả đạt được như là phù phép nữa, mà là tự nhiên; người ấy nhìn nhận sự việc dưới một ánh sáng hoàn toàn khác.

A Classification—Phân loại

By the light of Theosophical knowledge of the astral plane and its possibilities, then, we may proceed to attempt some sort of classification of the phenomena of the seance-room. Perhaps we shall find it easiest to arrange them according to the powers employed in their production, and in this way they fall readily into five divisions:

Với ánh sáng của tri thức Thông Thiên Học về cõi cảm dục và các khả năng của nó, chúng ta có thể thử phân loại các hiện tượng trong phòng gọi hồn theo một cách nào đó. Có lẽ dễ nhất là sắp xếp chúng theo các quyền năng được sử dụng để tạo ra chúng, và như thế chúng rơi vào năm loại rõ rệt:

Those which involve simply the use of the medium's body—trance-speaking, automatic writing, drawing or painting, and personation; and sometimes the working of the planchette.

Những hiện tượng chỉ đòi hỏi việc sử dụng chính thân thể của đồng tử—nói trong xuất thần, viết tự động, vẽ hoặc họa, và "nhập tướng"; đôi khi cả việc vận hành bảng planchette.

Those which are dependent upon the possession of the ordinary astral sight, such as the finding of a passage in a closed book, the reading of writing enclosed within a locked box, the answering of mental questions, or the finding of something or some person that is missing.

Những hiện tượng tùy thuộc vào năng lực thị kiến cảm dục thông thường, như tìm được một đoạn trong một cuốn sách đóng kín, đọc chữ viết đặt trong một hộp khóa, trả lời các câu hỏi đặt bằng ý nghĩ, hoặc tìm một vật hay một người bị mất.

Those which involve partial materialization—usually not carried to the point of visibility. Under this head would come raps, the tilting or turning of tables, the moving and floating of objects, slate-writing, or any kind of writing or drawing done directly by the hand of the dead man, and not through the agency of the medium; the touches by the hand of the dead, or the sound of their voices—"the touch of a vanished hand, and the sound of a voice that is still," for which the poet yearned. Almost all of the minor activities of the seance come in under this head, for to it we must assign the playing of various musical instruments, the winding up and floating about of the musical box, and even the cold wind which is so constant a phenomenon in the earlier stages of the sittings. Probably the working of the planchette or the message-board called the "ouija" usually comes under this category.

Những hiện tượng có liên quan đến hiện hình từng phần—thường chưa đến mức nhìn thấy được. Nhóm này gồm tiếng gõ, việc nghiêng hay xoay bàn, di chuyển và làm nổi các vật thể, viết trên bảng đá, hoặc bất kỳ dạng viết hay vẽ nào được làm trực tiếp bởi tay của người đã chết mà không qua trung gian của đồng tử; những cái chạm của bàn tay người chết, hay âm thanh giọng nói của họ—"cái chạm của một bàn tay đã khuất, và âm vang của một giọng nói đã im"—điều mà thi sĩ từng khát khao. Hầu hết các hoạt động nhỏ trong buổi gọi hồn đều thuộc nhóm này, bởi vì ở đây chúng ta phải kể đến việc chơi các nhạc cụ khác nhau, việc lên dây và bay lượn của chiếc hộp nhạc, và cả làn gió lạnh vốn là một hiện tượng hầu như thường trực trong những giai đoạn sớm của các buổi ngồi. Nhiều khả năng việc vận hành bảng planchette hoặc bảng nhắn chữ gọi là "ouija" cũng thường rơi vào

phân loại này.

Those miscellaneous activities which demand a somewhat greater knowledge of the laws of astral physics, such as the precipitation of writing or of a picture, the intentional production of the various kinds of lights, the duplication of objects, their apport from a distance or their production in a closed room, the passage of matter through matter, or the handling or the production of fire.

Những hoạt động tạp loại đòi hỏi sự hiểu biết cao hơn đôi chút về các định luật của "vật lý cảm dục", như việc ngưng tụ chữ viết hoặc bức vẽ, chủ ý tạo ra nhiều loại ánh sáng khác nhau, nhân đôi các vật thể, "chuyển vật" từ xa đến hoặc tạo chúng trong một căn phòng đóng kín, cho vật chất xuyên qua vật chất, hoặc cầm nắm hay tạo ra lửa.

Visible materialization.—Hiện hình nhìn thấy được.

I propose to take up each of these classes, and endeavour to illustrate and explain them as far as I can, drawing examples sometimes from recognized books upon the subject, and sometimes from my own experience. I spent much time during a good many years in patient investigation of spiritualism, and there is scarcely a phenomenon of any sort of which I read in the books which I have not repeatedly seen under test conditions, so that this is a subject upon which I feel myself able to speak with a certain amount of confidence. It may perhaps be useful for me, as an introduction to our detailed consideration of the subject, to describe how I came to make my first feeble experiments along this line.

Tôi dự định lần lượt đề cập từng loại, cố gắng minh họa và giải thích trong chừng mực có thể, đôi khi trích dẫn từ các sách có thẩm quyền về đề tài này, đôi khi từ kinh nghiệm của chính tôi. Tôi đã dành nhiều năm trời kiên nhẫn khảo cứu thần linh học, và hầu như chẳng có hiện tượng nào mà tôi đọc được trong sách vở lại chưa từng thấy đi thấy lại trong những điều kiện kiểm tra, đến nỗi đây là một đề tài mà tôi cảm thấy có thể nói với một mức độ tự tin nhất định. Có lẽ sẽ hữu ích, như lời dẫn nhập cho sự khảo xét chi tiết của chúng ta về đề tài, nếu tôi thuật lại tôi đã làm những thí nghiệm chập chững đầu tiên theo hướng này như thế nào.

CHAPTER II—CHƯƠNG II

PERSONAL EXPERIENCES—KINH NGHIỆM CÁ NHÂN

The Silk Hat Experiment—Thí nghiệm với mũ phớt

The first time that, so far as I can recollect, I ever heard spiritualism mentioned was in connection with the seances held by Mr. D. D. Home with the Emperor Napoleon III. The

Theo trí nhớ của tôi, lần đầu tiên tôi nghe nói đến thần linh học là liên quan đến các buổi gọi hồn do Ông D. D. Home thực hiện với Hoàng đế Napoleon III. Những lời tường thuật về các

statements made with reference to those seemed to me at that time quite incredible, and when reading the account of them aloud to my mother one evening I expressed strong doubts as to whether the description could possibly be accurate. The article ended, however, with the remark that anyone who felt unable to credit the story might readily convince himself of its possibility by bringing together a few of his friends, and inducing them to sit quietly round a small table either in darkness or in dim light, with the palms of their hands resting lightly upon the surface of the table. It was stated that a still easier plan was to place an ordinary silk hat upon the table brim upwards, and let two or three people rest their hands lightly upon the brim. It was asserted that the hat or table would presently begin to turn, and in this way the existence of a force not under the control of any one present would be demonstrated.

buổi ấy đối với tôi lúc bấy giờ hoàn toàn khó tin, và khi đọc to bản tường trình ấy cho mẹ tôi nghe vào một buổi tối, tôi đã bày tỏ hoài nghi mạnh mẽ xem liệu mô tả như thế có thể chính xác được không. Bài viết, tuy nhiên, kết thúc bằng nhận xét rằng bất cứ ai cảm thấy không thể tin câu chuyện trên đều có thể dễ dàng tự mình kiểm chứng khả năng ấy bằng cách mời vài người bạn, và bảo họ ngồi yên quanh một chiếc bàn nhỏ trong bóng tối hay dưới ánh sáng lờ mờ, với lòng bàn tay đặt nhẹ trên mặt bàn. Người ta còn nói rằng cách dễ hơn nữa là đặt một chiếc mũ phớt thông thường lên bàn, vành ngửa lên, và để hai hoặc ba người đặt khẽ tay lên vành mũ. Người ta khẳng định rằng chiếc mũ hoặc chiếc bàn sẽ sớm bắt đầu xoay, và theo cách đó sự tồn tại của một mãnh lực không do bất kỳ ai trong phòng kiểm soát sẽ được chứng minh.

This sounded fairly simple, and my mother suggested that, as it was just growing dusk and the time seemed appropriate, we should make the experiment forthwith. Accordingly I took a small round table with a central leg, the normal vocation of which was to support a flower-pot containing a great arum lily. I brought in my own silk hat from the stand in the hall and placed it on the table, and we put our hands upon its brim as prescribed. The only person present besides my mother and myself was a small boy of twelve, who, as we afterwards discovered, was a powerful physical medium; but I knew nothing about mediums then. I do not think that any of us expected any result whatever, and I know that I was immensely surprised when the hat gave a gentle but decided half-turn on the polished surface of the table.

Điều này nghe có vẻ khá đơn giản, và mẹ tôi gợi ý rằng vì trời vừa chạng vạng và thời điểm có vẻ thích hợp, chúng tôi nên lập tức tiến hành thí nghiệm. Thế là tôi mang vào một chiếc bàn tròn nhỏ có một chân giữa, vốn dĩ thường để đặt một chậu hoa trồng bông ráy khổng lồ. Tôi lấy chiếc mũ phớt của mình từ giá treo ngoài sảnh vào đặt trên bàn, và chúng tôi đặt tay lên vành mũ như chỉ dẫn. Người duy nhất có mặt ngoài mẹ tôi và tôi là một cậu bé mười hai tuổi, mà về sau chúng tôi phát hiện là một đồng tử vật lý mạnh; nhưng khi ấy tôi chưa biết gì về đồng tử. Tôi không nghĩ ai trong chúng tôi mong đợi bất kỳ kết quả nào, và tôi biết mình đã vô cùng ngạc nhiên khi chiếc mũ xoay nhẹ nhưng dứt khoát nửa vòng trên mặt bàn bóng loáng.

Each of us thought the other must have moved it unconsciously, but it soon settled

Mỗi người đều cho rằng người kia hẳn đã vô thức đẩy nó, nhưng chẳng mấy chốc chiếc mũ

that question for us, for it twirled and gyrated so vigorously that it was difficult for us to keep our hands upon it. At my suggestion we raised our hands; the hat came up under them, as though attached to them, and remained suspended a couple of inches from the table for a few moments before falling back upon it. This new development astonished me still more, and I endeavoured to obtain the same result again. For a few minutes the hat declined to respond, but when at last it *did* come up as before, it brought the table with it! Here was my own familiar silk bat, which I had never before suspected of any occult qualities, suspending itself mysteriously in air from the tips of our fingers, and, not content with that defiance of the laws of gravity on its own account, attaching a table to its crown and lifting that also! I looked down to the feet of the table; they were about six inches from the carpet, and no human foot was touching them or near them! I passed my own foot underneath, but there was certainly nothing there—nothing physically perceptible, at any rate.

tự giải quyết giúp chúng tôi câu hỏi đó, vì nó xoay tròn và đảo vũ dữ dội đến mức chúng tôi khó mà giữ tay trên nó. Theo gợi ý của tôi, chúng tôi nhấc tay lên; chiếc mũ bám lên dưới tay chúng tôi, như thể dính vào tay, và lơ lửng cách mặt bàn chừng vài phân trong chốc lát rồi mới rơi trở lại. Diễn biến mới này càng làm tôi kinh ngạc, và tôi cố gắng đạt lại cùng kết quả. Trong vài phút chiếc mũ không đáp ứng, nhưng khi rốt cuộc nó *đã* trồi lên như trước, nó kéo theo cả chiếc bàn! Kia là chiếc mũ phớt quen thuộc của tôi, mà trước đó tôi chưa từng ngờ có phẩm chất huyền bí nào, giờ đây bí ẩn treo mình giữa không trung từ đầu ngón tay chúng tôi, và không chỉ thách thức trọng lực cho riêng nó, mà còn bám vào chóp của nó một chiếc bàn và nhấc cả chiếc bàn lên nữa! Tôi nhìn xuống chân bàn; chúng cách mặt thảm khoảng mười lăm phân, và không có bàn chân người nào chạm vào hay lại gần! Tôi còn đưa chân mình lòn phía dưới, nhưng chắc chắn chẳng có gì ở đó—ít nhất là chẳng có gì cảm nhận được về mặt vật lý.

Of course when the hat first moved it had crossed my mind that the small boy must somehow be playing a trick upon us; but in the first place he obviously was *not* doing so, and in the second he could not possibly have produced this result unobserved. After about two minutes the table dropped away from the hat, and almost immediately the latter fell back to its companion, but the experiment was repeated several times at intervals of a few minutes. Then the table began to rock violently, and threw the hat off—a plain hint to us, if any of us had known enough to take it. But none of us had any idea of what to do next, though we were keenly interested in these extraordinary movements. I was not myself thinking of the phenomenon in the least as a manifestation from the dead, but only as the

Dĩ nhiên, ngay khi chiếc mũ chuyển động, ý nghĩ lướt qua đầu tôi rằng cậu bé kia hẳn chơi khăm chúng tôi bằng cách nào đó; nhưng thứ nhất, rõ ràng cậu ta *không* làm thế, và thứ hai, cậu ta không thể nào tạo ra kết quả này mà không bị phát hiện. Chừng hai phút sau, chiếc bàn rơi khỏi chiếc mũ, và hầu như ngay lập tức chiếc mũ rơi về lại bên bạn đồng hành của nó, nhưng thí nghiệm được lặp lại vài lần cách nhau vài phút. Rồi chiếc bàn bắt đầu lắc mạnh, và hất văng chiếc mũ—một ám chỉ hết sức rõ ràng gửi tới chúng tôi, nếu ai trong chúng tôi biết đủ để hiểu. Nhưng chẳng ai biết nên làm gì tiếp, dù chúng tôi vô cùng hứng thú với những chuyển động khác thường này. Chính tôi khi ấy không hề nghĩ đến hiện tượng này như một sự biểu hiện từ người đã khuất, mà chỉ như việc phát hiện ra một loại mãnh lực

discovery of some strange new force.

I spoke of these curious occurrences next day to some friends, and found one among them who had once or twice seen something of the sort, and was familiar with the rudiments of spiritualistic procedure. I promptly invited him to join us on the following evening, and to assist in our experiments. The same phenomena were reproduced, but this time, by our friend's aid, we asked questions and found that the table would tilt intelligently in response to them. The communicating entity, however, could not have been a man of any great knowledge, for nothing of any importance was said, either then or afterwards, and the manifestations were always rather of the nature of horse-play. Their most remarkable feature was the enormous physical strength displayed on several occasions. Heavy furniture was frequently dashed violently about, and sometimes considerably damaged, yet none of us was really hurt. Once, later on, an especially sceptical friend had the end of a heavy brass fender dropped upon his foot, but I think he distinctly brought it upon himself by his impolite remarks!

mới lạ.

Sang hôm sau tôi kể những việc lạ này cho vài người bạn, và tìm được một người trong số họ từng đôi lần thấy chuyện tương tự, lại quen thuộc với những điều sơ đẳng về thủ pháp thần linh học. Tôi lập tức mời ông ấy tham gia với chúng tôi tối hôm sau, và hỗ trợ các thí nghiệm. Những hiện tượng giống hệt được tái diễn, nhưng lần này, với sự giúp đỡ của người bạn, chúng tôi đặt câu hỏi và thấy chiếc bàn có thể nghiêng trả lời một cách thông minh. Tuy nhiên, thực thể giao tiếp không thể là một người có hiểu biết lớn, vì chẳng có điều gì đáng kể được nói ra, lần ấy cũng như những lần sau, và các biểu hiện luôn mang tính bông đùa. Nét nổi bật nhất là sức mạnh vật lý to lớn bộc lộ trong một số dịp. Những đồ đạc nặng bị quăng quật dữ dội và đôi khi hư hại đáng kể, nhưng chẳng ai trong chúng tôi thực sự bị thương. Có lần, về sau, một người bạn đặc biệt hoài nghi bị thả cả đầu của một khung chắn lò sưởi bằng đồng nặng lên chân, nhưng tôi nghĩ chính anh ta đã chuốc họa vì những lời lẽ khiếm nhã của mình!

Violent Demonstrations—Những màn phô diễn dữ dội

The silk hat was ruined at the second seance, so thereafter we placed our hands directly upon the table—or at least we commenced by doing so, for after a few minutes it was usually waltzing about so wildly that we could only occasionally touch it. At the third sitting (if that term be not a misnomer as applied to an evening spent mainly in jumping about to avoid the charges of various articles of furniture) our little table suffered considerably. During a moment of comparative rest, when we were able to keep our hands on it, we beard a curious whirring sound

Chiếc mũ phớt hỏng ngay ở buổi gọi hồn thứ hai, nên về sau chúng tôi đặt tay trực tiếp lên bàn—hoặc ít nhất là khởi đầu như thế, vì chỉ sau vài phút nó thường lượn vũ điên cuồng khiến chúng tôi chỉ đôi lúc mới chạm tới được. Ở buổi thứ ba (nếu dùng chữ "ngồi" không phải là sai, vì đó là một buổi tối phần nhiều dành để nhảy dựng lên tránh những cú lao tới của đủ loại đồ đạc), chiếc bàn nhỏ của chúng tôi chịu tổn thất đáng kể. Trong một khoảnh khắc tương đối yên, khi chúng tôi có thể giữ tay trên bàn, chúng tôi nghe thấy tiếng vo vo kỳ lạ ở dưới, và một vật nhỏ rơi xuống sàn.

underneath it, and some small object fell to the floor. Picking it up we found it to be a screw, and wondered where the "spirits" had obtained such a thing, and why they had brought it. Twice more the same whirring sound was heard, and two more screws were presented to us, but even yet we did not realize what was being done.

Nhặt lên thì thấy đó là một con ốc vít, và chúng tôi tự hỏi "linh hồn" lấy thứ đó từ đâu, và để làm gì mà mang tới. Hai lần nữa tiếng vo vo ấy vang lên, và thêm hai con ốc được "biếu" cho chúng tôi, nhưng thậm chí lúc ấy chúng tôi vẫn chưa hiểu chuyện gì đang xảy ra.

Suddenly we were startled by what I can only describe as an exceedingly heavy kick on the under side of the table, which dashed it upwards against our hands and all but threw us over. The effect precisely resembled that of a vigorous kick from a heavy boot, and it was repeated three or four times in rapid succession until the top of the table was broken away from the leg. The leg waltzed off by itself, while the top fell to the floor, but by no means to lie quiet there. If a coin be set spinning with the thumb and fingers upon a smooth surface it displays a peculiar wobbling rotation just as it is in the act of settling down to rest. That was exactly the motion of this table upon the floor, and two strong men, kneeling upon it, and exerting all their force to hold it down, were unable to do so, but were thrown off apparently with the utmost ease.

Đột nhiên, chúng tôi giật mình bởi điều tôi chỉ có thể mô tả là một cú đá cực kỳ mạnh vào mặt dưới của bàn, khiến nó hất lên tay chúng tôi và suýt nữa hất văng chúng tôi. Cảm giác giống hệt như bị một chiếc ủng nặng tung cú đá mạnh, và nó được lặp lại ba bốn lần liên tiếp cho đến khi mặt bàn tách khỏi chân. Cái chân bàn tự nó "khiêu vũ" đi mất, còn mặt bàn rơi xuống sàn, nhưng không chịu nằm yên ở đó. Nếu bạn đặt một đồng xu quay bằng ngón cái và ngón trỏ trên mặt phẳng trơn, nó sẽ biểu lộ một chuyển động xoay chao đặc biệt ngay lúc sắp dừng. Đó chính xác là chuyển động của mặt bàn trên sàn, và hai người đàn ông lực lưỡng quỳ đè lên, dốc toàn lực ghìm xuống, vẫn không thể khống chế, mà còn bị hất văng ra dễ dàng.

As we were holding it as nearly down upon the carpet as we could, the same prodigious kicks came underneath it as before, so that whoever kicked could evidently do so through the carpet and the floor of the room without the slightest hindrance. It was only after the performance was over, and we came to examine our table, that we understood what had happened. The entity who was playing with us had apparently wished to separate the top of the table from the lower part, and had somehow contrived to extract three of the screws as though with a screw-driver; but the fourth had been rusted in and could not be removed—hence apparently the kicks which

Khi chúng tôi đang cố giữ bàn sát mặt thảm hết mức có thể, những cú đá ghê gớm tương tự lại giáng từ dưới lên, khiến cho bất kỳ ai đá cũng rõ ràng có thể làm thế xuyên qua thảm và sàn nhà mà chẳng vướng víu mảy may. Chỉ sau khi màn biểu diễn chấm dứt và chúng tôi khám xét chiếc bàn, mới hiểu điều gì đã xảy ra. Thực thể đang đùa nghịch với chúng tôi rõ ràng muốn tách mặt bàn khỏi phần dưới, và bằng cách nào đó đã tháo được ba con ốc như thể dùng tua-vít; nhưng con thứ tư bị rỉ sét cứng ngắc không tháo ra được—vì vậy xem ra mới có những cú đá làm bật nó ra và hoàn tất việc tách rời.

broke it out and accomplished the separation.

This exhibition of prodigious strength at a seance is by no means unusual. In describing one which took place on Staten Island in the spring of 1870, Mr. Robert Dale Owen remarks:

Sự phô diễn sức mạnh ghê gớm trong một buổi gọi hồn như vậy không phải là hiếm. Mô tả một buổi như thế diễn ra ở Staten Island vào mùa xuân năm 1870, Ông Robert Dale Owen nhận xét:

"Then—probably intensified by the darkness—commenced a demonstration exhibiting more physical force than I had ever before witnessed. I do not believe that the strongest man living could, without a handle fixed to pull by, have jerked the table with anything like the violence with which it was now, as it seemed, driven from side to side. We all felt it to be a power, a single stroke from which would have killed any one of us on the spot." (*The Debatable Land*, p. 285.)

"Rồi—có lẽ do bóng tối làm tăng cảm giác—bắt đầu một màn trình diễn bộc lộ nhiều lực vật lý hơn bất kỳ điều gì tôi từng chứng kiến trước đó. Tôi không tin rằng người mạnh nhất thế gian, nếu không có một cái tay cầm để nắm kéo, lại có thể giật chiếc bàn với cái dữ dội như nó bây giờ, như thể bị đánh mạnh từ bên này sang bên kia. Tất cả chúng tôi đều cảm thấy đó là một quyền năng, mà chỉ một đòn thôi cũng có thể giết chết ngay tại chỗ bất kỳ ai trong chúng tôi." (*The Debatable Land*, tr. 285.)

Evidence Of Unknown Power—Bằng chứng về một quyền năng vô hình

These phenomena, which thus came so unexpectedly into my life, would no doubt have been despised as frivolous by the veteran spiritualist, but to me they were exceedingly interesting. They took place in my own house, they were entirely unconnected with any professional medium, and they were incontrovertibly free from any suspicion of trickery. Consequently here were certain indubitable facts, absolutely new to me, and needing investigation. I had no knowledge then that there was a considerable literature upon the subject, and I was not expecting from this study any proof of the life after death. So far, I had had evidence only of the existence of some unseen intelligence, capable of wielding enormous power of a kind quite different from any recognized by science. But it was precisely that power which interested me, and I was anxious to discover whether there was any method by which it could be utilized for the general benefit.

Những hiện tượng bất ngờ đi vào đời tôi như thế hẳn sẽ bị các nhà thần linh học lão luyện xem là phù phiếm, nhưng với tôi chúng vô cùng thú vị. Chúng diễn ra ngay trong nhà tôi, hoàn toàn không liên quan đến bất kỳ đồng tử chuyên nghiệp nào, và hiển nhiên không thể bị nghi ngờ là mánh khóe. Do đó, đây là những sự kiện không thể chối cãi, hoàn toàn mới đối với tôi, cần được khảo cứu. Lúc ấy tôi chưa biết rằng có một văn khố đáng kể về đề tài này, và tôi cũng không kỳ vọng tìm được từ việc nghiên cứu này bằng chứng về đời sống sau khi chết. Cho đến lúc ấy, tôi chỉ có bằng cớ về sự hiện diện của một trí tuệ vô hình, có khả năng vận dụng một mãnh lực khổng lồ thuộc một loại hoàn toàn khác với bất cứ thứ nào được khoa học công nhận. Nhưng chính mãnh lực ấy mới là điều làm tôi quan tâm, và tôi nóng lòng muốn biết liệu có phương pháp nào để có thể vận dụng nó vì lợi ích chung hay không.

We never advanced much further in these home investigations. My mother feared the destruction of her furniture, and in deference to her objections we simply suspended operations when the forces became too boisterous, resuming our sitting only when things quieted down. We had no raps, and no direct voices; any communications which came were always given by the tilting or rising of the table. The entity concerned seemed willing enough to give tests along its own peculiar lines. For example, it occurred to us one evening to ask whether the table could rise in the air without our hands resting upon it; it promptly responded that it could and would, so we all drew back hastily, and watched that table rise till its feet were about a yard from the ground, while it was entirely out of the reach of every member of the party. It remained suspended for perhaps a minute or rather more, and then sank gently to the carpet.

Chúng tôi không tiến xa hơn được bao lăm trong những khảo cứu tại gia này. Mẹ tôi sợ đồ đạc bị phá hỏng, và chiều theo sự phản đối của Bà, chúng tôi đơn giản ngừng lại mỗi khi các "lực" trở nên quá hung hăng, chỉ tiếp tục khi mọi thứ lắng dịu. Chúng tôi không có tiếng gõ, cũng không có "tiếng nói trực tiếp"; bất kỳ thông điệp nào nhận được đều luôn truyền qua cách nghiêng hay nhấc bàn. Thực thể liên can dường như sẵn lòng cho "thi" theo cách riêng của nó. Chẳng hạn, một tối chúng tôi nảy ý hỏi liệu chiếc bàn có thể nhấc lên không trung mà không cần tay chúng tôi đặt lên hay không; nó lập tức hồi đáp rằng có thể và sẽ làm, nên tất cả chúng tôi vội vàng lùi lại, và nhìn chiếc bàn nâng chân lên cao chừng gần một thước, hoàn toàn ngoài tầm với của mọi người trong nhóm. Nó lơ lửng có lẽ một phút hay hơn chút, rồi hạ xuống thảm một cách êm ái.

Lights—Ánh sáng

Lights of various kinds frequently appeared, but usually they gave us the impression not so much of being intentionally shown as of manifesting incidentally in the course of other phenomena. They were of three varieties: *(a)* little sparkling lights like those of fireflies, which used to play over and about our hands, while they rested on the table; (*b*) large pale luminous bodies, several inches in diameter and often crescent-shaped; (*c*) a vivid flash resembling lightning, which on one occasion crossed the room and struck and overthrew a large plant in a pot, leaving upon it distinct marks of scorching, much as I suppose lightning might have done. The first and third varieties gave us the impression of being electrical, while the second appeared to be rather phosphorescent in nature. Nothing occurred that we could definitely call

Nhiều loại ánh sáng thường xuất hiện, nhưng thông thường chúng gây cho chúng tôi ấn tượng là không hẳn được chủ ý phô bày, mà chỉ là biểu hiện phụ trong quá trình các hiện tượng khác. Chúng có ba loại: *(a)* những đốm chớp lấp lánh như đom đóm, chơi đùa trên và quanh tay chúng tôi khi đang đặt trên bàn; (*b*) những khối lân quang lớn, nhạt, đường kính vài phân và thường có hình lưỡi liềm; (*c*) một luồng lóe sáng rực rỡ giống tia chớp, có lần băng ngang phòng đánh ngã một chậu cây lớn, để lại trên đó những vết cháy sém rõ rệt, hẳn cũng giống như sét có thể gây nên. Loại thứ nhất và thứ ba gợi cho chúng tôi ấn tượng "điện", trong khi loại thứ hai dường như có tính chất lân tinh. Không có gì xảy ra mà chúng tôi có thể dứt khoát gọi là hiện hình, dù đôi khi có những khối đen nào đó lướt qua giữa chúng tôi. Các hiện tượng này thường diễn ra

materialization, though dark bodies of some sort occasionally passed between us. These phenomena usually took place by firelight, though on one occasion we obtained a few much modified manifestations in full daylight. The room appeared to become charged with some kind of force, as though with electricity; for at least an hour after the seance was closed the furniture continued to creak mysteriously, and the table on several occasions moved out two or three feet from its corner after its flowerpot had been replaced upon it.

dưới ánh lửa lò sưởi, dù có một lần chúng tôi thu được vài biểu hiện, đã giảm cường độ nhiều, ngay giữa ban ngày. Căn phòng có vẻ như được nạp đầy một loại mãnh lực nào đó, như thể là điện; ít nhất một giờ sau khi buổi ngồi kết thúc, đồ đạc vẫn tiếp tục kêu kẽo kẹt bí ẩn, và chiếc bàn vài lần tự động trượt ra khỏi góc khoảng gần một mét sau khi chậu hoa đã được đặt lại lên trên.

The messages were quite a subordinate feature, and it seemed difficult for the entity, whatever it may have been, to curb its exuberant spirits long enough to go through the tedious process of spelling out a message by tilts. We made many attempts to obtain definite information in this way, but met with no success. It always gave us the impression of being in a condition of wild rollicking enjoyment, too much excited to be patient or coherent. Frequently the table would dance vigorously and untiringly, keeping time with any music that we played or sang. Its favorite tune appeared to be the well-known spiritualistic hymn, “Shall we gather at the river?” and if at any time the power seemed deficient or the manifestations lethargic, we had only to sing that air to rouse it at once into a condition of the wildest enthusiasm and agility. Sometimes it was decidedly mischievous, and when it could be induced to deliver a message it was by no means always consistent or truthful. It appeared to be capable of annoyance; certainly on one occasion when I denounced one of its statements as false, the table leaped straight at me, and would apparently have struck me severely in the face, if I had not caught it on its way. Even so, as I held it in the air, it made violent efforts to get at me, and had to be

Thông điệp chỉ là phần phụ; thực thể, bất kể là gì, dường như khó mà kìm hãm được sự hứng khởi bột phát của nó đủ lâu để chịu đựng quy trình tẻ nhạt đánh vần thông điệp bằng cách nghiêng bàn. Chúng tôi đã nhiều lần tìm cách thu nhận thông tin dứt khoát theo lối này, nhưng vô hiệu. Nó luôn tạo cho chúng tôi ấn tượng rằng mình đang trong một trạng thái vui đùa hoang dại, quá phấn khích để có thể kiên nhẫn hay mạch lạc. Nhiều khi chiếc bàn nhảy múa hăng say không mệt mỏi, bắt nhịp với bất cứ bản nhạc nào chúng tôi chơi hay hát. Giai điệu ưa thích của nó hình như là bài thánh ca thần linh học quen thuộc “Shall we gather at the river?”, và nếu lúc nào “lực” có vẻ suy giảm hoặc biểu hiện lờ đờ, chúng tôi chỉ cần hát giai điệu ấy là lập tức khơi dậy nó đến một trạng thái hứng khởi và lanh lợi cuồng nhiệt nhất. Thỉnh thoảng nó khá tinh quái, và khi bị thuyết phục để đưa ra thông điệp, nó không phải lúc nào cũng nhất quán hay trung thực. Nó có vẻ biết bực dọc; quả thực, có một lần khi tôi tuyên bố một mệnh đề của nó là sai, chiếc bàn lao thẳng vào tôi, và xem ra đã có thể đánh vào mặt tôi rất mạnh nếu tôi không chặn lại giữa đường. Dẫu vậy, khi tôi giữ nó lơ lửng giữa không trung, nó vẫn cố gắng kịch liệt để lao vào tôi, và các bạn tôi phải kéo mạnh ra, y như thể đang khống chế một con thú bị kích nộ. Nhưng chỉ trong ít phút, sức lực hoặc cơn giận

dragged away forcibly by my friends, just as though it had been an infuriated animal. But in a few moments its strength or its passion seemed to give out, and it was harmless once more.

của nó dường như tàn lụi, và nó lại vô hại như trước.

Prominent in my memory is one occasion on which the forces engaged in these demonstrations actually drove us out of the room. From the beginning of the seance the control of the proceedings was taken entirely out of our hands. Chairs rushed about like living creatures, a heavy sofa swung out from its place by the wall into the middle of the floor, and a tall piano, of the obsolete type which used to be called an upright grand, leaned over me at a dangerous angle. Trying to save it from a heavy fall, I braced myself against it and called one of my friends to assist me. He struck a match and lit a candle, which he placed on a table, hoping that the light would check the manifestations. The table, however, gave a kind of leap which threw the candle on to the floor and extinguished it, and at once pandemonium reigned all round us, heavy articles of furniture crashing together.

Một kỷ niệm nổi bật đối với tôi là có lần các "lực" tham dự những màn biểu diễn này thực sự buộc chúng tôi phải rời khỏi phòng. Từ đầu buổi ngồi, quyền kiểm soát diễn trình hoàn toàn bị lấy khỏi tay chúng tôi. Ghế chạy lồng lên như những sinh vật sống, một chiếc sô-pha nặng rời khỏi chỗ bên tường trườn ra giữa phòng, và một cây đàn piano đứng, kiểu xưa nay đã lỗi thời, nghiêng chồm lên tôi ở một góc nguy hiểm. Cố cứu nó khỏi một cú đổ nặng nề, tôi chống người vào giữ và gọi một người bạn lại giúp. Anh ấy quẹt diêm thắp nến, đặt trên bàn, hy vọng ánh sáng sẽ kìm bớt các biểu hiện. Thế nhưng chiếc bàn nhảy bật khiến cây nến rơi xuống sàn và tắt phụt, và lập tức cảnh hỗn loạn bùng lên bốn phía, đồ đạc nặng nề va đập ầm ầm.

It was manifest that our lives were in danger, so, holding back the piano with all my strength, I shouted to my friend to open the door. After frenzied efforts he succeeded in tearing it open, I sprang back from the toppling piano, and we all fled ignominiously into the hall. The door banged behind us, and for a minute or more the crashes inside continued; then silence ensued. After five minutes or so we opened the door and entered with lights, and found all the massive furniture piled in a vast heap in the middle of the room—some of it badly broken, of course; and yet on the whole there was far less damage than one would have expected from the tremendous noise made. After this demonstration my mother banished us and

Rõ ràng tính mạng chúng tôi đang bị đe dọa, nên, trong khi tôi ghìm chặt cây đàn bằng hết sức mình, tôi kêu bạn mở cửa. Sau những nỗ lực cuống cuồng, anh ấy xé được cánh cửa mở ra, tôi buông khỏi cây đàn đang chao đổ, và tất cả chúng tôi chuồn thẳng ra hành lang. Cánh cửa sập mạnh phía sau, và trong một phút hoặc hơn nữa tiếng rầm rập vẫn tiếp diễn; rồi im ắng trở lại. Chừng năm phút sau, chúng tôi mở cửa bước vào, cầm đèn soi, và thấy toàn bộ đồ đạc lớn chất thành một đống giữa phòng—dĩ nhiên một số món hư hại nặng; tuy vậy xét toàn cục thì hư hại ít hơn nhiều so với những tiếng động kinh hồn. Sau màn thị uy này, mẹ tôi đày bọn tôi cùng các thí nghiệm ra nhà ngoài!

our experiments to an outhouse!

Professional Mediums—Đồng tử chuyên nghiệp

Stimulated by these experiences, I began to make further enquiries, and soon found that there were books and periodicals devoted to this subject, and that I might carry my investigations much further by coming into connection with regular mediums. I attended a large number of public seances, and saw many interesting things at them, but the most remarkable and satisfactory results, I soon found, were obtainable only when the circles were small and harmonious. I therefore frequently had private seances, and often invited mediums to my own house, where I could be perfectly certain that there existed no machinery by means of which trickery could be practiced. In this way I soon acquired a good deal of experience, and was able to satisfy myself beyond all doubt that some at least of the manifestations were due to the action of those whom we call the dead.

Được kích thích bởi những kinh nghiệm ấy, tôi bắt đầu dò hỏi thêm, và chẳng mấy chốc nhận ra rằng có sách vở, tạp chí dành cho đề tài này, và rằng tôi có thể đẩy việc khảo cứu đi xa hơn bằng cách kết nối với các đồng tử chuyên nghiệp. Tôi tham dự rất nhiều buổi gọi hồn công khai, và thấy nhiều điều lý thú, nhưng sớm nhận ra rằng những kết quả đáng kể và thỏa đáng nhất chỉ có được khi vòng tròn nhỏ và hòa hợp. Do đó tôi thường tổ chức những buổi riêng, và hay mời các đồng tử đến nhà mình, nơi tôi có thể hoàn toàn chắc chắn rằng không có máy móc nào giúp giở trò bịp bợm. Bằng cách ấy, tôi chẳng bao lâu đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, và có thể tự thỏa mãn vượt trên mọi hồ nghi rằng ít nhất một phần các biểu hiện là do hành động của những người mà chúng ta gọi là người chết.

I found mediums of all sorts, good, bad and indifferent. There were some who were earnest and enthusiastic, and honestly anxious to aid the enquirer to understand the phenomena. Others were incredibly ignorant and illiterate, though probably honest enough; others again impressed me as sanctimonious, oleaginous and untrustworthy. A little experience, however, soon taught me upon whom I could depend, and I restricted my experiments accordingly. I pursued them for a good many years, and during that time saw many strange things—many which would probably be deemed incredible by those unfamiliar with these studies, if I should endeavour to describe them. Such of them as aptly illustrate our various classes I may perhaps cite as we go on; but to give the whole of those experiences

Tôi gặp đủ loại đồng tử: giỏi, dở và xoàng. Có người nhiệt thành và say mê, chân thực mong giúp người tìm hiểu hiểu thấu hiện tượng. Có kẻ dốt nát khó tin và thất học, dù có lẽ vẫn trung thực; lại có hạng khiến tôi thấy là đạo mạo giả hình, trơn tru và không đáng tin. Tuy nhiên, một chút trải nghiệm sớm dạy tôi biết tin vào ai, và tôi giới hạn các thí nghiệm cho phù hợp. Tôi theo đuổi việc ấy suốt nhiều năm, và trong thời gian đó thấy nhiều điều lạ lùng—nhiều điều, nếu tôi cố thuật lại, hẳn sẽ bị những ai xa lạ với môn học này xem là khó tin. Những điều nào thích đáng minh họa cho các phân loại khác nhau của chúng ta, có lẽ tôi sẽ dẫn ra dần; nhưng để kể hết những kinh nghiệm ấy thì cần một cuốn sách lớn hơn nhiều.

would need a much larger book than this.

Let us turn now to our classification.

Giờ hãy trở về phân loại của chúng ta.

CHAPTER III—CHƯƠNG III

UTILIZATION OF THE MEDIUM'S BODY—VIỆC VẬN DỤNG THÂN THỂ CỦA ĐỒNG TỬ

What Mediumship Is—Đồng cốt là gì

It seems obvious that the easiest course for a dead man who wishes to communicate with the physical plane is to utilize a physical body, if he is able to find one which it is within his power to manage. This method does not involve the learning of unfamiliar and difficult processes, as materialization does; he simply enters into the body provided for him and uses it precisely as he was in the habit of using his own. One of the characteristics of a medium is that his principles are readily separable, arid therefore he is able and usually willing thus to yield up his body for the temporary use of another when required. Such resignation of his vehicle may be either partial or total; that is to say, the medium may retain his consciousness as usual, and yet permit his hand to be employed by another for the purposes of automatic writing; or in some cases his vocal organs may also be thus employed by another while he is still in possession of his body, and understands fully what is being said. On the other hand he may retire from his body just as he would do in deep sleep, allowing the dead man to enter and make the fullest possible use of the deserted tenement. In this latter case the medium himself is quite unconscious of all that is said or done; or at least, if he is able to observe to

Hiển nhiên con đường dễ dàng nhất cho một người đã chết nếu muốn truyền thông với cõi hồng trần là sử dụng một thể xác, nếu người ấy tìm được một thể mà mình có thể điều khiển. Phương pháp này không đòi học những quy trình lạ lẫm, khó nhọc như hiện hình; người ấy đơn giản nhập vào thể xác đã được dọn sẵn và dùng nó y như thói quen đã dùng thể xác của mình. Một trong những đặc điểm của đồng tử là các nguyên khí của người ấy dễ tách rời, nên người ấy có khả năng và thường sẵn lòng trao thân xác mình cho người khác sử dụng tạm thời khi cần. Sự nhượng thân này có thể là bộ phận hoặc toàn phần; nghĩa là, đồng tử có thể vẫn giữ tâm thức như thường, nhưng cho phép bàn tay mình được một người khác điều khiển để viết tự động; hoặc trong một số trường hợp, cơ quan phát âm của người ấy cũng được người khác dùng đến, trong khi người ấy vẫn còn lưu trong thân và hiểu đầy đủ những gì được nói. Ngược lại, người ấy có thể rút khỏi thể xác như khi chìm vào giấc ngủ sâu, cho phép người đã chết nhập vào và sử dụng trọn vẹn tòa nhà bị bỏ trống. Trong trường hợp sau, chính đồng tử hoàn toàn không hay biết gì những gì được nói hay làm; hoặc nếu người ấy có thể quan sát phần nào bằng các giác quan cảm dục, thì thường cũng không lưu giữ được ký ức về những điều ấy khi

some extent by means of his astral senses, he does not usually retain any recollection of it when he resumes control of his physical brain.

trở lại điều khiển bộ não hồng trần.

Trance-Speaking—Nói trong xuất thần

A certain type of spiritualism—one which has a large number of adherents—is almost entirely occupied with this phase of mediumship. There are many groups to whom spiritualism is a religion, and they attend a Sunday evening meeting and listen to a trance-address just as people of other denominations go to church and hear a sermon. Nor does the average trance-address in any way differ from the average sermon in intellectual ability; its tone is commonly vaguer, though somewhat more charitable; but its exhortations follow the same general lines. Broadly speaking, there is never anything new in either of them, and they both continue to offer us the advice which our copy-book headings used to give us at school —"Be good and you will be happy," "Evil communications corrupt good manners," and so on. But the reason that these maxims are eternally repeated is simply that they are eternally true; and if people who pay no attention to them when they find them in a copy-book will believe them and act upon them when they are spoken by a dead man or rapped out through a table, then it is emphatically well that they should have their pabulum in the form in which they can assimilate it.

Một dạng thần linh học—có rất đông người theo—hầu như hoàn toàn bận bịu với hình thái đồng cốt này. Có nhiều nhóm xem thần linh học là một tôn giáo, và họ đến dự buổi tối Chủ nhật, nghe một bài thuyết trình trong xuất thần, cũng như người của các hệ phái khác đi nhà thờ nghe giảng. Và bài thuyết trình trong xuất thần trung bình chẳng khác gì một bài giảng đạo trung bình về phương diện năng lực trí tuệ; giọng điệu của nó thường mơ hồ hơn, dẫu có phần khoan hòa hơn; nhưng những lời khuyên răn vẫn đi theo cùng lối mòn. Nói rộng ra, trong cả hai thứ ấy chẳng có gì mới, và cả hai đều tiếp tục ban cho chúng ta lời khuyên mà ngày xưa các "đầu đề" trong vở tập chép ở trường vẫn ban: "Hãy sống tốt và bạn sẽ hạnh phúc", "Gần mực thì đen gần đèn thì rạng", v.v. Nhưng lý do khiến những châm ngôn ấy được lặp đi lặp lại muôn đời đơn giản là vì chúng muôn đời đúng; và nếu những người không thèm để ý đến chúng khi thấy trong vở tập chép lại chịu tin và làm theo khi chúng được nói bởi người đã chết hay gõ trên mặt bàn, thì rõ ràng tốt nhất là họ nên nhận phần "lương thực tinh thần" của mình ở hình thức mà họ có thể tiêu hóa.

Trance-speaking of the ordinary type is naturally less convincing as a phenomenon than many others, for it is undeniable that a slight acquaintance with the histrionic art would enable a person of average intelligence to simulate the trance-condition and deliver a mediocre sermon. I have heard some cases in which the change of voice and manner was so

Nói trong xuất thần theo dạng thông thường tự nhiên kém thuyết phục hơn nhiều hiện tượng khác, vì không thể chối cãi rằng chỉ cần một chút làm quen với nghệ thuật diễn xuất là một người có trí tuệ trung bình cũng có thể giả trang trạng thái xuất thần và đọc một bài thuyết giảng xoàng xĩnh. Tôi đã nghe một số trường hợp trong đó sự thay đổi giọng nói và

entire as to be of itself convincing; I have seen cases where speech in a language unknown to the medium, or reference to matters entirely outside his knowledge, assured one of the genuineness of the phenomenon. But on the other hand I have heard many a trance address in which all the vulgarities, the solecisms in grammar and the hideous mispronunciations of an illiterate medium were so closely reproduced that it was difficult indeed to believe that the man was not shamming. Such cases as this last have no evidential value, yet even in them I have learnt that it is well to be charitable, and to allow the medium as far as possible the benefit of the doubt; for I know, first, that a medium attracts round him dead men of his own type, not differing much from his level of advancement or culture; and secondly, that any communication which comes through a medium is inevitably coloured to a large extent by that medium's personality, and might easily be expressed in his style and by means of such language as he would normally use.

phong thái hoàn toàn đến mức tự nó đã đủ thuyết phục; tôi cũng đã thấy những trường hợp trong đó lời nói bằng một ngôn ngữ mà đồng tử không biết, hoặc ám chỉ đến những điều hoàn toàn ngoài phạm vi hiểu biết của người ấy, khiến ta chắc chắn về tính chân thực của hiện tượng. Nhưng mặt khác, tôi cũng nghe không ít bài xuất thần trong đó mọi kiểu thô thiển, sai ngữ pháp và phát âm khủng khiếp của một đồng tử thất học lại được tái hiện sát đến mức thật khó mà tin người ấy không hề giả vờ. Những trường hợp sau này không có giá trị làm bằng chứng; vậy mà ngay trong đó tôi cũng học được rằng tốt hơn hết là nên khoan dung, và ban cho đồng tử, trong khả năng có thể, "lợi ích của sự hoài nghi"; vì tôi biết, thứ nhất, đồng tử sẽ thu hút quanh mình những người đã chết có kiểu mẫu giống chính họ, không khác là bao về mức độ tiến hóa hay văn hóa; và thứ hai, bất cứ truyền đạt nào đi qua đồng tử tất yếu sẽ bị nhuộm màu ở một mức độ lớn bởi phàm ngã của người ấy, và rất dễ được diễn đạt theo phong cách, bằng thứ ngôn ngữ mà người ấy thường dùng.

Automatic Writing—Viết tự động

The same remarks apply in the case of automatic writing. Sometimes the dead man controls the medium's organism sufficiently to write clearly, characteristically, unmistakably; but more often the handwriting is a compromise between his own and that of the medium, and frequently it degenerates into an almost illegible scrawl. Here again I have seen cases which carried their own proof on the face of them, either by the language in which they were written or by internal evidence. Sometimes also curious tricks are attempted which make any theory of fraud exceedingly improbable. For example, I have seen a whole page of writing dashed off in a few minutes, but written

Những nhận xét tương tự cũng áp dụng cho trường hợp viết tự động. Đôi khi người đã chết điều khiển cơ cấu của đồng tử đủ để viết rõ ràng, đặc trưng, khó lẫn; nhưng phần nhiều bút tích là sự thỏa hiệp giữa chữ của người ấy và chữ của đồng tử, và thường suy thoái thành một lối nguệch ngoạc khó đọc. Ở đây cũng vậy, tôi đã thấy những trường hợp bằng chứng tự hiển lộ ngay trên mặt giấy, hoặc bởi ngôn ngữ được dùng, hoặc bởi chứng cứ nội tại. Thỉnh thoảng cũng có những "tiểu xảo" lạ được thực hiện khiến bất kỳ giả thuyết lừa đảo nào cũng trở nên cực kỳ khó tin. Chẳng hạn, tôi đã thấy cả một trang chữ được viết loằng ngoằng trong vài phút, nhưng viết ngược, khiến người ta phải đưa trước gương mới đọc được. Trong

backward, so that one had to hold it before a mirror in order to be able to read it. In another case, before a sitting with Mrs. Jencken (better known by her maiden-name of Kate Fox, as the little girl who first discovered in 1847 that raps would answer questions intelligently, and so founded modern spiritualism), her little baby-in-arms, perhaps twelve months old, took a pencil in its tiny hand and *wrote*—wrote firmly and rapidly a message purporting to come from a dead man. What intelligence guided that baby hand I am not prepared to say, but it certainly could not have been that of its legitimate owner, and it was equally certainly not that of its mother, for she held the child away from her while it wrote.

một trường hợp khác, trước một buổi ngồi với Bà Jencken (được biết nhiều hơn dưới tên thời thiếu nữ là Kate Fox, cô bé đầu tiên, vào năm 1847, phát hiện rằng tiếng gõ có thể trả lời thông minh các câu hỏi, và như thế đặt nền cho thần linh học hiện đại), đứa con nhỏ còn bế trên tay của Bà, chừng mười hai tháng tuổi, cầm bút chì trong bàn tay xíu xíu và *viết* —viết chắc và nhanh một thông điệp cho biết là đến từ một người đã chết. Bàn tay bé bỏng ấy được trí thông minh nào dẫn dắt, tôi không dám nói; nhưng quyết chắc không thể là của chính chủ nhân hợp pháp của nó, và cũng chắc chắn không phải của mẹ nó, vì Bà giữ đứa bé khỏi xa mình trong lúc nó viết.

The Private Archangel—Vị "Tổng Thiên Thần" riêng tư

Frequently people who are not mediums in any other sense of the word appear to be open to influence along this line. A large number of persons are in the habit of receiving private communications written through their own hands; and the vast majority of them attach quite undue importance to them. Again and again I have been assured by worthy ladies that the whole Theosophical teaching contained nothing new for them, since it had all been previously revealed to them by their own special private teacher, who was of course a person of entirely superhuman glory, knowledge and power—an Archangel at least! When I come to investigate I usually find the Archangel to be some worthy departed gentleman who has either been taught, or has discovered for himself, some portion of the facts with regard to astral life and evolution, and is deeply impressed with the idea that if he can only make this known to the world at large it will necessarily effect a radical change and reform in the entire life of humanity. So he seeks and finds some impressible lady, and

Nhiều khi những người không phải đồng tử theo bất kỳ nghĩa nào khác lại tỏ ra dễ bị ảnh hưởng theo đường này. Có rất nhiều người thường xuyên nhận các thông điệp riêng tư được viết qua chính tay họ; và tuyệt đại đa số trong họ gán cho chúng một tầm quan trọng quá đáng. Hết lần này đến lần khác, tôi được những bà đáng kính quả quyết rằng toàn bộ giáo lý Thông Thiên Học chẳng có gì mới đối với họ, vì mọi điều đã từng được mặc khải trước đó cho họ bởi vị "giáo sư" riêng của họ—hẳn nhiên là một nhân vật có vinh quang, tri thức và quyền năng siêu phàm—ít nhất cũng là một Tổng Thiên Thần! Khi tôi điều tra thì thường thấy vị "Tổng Thiên Thần" ấy chỉ là một quý ông quá cố đáng kính, người hoặc đã được dạy, hoặc tự mình khám phá ra một phần nào các sự kiện liên quan đến đời sống cảm dục và tiến hóa, và giờ bị ám ảnh sâu sắc với ý tưởng rằng nếu ông có thể làm điều này được biết đến rộng rãi cho thế gian, thì hẳn nhiên nó sẽ gây nên một cuộc đổi thay căn để trong toàn bộ đời sống nhân loại. Thế là ông tìm và gặp một quý bà dễ cảm ứng, và gieo vào bà niềm

urges upon her the conviction that she is a chosen vessel for the regeneration of mankind, that she has a mighty work to do to which her life must be devoted, that future ages will bless her name, and so on.

xác tín rằng bà là một khí cụ được chọn đặc biệt để canh tân nhân quần, rằng bà có một công việc vĩ đại để làm mà đời bà phải hiến trọn, rằng các thế hệ tương lai sẽ chúc phúc danh bà, v.v.

In all this the worthy gentleman is usually quite serious; he has now realized a few of the elementary facts of life, and he cannot but feel what a difference it would have made in his conduct and his attitude if he had realized them while still on the physical plane. He rightly concludes that if he could induce the whole world really to believe this, a great change would ensue; but he forgets that practically all that he has to say has been taught in the world for thousands of years, and that while he was in earth-life he paid no more attention to it than others are now likely to pay to his lucubrations. It is the old story over again: "If they hear not Moses and the prophets, neither will they be persuaded though one rose from the dead".

Trong tất cả những điều ấy, vị quý ông thường hết sức nghiêm túc; ông nay đã nhận ra vài sự kiện sơ đẳng của đời sống, và không thể không cảm thấy khác biệt biết bao nơi ứng xử và thái độ của mình nếu như ông đã nhận ra điều ấy ngay khi còn ở cõi hồng trần. Ông kết luận đúng rằng nếu ông có thể khiến cả thế giới thực sự tin điều này, một sự thay đổi lớn sẽ xảy ra; nhưng ông quên rằng hầu như tất cả những gì ông nói đã được dạy trên thế gian từ cả ngàn năm, và khi còn ở trần gian chính ông cũng chẳng để tâm gì đến chúng, không hơn gì mức người khác lúc này sắp để tâm tới những biện luận dài dòng của ông. Đó lại là câu chuyện cũ: "Nếu họ không nghe Môi-se và các tiên tri, thì dẫu có người từ cõi chết sống lại, họ cũng chẳng chịu tin".

Of course a little common sense and a little acquaintance with the literature of this subject would save these worthy ladies from their delusion of a mission from on high; but self-conceit is subtle and deeply-rooted, and the idea of being specially chosen out of all the world for a divine inspiration is, I suppose, pleasurable to a certain type of people. Usually the communications are infinitely far from "containing all the Theosophical teaching"; they contain perhaps a few fragments of it, or more often a few nebulous generalizations tending somewhat in the Theosophical direction.

Dĩ nhiên, chỉ một chút lương tri và một chút quen thuộc với văn liệu về đề tài này cũng đủ cứu các quý bà đáng kính khỏi ảo tưởng về một sứ mệnh đến từ nơi cao cả; nhưng tính tự phụ thì tinh vi và bén rễ sâu, và ý nghĩ được chọn riêng trong cả thế gian để nhận linh hứng thiêng liêng, tôi đoán, là điều làm khoái trá một loại người nhất định. Thông thường, các thông điệp ấy còn lâu mới "chứa đựng toàn bộ giáo huấn của Thông Thiên Học"; chúng chứa đựng may ra vài mảnh vụn, hay thường hơn là vài tổng quát mơ hồ có khuynh hướng nào đó theo hướng Thông Thiên Học.

Occasionally also the instructor is a living man in the astral body—usually an Oriental; and in that case it is perfectly natural that his information should have a Theosophical flavour. It must be recollected that Theosophy

Đôi khi "giáo sư" là một người còn sống trong thể cảm dục—thường là một người phương Đông; và trong trường hợp đó, rất tự nhiên là thông tin của ông mang hương vị Thông Thiên Học. Phải ghi nhớ rằng Thông Thiên Học

is in no sense new, but is the oldest teaching in the world, and that the broad outlines of its system are perfectly well known everywhere outside of the limits of the extraordinary cloud of ignorance on philosophical subjects which Christianity appears to bring in its train. It is therefore small wonder that any glimpse of a wider and more sensible theory should seem to have something of Theosophy about it; but naturally it will rarely be found to have either the precision or the fullness of the scheme as given to us by the Masters of Wisdom through Their pupil Madame Blavatsky.

không hề mới, mà là giáo lý cổ xưa nhất trên thế giới, và những nét đại cương của hệ thống ấy vốn đã được biết rất rõ ở khắp nơi bên ngoài phạm vi của đám mây mù kỳ lạ về vô minh triết học mà có vẻ như Cơ Đốc giáo mang theo sau nó. Do vậy, chẳng có gì lạ khi bất kỳ cái nhìn loáng qua nào về một lý thuyết rộng rãi và hợp lý hơn dường như mang đôi chút màu sắc Thông Thiên Học; nhưng lẽ dĩ nhiên hiếm khi nó có được độ chính xác hay đầy đặn như đồ án được ban cho chúng ta bởi các Chân sư Minh triết qua môn sinh của Các Ngài là Bà Blavatsky.

It appears to make the process of writing through the hand of the medium even easier for the dead man when that hand is rested upon the little board called planchette. This form of manifestation, however, does not always belong to our present category. Sometimes it seems that the hand of the medium moves the planchette, though it is not by his intelligence that it is directed, for it often writes in languages or about matters of which he is ignorant. But on other occasions it appears to move rather under his hand than with it, suggesting that it is charged with the vital force from his hand, just as the hat or the table was in the experiments previously described. In that case the movement of the board would probably be directed by another partially materialized hand, and so the phenomenon would belong to our third class.

Dường như việc đặt bàn tay của đồng tử lên bảng nhỏ gọi là planchette làm cho quá trình viết qua tay càng dễ dàng hơn đối với người đã chết. Tuy nhiên, dạng biểu hiện này không phải lúc nào cũng thuộc phân loại hiện tại của chúng ta. Có khi bàn tay của đồng tử đẩy bảng planchette, dẫu không phải trí tuệ của người ấy điều khiển hướng đi, vì nó thường viết bằng các ngôn ngữ hoặc về những điều người ấy không biết. Nhưng có khi bảng dường như chuyển động dưới tay người ấy hơn là với tay, gợi ý rằng nó được nạp sinh lực từ tay, giống như chiếc mũ hoặc chiếc bàn trong các thí nghiệm đã mô tả. Khi ấy, chuyển động của bảng rất có thể do một bàn tay khác, hiện hình từng phần, điều khiển, và như vậy hiện tượng sẽ thuộc về loại thứ ba của chúng ta.

Drawing Or Painting—Vẽ hoặc họa

The phenomenon of automatic drawing or painting is of exactly the same nature as that of writing, though it is not nearly so common, because the art of drawing is much less widely diffused than is that of writing. Still it sometimes happens that a dead man has a talent for rapid drawing, and can quickly

Hiện tượng vẽ hoặc họa tự động có cùng bản chất với viết tự động, mặc dù hiếm gặp hơn nhiều, vì nghệ thuật vẽ không phổ biến như viết. Tuy thế đôi khi có người đã chết có năng khiếu ký họa nhanh, và có thể mau chóng tạo một bức phong cảnh xinh xắn hoặc một bức chân dung tạm ổn qua bàn tay của một đồng

produce a pretty little landscape or a passable portrait through the hand of a readily-impressible medium. There are certain mediums who make a speciality of this obtaining of portraits of the dead, and they apparently find that it pays them exceedingly well. I have myself seen passable work produced in this way, though not equal to that done directly by the hand of the dead man, or by precipitation. There are also cases in which such portraits are drawn by a living person who is himself clairvoyant; but that is obviously not an example of mediumship at all, and so does not come into our present category.

tử dễ bị ấn tượng. Có những đồng tử chuyên "lấy" chân dung người chết, và có vẻ công việc ấy đem lại cho họ nguồn thu rất hậu. Bản thân tôi đã thấy những tác phẩm tạm chấp nhận được theo lối này, dù không bằng thứ do chính tay người chết làm trực tiếp hoặc bằng phương pháp ngưng tụ. Cũng có những trường hợp mà chân dung được vẽ bởi một người sống vốn có thông nhãn; nhưng rõ ràng đó không phải là một ví dụ của đồng cốt, nên không thuộc phạm trù hiện tại của chúng ta.

It must be remembered that for the production of a portrait of a dead person by any of these methods it is not in the least necessary that he should be present, though of course he *may* be. But when surviving friends come to a seance expecting and earnestly hoping for a portrait of some dead man, their thought of him, so strongly tinged with desire, makes an effective image of him in astral matter, and this is naturally clearly visible to any other dead man, so that the portrait can be drawn quite easily from it. It is, however, also true that this same strong thought about the dead man is certain to attract his attention, and he is therefore likely to come and see what is being done. So it is always possible that he may be present, but the portrait is not proof of it.

Cần ghi nhớ rằng để tạo ra chân dung một người đã chết bằng bất kỳ phương pháp nào trong số này, hoàn toàn không nhất thiết người ấy phải có mặt, dù dĩ nhiên người ấy *có thể* có mặt. Nhưng khi những người còn sống đến dự buổi gọi hồn với mong đợi và khát khao mãnh liệt có được chân dung của một người đã chết nào đó, thì tư tưởng về người ấy, nhuốm đậm sắc thái dục vọng, sẽ hình thành một hình ảnh hiệu quả về người ấy trong chất liệu cảm dục; hình ảnh này tự nhiên hiện rõ trước mắt bất kỳ người chết nào khác, đến nỗi bức chân dung có thể dễ dàng được vẽ lại từ đó. Tuy nhiên, cũng đúng là chính tư tưởng mạnh mẽ ấy về người chết chắc chắn sẽ thu hút sự chú ý của người ấy, và vì vậy người ấy có thể đến xem chuyện gì đang diễn ra. Do đó luôn có khả năng người ấy hiện diện, nhưng bức chân dung tự nó không chứng minh điều đó.

Personation—Nhập tướng

I am employing this term in a technical sense which is well known to those who have studied these phenomena. I am aware that it has also been employed to describe those cases in which a dishonest medium has presented himself before his audience as a "spirit-form",

Tôi dùng thuật ngữ này theo một nghĩa kỹ thuật vốn quen thuộc với những ai đã nghiên cứu các hiện tượng này. Tôi biết rằng nó cũng từng được dùng để mô tả những trường hợp một đồng tử bất lương tự mình xuất hiện trước khán giả như một "hình dạng linh hồn",

but I am dealing with occurrences of a type quite different from that. All who have seen good examples of trance-speaking will have noticed how the entire expression of the medium's face changes, and how he adopts all kinds of little tricks of manner and speech, which are really those of the man who is speaking through his organism.

nhưng ở đây tôi bàn về những sự cố hoàn toàn khác. Tất cả những ai từng thấy các ví dụ tốt về nói trong xuất thần hẳn đều nhận ra gương mặt đồng tử đổi khác toàn diện như thế nào, và người ấy tiếp nhận đủ loại tiểu xảo về cử chỉ, giọng điệu ra sao—thật ra chính là những thói quen của người đang nói qua cơ cấu của đồng tử.

There are instances in which this process of change and adaptation goes much further than this—in which a distinct temporary alteration actually takes place in the features of the medium. Sometimes this change is only apparent and not real, the fact being that the earnest effort of the ensouling personality to express himself through the medium acts mesmerically upon his friend, and deludes him into thinking that he really sees the features of the dead man before him. When that is so the phenomenon is of course purely subjective, and a photograph taken of the medium at that moment would show his face just as it always is.

Có những trường hợp quá trình thay đổi và thích nghi đi xa hơn thế nữa—trong đó thực sự xảy ra một biến đổi tạm thời ở các đường nét của đồng tử. Đôi khi sự đổi khác này chỉ là bề ngoài chứ không thật, do nỗ lực thành tâm của phàm ngã đang phú linh muốn biểu đạt chính mình qua đồng tử đã tác động theo lối thôi miên lên người bạn, khiến người bạn ngộ nhận rằng mình thật sự nhìn thấy dung mạo của người đã chết trước mắt. Khi như thế, hiện tượng dĩ nhiên hoàn toàn chủ quan, và một bức ảnh chụp đồng tử vào khoảnh khắc ấy sẽ cho thấy gương mặt của người ấy y như thường.

Sometimes, however, the change is real and can be shown to be so by means of the camera. When this is so, there are still two methods by which the effect may be produced. I have seen at least one case of apparent change of feature in which what really took place may best be described as the partial materialization of a mask; that is to say, such parts of the medium's face as corresponded fairly well with that to be represented were left untouched, whereas other parts which were entirely unsuitable were covered with a thin mask of materialized matter which made them up into an almost perfect imitation, though slightly larger than the original. But I have also seen other cases in which the face to be represented was much smaller than that of the medium, and the exact imitation secured undoubtedly involved an alteration in the

Tuy nhiên, đôi khi sự thay đổi là thật và có thể chứng minh bằng máy ảnh. Khi như vậy, vẫn có hai phương thức để tạo hiệu quả. Tôi đã thấy ít nhất một trường hợp đổi khác trên diện mạo mà điều thực sự xảy ra có thể mô tả tốt nhất như là một sự hiện hình từng phần của một chiếc mặt nạ; nghĩa là những phần nào trên gương mặt đồng tử vốn tương đối tương ứng với gương mặt cần thể hiện thì được giữ nguyên, còn những phần hoàn toàn không thích hợp sẽ được phủ bằng một lớp mỏng chất liệu hiện hình, "hóa trang" chúng thành một bản mô phỏng gần như hoàn hảo, dẫu nhỉnh hơn nguyên bản đôi chút. Nhưng tôi cũng đã thấy những trường hợp khác trong đó gương mặt cần thể hiện nhỏ hơn rất nhiều so với mặt của đồng tử, và việc đạt được bản sao y hệt hiển nhiên đòi hỏi phải thay đổi hình dạng các đường nét của đồng tử. Điều này tự nhiên sẽ có

form of the medium's features. This will naturally seem an absolute impossibility to one who has not made a special study of these things, for the majority of us little recognize the extreme fluidity and impermanence of the physical body, and have no conception how readily it may be modified under certain conditions.

vẻ hoàn toàn bất khả đối với người chưa nghiên cứu đặc biệt về các vấn đề này, vì phần đông chúng ta ít khi nhận ra mức độ linh động và vô thường đến cực độ của thể xác, và không hề hình dung được nó có thể được biến cải dễ dàng ra sao trong những điều kiện nhất định.

Impressibility Of The Physical Body—Tính dễ cảm ứng của thể xác

There is plenty of evidence to show this, though the circumstances which call into operation forces capable of producing such a result are fortunately rare. In *Isis Unveiled*, vol. i, p. 368, Madame Blavatsky gives us a series of ghastly examples of the way in which the thought or feeling of a mother can change the physical body of her unborn child. Cornelius Gemma tells of a child that was born with his forehead wounded and running with blood, the result of his father's threats towards his mother with a drawn sword which he directed towards her forehead. In Van Helmont's *De Injectis Materialibus* it is reported that the wife of a tailor at Mechlin saw a soldier's hand cut off in a quarrel, which so impressed her that her child was born with only one hand, the other arm bleeding. The wife of a merchant of Antwerp, seeing a soldier who had just lost his arm, brought forth a daughter with one arm struck off and bleeding. Another woman witnessed the beheading of thirteen men by order of the Duc d'Alva. In her case also the child, quite perfect in other respects, was born without a head and with bleeding neck.

Có vô vàn bằng cớ cho thấy điều này, tuy những hoàn cảnh triệu hoạt các lực có thể tạo ra kết quả như vậy, may thay, là hiếm. Trong *Isis Vén Màn*, tập i, tr. 368, Bà Blavatsky đưa cho chúng ta một loạt ví dụ rùng rợn về cách tư tưởng hay cảm xúc của người mẹ có thể làm thay đổi thân thể vật chất của đứa trẻ chưa ra đời. Cornelius Gemma kể về một đứa trẻ sinh ra với vầng trán bị thương và máu chảy ròng, là kết quả từ việc người cha đã dọa nạt mẹ nó bằng một thanh gươm trần chĩa thẳng vào trán bà. Trong tác phẩm của Van Helmont, *De Injectis Materialibus*, có thuật lại chuyện vợ của một người thợ may ở Mechlin thấy một bàn tay của người lính bị chém lìa trong một vụ cãi vã, điều đó đã in ấn tượng mạnh nơi bà đến nỗi đứa con bà sinh ra chỉ có một bàn tay, cánh tay kia thì rỉ máu. Vợ của một thương gia ở Antwerp, khi thấy một người lính vừa mất cánh tay, đã sinh một con gái với một cánh tay bị chặt đứt và đang chảy máu. Một phụ nữ khác chứng kiến việc chém đầu mười ba người theo lệnh của Công tước d'Alva. Trong trường hợp của bà này, đứa trẻ tuy hoàn hảo ở mọi phương diện khác, lại sinh ra không có đầu và cổ thì rỉ máu.

The whole question of the appearance of stigmata on the human body, which seems so thoroughly well authenticated, is only another instance of the influence of mind upon physical matter; for just as the mind of the mother acts upon the foetus, so do the

Toàn bộ vấn đề về sự xuất hiện của các dấu thánh trên thân thể con người, vốn xem ra được xác nhận rất đầy đủ, chỉ là thêm một trường hợp về ảnh hưởng của thể trí lên vật chất hồng trần; bởi cũng như thể trí của người mẹ tác động lên bào thai, thì thể trí của các vị

minds of various saints, or of women like Catherine Emmerich, act upon their own organism. On p. 384 of *The Night Side of Nature* we find another rather horrible example of the action of violent emotion upon the physical body.

thánh khác nhau, hoặc của những người như Catherine Emmerich, cũng tác động lên chính cơ thể của họ. Ở tr. 384 của *Mặt Tối của Thiên Nhiên* chúng ta thấy một ví dụ khá kinh hoàng khác về tác động của cảm xúc mãnh liệt lên thân thể vật chất.

A letter from Moscow, addressed to Dr. Kerner in consequence of reading the account of the Nun of Dulmen, relates a still more extraordinary case. At the time of the French invasion, a Cossack having pursued a Frenchman into a *cul de sac,* an alley without an outlet, there ensued a terrible conflict between them, in which the latter was severely wounded. A person who had taken refuge in this close, and could not get away, was so dreadfully frightened that when he reached home there broke out on his body the very same wounds that the Cossack had inflicted on his enemy.

Một lá thư từ Moscow, gửi Ông Kerner do đọc được tường thuật về nữ tu sĩ ở Dulmen, kể lại một trường hợp còn lạ lùng hơn nữa. Vào thời kỳ quân Pháp xâm lược, một người Cossack đuổi theo một người Pháp vào một *hẻm cụt,* một lối đi không có lối ra, đã xảy ra một trận xung đột kinh khủng giữa họ, trong đó người sau bị thương nặng. Một người đã trú ẩn trong lối đi chật hẹp này, không thể chạy thoát, bị kinh hoàng đến mức khi về tới nhà, trên thân thể ông phát ra đúng những vết thương mà người Cossack đã gây cho kẻ thù của mình.

We shall have to refer to this question when dealing with materializations; but in the meantime, and as far as personation is concerned, I can myself testify that it is possible for the physical features of a medium to be completely changed for a time into the exact resemblance of those of the dead man who is speaking through him. This phenomenon is not common, so far as I have seen or heard, and we may presume that the reason for its rarity is that ordinary materialization would probably be easier to produce. The personation, however, took place in full daylight on each occasion when I witnessed it; whereas materialization is usually performed by artificial light, and there must not be too much even of that, for reasons which will be explained when we come to deal with that side of the question.

Chúng ta sẽ phải trở lại vấn đề này khi đề cập đến các hiện hình; nhưng trong lúc này, xét riêng về sự giả dạng, chính tôi có thể chứng thực rằng có thể các nét diện mạo của một đồng tử bị thay đổi hoàn toàn trong một thời gian, thành giống hệt khuôn mặt của người đã chết đang nói qua thân thể y. Hiện tượng này không phổ biến, theo như tôi đã thấy hoặc nghe, và chúng ta có thể suy đoán rằng lý do hiếm hoi của nó là bởi việc hiện hình thông thường có lẽ dễ tạo ra hơn. Tuy nhiên, sự giả dạng đã diễn ra giữa ban ngày trong mỗi lần tôi chứng kiến; trong khi việc hiện hình thường được thực hiện dưới ánh sáng nhân tạo, và ánh sáng đó cũng không được quá nhiều, vì những lý do sẽ được giải thích khi chúng ta đi vào mặt này của vấn đề.

Speaking, writing and drawing are by no means the only actions performed through the body of the medium. Sometimes it is used for more extensive and even violent activities. M. Flammarion records a striking case of the kind (*After Death,* p. 100) in which the "spirit" took possession of the medium in order to attempt to revenge himself. The case first appeared in *Luce e Ombra* (Rome, 1920), and the *Revue Spirite* (1921, p. 214), and was witnessed by M. Bozzano, the writer. Though the incident occurred in 1904, M. Bozzano felt that he could not publish an account of it before the death of the chief person concerned. He writes:

Nói, viết và vẽ chưa phải là những hành động duy nhất được thực hiện thông qua thân thể của đồng tử. Đôi khi thân thể ấy còn bị dùng cho những hoạt động rộng hơn, thậm chí kịch liệt. Ông Flammarion ghi lại một trường hợp nổi bật thuộc loại này (*Sau Khi Chết,* tr. 100), trong đó "vong linh" đã chiếm hữu đồng tử để mưu toan báo thù. Trường hợp này xuất hiện đầu tiên trong *Luce e Ombra* (Rome, 1920), và *Revue Spirite* (1921, tr. 214), và đã được Ông Bozzano, người viết, chứng kiến. Dù sự cố xảy ra năm 1904, Ông Bozzano cảm thấy không thể công bố tường thuật trước khi nhân vật chính liên quan qua đời. Ông viết:

Today I can speak of it in the general interest of metaphysical research, omitting, however, the name of the person chiefly concerned.

Hôm nay tôi có thể nói về việc này vì lợi ích chung của nghiên cứu siêu hình, tuy nhiên bỏ qua tên của người liên quan chính.

Seance held on April 5, 1904.—The following were present: Dr. Guiseppe Venzano, Ernesto Bozzano, the Cavaliere Carlo Perefcti, Signore X—, Signora Guidetta Peretti, and the medium L. P. The seance was begun at ten o'clock in the evening.

Buổi gọi hồn tổ chức ngày 5 tháng 4, 1904.—Những người có mặt gồm: Bác sĩ Guiseppe Venzano, Ernesto Bozzano, Kỵ sĩ Carlo Perefcti, Ông X—, Bà Guidetta Peretti, và đồng tử L. P. Buổi gọi hồn bắt đầu lúc mười giờ tối.

From the beginning we noted that the medium was troubled, for some unknown reason. The spirit-guide Luigi, the medium's father, did not manifest himself, and L. P. gazed with terror toward the left corner of the room. Shortly afterward he freed himself from his "spirit-controls", rose to his feet, and began a singularly realistic and impressive struggle against some invisible enemy. Soon he uttered cries of terror, drew back, threw himself to the floor, gazed toward the corner as though terrified, then fled to the other corner of the room, shouting: "Back! Go away. No, I don't want to. Help me! Save me!" Not knowing what to do, the witnesses of these scenes concentrated their thoughts with

Ngay từ đầu, chúng tôi nhận thấy đồng tử bối rối vì một lý do không rõ. Vị vong linh hướng dẫn Luigi, cha của đồng tử, không hiện diện, và L. P. nhìn với vẻ kinh hãi về góc bên trái của căn phòng. Chẳng bao lâu sau, y thoát khỏi những "vong linh kiểm soát", đứng bật dậy, và bắt đầu một cuộc vật lộn hết sức sống động và ấn tượng với một kẻ thù vô hình nào đó. Chẳng mấy chốc y thét lên vì kinh hoàng, lùi lại, phóng mình xuống sàn, nhìn về góc phòng như thể khiếp đảm, rồi bỏ chạy sang góc kia của căn phòng, vừa chạy vừa kêu: "Lùi lại! Đi đi. Không, tôi không muốn. Cứu tôi! Cứu tôi với!" Không biết phải làm gì, các nhân chứng của những cảnh tượng ấy tập trung tư tưởng mãnh liệt hướng về Luigi, vị vong linh hướng

intensity upon Luigi, the spirit-guide, and called upon him to aid. The expedient proved effective, for little by little the medium grew calmer, gazed with less anxiety toward the corner of the apartment; then his eyes took on the expression of someone who looks at a distant spectacle, then a spectacle still more distant. At last he gave vent to a long sigh of relief and murmured: "He's gone! What a bestial face!"

dẫn, và kêu gọi Ngài trợ giúp. Biện pháp đó tỏ ra hiệu quả, vì dần dần đồng tử bình tĩnh lại, nhìn về phía góc căn phòng với ít lo lắng hơn; rồi mắt y mang vẻ của một người đang nhìn một quang cảnh xa xa, rồi lại là một quang cảnh còn xa hơn nữa. Cuối cùng y thở hắt một hơi dài nhẹ nhõm và thì thầm: "Hắn đi rồi! Thật là một gương mặt thú tính!"

Soon afterwards, the spirit-guide Luigi manifested himself. Expressing himself through the medium, he told us that in the room in which the seance was being held there was a spirit of the basest nature, against which it was impossible for him to struggle; that the intruder bore an implacable hatred for one of the persons of the group. Then the medium exclaimed in a frightened voice: "There he is again! I can't defend you any longer. Stop the..."

Chẳng bao lâu, vị vong linh hướng dẫn Luigi hiện diện. Thông qua đồng tử mà nói, Ngài cho chúng tôi biết rằng trong căn phòng nơi đang cử hành buổi gọi hồn có một vong linh thuộc bản chất thấp hèn nhất, mà Ngài không thể đấu lại; rằng kẻ xâm nhập ôm mối hận thù không đội trời chung với một người trong nhóm. Rồi đồng tử kêu lên bằng giọng sợ hãi: "Hắn lại đây nữa rồi! Tôi không thể bảo vệ anh lâu hơn. Dừng..."

It is certain that Luigi wished to say, "stop the seance", but it was already too late. The evil spirit had taken possession of our medium. He shouted; his eyes shot glances of fury; his hands, lifted as though to seize something, moved like the claws of a wild beast, eager to clutch his prey. And *the prey* was Signore X—, at whom the medium's furious looks were cast. A rattling and a sort of concentrated roaring issued from our medium's foam-covered lips, and suddenly these words burst from him: "I've found you again at last, you coward! I was a Royal Marine. Don't you remember the quarrel in Oporto? You killed me there. But today I'll have my revenge and strangle you."

Hẳn nhiên Luigi muốn nói "dừng buổi gọi hồn", nhưng đã quá muộn. Vong linh ác đã chiếm hữu đồng tử của chúng tôi. Y gào thét; mắt bắn ra những tia nhìn căm hờn; đôi tay giơ lên như muốn chụp lấy thứ gì đó, cử động như vuốt của một dã thú khao khát tóm gọn con mồi. Và *con mồi* ấy là Ông X—, người mà những tia nhìn giận dữ của đồng tử chĩa vào. Từ đôi môi phủ bọt của đồng tử phát ra những tiếng khò khè và một thứ gầm rú dồn nén, và đột nhiên những lời này bật ra: "Cuối cùng ta cũng tìm lại được mi, đồ hèn! Ta là lính Thuỷ quân Hoàng gia. Mi không nhớ cuộc cãi vã ở Oporto sao? Mi đã giết ta ở đó. Nhưng hôm nay ta sẽ báo thù và bóp cổ mi."

These distracted words were uttered as the hands of the medium, L. P., seized the victim's throat, and tightened on it like steel pincers. It was a fearful sight. The whole of Signore X—'s

Những lời mê sảng đó được thốt ra khi hai tay của đồng tử, L. P., chộp lấy cổ họng nạn nhân và siết chặt như gọng kìm thép. Cảnh tượng thật kinh hoàng. Cả lưỡi của Ông X— thè hẳn

tongue hung from his wide-open mouth, his eyes bulged. We had gone to the unfortunate man's assistance. Uniting our efforts with all the energy which this desperate situation lent us, we succeeded, after a terrible hand-to-hand struggle, in freeing him from the desperate grip. At once we pulled him away, and thrust him outside, locking the door. We barred the medium's access to the door; exasperated, he tried to break through this barrier and run after his enemy. He roared like a tiger. It took all four of us to hold him. At last, he suffered a total collapse and sank down upon the floor.

ra khỏi cái miệng há to, mắt thì lồi ra. Chúng tôi đã lao đến trợ giúp người đàn ông bất hạnh. Hợp lực với tất cả sức mạnh mà tình thế tuyệt vọng này đem lại, sau một cuộc vật lộn tay đôi dữ dội, chúng tôi đã thoát được cho ông khỏi cú siết điên cuồng. Lập tức chúng tôi kéo ông đi và đẩy ra ngoài, khóa cửa lại. Chúng tôi chặn đồng tử khỏi cửa; y uất ức, cố phá vỡ hàng rào người để lao theo kẻ thù. Y gầm như hổ. Phải bốn người chúng tôi mới giữ nổi y. Sau cùng, y kiệt sức hoàn toàn và gục xuống sàn.

On the following day we prepared to clear up this affair—to seek information which might enable us to confirm what "the Oporto spirit" had said. We were, in fact, already quite certain of the truth of the accusation, for it was noteworthy that Signore X— had not protested in the least while the serious charge of homicide had been hurled at him.

Ngày hôm sau, chúng tôi chuẩn bị làm sáng tỏ vụ việc này—tìm kiếm thông tin có thể cho phép xác nhận những gì "vong linh Oporto" đã nói. Thực tế, chúng tôi đã khá chắc chắn về sự thật của cáo buộc, vì điều đáng lưu ý là Ông X — không hề phản đối dù chỉ một chút khi lời buộc tội nghiêm trọng về tội giết người nhắm vào mình.

The words uttered by the furious spirit served me as a means for arriving at the truth. He had said, "I was a Royal Marine". And I knew vaguely that Signore X— had, himself, in his youth, been an officer of marines; that he had witnessed the battle of Lissa, and that after resigning his commission he had devoted himself to commercial enterprises. With these facts as a basis, I proceeded to ask a retired vice-admiral for other details; he, too, had fought at Lissa. As for Dr. Venzano, he questioned a relative of Signore X—, with whom the latter had broken off all relations years before. Between us we gathered separate bits of information which tallied amazingly, and which, brought together, led us to these conclusions:

Những lời do vong linh phẫn nộ thốt ra đã giúp tôi lần ra sự thật. Hắn đã nói, "Ta là lính Thuỷ quân Hoàng gia". Và tôi lờ mờ biết rằng chính Ông X— hồi trẻ từng là một sĩ quan thuỷ quân; rằng ông đã chứng kiến trận Lissa, và sau khi từ chức thì dấn thân vào các hoạt động thương mại. Dựa trên những dữ kiện ấy, tôi tiến hành hỏi một vị phó đô đốc đã về hưu về các chi tiết khác; ông này cũng từng chiến đấu ở Lissa. Còn Bác sĩ Venzano thì hỏi một người bà con của Ông X—, người mà ông đã cắt đứt mọi liên hệ từ nhiều năm trước. Giữa chúng tôi, chúng tôi thu thập được những mảnh thông tin riêng rẽ trùng khớp đáng kinh ngạc, và khi ghép lại, đã dẫn đến những kết luận sau:

Signore X— had indeed served with the Royal Marines. One day, being upon a battle-ship on

Ông X— quả thật đã phục vụ trong Thuỷ quân Hoàng gia. Một ngày kia, khi đang ở trên một

a training cruise, he had landed for some hours at Oporto, Portugal. During his stay, while he was walking in the city, he heard a noise of drunken, furious voices coming from an inn. He perceived that the language was Italian, and, realizing that it was a quarrel between men of his vessel, he went into the room, recognized his men, and commanded them to return to their ship. One of the drinkers, more intoxicated than the others, answered him back, and even went so far as to threaten his superior officer. Angered by his attitude, the officer drew his sword and plunged it into the insolent fellow's breast; the latter died soon afterward. As a result of this adventure, the officer was court-martialled, was sentenced to six months' imprisonment, and, on the expiration of his term, was asked to resign his commission.

chiến hạm trong chuyến hải hành huấn luyện, ông đã lên bờ vài giờ tại Oporto, Bồ Đào Nha. Trong thời gian ở đó, khi đang đi trong thành phố, ông nghe tiếng la lối say xỉn, giận dữ phát ra từ một quán trọ. Ông nhận ra đó là tiếng Ý và hiểu rằng đó là một cuộc ẩu đả giữa những người thuộc tàu mình, bèn bước vào phòng, nhận ra người của mình và ra lệnh họ quay về tàu. Một trong những kẻ bợm nhậu, say hơn những người khác, đã cự lại và thậm chí dám đe dọa thượng cấp của mình. Bực tức trước thái độ đó, viên sĩ quan rút gươm đâm vào ngực tên hỗn láo; người này chết không lâu sau đó. Hậu quả của sự việc, viên sĩ quan bị toà án quân sự xét xử, bị kết án sáu tháng tù, và khi mãn hạn, được yêu cầu từ chức.

Those are the facts; it follows from them that the disturbing spirit had not lied. He had exactly stated his rank as a Royal Italian Marine. He had remembered that Signore X— had killed him. He had, moreover—and this was a particularly remarkable statement—indicated the place where he had died, the setting for the drama, Oporto.

Đó là sự thật; từ đó suy ra rằng vong linh quấy nhiễu đã không nói dối. Hắn đã nêu đúng cấp bậc của mình là lính Thuỷ quân Hoàng gia Italia. Hắn đã nhớ rằng Ông X— đã giết hắn. Hơn nữa—và đây là một chi tiết đặc biệt đáng chú ý—hắn đã chỉ ra nơi hắn chết, bối cảnh của bi kịch: Oporto.

A painstaking enquiry confirmed the authenticity of all this. By what hypothesis could one explain occurrences so strikingly in agreement—those which were revealed to us at the seance of April 5, 1904, and those which had taken place in Portugal many years before?

Một cuộc điều tra công phu đã xác nhận tính xác thực của tất cả điều này. Bằng giả thuyết nào có thể giải thích những sự kiện kỳ lạ trùng khớp đến vậy—những điều được tiết lộ cho chúng tôi trong buổi gọi hồn ngày 5 tháng 4 năm 1904, và những điều đã xảy ra tại Bồ Đào Nha nhiều năm trước?

Chapter IV—Chương IV

CLAIRVOYANCE IN SPIRITUALISM—THÔNG NHÃN TRONG THẦN LINH HỌC

Clairvoyant Faculties—Các Năng Lực Thông Nhãn

Many of the phenomena commonly displayed at a spiritualistic gathering are simply the manifestation of the ordinary powers and faculties natural to the astral plane, such as are possessed by every dead man. I have already explained in my little work on *Clairvoyance* what these powers are, and any one who will take the trouble to read that will see how clearly the possession of such senses accounts for the faculty so often exhibited by the dead of reading a closed book or a sealed letter, or describing the contents of a locked box. I have had repeated evidence through many different mediums of the possession of this power; sometimes the knowledge obtained by its means was given out through the medium's body in trance-speaking, and at other times it was expressed directly by the dead man, either in his own voice or by slate-writing.

Nhiều hiện tượng thường thấy trong một buổi nhóm theo khuynh hướng thần linh học đơn giản chỉ là sự biểu lộ những quyền năng và năng lực thông thường, tự nhiên đối với cõi cảm dục, vốn được mọi người chết sở hữu. Tôi đã giải thích trong tác phẩm nhỏ của mình về *Thông Nhãn* rằng những quyền năng ấy là gì, và bất cứ ai chịu khó đọc sẽ thấy rõ ràng việc sở hữu những giác quan như thế giải thích ra sao năng lực mà người chết thường biểu lộ như đọc một cuốn sách đóng kín hay một lá thư dán niêm, hoặc mô tả vật chứa trong một hộp khóa. Tôi đã có nhiều lần bằng chứng, qua nhiều đồng tử khác nhau, về việc sở hữu năng lực này; đôi khi tri kiến đạt được theo cách ấy được bộc lộ qua thân thể của đồng tử bằng những lời nói trong trạng thái xuất thần, và những lúc khác thì được bày tỏ trực tiếp bởi người đã khuất, hoặc bằng chính giọng nói của họ, hoặc bằng cách viết bảng đá.

These astral faculties sometimes include a certain amount of prevision, though this is possessed in varying degrees; and they also frequently give the power of psychometry and of looking back to some extent into events of the past. The way in which this is sometimes done is shown in the following story, given to us by Dr. Lee, in his *Glimpses of the Supernatural,* vol. ii, p. 146.

Những năng lực cảm dục này đôi khi bao gồm một mức độ tiên kiến nhất định, tuy mức này khác nhau; và chúng cũng thường cho năng lực trắc tâm và khả năng ngoái nhìn lại quá khứ ở một chừng mực nào đó. Cách thức đôi khi thực hiện điều này được cho thấy trong câu chuyện sau, do Bác sĩ Lee thuật lại trong *Thoáng Thấy về Cõi Siêu Nhiên,* tập ii, tr. 146.

The Missing Papers—Những Giấy Tờ Bị Thất Lạc

A commercial firm at Bolton, in Lancashire, had found that a considerable sum of money which had been sent to their bank by a confidential clerk had not been placed to their credit. The clerk remembered the fact of taking the money, though not the particulars,

Một hãng buôn ở Bolton, thuộc Lancashire, phát hiện ra một khoản tiền đáng kể được một thư ký tin cậy mang tới ngân hàng gửi đã không được ghi có vào tài khoản của họ. Vị thư ký nhớ chuyện đem tiền tới, tuy không nhớ chi tiết, nhưng tại ngân hàng thì không ai biết gì

but at the bank nothing was known of it. The clerk, feeling that he was liable to suspicion in the matter, and anxious to elucidate it, sought the help of a spirit-medium. The medium promised to do her best. Having heard the story, she presently passed into a kind of trance. Shortly after, she said: "I see you go to the bank—I see you go to such and such a part of the bank—I see you hand some papers to a clerk—I see him put them in such and such a place under some other papers—and I see them there now."

về việc ấy. Người thư ký, cảm thấy mình có khả năng bị nghi ngờ và mong muốn làm sáng tỏ, đã tìm đến sự giúp đỡ của một đồng tử. Đồng tử hứa sẽ làm hết khả năng. Sau khi nghe câu chuyện, chẳng bao lâu bà rơi vào một kiểu trạng thái xuất thần. Chốc lát sau, bà nói: "Tôi thấy ông tới ngân hàng—tôi thấy ông đi tới chỗ này chỗ kia trong ngân hàng—tôi thấy ông trao một số giấy tờ cho một nhân viên—tôi thấy anh ta đặt chúng vào chỗ kia dưới một số giấy tờ khác—và tôi thấy chúng vẫn ở đó bây giờ."

The clerk went to the bank, directed the cashier where to look for the money, and it was found; the cashier afterwards remembering that in the hurry of business he had there deposited it. A relation of mine saw this story in a newspaper at the time, and wrote to the firm in question, the name of which was given, asking whether the facts were as stated. He was told in reply that they were. The gentleman who was applied to, having corrected one or two unimportant details in the above narration, wrote on November 9, 1847: "Your account is correct. I have the answer of the firm to my enquiry at home now."

Người thư ký đến ngân hàng, chỉ cho thủ quỹ nơi tìm khoản tiền, và quả thực nó đã được tìm thấy; sau đó thủ quỹ nhớ ra rằng vì bận rộn nên ông đã để nó vào đó. Một họ hàng của tôi thấy câu chuyện này trên một tờ báo lúc bấy giờ, và đã viết thư hỏi công ty kia, tên công ty được nêu rõ, rằng sự việc có đúng như thuật lại không. Ông nhận được trả lời xác nhận là đúng. Vị quý ông được hỏi, sau khi chỉnh lại một hai chi tiết nhỏ không quan trọng trong câu chuyện trên, đã viết ngày 9 tháng 11 năm 1847: "Bản tường thuật của ông là chính xác. Tôi hiện còn giữ ở nhà thư trả lời của công ty cho câu hỏi của tôi."

The description given does not make it absolutely clear whether this was a case of clairvoyance on the part of the medium, or of the use of ordinary faculty by a dead man; but since the medium passed into a trance-condition the latter supposition seems the more probable. The dead man could easily gather from the clerk's mind the earlier part of his story, and thus put himself *en rapport* with the scene; and then by following it to its close he was able to supply the information required. Here is the authenticated record of another good example of such a case, in which the power of thought-reading is much more prominently exhibited, since all the

Phần mô tả đưa ra không làm rõ tuyệt đối đây là một trường hợp thông nhãn của đồng tử, hay là sự sử dụng năng lực thông thường bởi một người đã khuất; nhưng vì đồng tử đã rơi vào trạng thái xuất thần nên giả định sau có vẻ hợp lý hơn. Người đã khuất có thể dễ dàng thu thập từ tâm trí người thư ký phần đầu câu chuyện của ông ta, và như thế đặt mình *đồng điệu* với bối cảnh; rồi bằng cách lần theo đến hồi kết, ông ta có thể cung cấp thông tin cần thiết. Sau đây là một ghi chép xác thực về một ví dụ hay khác của một trường hợp như vậy, trong đó năng lực đọc ý tưởng được bộc lộ rõ hơn nhiều, vì tất cả câu hỏi đều là câu hỏi bằng ý niệm. Trích từ *Báo cáo về Thần linh học,* do

questions were mental. It is extracted from the *Report on Spiritualism,* published by Longman, London, in 1871, and is to be found in the *Examination of the Master of Lindsay,* p. 215.

Longman, London, ấn hành năm 1871, và có thể tìm thấy trong *Thẩm xét của Chủ tước Lindsay,* tr. 215.

A Lost Will—Một Bản Chúc Thư Thất Lạc

A friend of mine was very anxious to find the will of his grandmother, who had been dead forty years, but could not even find the certificate of her death. I went with him to the Marshalls', and we had a seance; we sat at a table, and soon the raps came; my friend then asked his questions mentally; he went over the alphabet himself, or sometimes I did so, not knowing the question. We were told (that) the will had been drawn by a man named William Walter, who lived at Whitechapel; the name of the street and the number of the house were given. We went to Whitechapel, found the man, and subsequently, through his aid, obtained a copy of the draft; he was quite unknown to us, and had not always lived in that locality, for he had once seen better days. The medium could not possibly have known anything about the matter, and even if she had, her knowledge would have been of no avail, as all the questions were mental.

Một người bạn của tôi rất nóng lòng muốn tìm tờ di chúc của bà ngoại ông, người đã mất bốn mươi năm, nhưng thậm chí cũng không tìm nổi giấy chứng tử của bà. Tôi đi với ông ấy đến nhà của gia đình Marshall, và chúng tôi có một buổi gọi hồn; chúng tôi ngồi quanh một cái bàn, và chẳng bao lâu những tiếng gõ xuất hiện; bạn tôi khi ấy đặt câu hỏi bằng ý niệm; ông tự mình đi qua bảng chữ cái, hoặc đôi khi tôi làm, mà không biết câu hỏi là gì. Chúng tôi được cho biết (rằng) di chúc do một người tên William Walter soạn, người sống ở Whitechapel; tên phố và số nhà được nêu. Chúng tôi đến Whitechapel, tìm được người ấy, và sau đó, nhờ sự giúp đỡ của ông ta, lấy được một bản sao bản thảo; ông ta hoàn toàn không quen biết chúng tôi, và cũng không phải lúc nào cũng sống tại địa phương ấy, vì đã có thời ông sống những ngày khá hơn. Đồng tử không thể nào biết bất cứ điều gì về vụ này, và ngay cả nếu bà có biết, tri thức ấy cũng vô dụng, vì tất cả câu hỏi đều là câu hỏi bằng ý niệm.

As I have already said, the faculty of clairvoyance is often possessed by living persons, as well as by the dead. Even in this case, in which the information was communicated by means of raps, it is still within the bounds of possibility that it may have been acquired by the living and transmitted to the physical-plane consciousness by this external means. There is an ever-increasing volume of testimony to the fact of this clairvoyance; Dr. Geley has done splendid service by giving much that is

Như tôi đã nói, năng lực thông nhãn thường cũng được người sống sở hữu, cũng như người đã khuất. Ngay cả trong trường hợp này, trong đó thông tin được truyền đạt bằng các tiếng gõ, vẫn nằm trong phạm vi khả dĩ rằng nó có thể được người sống thu nhận và truyền đạt cho tâm thức cõi hồng trần bằng phương tiện ngoại tại này. Có một khối chứng từ ngày càng tăng về thực tế của thông nhãn; Bác sĩ Geley đã đóng góp rất lớn khi cung cấp nhiều điều mới mẻ và quý giá trong công trình gần đây *Thông Nhãn và Hiện Hình*. Trong tường thuật của ông

new and valuable in his recent work *Clairvoyance and Materialization*. In his account of the clairvoyance of Mr. Ossowiecki, which includes many tests of his ability to read sentences enclosed in sealed opaque envelopes, he tells us that this seer has from time to time been able to discover articles which have been lost or stolen. In contact with the loser he was able after brief concentration to say where the object was lost, and sometimes also where it could be found.

về thông nhãn của Ông Ossowiecki, bao gồm nhiều phép thử khả năng đọc những câu đặt trong các phong bì mờ đục, niêm kín, ông cho biết nhà ngoại cảm này đôi lần đã tìm ra những vật bị mất hay bị đánh cắp. Khi tiếp xúc với người mất của, sau một lúc ngắn tập trung, ông có thể nói nơi vật bị mất, và đôi khi cả nơi có thể tìm thấy.

The Lost Brooch—Chiếc Cài Áo Bị Thất Lạc

He gives the following account of one such case which was sent to him by Mme Aline de Glass, wife of a Judge of the Supreme Court of Poland. The account is also attested by her brother, M. Arthur de Bondy:

Ông đưa ra tường thuật sau về một trường hợp như thế, do Bà Aline de Glass, phu nhân một Thẩm phán của Toà Tối cao Ba Lan, gửi cho ông. Bản tường thuật cũng được em trai bà, Ông Arthur de Bondy, xác nhận:

warsaw, wspolna, 7

warsaw, wspolna, 7

July 22, 1922

Ngày 22 tháng 7, 1922

Sir,

Thưa Ông,

I have the honour to inform you of an actual miracle that Mr. Ossowiecki has worked here. I lost my brooch on Monday morning, June 6th. In the afternoon of the same day I visited the wife of General Krieger, Mr. Ossowiecki's mother, with my brother, Mr. de Bondy, an engineer, who witnessed the event.

Tôi hân hạnh báo cho Ông biết một phép lạ thực sự mà Ông Ossowiecki đã thực hiện tại đây. Tôi mất chiếc cài áo vào sáng thứ Hai, ngày 6 tháng 6. Buổi chiều cùng ngày, tôi tới thăm phu nhân Tướng Krieger, mẹ của Ông Ossowiecki, cùng với em trai tôi, Ông de Bondy, một kỹ sư, người đã chứng kiến sự việc.

Mr. Ossowiecki came in, my brother introduced me to his friend, and I said that I was delighted to make acquaintance with one so gifted with occult powers. All Warsaw is talking of him. He told us many interesting things, and warmed up in his talk as I listened. Then in a moment of silence I told him:

Ông Ossowiecki bước vào, em tôi giới thiệu tôi với bạn ông, và tôi nói rằng tôi rất vui được làm quen với một người được phú cho các quyền năng huyền bí như vậy. Cả Warsaw đang bàn tán về ông. Ông kể cho chúng tôi nhiều điều thú vị, và càng nói càng hứng khởi khi tôi lắng nghe. Rồi trong một khoảnh khắc im lặng tôi nói với ông:

"I have lost my brooch today. Could you tell me anything about it? But if you are tired or it

"Tôi mất một chiếc cài áo hôm nay. Ông có thể cho tôi biết gì về nó không? Nhưng nếu ông

is troublesome, do not put yourself out."

mệt hoặc thấy phiền, xin đừng bận tâm."

"On the contrary, madame, I will tell you. The brooch is at your house in a box; it is a metal brooch, round, with a stone in the middle. You wore it three days ago, and you value it."

"Trái lại, thưa bà, tôi sẽ nói. Chiếc cài ở nhà bà trong một cái hộp; đó là một chiếc cài kim loại, tròn, có một viên đá ở giữa. Bà đã đeo nó ba ngày trước, và bà quý nó."

"No," I said, "not that one." (He had given a good description of a brooch kept in the same box with that which I had lost.) Then he said:

"Không," tôi nói, "không phải chiếc đó." (Ông đã mô tả đúng một chiếc cài để cùng trong hộp với chiếc tôi làm mất.) Rồi ông nói:

"I am sorry not to have guessed right; I feel tired... "

"Xin lỗi vì tôi đoán chưa đúng; tôi thấy mệt... "

"Let us say no more about it."

"Thôi đừng nhắc nữa."

"Oh no, madame, I will try to concentrate. I should like to have some material thing that concerns the brooch..."

"Ô không, thưa bà, tôi sẽ cố tập trung. Tôi muốn có một vật gì đó có liên quan đến chiếc cài..."

"Sir, the brooch was fastened here, on this dress."

"Thưa ông, chiếc cài được gài ở đây, trên chiếc váy này."

He placed his fingers on the place indicated, and after a few seconds said: "Yes, I see it well. It is oval, of gold, very light, an antique which is dear to you as a family souvenir; I could draw it, so clearly do I see it. It has ears, as it were, and it is two parts interpenetrating, like fingers clasped together..."

Ông đặt các ngón tay lên chỗ tôi chỉ, và sau vài giây nói: "Vâng, tôi thấy rất rõ. Nó hình bầu dục, bằng vàng, rất nhẹ, một món cổ vật mà bà trân quý như một kỷ vật gia đình; tôi có thể vẽ nó, vì tôi thấy rõ đến vậy. Nó như thể có 'tai', và gồm hai phần xuyên nhập vào nhau, như những ngón tay đan chặt..."

"What you say, sir, is most extraordinary. It could not be better described. Miraculous."

"Những điều ông nói, thưa ông, thật phi thường. Không thể mô tả đúng hơn được nữa. Thật kỳ diệu."

He went on: "You lost it a long way from here." (This was actually about two and a half miles.) "Yes, in Mokotowska Street at the Koszykowa corner."

Ông tiếp: "Bà làm mất nó ở rất xa đây." (Thực tế là khoảng hai rưỡi dặm.) "Vâng, trên phố Mokotowska ở góc Koszykowa."

"Yes," I said, "I went there today."

"Đúng," tôi nói, "hôm nay tôi có tới đó."

"Then," he said, "a poorly dressed man, with black moustache, stoops down and picks it up. It will be very difficult to get it back. Try an advertisement in the papers."

"Rồi," ông nói, "một người đàn ông ăn mặc tồi tàn, có ria mép đen, cúi xuống và nhặt nó lên. Sẽ rất khó lấy lại. Hãy thử đăng báo."

I was dazzled by the minute description, which left me no doubt that he could see the ornament. I thanked him warmly for the rare pleasure of meeting a real clairvoyant, and went home.

Tôi bị choáng ngợp bởi sự mô tả chi li, khiến tôi không nghi ngờ rằng ông nhìn thấy món trang sức. Tôi cảm ơn ông nồng hậu vì niềm vui hiếm hoi được gặp một nhà thông nhãn chân chính, và trở về nhà.

On the following evening my brother came to see me and exclaimed:

Tối hôm sau, em trai tôi tới thăm và kêu lên:

"What a miracle! Your brooch has been found. Mr. Ossowiecki telephones to me that you have only to go tomorrow at about 5 o'clock to Mme. Jacyna (Mr. Ossowiecki's sister), and he will give it to you."

"Thật là phép lạ! Chiếc cài của chị đã tìm thấy. Ông Ossowiecki gọi điện cho em rằng chị chỉ cần đến khoảng 5 giờ chiều mai tới nhà Bà Jacyna (chị của Ông Ossowiecki), ông ấy sẽ đưa lại cho chị."

The next day, June 7th, I went with my brother to the lady's house, where there was company. I asked to see Mr. Ossowiecki, and asked him: "Have you my brooch?" I was much upset.

Hôm sau, ngày 7 tháng 6, tôi cùng em trai tới nhà vị phu nhân, nơi đang có khách. Tôi xin gặp Ông Ossowiecki và hỏi ông: "Ông có chiếc cài của tôi chứ?" Tôi rất xúc động.

"Compose yourself, madame; we shall see." And he handed me my brooch. It was a real miracle. I turned pale and could not speak for a few minutes.

"Xin bà bình tĩnh; chúng ta sẽ xem." Rồi ông đưa cho tôi chiếc cài. Đó là một phép lạ thực sự. Tôi tái mặt và không thể nói trong vài phút.

He told me the story very simply: "The day after our meeting I went to the bank in the morning. In the vestibule I saw a man I remembered to have met somewhere or other, and it struck me that this was the man whom I had seen mentally to have picked up your brooch. I took his hand gently, and said: 'Sir, yesterday you found a brooch at the corner of Mokotowska and Koszykowa Streets...' 'Yes,' he said, very much astonished. 'Where is it?' 'At home. But how do you know?' I described the brooch and told him all that had taken place. He turned pale and was much upset, like you, madame. He brought me the brooch,

Ông kể câu chuyện rất đơn giản: "Ngày sau buổi gặp, sáng hôm ấy tôi tới ngân hàng. Ở tiền sảnh, tôi thấy một người mà tôi nhớ là đã từng gặp đâu đó, và chợt nghĩ đây chính là người mà tôi đã thấy trong tư tưởng là đã nhặt chiếc cài của bà. Tôi nhẹ nhàng nắm tay ông ấy và nói: 'Thưa ông, hôm qua ông nhặt một chiếc cài ở góc phố Mokotowska và Koszykowa...' 'Vâng,' ông ấy nói, hết sức ngạc nhiên. 'Nó ở đâu?' 'Ở nhà. Nhưng làm sao ông biết?' Tôi mô tả chiếc cài và kể lại mọi chuyện đã xảy ra. Ông ta tái mặt và xúc động mạnh, giống như bà vậy. Ông ấy mang chiếc cài tới cho tôi, nói rằng ông định

saying that he had intended to advertise its finding. That is the whole story."

đăng tin nhặt được. Câu chuyện chỉ có thế."

I was much moved. I thanked Mr. Ossowiecki warmly, not so much for the recovery of the brooch as for meeting such a diviner, and having a small part in this miracle. Now this fine old brooch is worn by me constantly and considered as a talisman. The incident has gone all over Poland, and Mr. Ossowiecki has become all the more celebrated. He is besieged by people who come to consult him on lost property, on men missing during the war, etc. And this modest and extraordinary man devotes much time and trouble to them with good grace and complete disinterestedness. He is a true diviner, who does much good by his gift without any personal reward. I ask pardon for so long an account, which I wished to make as exact as possible,

Tôi rất xúc động. Tôi cảm ơn Ông Ossowiecki nồng hậu, không phải chỉ vì lấy lại được chiếc cài mà còn vì được gặp một nhà cảm tri như vậy, và được góp một phần nhỏ trong phép lạ này. Nay chiếc cài cổ đẹp đẽ ấy được tôi đeo thường xuyên và xem như một bùa hộ mệnh. Sự việc đã lan khắp Ba Lan, và Ông Ossowiecki càng thêm lừng danh. Ông bị vây bủa bởi những người đến xin ông giúp về của mất, về những người mất tích trong chiến tranh, v.v. Và con người khiêm nhường, phi thường này dành nhiều thời gian, công sức cho họ với sự niềm nở và vô tư hoàn toàn. Ông là một nhà cảm tri chân chính, người làm nhiều điều thiện bởi ân tứ của mình mà không nhận bất kỳ phần thưởng cá nhân nào. Tôi xin thứ lỗi vì bản tường thuật dài, tôi muốn ghi lại chính xác nhất có thể,

I am, Yours,

Tôi kính,

aline de glass,

aline de glass,

née de Bondy

nhũ danh de Bondy

As an example of the test conditions under which Mr. Ossowiecki has done many readings, I may mention the case of the letter which was written for the purpose by Mme. Sarah Bernhardt, which we reproduce below from *Clairvoyance and Materialization* (p. 55).

Như một ví dụ về các điều kiện thử nghiệm dưới đó Ông Ossowiecki đã thực hiện nhiều lần đọc, tôi xin nhắc đến trường hợp bức thư do Bà Sarah Bernhardt viết riêng cho mục đích này, mà chúng tôi chép lại dưới đây từ *Thông Nhãn và Hiện Hình* (tr. 55).

This letter was delivered to Dr. Geley, who handed it unopened to the clairvoyant. His reading of this was not perfect, but nevertheless striking and evidential. Dr. Geley says:

Bức thư này được chuyển cho Bác sĩ Geley, người đã trao nguyên phong cho nhà thông nhãn. Việc đọc bức thư này của ông không hoàn toàn hoàn hảo, nhưng dẫu vậy vẫn gây ấn tượng và có giá trị chứng minh. Bác sĩ Geley nói:

"His description of the letter was, however, very precise: *La vie, la vie, la vie*,... (three times). There are four or five lines, and below

"Mô tả của ông về bức thư, tuy nhiên, rất chuẩn xác: *Cuộc sống, cuộc sống, cuộc sống*,... (ba lần). Có bốn hoặc năm dòng, và bên dưới là chữ

them Sarah Bernhardt's signature, sloping upwards." That is correct, but he might have seen her signature in some magazine article. He continued: "*La vie semble humble.*" He repeated '*humble*' two or three times. "There is reference to humanity, but the word 'humanity' is not written. There is an idea conjoining life and humanity. *Parcequ'il y a beaucoup de haine. Non, il n'y a pas 'haine'; il y a seulement seulement...* It is a very difficult word of eight letters! There is an exclamation mark."

ký Sarah Bernhardt, hướng lên." Điều đó đúng, nhưng ông có thể đã thấy chữ ký của bà trong một bài báo nào đó. Ông tiếp tục: " *Cuộc sống dường như khiêm nhu.* " Ông lặp lại ' *khiêm nhu* ' hai hoặc ba lần. "Có một ám chỉ đến nhân loại, nhưng chữ 'nhân loại' không được viết. Có một ý tưởng liên kết cuộc sống và nhân loại. *Bởi vì ' đó có rất nhiều hận thù. Không, không có ' hận thù '; chỉ có chỉ có...* Đó là một từ rất khó gồm tám chữ cái! Có một dấu chấm than."

Then before opening the letter, which I had previously examined by reflected, direct and transmitted light and found absolutely opaque, I wrote down the following, which may be taken as Ossowiecki's final answer: "*La vie semble humble parcequ'il y a beaucoup de haine, (pas haine, mais un mot qui n'est pas compris et qui est de huit lettres);* signature Sarah Bernhardt." The word *éphémère* was not known to Ossowiecki, as he told us after the letter had been opened. We asked several Poles who spoke French well if they knew this word: they did not.

Rồi trước khi mở bức thư, mà trước đó tôi đã kiểm tra bằng ánh sáng phản xạ, trực tiếp và xuyên qua và thấy hoàn toàn mờ đục, tôi viết ra như sau, có thể coi như câu trả lời cuối cùng của Ossowiecki: " *Cuộc sống dường như khiêm nhu bởi vì ' đó có rất nhiều hận thù, (không phải hận thù, mà là một từ không ' được hiểu và gồm tám chữ cái);* chữ ký Sarah Bernhardt." Từ *éphémère* không quen thuộc với Ossowiecki, như ông nói với chúng tôi sau khi bức thư được mở ra. Chúng tôi hỏi vài người Ba Lan nói tiếng Pháp tốt xem họ có biết từ này không: họ không biết.

The fact that Mr. Ossowiecki does see the actual form in some manner sometimes is confirmed by his vision on occasion of drawings enclosed along with the letters. Judging by the third experiment of September 21st, 1921, at Prince Lubomirski's (p. 39), when the test letter contained four written items, and also the drawing of a fish, the picture seemed to impress him more than the written portion of the test, and he not only spoke about it, but said that he would draw it, which he did, though he reversed the picture, putting the head on the left whereas in the original it was on the right.

Thực tế rằng đôi khi Ông Ossowiecki quả có nhìn thấy hình dạng thực sự bằng cách nào đó được xác nhận bởi việc ông đôi lúc thấy cả các bức vẽ kèm theo thư. Xét theo thí nghiệm thứ ba ngày 21 tháng 9 năm 1921, tại dinh Hoàng thân Lubomirski (tr. 39), khi bức thư thử nghiệm chứa bốn mẩu viết và cả bức vẽ một con cá, bức tranh dường như gây ấn tượng mạnh với ông hơn phần viết tay của phép thử, và ông không chỉ nói về nó, mà còn bảo sẽ vẽ lại, điều mà ông đã làm, dù ông đảo ngược bức hình, đặt đầu con cá ở bên trái trong khi bản gốc ở bên phải.

Clairvoyant "Readings"—Những "Bài Đọc" Thông Nhãn

This power of clairvoyance is also frequently displayed in a minor way at the weekly meetings of which I have spoken. After the trance address is over, the medium usually expresses her readiness to give descriptions, or "readings", as they are often called, of the surroundings of various members of the audience. Where the circle is a small one, something is said to each of its members in turn; if there be a large number gathered together, individuals are selected and called up for special attention.

Khả năng thông nhãn này cũng thường được phô bày ở mức độ nhỏ trong các buổi nhóm hằng tuần mà tôi đã nói tới. Sau khi bài diễn thuyết trong trạng thái xuất thần kết thúc, đồng tử thường tỏ ý sẵn lòng đưa ra các mô tả, hoặc "bài đọc" như người ta thường gọi, về hoàn cảnh quanh một số thành viên tham dự. Khi vòng tròn nhỏ, điều gì đó được nói với từng người lần lượt; nếu có một đám đông lớn tụ họp, thì chọn các cá nhân và mời lên để chú ý đặc biệt.

I have heard striking fragments of private family history brought out in this way—cases which bore every mark of genuineness; but in the majority of such meetings as I have attended the descriptions were exceedingly vague, and had a rather suspicious adaptability about them. The conversation usually ran somewhat along these lines:

Tôi đã nghe những mẩu chuyện nổi bật về lịch sử gia đình riêng tư được đưa ra theo cách này —những trường hợp mang mọi dấu hiệu chân thực; nhưng trong phần lớn các buổi họp như tôi từng tham dự, các mô tả mơ hồ tột độ, và có một sự thích ứng đáng ngờ. Cuộc đối thoại thường diễn ra đại để như sau:

Medium (supposed to be entranced, but speaking with exactly her normal contempt for aspirates and grammatical rules). "There's an old gent with white 'air a-standin' be'ind that lady in the corner."

Đồng tử (được cho là đang xuất thần, nhưng nói y như thường ngày với kiểu khinh miệt những âm và luật ngữ pháp). "Có một ông già tóc trắng đang đứng sau lưng bà ở góc phòng kia."

Enthusiastic and Credulous Sitter. "Lor! that must be my father!"

Người Ngồi Nhiệt Thành và Dễ Tin. "Trời ơi! ắt hẳn là cha tôi!"

Medium. "Yes; he smiles, he nods his 'ed, he's so pleased that you know him. I can see his white beard regularly shaking, he's so glad."

Đồng tử. "Vâng; ông ấy mỉm cười, gật đầu, ông ấy rất mừng vì bà nhận ra ông. Tôi thấy bộ râu trắng của ông rung lên vì vui mừng."

Sitter. "Ain't it wonderful! But father didn't have no beard before he passed over; p'raps he's grown one since, or p'raps it's my uncle Jim; *he* used to have a beard."

Người ngồi. "Thật là kỳ diệu! Nhưng cha tôi không có râu trước khi ông qua đời; có lẽ ông để râu sau đó, hoặc có lẽ là chú Jim của tôi; *chú ấy* từng để râu."

Medium. "Ah! yes, that's who it is; he nods his 'ed again, and smiles; he wants to tell you 'ow 'appy he is."

Đồng tử. "À! vâng, đúng là vậy; ông ấy lại gật đầu và mỉm cười; ông muốn nói cho bà biết ông hạnh phúc thế nào."

Sitter. "Well, now! just to think of poor uncle Jim coming like this! Why, it's more than thirty years ago he was drowned at sea, when I was quite a girl; 'an'some young chap he was, too! not more than five-and-twenty, and to be drowned like that!"

Người ngồi. "Chà, nghĩ mà xem! chú Jim tội nghiệp trở lại thế này! Ối, đã hơn ba mươi năm kể từ khi chú bị chết đuối ngoài biển, lúc tôi vẫn còn là một cô gái trẻ; chàng trai khôi ngô là thế! mới hơn hai lăm tuổi, mà lại chết đuối như vậy!"

Medium. "Um! yes—yes—ah! I see him more clearly now—yes, you're right. It's not a white beard—it's the white undershirt what sailors wears—that's what it is!"

Đồng tử. "Ừm! vâng—vâng—à! giờ tôi thấy rõ hơn—vâng, bà nói đúng. Đó không phải là bộ râu trắng—đó là áo lót trắng mà các thủy thủ mặc—đúng thế đấy!"

Chorus. "How lovely! how wonderful! Ain't it beautiful to think they can come back like this!"

Đồng thanh. "Thật là tuyệt! thật là kỳ diệu! Thật đẹp khi nghĩ rằng họ có thể trở lại như thế này!"

I have heard just about that sort of conversation a score of times; and it is naturally not calculated to produce a robust faith in that particular medium. Yet perhaps through the same illiterate woman there would come on another occasion some message about a matter of which she could by no possibility have known anything—a message which she could never have evolved from her sordid consciousness by any amount of clumsy guess-work.

Tôi đã nghe kiểu đối thoại như vậy cả chục lần; và tự nhiên điều đó không tạo nên một niềm tin vững chắc nơi đồng tử đặc thù ấy. Tuy nhiên, có lẽ cũng chính qua người phụ nữ thất học đó, lần khác lại có một thông điệp về một việc mà bà tuyệt đối không thể biết—một thông điệp bà không thể nào nặn ra từ tâm thức tầm thường của mình bằng bất cứ lượng đoán mò vụng về nào.

A Private Test—Một Phép Thử Riêng

I remember on one such occasion applying a little private test of my own to a medium in a poor London suburb. She was a coarse-looking woman, whom I had never seen before, but she seemed earnest enough, though far from cultured. She went on from one member of the circle to another, monotonously describing behind each of them spirits with flowing robes and smiling faces; she varied the story a little in my own case by giving me "a dark-looking foreign gentleman, with something white round his head", which may possibly have been true enough, or may have been merely a coincidence.

Tôi nhớ một lần như thế đã áp dụng một phép thử riêng nho nhỏ với một đồng tử ở một khu ngoại ô nghèo của London. Bà là một phụ nữ có vẻ thô kệch, tôi chưa từng gặp, nhưng có vẻ đủ chân thành, dẫu xa mới gọi là có văn hoá. Bà đi từ người này sang người khác trong vòng tròn, đều đều mô tả sau lưng mỗi người là những linh hồn với áo choàng phất phơ và gương mặt mỉm cười; bà thay đổi câu chuyện một chút trong trường hợp của riêng tôi bằng cách cho tôi "một quý ông ngoại quốc trông u tối, với cái gì đó màu trắng quấn quanh đầu", điều có thể đúng hoặc chỉ là trùng hợp.

It occurred to me to try whether she could see a thought-form, so as a change from all these reverend white-haired spirits with flowing robes, I set myself to project as strong a mental image as I could construct of two chubby boys in Eton jackets, standing behind the chair of the member of the circle who was next in order for examination. Sure enough, when that person's turn came, the medium (or the dead man speaking through her, if there was one) described my imaginary boys with tolerable accuracy, and represented them as sons of the lady behind whom they stood. The latter denied this, explaining that her sons were grown men, and the medium then suggested grandchildren, which was also repudiated, so the mystery remained unsolved. But from the incident I deduced two conclusions: First, that either the medium was genuinely clairvoyant, or there really was a dead person speaking through her; and secondly, that whoever was concerned had not yet sufficient discernment to distinguish a thought-form materialized on the astral plane from a living astral body.

Tôi chợt nghĩ thử xem bà có nhìn thấy Hình tư tưởng không, nên như một đổi món khỏi tất cả những linh hồn râu tóc bạc phơ với áo choàng phất phơ kia, tôi cố sức phóng chiếu một hình ảnh tâm thần thật mạnh mà tôi có thể dựng được về hai cậu bé má phính mặc áo khoác kiểu Eton, đứng sau ghế của người trong vòng tròn sắp đến lượt được xem xét. Quả nhiên, khi đến lượt người đó, đồng tử (hoặc người đã khuất nói qua bà, nếu có) mô tả hai cậu bé tưởng tượng của tôi khá chính xác, và cho rằng họ là con trai của người phụ nữ phía sau lưng họ. Người phụ nữ phủ nhận, giải thích rằng con trai bà đều đã trưởng thành, và đồng tử bèn gợi ý là cháu trai—điều này cũng bị bác bỏ—vậy nên bí ẩn vẫn không giải được. Nhưng từ sự việc ấy tôi rút ra hai kết luận: Thứ nhất, hoặc đồng tử thật sự có thông nhãn, hoặc thật sự có một người đã khuất đang nói qua bà; và thứ hai, bất kể ai tham dự vào việc ấy vẫn chưa có đủ phân biện để phân biệt một Hình tư tưởng được hiện hình trên cõi cảm dục với một thể cảm dục sống động.

Chapter V—Chương V

SOME RECENT TEST CASES—MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP THỬ NGHIỆM GẦN ĐÂY

Test Conditions—Các Điều Kiện Thử Nghiệm

The recent researches of many learned doctors, and other investigators associated with the Societies for Psychical Research in different countries, offer us increasing confirmation of the facts announced by the earlier experimenters. The attitude of many of these distinguished explorers into the domain of the occult inclines at the beginning towards scepticism—a fact which renders their evidence all the more valuable, though it

Những nghiên cứu gần đây của nhiều bác sĩ uyên bác và các nhà điều tra khác liên hệ với các Hội Nghiên cứu Thông linh ở các quốc gia khác nhau, mang đến cho chúng ta sự xác nhận ngày càng tăng về các sự kiện được các nhà thực nghiệm trước đó công bố. Thái độ của nhiều nhà thám hiểm lỗi lạc trong lĩnh vực huyền môn này lúc khởi đầu thường nghiêng về hoài nghi—một thực tế khiến chứng cứ của họ càng thêm giá trị, dẫu làm cho hiện tượng

makes the phenomena more difficult to obtain. It constitutes a positive mental influence acting against the manifestation of unusual psychic powers—powers which it is difficult enough to use, even under the most favourable conditions. It is only fair to add, however, that such scepticism is rarely a prejudice, but simply the scientific attitude which declines to admit the existence of any facts which have not been carefully observed, or the truth of any deductions which have not been studiously and impartially considered.

càng khó đạt được. Nó cấu thành một ảnh hưởng tinh thần tích cực tác động chống lại sự biểu lộ những quyền năng thông linh bất thường—những quyền năng vốn đã khó sử dụng ngay cả dưới những điều kiện thuận lợi nhất. Tuy nhiên, công bằng mà nói, sự hoài nghi như thế hiếm khi là định kiến, mà chỉ là thái độ khoa học vốn từ chối thừa nhận sự tồn tại của bất cứ sự kiện nào chưa được quan sát cẩn trọng, hoặc sự đúng đắn của bất cứ suy luận nào chưa được cân nhắc cần mẫn và vô tư.

The attitude and method adopted by Dr. Gustave Geley, and described in his invaluable volume *Clairvoyance and Materialisation,* is becoming more and more popular among experimenters. He says that the best results for scientific purposes are not to be obtained under conditions which cast suspicion upon the medium, and that the end to be sought by observers is not to protect themselves with absolute certainty at all times against any possible or conceivable fraud, but to obtain phenomena so powerful and complex that they carry their own proof and undeniable witness under the conditions demanded by the control.

Thái độ và phương pháp do Bác sĩ Gustave Geley áp dụng, và được trình bày trong tập sách vô giá *Thông Nhãn và Hiện Hình,* đang ngày càng trở nên phổ biến trong giới thực nghiệm. Ông nói rằng những kết quả tốt nhất cho mục đích khoa học không thu được dưới những điều kiện gieo ngờ vực lên đồng tử, và rằng mục tiêu mà người quan sát cần hướng tới không phải là tự bảo vệ mình với sự chắc chắn tuyệt đối mọi lúc trước bất cứ gian lận khả dĩ hoặc khả tưởng nào, mà là giành được những hiện tượng mạnh mẽ và phức hợp đến mức chúng tự mang chứng cứ và lời chứng không thể chối cãi dưới những điều kiện mà kiểm soát yêu cầu.

I may add that my own experience, extending over many years, fully confirms what Dr. Geley has written. I have always found it best to make friends with both the medium and the spirit-guide and to discuss the manifestations frankly with them. Dr. Geley continues:

Tôi xin thêm rằng kinh nghiệm riêng của tôi, kéo dài nhiều năm, hoàn toàn xác nhận những gì Bác sĩ Geley đã viết. Tôi luôn thấy tốt nhất là kết thân cả với đồng tử lẫn vị vong linh hướng dẫn và thảo luận thẳng thắn với họ về các sự biểu lộ. Bác sĩ Geley tiếp tục:

If experimenters waste time on poor or elementary phenomena, they will find the greatest difficulty in getting a control that will satisfy them at all points. If they are wise enough to consider elementary phenomena, and such minor frauds as they may suspect, both negligible; if they allow phenomena to

Nếu những người thực nghiệm lãng phí thời gian vào những hiện tượng nghèo nàn hoặc sơ đẳng, họ sẽ thấy cực khó có được một kiểm soát thỏa mãn họ ở mọi phương diện. Nếu họ đủ khôn ngoan để xem các hiện tượng sơ đẳng, và những gian lận nhỏ mà họ có thể nghi ngờ, đều không đáng kể; nếu họ để cho hiện tượng

develop without checking them at the outset by untimely demands, they will certainly obtain facts so various and important, also (sometimes) of such beauty, that their conviction will be complete, unshakable, and conclusive (p. 25).

phát triển mà không chặn lại ngay từ đầu bằng những đòi hỏi không đúng lúc, họ chắc chắn sẽ thu được những sự kiện đa dạng và quan trọng, cũng (đôi khi) đẹp đẽ đến mức niềm xác tín của họ sẽ trọn vẹn, không lay chuyển và dứt khoát (tr. 25).

Mother Marius And The Convict—Mẹ Marius Và Tên Tù Khổ Sai

In the comparatively recent general literature of spiritualism and psychical research there are many cases which satisfy these conditions. There are examples in which the accuracy of information communicated by these methods, and previously entirely unknown to those who receive it, almost certainly announces the actual presence of the entity who is claiming to communicate. I will select one typical case from M. Flammarion's book *After Death* (p. 21), relating to the death of a charwoman of Nantes, generally known as Mother Marius. The narrator says that he used to frequent a cafe where there was a charwoman, a native of Brittany, whose family name was Keryado, although she was always called Mother Marius. He then continues:

Trong văn liệu tổng quát khá gần đây về thần linh học và nghiên cứu thông linh, có nhiều trường hợp thỏa mãn những điều kiện này. Có những ví dụ trong đó tính xác thực của thông tin được truyền đạt bằng những phương pháp ấy, và trước đó hoàn toàn không được biết bởi người tiếp nhận, gần như chắc chắn báo tin sự hiện diện thực sự của thực thể đang tự xưng là người truyền đạt. Tôi sẽ chọn một trường hợp điển hình từ sách *Sau Khi Chết* (tr. 21) của Ông Flammarion, liên quan đến cái chết của một người phụ nữ lao công ở Nantes, thường được biết đến là Mẹ Marius. Người kể nói rằng ông thường lui tới một quán cà phê có một phụ nữ lao công, gốc Brittany, tên họ là Keryado, dù bà luôn được gọi là Mẹ Marius. Ông tiếp tục:

Every week I used to leave Nantes on Saturday evening and spend Sunday on a farm in the very midst of the countryside. One Saturday I left as usual—took leave of the proprietor, of my friends, and said goodbye to this same charwoman, who was in excellent health. So, late on Saturday night, I found myself in the country as usual, but I must explain that this time, through exceptional circumstances, I was to remain there for the whole week. The farm-house had two rooms; a kitchen and another room. On Thursday, at one o'clock in the afternoon, I was talking in the other room with the young girl of the house. There was no one in the kitchen. The doors and windows were closed. We were talking, when both of us

Mỗi tuần tôi rời Nantes tối thứ Bảy và dành Chủ nhật ở một trang trại giữa đồng quê. Một thứ Bảy, tôi rời đi như thường lệ—chào tạm biệt chủ quán, bạn bè, và nói lời chào với người phụ nữ lao công ấy, lúc đó sức khỏe rất tốt. Thế là, tối thứ Bảy muộn, tôi có mặt ở nông thôn như thường lệ, nhưng tôi phải nói rõ rằng lần này, vì hoàn cảnh đặc biệt, tôi sẽ ở lại đó cả tuần. Ngôi nhà nông có hai phòng; một nhà bếp và một phòng khác. Vào thứ Năm, lúc một giờ trưa, tôi đang trò chuyện trong phòng kia với cô gái trẻ của gia đình. Không có ai trong bếp. Cửa và cửa sổ đều đóng. Chúng tôi đang nói chuyện, thì cả hai nghe một tiếng động trong bếp, như thể kẹp gắp than rơi xuống tảng đá lò sưởi. Để đề phòng, nghĩ rằng con

heard a noise in the kitchen, as though the fire-tongs had fallen on to the hearthstone. Out of precaution, thinking that the cat might be getting into the jars of milk, I went to see what it was. There was nothing; everything was shut up. Scarcely had I come back into the room when there was the same noise. I turned. Nothing! Since I had already taken up spiritualism, I said to the young girl, laughing: "It's a spirit, perhaps"—attaching no importance to my words. However, I then had the idea of using a little round table, with which we had already experimented, and we waited, both of us sitting at it, our hands upon it. Almost immediately we got a communication through rapping, according to the usual alphabetic code. "Is this a spirit?"—"Yes"—"You lived on earth?"—"Yes"—"You knew me?"—"Yes"—"What was your name?"—"Keryado". At this odd name (I did not remember the charwoman's family name) I was about to leave the table, thinking that the reply was pointless, when the young girl said to me: "That is the family name of the charwoman in the café". "That is true," I answered, and then I began a series of questions. I was unwilling to believe that she was dead, having left her in perfect health only five days before. I asked her for details, and learned that she had been taken ill at eight o'clock on Tuesday evening, that she had been carried to her home, and that she had died at eleven o'clock, of a haemorrhage... On Saturday when I returned to Nantes, as soon as I got out of the train, I went to the café, and there, to my stupefaction, they gave me confirmation of this woman's death, and of all the details she had given me.

mèo có thể đang chui vào các vại sữa, tôi đi xem. Không có gì cả; mọi thứ đóng kín. Vừa trở lại phòng thì lại có tiếng động như thế. Tôi quay lại. Không gì cả! Vì tôi đã từng tìm hiểu thần linh học, tôi nói với cô gái trẻ, nửa đùa: "Có lẽ là một vong linh đấy"—mà chẳng để tâm đến lời mình. Tuy nhiên, tôi chợt nảy ý dùng một cái bàn tròn nhỏ, thứ mà chúng tôi đã dùng thử nghiệm trước đó, và chúng tôi chờ đợi, cả hai đặt tay lên mặt bàn. Gần như lập tức chúng tôi nhận được một thông điệp qua tiếng gõ, theo bảng chữ cái thường dùng. "Đây có phải là một vong linh không?"—"Phải"—"Ô đã sống trên trần gian?"—"Phải"—"Ô có biết tôi?"—"Phải"—"Tên Ô là gì?"—"Keryado". Trước cái tên lạ (tôi không nhớ tên họ của người phụ nữ lao công) tôi suýt bỏ bàn, nghĩ rằng câu trả lời vô nghĩa, thì cô gái trẻ nói với tôi: "Đó là tên họ của người phụ nữ lao công ở quán cà phê". "Đúng rồi," tôi đáp, rồi bắt đầu một loạt câu hỏi. Tôi không chịu tin là bà đã chết, vì vừa mới năm hôm trước tôi còn thấy bà hoàn toàn khỏe mạnh. Tôi hỏi chi tiết và biết rằng bà lâm bệnh lúc tám giờ tối thứ Ba, được đưa về nhà, và qua đời lúc mười một giờ vì xuất huyết... Thứ Bảy khi tôi trở lại Nantes, vừa xuống tàu, tôi tới ngay quán cà phê, và ở đó, trong sự sửng sốt, tôi được xác nhận về cái chết của bà, và tất cả các chi tiết bà đã cho tôi biết.

Unquestionably also there are other cases in which only telepathy is at work. Professor Ernest Wood relates an example, which was told to him by his father, who used to

Cũng không thể phủ nhận có những trường hợp khác trong đó chỉ có viễn cảm hoạt động. Giáo sư Ernest Wood thuật một ví dụ do cha ông kể lại, người từng nghiên cứu những điều

investigate these things. On the occasion in question the medium, who was a personal friend also, said that he saw standing behind his visitor the "spirit" of a man dressed in convict garb. He described him in detail, saying that he was looking through prison bars, and adding that he thought the spirit wished to communicate. But the fact of the matter was that, a short time before, the enquirer had been to see the exhibition at the opening of the Manchester Ship Canal, in which was shown one of the old Botany Bay convict ships fitted up realistically with wax-work figures. He had stood for some time looking at one of these, and wondering what the unfortunate convicts must have felt, and though the incident had passed from his mind and been forgotten, that was the figure of which the medium gave him a description.

này. Trong dịp ấy, đồng tử, vốn cũng là bạn ông, nói rằng ông thấy đứng cạnh người khách là "vong linh" của một người đàn ông mặc quần áo tù khổ sai. Ô mô tả chi tiết, nói rằng ông thấy người đó nhìn qua song sắt nhà giam, và bảo rằng ông nghĩ vong linh muốn truyền đạt. Nhưng sự thật là, không lâu trước đó, người tìm hiểu đã xem cuộc triển lãm nhân dịp khánh thành Kênh đào Manchester Ship, trong đó có trưng bày một trong các tàu chở tù khổ sai đi Botany Bay, được dàn dựng thực như thật với các hình nhân sáp. Ông ta đã đứng xem hồi lâu một trong số đó, và tự hỏi những tù nhân bất hạnh hẳn phải cảm thấy thế nào, và dù sự việc đã rời khỏi trí và bị quên đi, thì đó chính là hình ảnh mà đồng tử đã mô tả cho ông.

Perhaps the first great mistake which many people make in thinking about these things is to assume that one law governs all the cases, and therefore that they are either all due to discarnate intelligences, or are all caused by some form of simple or complicated telepathy. There is a variety of causes for the phenomena produced during psychical research investigations, some of them being due to ideas in the mind of the medium or of the sitters, others to discarnate intelligences, others to thought-forms casually present or magnetically attracted, and others again to the psychometric influence of objects which may be near.

Có lẽ sai lầm lớn thứ nhất mà nhiều người mắc phải khi nghĩ về những điều này là giả định rằng một luật chi phối tất cả các trường hợp, và vì thế hoặc tất cả đều do các trí tuệ vô xác gây ra, hoặc tất cả đều do một hình thức viễn cảm đơn giản hay phức tạp nào đó. Có nhiều nguyên nhân đa dạng cho các hiện tượng xuất hiện trong những cuộc điều tra thông linh, một số do các ý tưởng trong tâm của đồng tử hoặc của người ngồi, số khác do các trí tuệ vô xác, số khác nữa do các Hình tư tưởng tình cờ hiện diện hoặc bị hút đến bằng từ lực, và lại có những trường hợp do ảnh hưởng trắc tâm của các vật thể ở gần.

The Pearl Tie-Pin Case—Trường Hợp Cài Cà Vạt Ngọc Trai

Another good example of successful communication from the other side of death, which has been called the pearl tie-pin case, is given in Sir William Barrett's *On the Threshold of the Unseen*, as follows:

Một ví dụ hay khác về sự truyền đạt thành công từ bên kia cái chết, vốn được gọi là trường hợp cài cà vạt ngọc trai, được nêu trong sách của Ngài William Barrett, *Trên Ngưỡng Cửa Cái Không Thấy*, như sau:

Miss C., the sitter, had a cousin, an officer with our army in France, who was killed in battle a month previously to the sitting; this she knew. One day, after the name of her cousin had been unexpectedly spelt out on the ouija board, and her name given in answer to her query "Do you know who I am?", the following message came:

Cô C., người dự buổi cầu cơ, có một người em họ là sĩ quan trong quân đội của chúng ta tại Pháp, đã tử trận một tháng trước buổi cầu cơ; điều này cô biết. Một ngày nọ, sau khi tên của người em họ ấy bất ngờ được đánh vần trên bàn cầu cơ, và tên của cô được nêu ra khi cô hỏi "Anh biết tôi là ai không?", đã đến thông điệp sau:

"Tell mother to give my pearl tie-pin to the girl I was to marry. I think she ought to have it." When asked what was the name and address of the lady, both were given; the name spelt out included the full Christian and surname, the latter being very unusual and quite unknown to both sitters. The address given in London was either wrong or taken down incorrectly, as a letter sent there was returned, and the whole message was thought to be fictitious.

"Hãy nói mẹ đưa ghim cài cà vạt bằng ngọc trai của con cho cô gái mà con sắp cưới. Con nghĩ cô ấy nên có nó." Khi được hỏi tên và địa chỉ của cô ấy là gì, cả hai đều được cho; tên đánh vần bao gồm cả tên thánh và họ, họ lại rất hiếm và hoàn toàn xa lạ với cả hai người dự. Địa chỉ ở Luân Đôn được đưa ra hoặc là sai, hoặc là ghi chép không đúng, vì một lá thư gửi đến đó bị trả lại, và toàn bộ thông điệp bị nghĩ là bịa đặt.

Six months later, however, it was discovered that the officer had been engaged, shortly before he left for the front, to the lady whose name had been given; he had, however, told no one of this. Neither his cousin nor any of his own family in Ireland were aware of the fact, and they had never seen the lady nor heard her name, until the War Office sent over the deceased officer's effects. Then they found that he had put the lady's name in his will as his next of kin, both Christian and surname being precisely the same as given through the automatist; and what is equally remarkable, a pearl tie-pin was found among his effects.

Tuy nhiên, sáu tháng sau, người ta phát hiện rằng viên sĩ quan ấy đã đính hôn, ngay trước khi ra mặt trận, với người phụ nữ có tên đã được cho; tuy vậy, y chưa hề nói với ai về việc này. Cả người em họ lẫn bất kỳ ai trong gia đình y ở Ai-len đều không hay biết, và họ chưa từng gặp người phụ nữ đó hay nghe tên cô, cho đến khi Bộ Chiến tranh gửi về di vật của viên sĩ quan đã khuất. Lúc đó, họ phát hiện rằng y đã ghi tên người phụ nữ ấy trong di chúc là thân nhân gần nhất của y, cả tên thánh lẫn họ đều chính xác như đã cho qua người viết tự động; và điều cũng đáng chú ý không kém là một ghim cài cà vạt bằng ngọc trai đã được tìm thấy trong di vật của y.

Both the ladies have signed a document which they sent to me, affirming the accuracy of the above statement. The message was recorded at the time, and not written from memory after verification had been obtained. Here there could be no explanation of the facts by subliminal memory, or telepathy from the

Cả hai người phụ nữ đều đã ký một văn bản gửi cho tôi, xác nhận tính chính xác của tuyên bố trên. Thông điệp được ghi lại ngay lúc đó, chứ không phải viết lại từ trí nhớ sau khi đã xác minh. Ở đây không thể giải thích các sự kiện này bằng ký ức tiềm thức, hay viễn cảm từ người sống, hay thông đồng; và bằng chứng

living, or collusion, and the evidence points unmistakably to a message from the deceased officer.

chỉ ra không thể lầm lẫn rằng đây là một thông điệp từ viên sĩ quan đã khuất.

The Bird Nesting Case—Vụ Làm Tổ Của Chim

Another striking case appeared in *The Harbinger of Light* for February, 1918. A New Zealand gentleman gives what appears to be a good test of identity from his soldier son, who was killed on the Somme in September, 1916. The communication came to another gentleman through the medium of his wife, who was known to the soldier before he left for the war. In the course of his statement the soldier says:

Một trường hợp gây ấn tượng khác xuất hiện trên *Sứ Giả của Ánh Sáng* số tháng Hai, 1918. Một quý ông người New Zealand đưa ra điều có vẻ là một phép thử nhận dạng tốt từ người con trai là lính của Ông, người đã tử trận ở Somme vào tháng Chín, 1916. Thông điệp đến với một quý ông khác qua trung gian là vợ ông này, người vốn được người lính biết trước khi y ra trận. Trong lời thuật của mình, người lính nói:

Will you convey my love to father and mother, and my brothers? Thank God they have not gone to the war. Tell my dear mother not to hold any fanciful ideas of me, or to believe every so-called message she may receive. Tell her I owe her all that is best in me, for she is brave and good, and I would do anything possible to smooth her path in life. Tell her one particular thing that will assure her of my presence—tell her that on the day when she prevented me from going out bird's-nesting, and took so much trouble to instruct us in the right, I decided always to try to do what was right. Tell her the recollection of the anecdote she told us always haunted me. Tell her I have not gone to any restful spiritual home yet, and probably will not till the war ends. Tell her I cannot be a shirker in the body or out of it, but having been trained with many good comrades to do my duty, I try to do it still, and if I were permitted I could tell you so much we do to help those still fighting—much that is sanctioned and assisted, too, by others higher than ourselves, but I dare not say. Tell mother that I was quite suddenly shot out of the body, and felt no pain whatever, and thanks to the insight I received through my parents, and

Ông sẽ chuyển hộ tình thương của tôi đến cha mẹ, và các anh em tôi chứ? Tạ ơn Thượng đế họ đã không ra trận. Hãy nói với mẹ yêu của tôi đừng ôm ấp những ý nghĩ mơ tưởng về tôi, và đừng tin mọi cái gọi là thông điệp mà Mẹ có thể nhận. Hãy nói với Mẹ rằng tôi mắc nợ Mẹ tất cả những gì tốt đẹp nhất trong tôi, vì Mẹ can đảm và hiền thiện, và tôi sẽ làm mọi điều có thể để san phẳng con đường đời cho Mẹ. Hãy nói với Mẹ một điều đặc biệt sẽ bảo chứng cho sự hiện diện của tôi—hãy nói với Mẹ rằng vào ngày Mẹ ngăn tôi đi lượm tổ chim, và đã vất vả nhọc lòng dạy chúng tôi về điều phải, tôi đã quyết định luôn cố gắng làm điều đúng. Hãy nói với Mẹ rằng ký ức về giai thoại Mẹ kể luôn ám ảnh tôi. Hãy nói với Mẹ rằng tôi vẫn chưa đến bất kỳ nhà an nghỉ tinh thần nào, và có lẽ sẽ không cho đến khi chiến tranh kết thúc. Hãy nói với Mẹ rằng tôi không thể là kẻ trốn tránh, trong thân xác hay ngoài nó, mà bởi đã được rèn luyện với nhiều đồng đội tốt để làm tròn bổn phận, tôi vẫn cố gắng làm như vậy, và nếu được phép tôi có thể kể cho các vị biết bao điều chúng tôi làm để giúp những người còn đang chiến đấu—nhiều điều được chấp thuận và trợ giúp nữa bởi những Đấng cao hơn chúng tôi, nhưng tôi không dám nói. Hãy nói với Mẹ

you, and others, I simply folded my arms and had a good look at my body, and thought: "Well, is that all?" I could not wrench myself away from the body immediately, and accompanied it when carried off by stretcher-bearers to the dressing-station, because the body was not quite dead, but I felt no pain. How long it was before I lost the consciousness of my material body I cannot say, but the freedom I now feel, and the active part I am taking in what occupied me so much before death is my duty, and it seems natural and right. Besides, Mr. A.—, there are many pledges my comrades and I made to each other in the face of death, which are sacred, and must be kept, if possible. But I cannot stop now. Goodbye, Mr. A.—, goodbye. I am so delighted to have spoken to you. Tell father and mother they need have no regrets, and that my present activities are more valuable than when I was in the flesh, and quite as natural. They will know it is the right and proper course till time changes affairs. Goodbye.

rằng tôi bị bắn ra khỏi thân xác hoàn toàn đột ngột, và không hề cảm thấy đau đớn, và nhờ sự thấy biết tôi nhận được qua cha mẹ tôi, và qua các vị, và những người khác, tôi chỉ việc khoanh tay và nhìn kỹ thân xác mình, và nghĩ: "Thế thôi sao?" Tôi không thể tự dứt ngay khỏi thân xác, và đã đi kèm nó khi những người khiêng cáng mang nó đến trạm cứu thương, vì thân xác vẫn chưa hoàn toàn chết, nhưng tôi không hề thấy đau. Bao lâu thì tôi mất ý thức về thân xác vật chất của mình tôi không thể nói, nhưng sự tự do tôi đang cảm thấy, và phần việc năng động tôi đang đảm nhận trong điều đã cuốn hút tôi rất nhiều trước khi chết—ấy là bổn phận của tôi, và điều đó có vẻ tự nhiên và phải lẽ. Ngoài ra, ông A.—, có nhiều lời thệ ước mà tôi và các đồng đội đã lập với nhau trước mặt Tử thần, đó là điều thiêng liêng, và phải được giữ, nếu có thể. Nhưng giờ tôi không thể dừng lại. Tạm biệt, ông A.—, tạm biệt. Tôi rất hoan hỉ vì đã được nói chuyện với ông. Hãy nói với cha mẹ tôi rằng họ không cần hối tiếc gì, và rằng hoạt động hiện tại của tôi quý giá hơn khi tôi còn ở trong xác phàm, và cũng tự nhiên không kém. Họ sẽ biết đó là lối đi đúng đắn và thích đáng cho đến khi thời gian thay đổi cục diện. Tạm biệt.

The father writes that the bird's-nesting incident was known only to the boy and his mother; some years before when he had spoken of going on such an expedition his mother had earnestly told him how cruel it was to break down the home so care-fully prepared by the parents for their young, and illustrated her lesson with the idea of some great giant coming and ruthlessly smashing up her home and destroying her children.

Người cha viết rằng sự việc đi lượm tổ chim chỉ có cậu bé và Mẹ cậu biết; vài năm trước, khi cậu nói đến việc đi một chuyến như thế, Mẹ cậu đã tha thiết nói với cậu rằng thật tàn nhẫn biết bao khi phá hủy mái ấm được cha mẹ chuẩn bị công phu cho lũ con của chúng, và đã minh họa bài học bằng ý tưởng về một gã khổng lồ nào đó đến và nhẫn tâm đập tan nhà của mình và hủy diệt con cái mình.

This case is also interesting for its simple and straightforward account of the soldier's experiences and feelings when he found himself outside his body.

Trường hợp này cũng thú vị vì bản thuật đơn sơ và thẳng thắn về những trải nghiệm và cảm xúc của người lính khi y thấy mình ở ngoài thân xác.

When one portion of a message is given to one medium and another portion to another, at a distance from or unknown to the first, so that the two portions fit together and make a rational whole, we have what is called a cross-reference. A well known instance of this is the Kildare-street Club case, published in *The International Psychic Gazette,* and reprinted in Mr. Carrington's *Psychical Phenomena and the War* (p. 284). The account of the incident was furnished by Count Hamon, as follows:

Khi một phần thông điệp được đưa cho một đồng tử, và một phần khác cho một đồng tử khác, ở xa hoặc không được người thứ nhất biết đến, đến mức hai phần khớp với nhau và tạo thành một chỉnh thể hợp lý, chúng ta có cái gọi là tham chiếu chéo. Một ví dụ nổi tiếng về điều này là vụ Câu lạc bộ Kildare-street, đăng trên *Công báo Thông linh Quốc tế*, và in lại trong *Các Hiện tượng Thông linh và Chiến tranh* của Ông Carrington (tr. 284). Bản thuật về sự cố do Bá tước Hamon cung cấp, như sau:

On Monday, May 14, 1917, I attended in a private house a seance at which Mrs. Harris was the medium. There were present on this occasion, amongst several others whose names I am not authorized to mention, Miss Scatcherd, Mrs. Dixon-Hartland, and Dr. Hector Munro.

Vào thứ Hai, ngày 14 tháng Năm, 1917, tôi tham dự một buổi gọi hồn tại một tư gia, với Bà Harris làm đồng tử. Hôm đó có mặt, trong số một vài người khác mà tôi không được phép nêu tên, có Cô Scatcherd, Bà Dixon-Hartland, và Bác sĩ Hector Munro.

After many convincing conversations with spirits by means of the "direct voice" had occurred, a spirit visitor came and said very distinctly: "I want to send a message to my father."

Sau nhiều cuộc đàm thoại đầy sức thuyết phục với các vong linh bằng phương tiện "tiếng nói trực tiếp", một vị khách trong cõi vô hình đến và nói rất rõ ràng: "Tôi muốn gửi một thông điệp cho cha tôi."

"Who are you?", we asked.

"Anh là ai?", chúng tôi hỏi.

The spirit replied: "I am an officer recently killed at the front in Flanders; my name is..." We could not hear the name very distinctly, so after some repeated efforts to get it, we said: "Well, leave the name alone for the moment and try to give us the message."

Vong linh đáp: "Tôi là một sĩ quan mới tử trận ở tiền tuyến tại Flanders; tên tôi là..." Chúng tôi không nghe rõ tên, nên sau vài lần cố gắng lặp lại để nắm được, chúng tôi bảo: "Thôi, tạm gác tên sang một bên và cố cho chúng tôi biết thông điệp đã."

Speaking very slowly at first, the spirit said, "My father lives near Dublin; you will find him at the well-known club there."

Nói rất chậm lúc đầu, vong linh nói, "Cha tôi sống gần Dublin; các ông sẽ tìm thấy ông ấy ở câu lạc bộ nổi tiếng ở đó."

A gentleman present asked: "Which club do you mean?"

Một quý ông có mặt hỏi: "Ý anh là câu lạc bộ nào?"

The spirit replied: "The Kildare-street Club; you know it well, and you also know my

Vong linh đáp: "Câu lạc bộ Kildare-street; ông

father."

biết rõ mà, và ông cũng biết cha tôi nữa."

As no one had caught the name of the father exactly right, the gentleman referred to said: "I know the Kildare-street Club very well, but I do not think I know your father; but give us the message."

Vì không ai nghe được đúng hẳn tên của người cha, quý ông vừa nói bèn bảo: "Tôi biết Câu lạc bộ Kildare-street rất rõ, nhưng tôi không nghĩ tôi biết cha anh; nhưng hãy cho chúng tôi thông điệp."

Continuing, the spirit went on: "My father is always worrying and unhappy about me; he can't seem to get over it. I want some one to tell him that I came here tonight to get this through as a test message to him, to tell him not to worry about me, as I am all right, and glad to have gone through it, and I want him not to worry and be unhappy any more."

Tiếp tục, vong linh nói: "Cha tôi luôn lo âu và buồn khổ vì tôi; dường như ông không thể vượt qua được. Tôi muốn ai đó nói với ông rằng tối nay tôi đã đến đây để chuyển được thông điệp này như một phép thử gửi ông, để bảo ông đừng lo cho tôi, vì tôi ổn cả, và mừng vì đã vượt qua, và tôi muốn ông đừng lo lắng buồn khổ nữa."

After a slight pause he continued, "My father also goes to mediums in Dublin, and I try to give him messages through them, but I want this sent on to him as a test message."

Sau một thoáng ngừng, y tiếp: "Cha tôi cũng tìm đến các đồng tử ở Dublin, và tôi cố chuyển thông điệp cho ông qua họ, nhưng tôi muốn thông điệp này được gửi đến ông như một bài thử."

We again asked him to try to give us the name, and we got one part—the Christian name—very distinctly, but the surname was always so slurred that we were unable to catch it clearly, and after many efforts had to give it up. But before we did so, I promised that I would do all I could to send on his message.

Chúng tôi lại yêu cầu y cố gắng cho tên, và chúng tôi nhận được một phần—tên thánh—rất rõ, nhưng họ thì luôn bị nói líu đi nên chúng tôi không thể nắm rõ, và sau nhiều lần cố gắng đành bỏ cuộc. Nhưng trước khi làm vậy, tôi hứa sẽ làm hết sức để chuyển thông điệp của y.

The next morning I wrote a letter to the name I thought it had sounded like, addressing it to the Kildare-street Club. In about a week this letter was returned to me through the Post Office marked "Name not known".

Sáng hôm sau, tôi viết thư gửi đến cái tên mà tôi nghĩ nghe như thế, địa chỉ về Câu lạc bộ Kildare-street. Chừng một tuần sau, lá thư này được Bưu điện trả lại cho tôi với dấu "Không biết tên".

I was considerably worried as to what I should do next, until the thought came to me that I should write to the secretary of the Club, simply saying that I was anxious to find the gentleman who, I believed, was a member of his club, whose son had recently been killed in Flanders; that the name was something like so-and-so, and that I had a message to give

Tôi vô cùng băn khoăn không biết bước tiếp theo nên làm gì, cho đến khi một ý nghĩ đến với tôi rằng tôi nên viết cho thư ký của Câu lạc bộ, chỉ đơn giản nói rằng tôi đang nóng lòng tìm một quý ông mà tôi tin là hội viên câu lạc bộ của Ông, có người con trai mới tử trận ở Flanders; rằng tên của ông ấy na ná như tên nào đó, và tôi có một thông điệp muốn gửi ông

him about his son.

về đứa con trai.

Now comes the strangest part of this strange story. In a few days I received a letter from the gentleman in question, saying that the secretary had sent him my letter, and adding: "I have had a message from my son who was recently killed in Flanders, saying he had sent me a message through a medium in London, that he had difficulty in getting the name and address through but he wanted to give me a test." The father added: "If you understand this I hope you will send me his message."

Giờ đây đến phần lạ lùng nhất của câu chuyện kỳ lạ này. Vài ngày sau, tôi nhận được thư từ quý ông nói trên, nói rằng vị thư ký đã gửi Ông lá thư của tôi, và thêm rằng: "Tôi đã nhận được một thông điệp từ con trai tôi, người mới tử trận ở Flanders, nói rằng nó đã gửi cho tôi một thông điệp qua một đồng tử ở Luân Đôn, rằng nó gặp khó khăn khi chuyển tên và địa chỉ nhưng nó muốn đưa cho tôi một phép thử." Người cha thêm: "Nếu Ông hiểu điều này tôi mong Ông sẽ gửi cho tôi thông điệp của nó."

The Deer In The Bois—Con Nai Trong Khu Rừng

One of the most strikingly successful instances of cross correspondence is published in the *Journal of the American Society for Psychical Research,* vol. viii, p. 413, it being a translation from a paper read at a meeting of the French Society for Psychical Research by Dr. Geley, M. Camille Flammarion being in the chair. In this case the operating entity composed a little story, dictated the major portion of it to a medium at Wimereux, near Bordeaux, omitting only three sentences, which were dictated separately but at the same time to a medium in Paris. The lady in Paris declared that she could see the spirit operators, the chief of whom gave his name as Roudolphe, in the form of lights, and that one of these lights came and went rapidly. Her three sentences were:

Một trong những ví dụ thành công ấn tượng nhất về tương ứng chéo được đăng trên *Tập san của Hội Nghiên cứu Thông linh Hoa Kỳ*, tập viii, tr. 413, đó là bản dịch từ một bài đọc tại cuộc họp của Hội Nghiên cứu Thông linh Pháp do Bác sĩ Geley trình bày, Ông Camille Flammarion chủ tọa. Trong trường hợp này, thực thể điều phối đã soạn một câu chuyện nhỏ, đọc cho một đồng tử ở Wimereux, gần Bordeaux, phần lớn câu chuyện, chỉ bỏ qua ba câu, vốn được đọc riêng nhưng cùng thời điểm cho một đồng tử ở Paris. Người phụ nữ ở Paris nói rằng bà có thể thấy các tác viên thuộc cõi vô hình, trong đó người đứng đầu xưng tên là Roudolphe, dưới dạng những luồng ánh sáng, và rằng một trong những ánh sáng ấy đến rồi đi rất nhanh. Ba câu của bà là:

"As well behaved as the pupils in a convent for well-trained young ladies"

"Lễ phép như các nữ sinh trong một tu viện dành cho những cô gái được huấn luyện bài bản"

"Their large sweet eyes are used to watching the passing"

"Đôi mắt to, dịu hiền của chúng vốn quen dõi theo những điều đi qua"

"The modern lady of fashion whose eyes."

"Người phụ nữ tân thời thời thượng, người có

đôi mắt."

The following day the post brought to Paris the main part of the story which had been written in Wimereux the previous evening. Roudolphe first explained the idea of his experiment, and then wrote as follows:

Ngày hôm sau, bưu điện gửi đến Paris phần chính của câu chuyện đã được viết ở Wimereux vào tối hôm trước. Roudolphe trước hết giải thích ý tưởng về thí nghiệm của mình, rồi viết như sau:

Have you sometimes met, dear friend, as you walked in the thickets, the deer that live and roam through the leafy branches, at times... (here the automatist noted a pause in the writing)... at times the flock, jumping and frightened, so graceful and fascinating? Have you ever asked yourself what those pretty animals were thinking, and what they would become later? Far be it from me to draw their horoscope (which would after all be of no interest to them), but it seems to me that their mentality must be very different from that which animates the deer of the forest... (another pause)... strange vehicles running without the aid of an animal's legs, and in those carriages or along the more or less frequented paths, they have contemplated women with elongated eyes like their own, delicate and stylish women. Who can ever tell us if... (another pause)... become so unnaturally large under the dash of the pencil, is not a doe of the forest in the throes of retrospective recollection?

Có khi nào bạn gặp, hỡi bạn thân, khi bạn đi dạo giữa lùm cây, những con nai sống và lang thang qua các cành lá, đôi khi... (ở đây người viết tự động ghi chú có một khoảng dừng trong khi viết)... đôi khi cả bầy, vừa nhảy vừa hốt hoảng, duyên dáng và mê hoặc làm sao? Bạn đã bao giờ tự hỏi những con vật xinh xắn ấy đang nghĩ gì, và sau này chúng sẽ thành gì chăng? Tôi hoàn toàn không có ý vạch lá số cho chúng (mà rốt cuộc cũng chẳng để làm gì đối với chúng), nhưng với tôi dường như tâm tính của chúng hẳn khác rất xa với cái tâm tính đang linh hoạt nơi loài nai trong rừng... (một khoảng dừng khác)... những cỗ xa lạ chạy mà không cần chân thú, và trong những cỗ xe ấy hay dọc theo các lối đi ít nhiều có người qua lại, chúng đã chiêm ngắm những người phụ nữ có đôi mắt dài như mắt của chúng, những người phụ nữ mảnh mai và thanh nhã. Ai có thể nói cho chúng ta biết liệu... (một khoảng dừng nữa)... trở nên to một cách bất thường dưới nét bút, chẳng phải là một con nai cái trong cơn vật vã của hồi ức hoài niệm chăng?

Dear friend, I have had some trouble because Miss R. tried to understand—but trust I have succeeded with this childish story. Affectionate good night. ROUDOLPHE.

Bạn thân mến, tôi đã gặp chút khó khăn vì Cô R. cố gắng hiểu—nhưng tin rằng tôi đã làm được với câu chuyện trẻ con này. Chúc ngủ ngon thân ái. roudolphe.

We will leave it to the reader to put the two portions together and see how perfectly they fit. Dr. Geley remarks that both mediums were ignorant of the meaning and intention of the sentences they were writing, and that they both acted as machines worked by the single direction of an independent intelligence.

Chúng ta sẽ để dành cho độc giả ghép hai phần lại với nhau và xem chúng ăn khớp hoàn hảo thế nào. Bác sĩ Geley nhận xét rằng cả hai đồng tử đều không hiểu ý nghĩa và chủ đích của những câu họ đang viết, và rằng họ đều hành xử như những chiếc máy được vận hành bởi sự điều khiển đơn nhất của một trí tuệ độc lập.

The Fir-Tree Test—Phép Thử Cây Thông

In *New Evidences in Psychical Research,* by Mr. J. A. Hill, a lengthy account is given of the efforts at cross correspondence between various mediums. From that source I will take one case, that of the fir-trees:

Trong *Những Chứng Cứ Mới trong Nghiên cứu Thông linh* của Ông J. A. Hill, có một tường thuật dài về các nỗ lực tương ứng chéo giữa nhiều đồng tử khác nhau. Từ nguồn ấy tôi sẽ lấy một trường hợp, về những cây thông:

On August 28, 1901, Mrs. Verral's script had some Latin, of which the following is a translation: "Sign with the seal. The fir-tree that has been already planted in the garden gives its own portent." This script was signed with a scrawl and three drawings representing a sword, a suspended bugle and a pair of scissors.

Ngày 28 tháng Tám, 1901, bản viết của Bà Verrall có một đoạn Latin, được dịch như sau: "Hãy đóng ấn. Cây thông đã được trồng trong vườn tự nó đưa ra điềm báo." Bản viết này được ký bằng một nét ngoằn ngoèo và ba hình vẽ tượng trưng cho một thanh gươm, một kèn hiệu treo lơ lửng và một cái kéo.

On the same day Mrs. Forbes's script purporting to come from her son (who had been killed in the South African War) said that he was looking for a sensitive who wrote automatically, in order that he might obtain corroboration for her own writing. This script was apparently produced earlier in the day than Mrs. Verrall's script above mentioned.

Cùng ngày hôm đó, bản viết của Bà Forbes, được cho là đến từ con trai bà (người đã tử trận trong Chiến tranh Nam Phi), nói rằng y đang tìm một người mẫn cảm biết viết tự động, để y có thể nhận được sự kiểm chứng cho bản viết của bà. Bản viết này dường như được tạo ra sớm hơn trong ngày so với bản viết của Bà Verrall nói trên.

The interest of the incident lies in the fact that a suspended bugle surmounted by a crown was the badge of Talbot Forbes's regiment. Further, Mrs. Forbes has in her garden four or five small fir-trees grown from seed sent her from abroad by her son; these she calls Talbot's trees. These facts were totally unknown to Mrs. Verrall. As bearing on the question of chance coincidence, it is to be remarked that on no other occasion has a bugle appeared in Mrs. Verrall's script, nor has there been any other allusion to a planted fir-tree (p. 172).

Điều thú vị của sự kiện nằm ở chỗ một chiếc kèn hiệu treo, phía trên đội vương miện, là phù hiệu của trung đoàn Talbot Forbes. Thêm nữa, trong vườn của Bà Forbes có bốn hay năm cây thông nhỏ được trồng từ hạt giống do con trai bà gửi từ nước ngoài về; bà gọi chúng là "những cây của Talbot". Những điều này hoàn toàn không ai báo cho Bà Verrall biết. Xét đến khả năng trùng hợp ngẫu nhiên, cần lưu ý rằng chưa từng có lần nào khác một chiếc kèn hiệu xuất hiện trong bản viết của Bà Verrall, cũng chưa từng có ám chỉ nào khác về một cây thông đã trồng (tr. 172).

Sir Oliver Lodge has expressed a favourable opinion of the evidential value of a number of cross-correspondences between Mrs. Forbes, Mrs. Piper, Mrs. Thompson and Mrs. Verrall. Many of these tests came from a soi-disant

Ngài Oliver Lodge đã bày tỏ ý kiến thuận lợi về giá trị bằng chứng của một số tương ứng chéo giữa Bà Forbes, Bà Piper, Bà Thompson và Bà Verrall. Nhiều phép thử trong số này đến từ một người tự xưng là Frederick Myers. Ngài

Frederick Myers. Sir Oliver said that the scholarship in some cases singularly corresponds with that of F. W. H. Myers when living, and surpasses the unaided information of any of the receivers. Mr. J. A. Hill, on p. 204 of the book above-mentioned, adds:

Oliver nói rằng học vấn trong một số trường hợp đặc biệt tương ứng với học vấn của F. W. H. Myers khi còn sống, và vượt quá khả năng thông tin không trợ giúp của bất kỳ người nhận nào. Ông J. A. Hill, ở tr. 204 của cuốn sách vừa nêu, bổ sung:

Some of the communications are strikingly appropriate to and characteristic of Mr. Myers, in many subtle ways; and this psychological kind of evidence, made up of many strokes, some bold, some faint, but all tending to bring out the lineaments of this one personality—this psychological evidence, I say, even apart from anything else, is as impressive as isolated correct facts about the communicator's past life, which is the kind of evidence most sought for hitherto. And, adding to this evidence the cross-correspondences, which are also in some instances of characteristic kind—*e.g.,* the anagrams characteristic of Dr. Hodgson, and the Dante, Tennyson, and Browning incidents suggestive of Mr. Myers, there results a body of recent evidence stronger perhaps than anything that has previously been published by qualified investigators, in favour of communication from disembodied human beings.

Một số thông điệp đặc biệt thích đáng với và đặc trưng cho Ông Myers, theo nhiều cách tinh tế; và loại bằng chứng tâm lý này, được tạo nên bởi nhiều nét vẽ, nét đậm nét mờ, nhưng tất cả đều hướng tới việc khắc họa những đường nét của một phàm ngã này—bằng chứng tâm lý này, tôi nói, ngay cả tách riêng khỏi những thứ khác, cũng ấn tượng không kém những dữ kiện đúng rời rạc về đời sống quá khứ của người truyền thông điệp, là kiểu bằng chứng vốn được truy cầu nhiều nhất từ trước đến nay. Và, cộng thêm vào bằng chứng này các tương ứng chéo, vốn trong một số trường hợp cũng có tính chất đặc trưng— *ví dụ,* những chữ đố anagram đặc trưng của Bác sĩ Hodgson, và các tình tiết về Dante, Tennyson, và Browning gợi nhắc đến Ông Myers, thì kết quả là một khối bằng chứng gần đây có lẽ mạnh mẽ hơn bất cứ thứ gì trước đây đã được công bố bởi những nhà điều tra có thẩm quyền, ủng hộ cho khả năng truyền thông từ các con người đã rời khỏi xác phàm.

Referring to the telepathic theory as to the cause of these and similar occurrences, Mr. Hill writes (p. 203):

Khi đề cập đến thuyết viễn cảm như nguyên nhân của những việc này và những việc tương tự, Ông Hill viết (tr. 203):

If telepathy from the living is to explain all, we shall have to believe that it can occur in a very definite and continuous way between people who do not know each other, as in the earlier script of Mrs. Holland and in some of the trance-speech of Mrs. Thompson. We shall also have to assume a very complicated system of telepathic cross-firing among the automatists concerned, the cross-firing, moreover, occurring at subliminal depths,

Nếu viễn cảm từ người sống phải giải thích tất cả, chúng ta sẽ phải tin rằng nó có thể xảy ra theo một cách rất xác định và liên tục giữa những người không hề quen biết nhau, như trong các bản viết sớm của Bà Holland và trong một số lời nói khi xuất thần của Bà Thompson. Chúng ta cũng sẽ phải giả định một hệ thống bắn chéo viễn cảm hết sức phức tạp giữa các người viết tự động có liên quan, hơn nữa các phát bắn chéo ấy xảy ra ở những tầng sâu tiềm

leaving the normal personalities quite ignorant of all this remarkable activity. I confess that I am unable to accept this. To quote Mr. Lang... "there is a point at which the explanations of common sense arouse scepticism". And I do not think that a telepathic theory of this extended kind can be called an explanation of common sense. If it were presented on its own merits, and not as a refuge from "spirits", it would be described, by common-sense people, as a piece of uncommon nonsense.

thức, để cho các phàm ngã bình thường hoàn toàn không hay biết gì về hoạt động kỳ lạ này. Tôi thú thật tôi không thể chấp nhận điều đó. Trích lời Ông Lang... "có một điểm mà các lối giải thích theo lẽ thường lại khơi dậy hoài nghi". Và tôi không nghĩ rằng một thuyết viễn cảm mở rộng kiểu này có thể được gọi là một giải thích theo lẽ thường. Nếu nó được trình bày dựa trên giá trị tự thân của nó, chứ không phải như một nơi trú ẩn khỏi "các vong linh", nó sẽ bị những người theo lẽ thường mô tả là một mớ vô lý khác thường.

The Two Drowned Sailors—Hai Thủy Thủ Chết Đuối

What amounts practically to a cross-reference, though it was apparently not intentional, is related by Mr. W. Britton Harvey, Editor of *The Harbinger of Light,* Melbourne, in his booklet *They All Come Back!* One evening in a circle in his home the intelligence controlling the medium gave his name as Walter Robinson, and stated that Fred Field was with him, and added that they had both been drowned at sea. Mr. Harvey had known a Walter Robinson, and had learnt that he had been drowned, but he had never even heard of Fred Field.

Một điều về thực chất tương đương với tham chiếu chéo, dù có vẻ không chủ ý, được Ông W. Britton Harvey, Chủ bút *Sứ Giả của Ánh Sáng*, Melbourne, thuật lại trong tập sách nhỏ *Họ Đều Trở Về!* Một buổi tối, trong một vòng cầu cơ tại nhà mình, vị trí tuệ điều khiển đồng tử cho biết tên là Walter Robinson, và nói rằng Fred Field đang ở cùng y, và thêm rằng cả hai đều đã chết đuối ngoài biển. Ông Harvey từng biết một Walter Robinson, và được biết rằng anh này đã chết đuối, nhưng Ông chưa từng nghe cái tên Fred Field.

More than a year later an acquaintance happened to tell Mr. Harvey that some years before, in a sitting with a Melbourne medium, he had been greeted by Walter Robinson and Fred Field, who declared they had been drowned. I will complete the story in Mr. Harvey's own words:

Hơn một năm sau, một người quen tình cờ nói với Ông Harvey rằng vài năm trước, trong một buổi ngồi với một đồng tử ở Melbourne, Ông đã được Walter Robinson và Fred Field chào, những người nói rằng họ đã chết đuối. Tôi sẽ hoàn tất câu chuyện bằng lời của chính Ông Harvey:

"I knew Walter and Fred well," continued my informant, "but I had never heard of their deaths. They were shipmates of mine at one time, and it was not for nine months after they had purported to speak to me that I found out that they had been drowned." I then learnt for the first time that this casual acquaintance

"Tôi biết Walter và Fred rất rõ," người đưa tin của tôi tiếp tục, "nhưng tôi chưa từng nghe về cái chết của họ. Họ từng là bạn tàu của tôi một thời, và mãi chín tháng sau khi họ tỏ ý nói chuyện với tôi tôi mới phát hiện ra rằng họ đã chết đuối." Rồi lần đầu tiên tôi được biết người quen tình cờ này từng sống cách thị trấn nơi

used to live a few miles from the town in which I resided in the Old Country. At that time he went to sea, and that was how he got to know Walter Robinson and Fred Field. I had not mentioned either of these names to him previously. In fact, this was the first chat we had had together, and this will account for my not knowing before that he once resided so close to me in England (p. 15).

tôi cư trú ở Cựu Quốc vài dặm. Vào thời điểm đó ông đi biển, và đó là cách ông quen Walter Robinson và Fred Field. Tôi chưa từng nhắc đến bất kỳ cái tên nào trong hai cái tên này với ông trước đó. Thực ra, đây là lần trò chuyện đầu tiên của chúng tôi, và điều này sẽ giải thích vì sao tôi không biết trước rằng ông từng cư trú gần tôi như thế ở Anh (tr. 15).

The Book Tests—Các Phép Thử Bằng Sách

In 1922 the Rev. Charles Drayton Thomas put forth a book entitled *Some New Evidence for Human Survival*. In this he opens up on a large scale a method of investigation but slightly touched upon hitherto, in the form of book and newspaper tests. These tests are stated to come from his father, the Rev. John Drayton Thomas (who died some years ago) acting through Mrs. Leonard, with the assistance of a control who calls herself Feda.

Năm 1922 Mục sư Charles Drayton Thomas xuất bản một cuốn sách nhan đề *Một Số Chứng Cứ Mới về Sự Sống Sót của Con Người*. Trong đó Ông mở ra trên quy mô lớn một phương pháp điều tra trước nay mới chỉ chạm đến đôi chút, dưới dạng các phép thử bằng sách và báo chí. Những phép thử này được cho là đến từ thân phụ của Ông, Mục sư John Drayton Thomas (đã qua đời vài năm trước) hành động thông qua Bà Leonard, với sự trợ giúp của một vị điều khiển tự xưng là Feda.

The general method of book-tests, of which some hundreds are related, is for the "spirit" to go into Mr. Thomas's library (some distance from the house where the sittings are held), select a book, observe some ideas on a certain page or pages in that book, and then announce them. Several of these observations are written down on one occasion; they are afterwards verified, and have been found to be for the most part correct.

Phương pháp chung của các phép thử bằng sách, trong đó có hàng trăm trường hợp được thuật lại, là "vong linh" đến thư viện của Ông Thomas (cách xa ngôi nhà nơi tổ chức ngồi chuyện), chọn một cuốn sách, ghi nhận một số ý tưởng ở một trang hay vài trang nhất định trong cuốn sách đó, rồi công bố chúng. Một vài nhận xét như thế được ghi ra trong một lần; về sau chúng được kiểm chứng, và phần lớn tỏ ra là đúng.

The operators have apparently certain difficulties in seeing the actual print of the book, but in some manner not easy to comprehend they can grasp the idea involved in the printed words. They cannot apparently see the numbers printed on the pages, but they can count the pages from the beginning of the printed matter, and so indicate exactly those to which they wish to refer. Some of the

Dường như các vị điều phối gặp một số khó khăn trong việc nhìn thấy con chữ in trên sách, nhưng bằng cách nào đó không dễ hiểu, họ có thể nắm bắt ý tưởng hàm trong các từ in. Họ có vẻ không thấy được các con số in trên trang, nhưng họ có thể đếm các trang từ khi phần chữ in bắt đầu, và do đó chỉ ra chính xác những trang mà họ muốn tham chiếu. Một số phép thử lấy từ các cuốn sách trên kệ, nhưng

tests are taken from books on the shelves, but others with equal success were performed with books belonging to other people, made up into carefully sealed parcels, the contents of which were quite unknown to the experimenters until the parcels were opened in order to verify the test messages.

số khác cũng thành công tương đương được thực hiện với những cuốn sách thuộc sở hữu của người khác, được gói thành các kiện niêm kín cẩn thận, nội dung hoàn toàn vô tri đối với các nhà thực nghiệm cho đến khi các kiện được mở ra nhằm kiểm chứng các thông điệp thử nghiệm.

I will give two typical examples of book-tests from the many recorded by Mr. Thomas, which range variously over description, humour, topics of the day, philosophy and religion.

Tôi sẽ đưa hai ví dụ điển hình về các phép thử bằng sách từ nhiều trường hợp do Ông Thomas ghi chép, trải rộng từ mô tả, hài hước, các đề tài thời sự, triết học đến tôn giáo.

In your study, close to the door, the lowest shelf, take the sixth book from the left, and page 149; three-quarters down is a word conveying the meaning of falling back or stumbling.

Trong phòng làm việc của Ông, gần cửa, kệ thấp nhất, lấy cuốn sách thứ sáu tính từ bên trái, và trang 149; cách ba phần tư trang là một từ chuyển tải nghĩa là ngã lùi lại hay vấp ngã.

Rather more than half-way down the page was the following sentence:

Hơn nửa trang xuống dưới một chút có câu sau:

... to whom a crucified Messiah was an insuperable stumbling-block.

... đối với họ một Đấng Messiah bị đóng đinh là một chướng ngại không thể vượt qua.

Very low down on the page he seemed to get something about great noise, not a sharp, thin sound, but a heavy one, more of a roaring noise.

Rất sát cuối trang, dường như có gì đó về tiếng động lớn, không phải âm sắc mỏng, sắc, mà là âm nặng, thiên về tiếng gầm hơn.

Close to the bottom of this page was the sentence:

Ngay gần cuối trang này có câu:

I chanced to come that time along the coast, and heard the guns for two or three days and nights successively, (pp. 15-17.)

Tôi tình cờ đi dọc bờ biển khi ấy, và nghe tiếng đại bác suốt hai hay ba ngày đêm liền, (tr. 15-17.)

Mr. Drayton Thomas says that these book-tests were given, so it was claimed by the "spirit friends," not so much as a proof of identity, as illustrating the ability of a spirit to obtain information unknown to the sitter or medium, and yet capable of easy verification.

Ông Drayton Thomas nói rằng các phép thử bằng sách này được đưa ra, theo lời "những người bạn trong cõi vô hình", không hẳn như một bằng chứng nhận dạng, mà là để minh họa khả năng của một vong linh có thể thu thập thông tin không ai trong người dự hay đồng tử biết, nhưng lại dễ dàng kiểm chứng

được.

In Chapter XII Mr. Thomas gives a series of book-tests which were communicated for Lady Glenconnor, who has also herself written about them in *The Earthen Vessel*. The messages were transmitted from the late Hon. Edward Wyndham Tennant through the same medium, the late Rev. John Drayton Thomas and Feda communicating. This time they used the books in the libraries at Lady Glenconnor's house in Scotland, at her town house, and also at Wilsford Manor.

Trong Chương XII Ông Thomas đưa ra một loạt phép thử bằng sách được truyền cho Phu nhân Glenconnor, người cũng tự mình viết về chúng trên *Chiếc Bình Đất*. Các thông điệp được truyền từ Ngài Edward Wyndham Tennant quá cố qua cùng một đồng tử, Mục sư John Drayton Thomas quá cố và Feda là người truyền đạt. Lần này họ dùng các cuốn sách trong thư viện tại nhà của Phu nhân Glenconnor ở Scotland, tại nhà ở thành phố của bà, và cả tại Trang viên Wilsford.

Summing up the results of two years' work the author finds that out of 209 book tests spontaneously given 147 were good, 26 indefinite, and 36 apparent failures (p. 98).

Tổng kết kết quả của hai năm làm việc, tác giả nhận thấy trong số 209 phép thử bằng sách được đưa ra một cách tự phát có 147 là tốt, 26 không rõ ràng, và 36 có vẻ thất bại (tr. 98).

A Test By Madame Blavatsky—Một Phép Thử Của Bà Blavatsky

Before closing this subject of book-tests, let me recount one such example also from the record of Madame Blavatsky. Her life was full of incidents showing remarkable powers in many directions; of these one may read especially in *The Occult World* and *Incidents in the Life of Madame Blavatsky,* by A. P. Sinnett, and in *Old Diary Leaves,* by Col. H. S. Olcott. Mr. G. Baseden Butt has recently written a careful and thoughtful account of her life in his volume entitled *Madame Blavatsky*. From that I take the following "test" related by Countess Wachtmeister (p. 153):

Trước khi khép lại chủ đề các phép thử bằng sách, hãy để tôi thuật lại một ví dụ như thế cũng từ ghi chép về Bà Blavatsky. Đời bà đầy những sự kiện cho thấy những năng lực đáng kinh ngạc trên nhiều phương diện; có thể đọc về những điều đó đặc biệt trong *Thế Giới Huyền Bí* và *Những Tình tiết trong Đời Bà Blavatsky* của A. P. Sinnett, và trong *Những Trang Nhật Ký Cũ* của Đại tá H. S. Olcott. Ông G. Baseden Butt gần đây đã viết một bản tường thuật công phu và thâm trầm về đời bà trong tập sách nhan đề *Madame Blavatsky*. Từ đó tôi trích "phép thử" sau, do Bá tước phu nhân Wachtmeister kể lại (tr. 153):

An experience related by the Countess Wachtmeister cannot be explained save on the assumption that the Masters really exist and were able to communicate with her. In the autumn of 1885, before she had met Madame Blavatsky, and before she knew that she was likely to meet her, the Countess was making preparations to leave her home in Sweden in order to spend the winter with some friends in

Một trải nghiệm do Bá tước phu nhân Wachtmeister thuật lại không thể giải thích được trừ phi giả định rằng các Chân sư thật sự hiện hữu và đã có thể giao tiếp với bà. Mùa thu năm 1885, trước khi bà gặp Bà Blavatsky, và trước khi bà biết mình có thể sẽ gặp bà, Bá tước phu nhân chuẩn bị rời nhà ở Thụy Điển để sang Ý tránh đông cùng vài người bạn, định ghé thăm Bà Gebhard ở Elberfeld *trên đường đi.*

Italy, intending to visit Madame Gebhard at Elberfeld *en route*. While she was laying aside the articles she intended to take with her, the Countess, who was clairvoyant and clairaudient, heard a voice saying: "Take that book, it will be useful to you on your journey." The book referred to was a manuscript collection of notes on the Tarot and passages in the Kabbalah compiled by a friend. Countess Wachtmeister could conceive of no purpose for which this book might be required, but, obedient to her clairaudient injunction, she laid it in the bottom of one of her travelling trunks. At Elberfeld, Madame Gebhard persuaded the Countess to go to Würzburg and spend the winter with Madame Blavatsky there instead of going to Italy. When the Countess arrived at Würzburg, and was going into the dining-room to take some tea, Madame Blavatsky said abruptly, as if the matter had been dwelling on her mind:

Trong lúc đang để riêng các món đồ định mang theo, Bá tước phu nhân, người có thông nhãn và thông nhĩ, nghe một giọng nói: "Hãy mang cuốn sách kia theo, nó sẽ hữu ích cho cô trên đường đi." Cuốn sách được nói tới là một tập bản thảo gồm các ghi chú về Tarot và những đoạn trong Kabbalah do một người bạn biên soạn. Bá tước phu nhân Wachtmeister không thể hình dung mục đích gì mà cuốn sách này có thể được cần đến, nhưng, vâng theo lời chỉ dẫn qua thông nhĩ, bà đặt nó dưới đáy một trong những rương hành lý. Ở Elberfeld, Bà Gebhard thuyết phục Bá tước phu nhân đến Würzburg và dành mùa đông ở đó với Bà Blavatsky thay vì sang Ý. Khi Bá tước phu nhân tới Würzburg, và đang đi vào phòng ăn để dùng trà, Bà Blavatsky bất ngờ nói, như thể điều ấy đã canh cánh trong tâm trí bà:

"Master says you have a book for me of which I am much in need."

"Chân sư nói cô có một cuốn sách cho tôi mà tôi đang rất cần."

The Countess Wachtmeister denied that any books were with her, but Madame Blavatsky bade her think again, as Master said that her visitor had been told in Sweden to bring a book on the Tarot and the Kabbalah. "Then," adds the Countess, "I recollected the circumstances I have related above. From the time I had placed the volume in the bottom of my box it had been out of my sight and out of my mind. Now, when I hurried to the bedroom, unlocked the trunk, and dived to the bottom, I found it in the same corner I had left it when packing the box in Sweden, undisturbed from that moment to this. But that was not all. When I returned to the dining-room with it in my hand, Madame Blavatsky made a gesture and cried: 'Stay, do not open it yet. Now turn to page ten, and on the sixth line you will find the words…' And she quoted a passage.

Bá tước phu nhân Wachtmeister nói rằng bà không mang theo sách nào, nhưng Bà Blavatsky bảo bà nghĩ lại, vì Chân sư nói rằng vị khách của bà đã được bảo ở Thụy Điển mang một cuốn sách về Tarot và Kabbalah. "Rồi," Bá tước phu nhân thêm, "tôi chợt nhớ lại những điều tôi vừa kể ở trên. Từ lúc tôi đặt cuốn sách xuống đáy rương, nó đã khuất khỏi mắt tôi và khỏi tâm trí tôi. Bấy giờ, khi tôi vội về phòng ngủ, mở khóa rương, và thọc tay xuống đáy, tôi thấy nó nằm đúng ở góc tôi đã đặt khi sắp đồ ở Thụy Điển, không hề bị động đến từ khoảnh khắc đó đến nay. Nhưng đó chưa phải hết. Khi tôi trở lại phòng ăn với cuốn sách trên tay, Bà Blavatsky ra hiệu và kêu: 'Khoan, đừng mở ra vội. Giờ hãy mở trang mười, và ở dòng thứ sáu cô sẽ thấy những chữ…' Và bà trích một đoạn.

I opened the book, which, let it be remembered, was no printed volume of which there might be a copy in H. P. B.'s possession, but a manuscript album in which, as I have said, had been written notes and excerpts by a friend of mine for my own use, yet on the page and at the line she had indicated I found the very words she had uttered.

Tôi mở sách, nhớ rằng đây không phải sách in mà có thể có một bản trong tay H. P. B., mà là một tập bút ký chép tay mà, như tôi đã nói, gồm những ghi chú và trích đoạn do một người bạn của tôi viết cho tôi dùng, vậy mà ngay đúng trang và dòng bà chỉ, tôi tìm thấy những từ mà bà vừa nói.

When I handed her the book I ventured to ask her why she wanted it.

Khi tôi trao sách cho bà, tôi mạo muội hỏi vì sao bà muốn nó.

'O,' she replied, 'for *The Secret Doctrine.*' "

'Ồ,' bà đáp, 'cho *Giáo Lý Bí Nhiệm.* ' "

Surely this incident establishes at one and the same time the existence of the Masters and the reality of Madame Blavatsky's power of clairvoyance.

Hẳn sự kiện này đồng thời xác lập cả sự hiện hữu của các Chân sư lẫn thực tại năng lực thông nhãn của Bà Blavatsky.

The Newspaper Tests—Các Phép Thử Bằng Báo Chí

Satisfactory as the book-tests are, what are known as the newspaper-tests are still more effective. These messages, instead of relating to books existing in libraries, in closed parcels or even in locked iron boxes, refer to *tomorrow's* paper. Various newspapers were used, but chiefly the London *Times,* and the communications related therefore to what had not yet been printed; enquiries at the office of the paper resulted in the information that at the time of the sitting the type-matter had not yet been assembled, and probably some of it had not even been set up. Respecting these tests Mr. Thomas says also:

Dù các phép thử bằng sách là thỏa đáng, thì cái gọi là các phép thử bằng báo chí còn hiệu quả hơn nữa. Những thông điệp này, thay vì liên quan đến các sách có trong thư viện, trong các gói kín hay thậm chí trong những hộp sắt khóa chặt, lại liên quan đến tờ báo của *ngày mai*. Nhiều tờ báo được sử dụng, nhưng chủ yếu là *Times* Luân Đôn, và vì thế các thông điệp liên hệ đến những gì còn chưa in; các cuộc hỏi tại tòa soạn cho biết rằng vào lúc buổi ngồi chuyện diễn ra, phần chữ in vẫn chưa được dàn trang, và có lẽ một phần trong số đó còn chưa được sắp chữ. Về các phép thử này Ông Thomas cũng nói:

It is important to realize that a copy of these notes was made *the same evening,* and posted in London so that it would be delivered early the following morning. It was sent to the Secretary of the Society of Psychical Research in accordance with my invariable custom, a practice adopted many months previously, when I realized that the tests from the papers of the day after the sitting were becoming a

Điều quan trọng là hiểu rằng một bản sao các ghi chú này đã được thực hiện *ngay tối hôm đó,* và gửi bưu điện tại Luân Đôn để có thể phát đến nơi vào sớm hôm sau. Nó được gửi cho Thư ký Hội Nghiên cứu Thông linh theo đúng thông lệ bất biến của tôi, một thực hành đã được áp dụng từ nhiều tháng trước, khi tôi nhận ra rằng các phép thử dựa trên các báo của ngày hôm sau buổi ngồi chuyện đang trở

regular feature of conversations with my father through Mrs. Leonard and Feda. (p. 133.)

thành một đặc điểm thường xuyên trong các cuộc đối thoại với cha tôi qua Bà Leonard và Feda. (tr. 133.)

There is generally a certain vagueness about these tests, as in the book-tests, but that the communicating intelligences do make a connection between words in the newspaper and names or facts familiar to the enquirers is certain. For example, they say (p. 131) "On page 1, column 2, near the top, there is the name of a minister with whom your father was friendly at Leek." The name Perks was found in the place indicated, and he had known a minister of that name at Leek.

Nói chung các phép thử này có một mức độ mơ hồ nhất định, như trong các phép thử bằng sách, nhưng việc các trí tuệ truyền thông điệp quả có tạo được mối liên kết giữa các từ trên tờ báo và các tên hay sự kiện quen thuộc với người hỏi là điều chắc chắn. Ví dụ, họ nói (tr. 131) "Trên trang 1, cột 2, gần đầu, có tên một mục sư từng thân với cha Ông ở Leek." Tên Perks được tìm thấy đúng vị trí chỉ ra, và ông từng biết một mục sư mang tên đó ở Leek.

There are many carious approximations in these tests. For example, it was announced that in a certain column, one-quarter down, would appear Mr. Thomas' father's name, his own, his mother's, and that of an aunt. In the position indicated the names John and Charles appeared. These were correct, but instead of Emily and Sarah (the names of an aunt and Mr. Thomas' mother) were the words Emile Sauret! Similarly in the place stated to contain the maiden name of the mother "or one very like it" was the word Dorothea, while her name was Dore.

Có nhiều sự xấp xỉ kỳ lạ trong các phép thử này. Ví dụ, đã được báo trước rằng ở một cột nhất định, cách đầu cột một phần tư, sẽ xuất hiện tên của cha Ông Thomas, tên của chính Ông, tên Mẹ Ông, và tên một người cô. Ở vị trí chỉ ra, có tên John và Charles. Những tên này là đúng, nhưng thay vì Emily và Sarah (tên người cô và tên Mẹ của Ông Thomas) lại là các chữ Emile Sauret! Tương tự, ở nơi được nói là chứa họ thời con gái của Mẹ "hoặc một tên rất giống", lại có chữ Dorothea, trong khi tên Mẹ là Dore.

Notwithstanding this vagueness these messages do present a valuable addition to the evidence for the existence of intelligence beyond that of the sitters, and this record is especially useful because Mr. Thomas sent his tests to the Secretary of the Society for Psychical Research before the newspapers were printed.

Dẫu có tính mơ hồ như vậy, các thông điệp này quả thực cung cấp một bổ sung quý cho bằng chứng về sự tồn tại của trí tuệ vượt lên trên trí tuệ của người dự, và bản ghi chép này đặc biệt hữu dụng bởi Ông Thomas đã gửi các phép thử của mình cho Thư ký Hội Nghiên cứu Thông linh trước khi các tờ báo được in.

In twelve such sittings, containing 104 tests, Mr. Thomas finds that there were 73 successes, 12 inconclusive items, and 19 failures, and in another set of trials there were 51 successes out of 53 tests (p. 153). Many

Trong mười hai buổi như thế, gồm 104 phép thử, Ông Thomas thấy rằng có 73 thành công, 12 hạng mục không ngã ngũ, và 19 thất bại, và trong một loạt thử nghiệm khác có 51 thành công trên 53 phép thử (tr. 153). Nhiều phép

tests were also received for persons other than the sitters, and relating to facts entirely unknown to them.

thử cũng được nhận cho những người không phải người dự, và liên quan đến các sự kiện hoàn toàn xa lạ với họ.

The Source Of The Messages—Nguồn Gốc Các Thông Điệp

In studying the probable source of these messages, Mr. Drayton Thomas feels assured that they do come from his deceased father, for all his sittings abound in references to his doings and surroundings which would normally be unknown to Mrs. Leonard, also with references to his father's earth-life, and besides "they include a wide range of elusive touches which are unproducible in cold print, but in which I see my father's personality ringing true to that which I knew so well during his life on earth" (p. 190). We must, of course, consider that the medium of Feda might read his mind, but as to this he says: "Up to the present all my experiments with Feda have failed to find in her any trace of ability to explore my thought or reproduce my memories; the evidence all points the other way." (p. 192.)

Khi nghiên cứu nguồn khả dĩ của các thông điệp này, Ông Drayton Thomas tin chắc rằng chúng quả đến từ người cha đã khuất của Ông, vì tất cả các buổi ngồi chuyện của Ông đều đầy rẫy những tham chiếu đến các việc làm và hoàn cảnh quanh Ông vốn bình thường Bà Leonard không biết, cũng như nhiều tham chiếu đến đời sống trần thế của người cha, và ngoài ra "chúng bao gồm một phổ rộng các nét chấm phá khó nắm, không thể hiện ra một cách lạnh lùng trên trang in, nhưng trong đó tôi thấy phàm ngã của cha tôi ngân lên đúng với điều mà tôi từng biết rất rõ suốt đời ông trên cõi trần" (tr. 190). Dĩ nhiên chúng ta phải xét đến khả năng Feda, với tư cách đồng tử điều khiển, có thể đọc tâm Ông, nhưng về điều này Ông nói: "Cho đến nay mọi thí nghiệm của tôi với Feda đều không tìm thấy nơi bà chút dấu vết khả năng thám sát tư tưởng của tôi hoặc tái hiện ký ức của tôi; bằng chứng tất cả chỉ theo hướng ngược lại." (tr. 192.)

He mentions also that it is a curious experience, after having received correct references through pages of books scattered about his library to hear the control struggling to spell out a name which he himself knows to be that which is required for completing some explicit description, and to find that such efforts usually fail to pass beyond the initial letter of the required name, and that his own concentration upon the name appears to make things not one whit easier. He concludes: "That my father links his former memories with matter discovered in preparation for the morrow's press is the only explanation logically fitting with the facts." (p. 194.)

Ông cũng nói rằng thật là một trải nghiệm lạ lùng, sau khi đã nhận những tham chiếu đúng qua các trang sách nằm rải rác khắp thư viện, lại nghe vị điều khiển chật vật đánh vần một cái tên mà chính Ông biết là điều cần để hoàn tất một mô tả rõ ràng nào đó, và thấy rằng những nỗ lực như thế thường không vượt quá chữ cái đầu của cái tên cần thiết, và sự tập trung của riêng Ông vào cái tên dường như chẳng khiến mọi việc dễ dàng hơn chút nào. Ông kết luận: "Rằng cha tôi liên kết những ký ức xưa của ông với những điều được phát hiện trong quá trình chuẩn bị cho trang in ngày mai là lối giải thích duy nhất phù hợp một cách hợp lý với các sự kiện." (tr. 194.)

As to the views of the "spirits" themselves upon the way in which they obtain the newspaper tests, Mr. Thomas received the following communication:

Về các quan điểm của chính "các vong linh" đối với cách họ đạt được các phép thử bằng báo chí, Ông Thomas nhận được thông điệp sau:

These tests have been devised by others in a more advanced sphere than mine, and I have caught their ideas. This may be done even when we do not realize whence the thought originates, much as when minds on earth receive inspiration. We can visit these higher helpers, and, even when away from them, may be very conscious of their assistance. I am not yet aware exactly how one obtains these tests, and have wondered whether the higher guides exert some influence whereby a suitable advertisement comes into position on the convenient date; I have thought of this, but do not know. These tests will be better than the book-tests, because more definite, and their object will be to prove that we can obtain information from other quarters than the mind or surroundings of the sitter; it will be useless to invoke "the subconscious mind" as an explanation here. I was taken to the *Times* office, and did not find the way there by myself; helpers are plentiful when we are engaged on work of this kind. (p. 201.)

Các phép thử này đã được nghĩ ra bởi những vị ở một cảnh giới tiến hóa cao hơn của tôi, và tôi đã nắm bắt được ý tưởng của họ. Điều này có thể được thực hiện ngay cả khi chúng tôi không nhận ra tư tưởng khởi nguyên từ đâu, tựa như khi những tâm trí nơi cõi trần nhận được cảm hứng. Chúng tôi có thể thăm các vị trợ giúp cao hơn ấy, và ngay cả khi rời họ, vẫn có thể rất ý thức về sự trợ giúp của các vị. Tôi vẫn chưa biết chính xác cách người ta thu được các phép thử này, và đã băn khoăn không biết liệu các vị hướng dẫn cao hơn có tác động nào đó nhờ đó một mẩu quảng cáo thích hợp được đặt đúng vào ngày thuận tiện không; tôi có nghĩ đến điều này, nhưng không biết. Những phép thử này sẽ tốt hơn phép thử bằng sách, vì xác định hơn, và mục đích của chúng là chứng minh rằng chúng tôi có thể thu nhận thông tin từ những nguồn khác ngoài tâm trí hay hoàn cảnh của người dự; ở đây viện dẫn "tâm trí tiềm thức" làm lời giải thích sẽ vô dụng. Tôi đã được đưa đến tòa soạn *Times*, và không tự tìm đường đến đó; người trợ giúp thì nhiều khi chúng tôi làm việc loại này. (tr. 201.)

In another communication given later, in reply to the question: "Do you now understand what it actually is that you operate upon at the *Times* office?"' the father said:

Trong một thông điệp khác về sau, để trả lời câu hỏi: "Giờ đây ông có hiểu thực ra là ông tác động vào cái gì tại tòa soạn *Times* không?", người cha nói:

It is still a puzzle. On one occasion I thought I saw the complete page set up; it certainly appeared to be so, and I noticed certain items in it which I believe proved correct. But on returning to the office a little while after—for I frequently go twice to make sure of the tests—I found that the page was not yet set up, and this astonished me and was most perplexing.

Nó vẫn là một điều bí ẩn. Có lần tôi tưởng mình đã thấy một trang hoàn chỉnh đã được dàn; dường như quả là như thế, và tôi chú ý đến một vài mẩu trong đó mà tôi tin là đã được chứng thực. Nhưng khi trở lại tòa soạn một lát sau—vì tôi thường đi hai lần để chắc ăn các phép thử—tôi thấy rằng trang ấy vẫn chưa được dàn, điều này làm tôi rất ngạc nhiên và

(p. 207.)

In other communications the deceased clergyman speculates variously upon the possible methods by which future events may be known, but apparently in that world as in this the mystery of time is not yet solved.

vô cùng bối rối. (tr. 207.)

Trong những thông điệp khác, vị mục sư quá cố suy ngẫm theo nhiều cách về những phương thức khả hữu mà qua đó các sự kiện tương lai có thể được biết trước, nhưng dường như ở thế giới ấy cũng như ở thế giới này, huyền nhiệm của thời gian vẫn chưa được giải quyết.

CHAPTER VI—CHƯƠNG VI

PARTIAL MATERIALIZATION—HIỆN HÌNH MỘT PHẦN

Varieties Op Materialization—Các Dạng của Sự Hiện Hình

All the most interesting phenomena of the seance room are connected in some way or other with materialization—that is to say, with the building of physical matter round some astral form, in order that through it the ego inhabiting that astral form may be able to produce results upon the physical plane. But of this materialization there are three varieties. Let me here quote a passage from my own little book upon *The Astral Plane,* p. 118:

Tất cả những hiện tượng thú vị nhất trong phòng gọi hồn đều liên quan theo cách này hay cách khác đến hiện hình—tức là, xây dựng chất liệu hồng trần quanh một hình thể cảm dục nào đó, để qua đó chân ngã cư ngụ trong hình thể cảm dục ấy có thể tạo ra kết quả trên cõi hồng trần. Nhưng hiện hình có ba dạng. Ở đây, cho phép tôi trích một đoạn từ cuốn sách nhỏ của chính tôi về *Cõi Cảm Dục*, tr. 118:

The *habitues* of seances will no doubt have noticed that materializations are of three kinds: First, those which are tangible but not visible; second, those which are visible but not tangible; and third, those which are both visible and tangible. To the first kind, which is much the most common, belong the invisible spirit hands which so frequently stroke the faces of the sitters or carry small objects about the room, and the vocal organs from which the "direct voice" proceeds. In this case an order of matter is being used which can neither reflect nor obstruct light, but is

Những người thường xuyên lui tới các buổi gọi hồn hẳn đã nhận ra rằng hiện hình có ba loại: Thứ nhất, những hiện hình có thể sờ nắm được nhưng không thấy được; thứ hai, những hiện hình thấy được nhưng không sờ nắm được; và thứ ba, những hiện hình vừa thấy được vừa sờ nắm được. Thuộc loại thứ nhất, vốn phổ biến nhất, là những bàn tay vô hình của vong linh, thứ thường vuốt ve khuôn mặt người dự hoặc mang những vật nhỏ đi khắp phòng, và là cơ quan phát âm mà từ đó "tiếng nói trực tiếp" phát ra. Trong trường hợp này, một cấp độ chất liệu đang được sử dụng vốn không thể

capable under certain conditions of setting up vibrations in the atmosphere which affect us as sound. A variation of this class is that kind of partial materialization which, though incapable of reflecting any light that we can see, is yet able to affect some of the ultra-violet rays, and can therefore make a more or less definite impression upon the camera, and so provide us with what are known as "spirit photographs."

phản chiếu cũng không thể cản ánh sáng, nhưng có khả năng, trong những điều kiện nhất định, thiết lập những dao động trong không khí khiến chúng ta cảm thụ thành âm thanh. Một biến thể của hạng này là kiểu hiện hình một phần đó, tuy không có khả năng phản chiếu bất kỳ ánh sáng nào mà chúng ta có thể thấy, nhưng lại có thể tác động lên một số tia tử ngoại, và vì thế có thể để lại một ấn tượng ít nhiều rõ nét trên máy ảnh, nhờ đó cung cấp cho chúng ta cái gọi là "ảnh linh hồn".

When there is not sufficient power available to produce a perfect materialization we sometimes get the vaporous-looking form which constitutes our second class, and in such a case the "spirits" usually warn their sitters that the forms which appear must not be touched. In the rarer case of a full materialization there is sufficient power to hold together, at least for a few moments, a form which can be both seen and touched.

Khi không có đủ năng lực để tạo ra một hiện hình hoàn chỉnh, đôi khi chúng ta nhận được một hình thể trông như hơi sương, cấu thành hạng thứ hai của chúng ta, và trong trường hợp như vậy "các vong linh" thường cảnh báo người ngồi rằng các hình hiện ra không được chạm vào. Trong trường hợp hiếm hơn về một hiện hình toàn phần có đủ năng lực để giữ một hình thể kết tụ—ít nhất trong vài khoảnh khắc—vừa thấy được vừa sờ nắm được.

Nearly all the phenomena coming under this third subdivision of ours are effected by means of the first of these types of materialization, for the hands which cause the raps or tilts, which move objects about the room or raise them from the ground, are not usually visible, though to be able to act thus upon physical matter they must themselves be physical. Occasionally, but comparatively rarely, they may be seen at their work, thus explaining to us how that work is done in the far more numerous instances in which the mechanism is invisible to us. Such a case is given to us by Sir William Crookes, F.R.S., in his interesting book *Researches in the Phenomena of Spiritualism,* p. 93:

Gần như tất cả hiện tượng thuộc phân mục thứ ba của chúng ta đều được thực hiện bằng phương tiện của loại hiện hình thứ nhất nói trên, vì những bàn tay gây ra tiếng gõ hay các cú nghiêng, di chuyển các vật trong phòng hay nâng chúng lên khỏi mặt đất, thường không nhìn thấy, dù rằng để có thể tác động lên vật chất hồng trần theo cách ấy thì bản thân chúng phải là vật chất hồng trần. Thỉnh thoảng, nhưng tương đối hiếm, chúng có thể được nhìn thấy khi đang làm việc, nhờ đó giải thích cho chúng ta cách công việc ấy được thực hiện trong những trường hợp nhiều hơn rất nhiều mà cơ chế vô hình đối với chúng ta. Một trường hợp như vậy được Ngài William Crookes, F.R.S., đưa ra trong cuốn sách thú vị *Nghiên cứu về các Hiện tượng Thần linh học*, tr. 93:

A Luminous Hand—Một Bàn Tay Phát Quang

I was sitting next to the medium, Miss Fox, the only other persons present being my wife and a lady relative, and I was holding the medium's two hands in one of mine, whilst her feet were resting on my feet. Paper was on the table before us, and my disengaged hand was holding a pencil. A luminous hand came down, from the upper part of the room, and after hovering near me for a few seconds, took the pencil from my hand, rapidly wrote on a sheet of paper, threw the pencil down, and then rose up over our heads, gradually fading into darkness.

Tôi ngồi cạnh đồng tử, Cô Fox, những người khác hiện diện hôm đó chỉ có vợ tôi và một người bà con là phụ nữ, và tôi đang giữ hai tay của đồng tử trong một tay của tôi, trong khi hai chân cô đặt trên chân tôi. Trên bàn trước mặt chúng tôi có giấy, và bàn tay rảnh của tôi cầm một cây bút chì. Một bàn tay phát quang từ phần trên của căn phòng hạ xuống, và sau khi lơ lửng gần tôi vài giây, đã lấy cây bút chì khỏi tay tôi, nhanh chóng viết lên một tờ giấy, ném cây bút chì xuống, rồi bay lên trên đầu chúng tôi, dần dần tan vào bóng tối.

The raps and the tilts are too well known to need description, but cases in which heavy objects are raised and suspended without the contact of visible hands are somewhat less commonly seen, so it may perhaps be well to cite one or two of them. In the book just quoted, on p. 89, Sir William Crookes tells us:

Những tiếng gõ và những cú nghiêng quá quen thuộc nên không cần mô tả, nhưng những trường hợp trong đó các vật nặng được nâng lên và treo lơ lửng mà không có sự chạm vào của những bàn tay thấy được thì ít gặp hơn, nên có lẽ nên trích dẫn một hai trường hợp. Trong cuốn sách vừa dẫn, tr. 89, Ngài William Crookes cho biết:

On five separate occasions, a heavy dining-table rose between a few inches and a foot and a half off the floor, under special circumstances, which rendered trickery impossible. On another occasion a heavy table rose from the floor in full light, while I was holding the medium's hands and feet. On another occasion the table rose from the floor, not only when no person was touching it, but under conditions which I had prearranged so as to assure unquestionable proof of the fact.

Trong năm dịp riêng biệt, một chiếc bàn ăn nặng đã nâng lên cao cách mặt sàn từ vài inch đến một foot rưỡi, trong những hoàn cảnh đặc biệt khiến mọi trò lừa bịp trở thành bất khả. Lần khác, một chiếc bàn nặng được nâng khỏi sàn trong ánh sáng đầy đủ, trong khi tôi đang giữ tay và chân của đồng tử. Lần khác nữa, chiếc bàn nâng khỏi sàn, không những khi không có ai chạm vào nó, mà còn trong những điều kiện do tôi sắp đặt trước để đảm bảo bằng chứng không thể chối cãi về sự kiện.

It will be seen, therefore, that the similar experience of my own, which I have described a few pages back, is by no means unique. Mr. Robert Dale Owen, in his *Footfalls on the Boundary of Another World,* p. 74, gives a remarkable case of similar nature:

Như vậy có thể thấy, trải nghiệm tương tự của chính tôi, mà tôi đã mô tả cách đây vài trang, hoàn toàn không phải là độc nhất vô nhị. Ông Robert Dale Owen, trong *Những Bước Chân Trên Ranh Giới Một Thế Giới Khác*, tr. 74, đưa ra một trường hợp đáng chú ý có tính chất tương tự:

In the dining-room of a French nobleman, the Count d'Ourches, residing near Paris, I saw, on the first day of October, 1858, in broad daylight, at the close of *déjèuner à la fourchette*, a dining-table seating seven persons, with fruit and wine on it, rise and settle down, as already described, while all the guests were standing round it, and not one of them touching it at all. All present saw the same thing. Mr. Kyd, son of the late General Kyd, of the British army, and his lady told me (in Paris, in April, 1859) that in December of the year 1857, during an evening visit to a friend, who resided at No. 28 Rue de la Ferme des Mathurins, at Paris, Mrs. Kyd, seated in an armchair, suddenly felt it move, as if someone had laid hold of it from beneath. Then slowly and gradually it rose into the air, and remained there suspended for the space of about thirty seconds, the lady's feet being four or five feet from the ground; then it settled down gently and gradually, so that there was no shock when it reached the carpet. No one was touching the chair when it rose, nor did anyone approach it while in the air, except Mr. Kyd, who, fearing an accident, advanced and touched Mrs. Kyd. The room was at the time brightly lighted, as a French *salon* usually is; and of the eight or nine persons present all saw the same thing in the same way. I took notes of the above, as Mr. and Mrs. Kyd narrated to me the occurrence; and they kindly permitted, as a voucher for its truth, the use of their names.

Trong phòng ăn của một vị quý tộc Pháp, Bá tước d'Ourches, sống gần Paris, vào ngày mồng một tháng Mười, 1858, giữa ban ngày, vào lúc kết thúc *bữa trưa dùng nĩa*, tôi thấy một chiếc bàn ăn đủ chỗ cho bảy người, trên đó có trái cây và rượu, nâng lên rồi hạ xuống, như đã mô tả, trong khi tất cả các vị khách đứng quanh bàn, và không một ai chạm vào nó cả. Tất cả những người có mặt đều thấy cùng một sự việc. Ông Kyd, con trai cố Tướng Kyd của quân đội Anh, và phu nhân của Ông kể cho tôi (ở Paris, tháng Tư, 1859) rằng vào tháng Mười Hai năm 1857, trong một buổi đến thăm buổi tối một người bạn, cư trú tại số 28 Rue de la Ferme des Mathurins ở Paris, Bà Kyd, đang ngồi trên một ghế bành, bỗng cảm thấy nó chuyển động, như thể có ai đó nắm lấy nó từ bên dưới. Rồi chậm rãi và dần dần nó nâng lên không trung, và ở lơ lửng như thế chừng ba mươi giây, hai bàn chân của bà cách mặt đất khoảng bốn hay năm foot; rồi nó hạ xuống êm ái và từ tốn, nên không có một cú chấn khi chạm thảm. Không ai chạm vào chiếc ghế khi nó nâng lên, cũng không ai đến gần nó khi nó đang ở trên không, trừ Ông Kyd, người vì lo xảy ra tai nạn đã tiến lại và chạm tay vào Bà Kyd. Căn phòng lúc đó được thắp sáng rực rỡ, như một *salon* Pháp thường thế; và trong số tám hay chín người có mặt, tất cả đều thấy cùng một sự việc theo cùng một cách. Tôi đã ghi chú những điều nói trên khi Ông và Bà Kyd thuật lại cho tôi sự cố; và họ đã tử tế cho phép dùng tên họ như một bảo chứng cho tính xác thực của câu chuyện.

People have not infrequently been lifted in this way in their chairs, though rarely, I fancy, to the height of five feet. Sir William Crookes saw several instances of the same phenomenon, and thus describes them in his *Researches,* p. 89.

Người ta không hiếm khi bị nâng lên như vậy khi đang ngồi trên ghế, dù tôi đoán là hiếm khi đạt tới độ cao năm feet. Ngài William Crookes đã thấy vài trường hợp của cùng hiện tượng, và mô tả chúng như sau trong *Researches,* tr. 89.

On one occasion I witnessed a chair, with a

Trong một lần, tôi chứng kiến một chiếc ghế,

lady sitting in it, rise several inches from the ground. On another occasion, to avoid the suspicion of this being in some way performed by herself, the lady knelt on the chair in such a manner that its four feet were visible to us. It then rose about three inches, remaining suspended for about ten seconds, and then slowly descended. Another time two children, on separate occasions, rose from the floor with their chairs, in full daylight, under (to me) the most satisfactory conditions; for I was kneeling and keeping close watch upon the feet of the chair, and observing that no one might touch them.

trên đó có một quý bà đang ngồi, nâng lên khỏi mặt đất vài inch. Lần khác, để tránh nghi ngờ rằng việc này do bà ấy tự thực hiện theo cách nào đó, vị phu nhân quỳ trên ghế theo cách mà bốn chân ghế đều hiện rõ trước mắt chúng tôi. Rồi chiếc ghế nâng lên khoảng ba inch, lơ lửng chừng mười giây, rồi chầm chậm hạ xuống. Một lần nữa, hai đứa trẻ, vào hai dịp riêng nhau, đã nâng lên khỏi sàn cùng với ghế của chúng trong ánh sáng ban ngày, dưới những điều kiện (đối với tôi) hoàn toàn thỏa đáng; vì tôi đang quỳ và theo dõi sát sao các chân ghế, quan sát để chắc rằng không ai chạm vào chúng.

The most striking cases of levitation which I have witnessed have been with Mr. Home. On three separate occasions have I seen him raised completely from the floor of the room. Once sitting in an easy chair, once kneeling on his chair, and once standing up. On each occasion I had full opportunity of watching the occurrence as it was taking place.

Những trường hợp thăng không ấn tượng nhất mà tôi từng chứng kiến là với Ông Home. Trong ba dịp riêng rẽ, tôi đã thấy ông được nâng hẳn lên khỏi sàn phòng. Một lần khi đang ngồi trong ghế bành êm, một lần khi đang quỳ trên ghế, và một lần khi đang đứng. Mỗi lần như vậy tôi đều có đầy đủ cơ hội quan sát sự kiện ngay khi nó diễn ra.

There are at least a hundred recorded instances of Mr. Home's rising from the ground, in the presence of as many separate persons, and I have heard from the lips of the three witnesses to the most striking occurrence of this kind—the Earl of Dunraven, Lord Lindsay and Captain C. Wynne—their own most minute accounts of what took place. To reject the recorded evidence on this subject is to reject all human testimony whatever; for no fact in sacred or profane history is supported by a stronger array of proofs.

Có ít nhất một trăm trường hợp được ghi chép lại về việc Ông Home được nâng khỏi mặt đất trước sự hiện diện của cũng ngần ấy người khác nhau, và tôi đã nghe từ chính miệng ba nhân chứng của sự kiện nổi bật nhất thuộc loại này—Bá tước Dunraven, Huân tước Lindsay và Đại úy C. Wynne—những tường thuật tỉ mỉ nhất của họ về những gì đã xảy ra. Bác bỏ các bằng chứng được ghi chép về đề tài này là bác bỏ mọi lời chứng của loài người nói chung; vì không có sự kiện nào trong lịch sử thiêng liêng hay thế tục lại được hậu thuẫn bởi một loạt chứng cứ mạnh mẽ hơn thế.

Colonel Olcott, in his *People from the Other World*, also mentions having heard this account from the lips of one of the witnesses. He gives us, too, some striking instances of levitation upon the part of the Eddy brothers.

Đại tá Olcott, trong *People from the Other World*, cũng kể rằng mình đã nghe tường thuật này từ chính miệng một trong các nhân chứng. Ông cũng đưa ra cho chúng ta vài trường hợp thăng không ấn tượng do anh em nhà Eddy thực hiện.

I have myself on three occasions been present when the medium, seated in a heavy armchair, was lifted clear over our heads as we sat round the table, and placed in the centre of it. On two of these occasions I was myself holding one of the medium's hands, and continued to hold it during his aerial excursion, while a trustworthy friend held the other. Although this took place in darkness, we were certain that no one from the physical plane lifted that chair; though as a matter of fact we did not need that assurance, for there was no one in the room at all capable of such a feat of herculean strength. The moment that the medium and his big chair were safely landed on the table, raps called for a light by the prearranged signal, so that we might see what had been done, our dead friends being evidently rather proud of their achievement.

Bản thân tôi, trong ba dịp, đã có mặt khi đồng tử, ngồi trong một chiếc ghế bành nặng, được nâng vượt qua khỏi đầu chúng tôi khi chúng tôi ngồi quanh bàn, và đặt giữa bàn. Trong hai dịp ấy, chính tôi nắm một tay đồng tử và vẫn tiếp tục nắm trong suốt chuyến "du hành trên không" của ông, trong khi một người bạn đáng tin cậy nắm tay kia. Dù việc này diễn ra trong bóng tối, chúng tôi chắc chắn rằng không ai ở cõi hồng trần đã nhấc chiếc ghế ấy; và thực ra chúng tôi cũng chẳng cần đến sự xác quyết đó, vì trong phòng tuyệt đối không có ai đủ sức mạnh kiểu "Héc-quyn" để làm được trò ấy. Ngay khi đồng tử và chiếc ghế to của ông được đặt an toàn lên bàn, các tiếng gõ liền gọi bật đèn theo tín hiệu đã định trước, để chúng tôi có thể thấy điều vừa được làm, những người bạn đã khuất của chúng tôi hiển nhiên khá tự hào về kỳ công của họ.

Lifted To The Ceiling—Được Nâng Lên Tận Trần Nhà

I myself was once lifted at a seance in rather an unusual way—at least I have not heard of any other case exactly similar. It was at one of the earliest of the public seances which I attended, and many people entirely unknown to me were present. Some ladies on the opposite side of the table cried out that a hand was patting and caressing them, but this in absolute darkness did not seem to be entirely convincing; so that when their exclamations of delight and gratitude to the "dear spirit" were becoming a little monotonous I asked quietly: "Will the spirit be so kind as to come across and touch *me*?" I had hardly expected any response, but the "spirit" took me promptly at my word; my hand was instantly seized in a strong grasp, and pulled upwards so that I was compelled to rise from my chair. Even when I stood upright, the upward pull still continued, so I hastily stepped on to the seat of my chair. Still the steady irresistible pull, and a moment later I was hanging in the

Chính tôi đã có lần được nâng lên trong một buổi gọi hồn theo cách khá khác thường—ít nhất tôi chưa nghe trường hợp nào giống hệt. Đó là tại một trong những buổi công khai sớm nhất mà tôi tham dự, và có nhiều người hoàn toàn xa lạ với tôi hiện diện. Vài quý bà phía đối diện bàn kêu lên rằng có một bàn tay đang vỗ về và âu yếm họ, nhưng điều đó trong bóng tối hoàn toàn không thật thuyết phục; thành ra khi những tiếng kêu thích thú và bày tỏ lòng biết ơn của họ với " vong linh thân mến" trở nên hơi đơn điệu, tôi bình thản hỏi: "Vong linh có lòng tốt bước sang chạm vào *tôi* chăng?" Tôi hầu như chẳng trông đợi hồi đáp, nhưng "vong linh" lập tức làm đúng lời tôi nói; tay tôi ngay tức khắc bị nắm chặt mạnh mẽ, và bị kéo lên khiến tôi buộc phải đứng khỏi ghế. Ngay cả khi tôi đã đứng thẳng, lực kéo lên vẫn tiếp tục, nên tôi vội bước lên ngồi trên mặt ghế. Lực kéo vẫn đều đặn, không cưỡng nổi, và một khoảnh khắc sau tôi đang treo lơ lửng bằng một tay, vẫn còn đang được kéo lên. Đốt ngón tay tôi

air by one hand, and still ascending. My knuckles touched the smooth, cold surface of the plastered ceiling—the room was a lofty one —and then, apparently *through* the ceiling, another hand patted mine softly, and I felt myself sinking. Directly afterwards my feet touched the chair, and only then the firm grasp loosened, giving me a final hearty hand-shake as it left me. I climbed down from my chair, convinced that "the clasp of a vanished hand" might sometimes be a fairly strong one.

chạm vào bề mặt trát vữa trơn lạnh của trần nhà—phòng ấy trần cao—rồi, dường như *xuyên* qua trần, một bàn tay khác khẽ vỗ tay tôi, và tôi cảm thấy mình đang hạ xuống. Ngay sau đó chân tôi chạm ghế, và chỉ lúc ấy bàn tay đang nắm chặt mới nới lỏng, tặng tôi một cái bắt tay nồng hậu sau cùng rồi rời đi. Tôi bước xuống khỏi ghế, tin chắc rằng "vòng tay của một bàn tay đã khuất" đôi khi có thể khá mạnh.

When I told this story to sceptics afterwards I was always met with one of two explanations. First, that there was a trap-door in that ceiling, and that some mechanical device was employed; secondly, that the medium was standing on the table in the darkness, and lifted me himself. To the first suggestion I reply that the ceiling was plain, smooth, whitewashed plaster, with never a crack in it, for I climbed again upon my chair in full light afterwards to examine it; and though it was some distance beyond my reach, it would have been utterly impossible to miss seeing a crack if one had been there. Besides, my request could not have been foreseen, and arrangements made to grant it in so striking a manner. As to the second hypothesis, the medium was a small, spare man, and I weigh over thirteen stone; perhaps the sceptic who suggests this will himself stand upon the edge of a circular dining-table with one central support, and then with one hand lift a much heavier man than himself straight up above his own head, holding him suspended merely by one of his hands all the while.

Khi tôi kể câu chuyện này cho những người hoài nghi sau đó, tôi luôn gặp một trong hai lời giải thích. Thứ nhất, rằng có một cửa sập trên trần, và có dùng một cơ cấu cơ khí nào đó; thứ hai, rằng đồng tử đứng trên bàn trong bóng tối và tự mình nhấc tôi lên. Với gợi ý thứ nhất, tôi trả lời rằng trần nhà phẳng, trơn, quét vôi trắng, không một vết nứt, vì sau đó tôi đã trèo lên ghế trong ánh sáng đầy đủ để xem xét; và dù nó ở ngoài tầm với của tôi một quãng, thì hoàn toàn không thể không thấy một vết nứt nếu có. Hơn nữa, yêu cầu của tôi không thể được đoán trước, và cũng không thể sắp đặt sẵn để đáp ứng nó theo cách ngoạn mục như vậy. Còn về giả thuyết thứ hai, đồng tử là một người nhỏ con, gầy gò, còn tôi thì nặng hơn mười ba thạch; có lẽ chính người hoài nghi đưa ra giả thuyết ấy sẽ tự mình đứng lên mép một bàn ăn tròn có một trụ ở giữa, rồi chỉ bằng một tay mà nâng một người nặng hơn mình nhiều lên thẳng trên đầu mình, giữ người ấy lơ lửng chỉ bằng một bàn tay suốt thời gian đó.

True Levitation—Sự Thăng Không Chân Thực

The probabilities are that all the cases of lifting which I have quoted or described were performed by materialized hands, just as in this last experience of my own. There is quite

Nhiều khả năng là mọi trường hợp nâng người mà tôi đã dẫn hoặc mô tả đều được thực hiện bởi các bàn tay hiện hình, đúng như trong trải nghiệm sau cùng của chính tôi. Có một

another method of levitation which is occasionally practiced in Oriental countries—a much more occult and scientific method, dependent for its success upon the knowledge and use of a power of repulsion which balances the action of gravitation. I have also seen that, and indeed every student of practical magic is familiar with its employment; but it does not seem to me at all probable that this power was called into requisition in any of the above cases.

phương pháp thăng không hoàn toàn khác, đôi khi được thực hành ở các xứ phương Đông —một phương pháp huyền bí và khoa học hơn nhiều, thành công của nó tùy thuộc vào kiến thức và sử dụng một quyền năng đẩy, hãm lại tác dụng của sức hấp dẫn. Tôi cũng đã thấy điều đó, và thực ra mọi đạo sinh thực hành huyền thuật đều quen với cách vận dụng ấy; nhưng theo tôi, hoàn toàn không có khả năng quyền năng đó đã được đem ra sử dụng trong bất kỳ trường hợp nào ở trên.

Gravitation is in fact a force of a magnetic nature, and may be reversed and changed into repulsion, just as ordinary magnetism can be. Such a reversal of this peculiar type of magnetism can be produced at will by one who has learnt its secret, but it has also frequently been produced unintentionally by ecstatics of various types. It is related, for example, both of St. Teresa and of St. Joseph of Cupertino that they were often thus levitated while engaged in meditation. But I fancy that those who are levitated at a spiritualistic seance are generally simply upborne by the materialized hands of the dead.

Sức hấp dẫn thực chất là một mãnh lực thuộc bản chất từ tính, và có thể bị đảo chiều thành đẩy, cũng như từ tính thông thường vậy. Sự đảo chiều của dạng từ tính đặc thù này có thể được tạo ra theo ý muốn bởi người đã học được bí mật của nó, nhưng nó cũng thường xuyên được tạo ra một cách vô tình bởi những người xuất thần thuộc nhiều loại khác nhau. Chẳng hạn, người ta thuật lại rằng cả Thánh Teresa lẫn Thánh Joseph thành Cupertino thường được thăng không như thế khi đang tham thiền. Nhưng tôi đoán rằng những ai được nâng lên trong một buổi gọi hồn thì nói chung chỉ đơn giản được đỡ lên bởi các bàn tay hiện hình của người đã khuất.

These same materialized hands manage all the smaller business of the seance; they wind up the perennial musical box and wave it over the heads of the sitters; they play (sometimes quite sweetly) upon that curious kind of miniature zither which is usually euphoniously termed “fairy bells”; they sprinkle water or perfume sometimes; they bring flowers and fruits and even lumps of sugar, which I have known them deftly to insert into the mouths of their friends.

Chính những bàn tay hiện hình ấy lo liệu mọi công việc nhỏ trong buổi gọi hồn; chúng lên dây hộp nhạc vĩnh cửu và vẫy nó trên đầu những người dự; chúng chơi (đôi khi khá du dương) trên loại đàn tam thập tí hon kỳ lạ thường được gọi bằng cái tên êm tai là “chuông tiên”; đôi khi chúng rảy nước hoặc hương thơm; chúng mang hoa quả và thậm chí cả những cục đường, mà tôi biết chúng khéo léo đút vào miệng bạn hữu của mình.

It is usually they also that are employed in slate-writing, though this may sometimes be managed still more rapidly by means of precipitation, to which we shall make

Thường cũng chính chúng được dùng trong việc viết trên bảng đá, dù đôi khi điều này còn có thể được thực hiện nhanh hơn nữa bằng phương pháp ngưng tụ, mà chúng ta sẽ nói

reference presently. But generally the fragment of pencil enclosed between the slates is guided by a hand, of which only just the tiny points sufficient to grasp it are materialized.

đến sau. Nhưng thông thường, mẩu bút chì kẹp giữa hai tấm bảng được dẫn dắt bởi một bàn tay, trong đó chỉ những đầu ngón nhỏ xíu đủ để kẹp bút là được hiện hình.

A Slate-Writing Seance—Một Buổi Gọi Hồn Viết Trên Bảng Đá

One well-known medium in London used to carry this slate-writing to a high degree of perfection some fifty years ago. It was the finest possible performance to which to take the bigoted sceptic, who boasted that nothing ever happened or would happen while *he* was present. One made an appointment with the medium for, say, eleven o'clock on a bright summer morning; one took the sceptic into a stationer's shop on the way and made him buy two ordinary school slates, put a tiny crumb of slate-pencil between them (or sometimes two or three fragments of different colours) and then have them packed up in brown paper and strongly tied. One then purchased a stick of the best sealing wax and requested the sceptic to seal the string with his own seal in as many places as he wished—the more the better—and on no account whatever to allow that parcel to go out of his hands.

Một đồng tử nổi tiếng ở Luân Đôn đã đưa kỹ thuật viết trên bảng đá này lên trình độ rất cao cách đây chừng năm mươi năm. Đó là tiết mục tuyệt vời nhất để đưa người hoài nghi cố chấp đến xem, kẻ khoe khoang rằng chẳng có gì từng xảy ra hay sẽ xảy ra khi *ông ta* có mặt. Người ta hẹn với đồng tử vào, giả sử, mười một giờ sáng một ngày hè rực rỡ; người ta đưa kẻ hoài nghi vào một cửa hàng văn phòng phẩm trên đường đi và bảo ông ta mua hai tấm bảng đá học sinh loại thường, kẹp một mảnh vụn bút chì bảng đá bé xíu giữa chúng (hoặc đôi khi hai hay ba mảnh vụn khác màu), rồi bọc chúng vào giấy nâu và buộc chặt. Rồi người ta mua một thỏi sáp niêm phong tốt nhất và yêu cầu kẻ hoài nghi niêm phong dây buộc bằng con dấu của chính mình ở càng nhiều chỗ càng tốt—càng nhiều càng hay—và tuyệt đối không để gói đồ đó rời khỏi tay mình.

Then we proceeded to the medium's house and commenced the seance, cautioning the sceptic to sit upon his parcel in order to make sure that no one tampered with his slates. The medium commenced operations with slates of his own, which were always lying upon the table for examination before the seance began; and the sceptic had usually elaborate theories about these, as to how messages had already been written upon them, and washed out with alcohol so that they would presently reappear; or else that of course they would presently be dropped out of sight and others substituted for them by sleight-of-hand. It was best as a rule to let him talk, and take no

Sau đó chúng tôi đi đến nhà đồng tử và bắt đầu buổi gọi hồn, dặn kẻ hoài nghi ngồi ngay lên gói của mình để chắc rằng không ai can thiệp vào các tấm bảng của ông. Đồng tử bắt đầu thao tác với những tấm bảng của riêng ông, vốn luôn đặt sẵn trên bàn cho xem xét trước khi buổi gọi hồn bắt đầu; và kẻ hoài nghi thường có những lý thuyết công phu về chúng, như việc thông điệp đã được viết sẵn lên đó, rồi rửa bằng cồn để lát nữa sẽ hiện ra; hoặc tất nhiên lát nữa chúng sẽ bị thả khuất tầm mắt và được thay bằng tấm khác bằng ảo thuật. Thông thường tốt nhất là để ông ta nói, và không để tâm, vì biết rằng người ta có thể thong thả chờ thời.

notice, knowing that one could afford to bide one's time.

The medium usually held a single slate pressed with one hand against the under surface of the table—a little plain wooden table with no drawers, and obviously no contrivance of any sort about it—not even a cloth upon it. Under these conditions answers were written to any simple question, or any sentence dictated was faithfully taken down. Here the sceptic usually interposed by requesting that a sentence might be written in Sanskrit or Chinese or the Cherokee dialect, and was hugely triumphant if the controlling "spirit" confessed that he did not happen to know these languages. Occasionally he fetched somebody who did know them, and then the sceptic was somewhat staggered, though he still clung to the idea that somehow or other the whole thing was a fraud.

Đồng tử thường cầm một tấm bảng đơn, ép bằng một tay vào mặt dưới của bàn—một chiếc bàn gỗ trơn đơn sơ không ngăn kéo, hiển nhiên không có cơ cấu gì—thậm chí không trải khăn. Trong những điều kiện như vậy, các câu trả lời được viết ra cho bất kỳ câu hỏi đơn giản nào, hoặc bất cứ câu văn nào đọc chính tả cũng được ghi lại trung thực. Lúc này, kẻ hoài nghi thường chen vào yêu cầu viết một câu bằng tiếng Sanskrit hay tiếng Trung Hoa hoặc phương ngữ Cherokee, và lấy làm đắc thắng lớn nếu "vong linh chủ trì" thú nhận rằng y không biết những ngôn ngữ ấy. Thỉnh thoảng y gọi đến ai đó biết chúng, và khi ấy kẻ hoài nghi có phần choáng váng, dù ông ta vẫn bám chặt ý nghĩ rằng dù thế nào đi nữa thì tất cả đều là bịp bợm.

Presently, however, when the seance got into full swing, one insinuatingly asked the directing entities whether they could write upon our own slates; and though I have once or twice been told that they feared the power was not sufficient, in three cases out of four the reply was in the affirmative. Then one turned to the sceptic and requested him to produce his parcel, asking him to examine the seals so as to be perfectly certain that it had not been touched. He was then courteously requested to hold the sealed parcel in his *own* hands above the table, the medium perhaps taking hold of one corner of it, or perhaps merely laying his hand lightly upon it. Then the sceptic was further requested to formulate a mental question, but on no account to give any indication as to its nature. He did this, and it was generally an interesting study to watch the expression of his face when he heard the sound of rapid writing going on in the parcel between his hands. In a few moments three

Tuy nhiên, rồi đến lúc buổi gọi hồn vào nhịp hoàn chỉnh, người ta khéo léo hỏi các thực thể điều hành xem họ có thể viết trên chính các tấm bảng của chúng ta không; và dù đã một đôi lần tôi được bảo rằng họ e là năng lực không đủ, thì cứ bốn lần có đến ba lần câu trả lời là khẳng định. Khi đó người ta quay sang kẻ hoài nghi và yêu cầu ông ta đưa gói đồ của mình, mời ông kiểm tra các con dấu để hoàn toàn chắc chắn rằng nó chưa hề bị đụng đến. Sau đó, ông ta được lịch sự yêu cầu cầm gói niêm phong trong chính *tay mình* trên mặt bàn, đồng tử có thể nắm một góc của nó, hoặc có thể chỉ đặt nhẹ bàn tay lên đó. Rồi kẻ hoài nghi được yêu cầu thêm là hãy hình thành một câu hỏi trong trí, nhưng tuyệt đối không được để lộ bất kỳ dấu hiệu nào về nội dung. Ông ta làm thế, và thường rất thú vị khi quan sát nét mặt của ông khi nghe tiếng viết nhanh vang lên trong gói, giữa hai tay ông. Chỉ trong ít phút, ba tiếng gõ nhanh báo hiệu thông điệp đã xong, đồng tử nhấc tay ra, trịnh trọng yêu

quick taps signified that the message was finished, and the medium removed his hand, gravely asking the sceptic to examine his seals and make sure that they were intact.

cầu kẻ hoài nghi kiểm tra các con dấu và chắc chắn rằng chúng còn nguyên vẹn.

He then cut his parcel open, and found the inside surfaces of his new slates covered with fine writing on the subject of his mental question. Usually for the time he was speechless, and went home to think it over; but by the end of the week he had generally made up his mind that we had been in some inexplicable way deceived or hallucinated, and that "of course we did not really see what we thought we saw." Nevertheless it was a hard nut to crack, and his frequent references later to "that clever but ridiculous performance" showed that it remained in his mind, and had perhaps done him more good than he was willing to own.

Ông ta liền mở gói, và thấy bề mặt bên trong của các tấm bảng mới phủ kín những dòng chữ viết đẹp nói về câu hỏi trong trí ông. Thường thì trong lúc đó ông ta cứng họng, và về nhà để suy nghĩ; nhưng đến cuối tuần, nói chung ông ta đã quyết rằng chúng tôi bằng cách nào đó khó giải thích đã bị lừa dối hoặc ru ngủ, và rằng "tất nhiên chúng ta đã không thực sự thấy điều mình tưởng là thấy." Tuy nhiên, đó là một "hạt cứng" khó cắn, và việc ông ta thường xuyên nhắc sau này về "tiết mục khéo léo mà lố bịch ấy" cho thấy nó vẫn ám ảnh trong tâm trí ông, và có lẽ đã đem lại cho ông nhiều điều tốt hơn mức ông sẵn lòng thừa nhận.

The answers given in this way sometimes displayed considerable intelligence and knowledge. It appeared to me, however, that they were often considerably modified by decided opinions on the part of the questioner —whether from a friendly desire to please him, or because the ideas were largely a reflection of those in his own mind, there was not sufficient evidence to show. For example, I remember myself receiving a perfectly definite statement regarding the existence of certain persons in whom I was deeply interested; the communicating entity not only positively asserted this existence, but adopted towards them precisely my own attitude. Yet I afterwards discovered that only a week previously what professed to be the same entity had, in writing answers for another person, totally denied that any such personages existed at all! It may have been that here we had to deal with two entirely different communicating entities, one masquerading for some reason or other under

Những câu trả lời được đưa ra theo cách này đôi lúc biểu lộ trí tuệ và hiểu biết đáng kể. Tuy nhiên, theo tôi thấy, chúng thường bị điều chỉnh khá nhiều bởi những quan kiến quả quyết của người nêu câu hỏi—không rõ là do thiện ý muốn làm ông ta vui lòng, hay vì các ý tưởng phần lớn là sự phản chiếu từ chính tâm trí ông ta, thì không có đủ bằng chứng để xác định. Chẳng hạn, tôi nhớ có lần tự mình nhận được một lời khẳng định hoàn toàn dứt khoát về sự tồn tại của vài người mà tôi hết sức quan tâm; thực thể truyền thông không những khẳng định tích cực về sự tồn tại đó, mà còn bộc lộ với họ đúng y thái độ của chính tôi. Thế nhưng sau đó tôi phát hiện rằng chỉ một tuần trước đó, cái được cho là cùng một thực thể ấy, khi viết trả lời cho một người khác, đã hoàn toàn phủ nhận rằng có tồn tại bất kỳ nhân vật nào như thế! Ở đây có thể là chúng ta đang đối mặt với hai thực thể truyền thông hoàn toàn khác nhau, một vị nào đó vì lý do gì đã mượn danh và tước hiệu của vị kia; nhưng ít nhất điều đáng chú ý là trong mỗi trường hợp, ý

the name and title of the other; but it is at least significant that in each case the opinion expressed agreed precisely with that of the questioner. On the other hand, I am bound to admit that in many cases the answers given were not at all what any of us expected, and contained information which could by no possibility have been known to any of those present.

kiến được bày tỏ lại trùng khít với ý kiến của người hỏi. Mặt khác, tôi buộc phải thừa nhận rằng trong nhiều trường hợp, các câu trả lời đưa ra hoàn toàn không như bất kỳ ai trong chúng tôi trông đợi, và chứa những thông tin mà không người nào hiện diện có thể biết được.

It is not difficult to see why this slate-writing should be one of the easiest forms of conveying a message, and indeed the only kind of writing that can readily be performed in full daylight. For the fact is that it never is performed in daylight, even though the surrounding conditions are so absolutely satisfactory to us. Between the two slates or between the slate and the table there is always the darkness which makes materialization easy. When a physical body is slowly grown and built together in the ordinary way, when it is thoroughly permeated by the vital principle and definitely energized by the spirit, it becomes a relatively permanent organism, and can withstand the impact of vibrations from without, within certain limits.

Không khó để hiểu vì sao viết trên bảng đá lại là một trong những hình thức dễ nhất để truyền một thông điệp, và thực ra là loại chữ viết duy nhất có thể dễ dàng thực hiện trong ánh sáng ban ngày. Vì sự thật là nó không bao giờ được thực hiện trong ánh sáng ban ngày, dù các điều kiện xung quanh có vẻ hoàn toàn thỏa đáng với chúng ta. Giữa hai tấm bảng, hoặc giữa tấm bảng và mặt bàn, luôn có bóng tối—thứ khiến việc hiện hình trở nên dễ dàng. Khi một thân thể hồng trần được tăng trưởng từ từ và kết cấu theo cách thông thường, khi nó được thấm nhuần triệt để bằng nguyên lý sinh lực và được tinh thần tiếp năng lực rõ ràng, nó trở thành một cơ thể tương đối bền vững, và trong những giới hạn nhất định có thể chịu được va đập của các rung động từ bên ngoài.

We must remember that materialization is a mere imitation of this—a mere concourse of fortuitous atoms, temporarily put together in opposition to the ordinary laws and arrangements of nature. It therefore needs to be constantly held together with care and difficulty, and any violent vibration striking it from without readily breaks it up. It must also be remembered that the matter employed in materialization is almost all withdrawn from the body of the medium, and is therefore subject to a strong attraction which is constantly drawing it back to him. The strong and rapid vibrations of ordinary light will therefore dissolve a materialization almost

Chúng ta phải ghi nhớ rằng hiện hình chỉ là một sự mô phỏng của điều ấy—một sự hội tụ tình cờ của các nguyên tử, được lắp ghép tạm thời trái với những định luật và trật tự thông thường của tự nhiên. Do đó, nó cần phải được giữ kết hợp thường xuyên với sự cẩn trọng và khó nhọc, và bất kỳ rung động mãnh liệt nào đánh vào nó từ bên ngoài cũng dễ dàng làm nó tan rã. Cũng cần nhớ rằng chất liệu dùng trong hiện hình hầu như đều được rút ra từ thân thể của đồng tử, nên nó chịu một hấp lực mạnh không ngừng kéo nó quay trở về với ông ta. Các rung động mạnh và nhanh của ánh sáng thường sẽ làm tan một hiện hình gần như tức khắc, trừ khi có những hoàn cảnh ngoại lệ.

instantaneously, except under exceptional circumstances.

It can be maintained for some time in presence of a faint light, such as that given by gas turned low, or by what is called a "luminous slate", which is usually a piece of wood or cardboard coated with luminous paint, and exposed to the sun during the day, so that at night it may give out a faint phosphorescent radiance. It is, however, among the resources of the astral plane to produce a soft light the effect of which seems to be far less violent; and in this it is sometimes possible for the hand which writes to maintain its corporeal existence for a considerable period, as is evidenced by the following extract from a description of a seance held with Kate Fox by Mr. Livermore on August 18, 1861.

Hiện hình có thể được duy trì một thời gian nào đó trong sự hiện diện của ánh sáng mờ, như ánh sáng đèn gas vặn nhỏ, hoặc bằng cái gọi là "bảng phát quang", thường là một miếng gỗ hay bìa cứng phủ sơn dạ quang, phơi dưới nắng ban ngày, để ban đêm phát ra một ánh phốt pho mờ nhạt. Tuy nhiên, trong các tài nguyên của cõi cảm dục có thể tạo ra một thứ ánh sáng dịu mà tác dụng dường như ít dữ dội hơn nhiều; và trong thứ ánh sáng này đôi khi bàn tay viết có thể duy trì sự tồn tại vật thể của mình một thời gian đáng kể, điều này được chứng minh bởi đoạn trích sau đây từ mô tả một buổi gọi hồn với Kate Fox do Ông Livermore thực hiện ngày 18 tháng 8 năm 1861.

An Hour's Writing—Một Giờ Viết Liên Tục

The cards became the center of a circle of light a foot in diameter. Carefully watching this phenomenon, I saw the hand holding my pencil over one of the cards. This hand moved quietly across from left to light, and when one line was finished, moved back to commence another. At first it was a perfectly shaped hand, afterwards it became a dark substance, smaller than the human hand, but still apparently holding the pencil, the writing going on at intervals, and the whole remaining visible for nearly an hour. I can conceive of no better evidence for the reality of spirit-writing. Every possible precaution against deception had been taken. I held both hands of the medium throughout the whole time. I have the cards still, minutely written on both sides; the sentiments there expressed being of the most elevated character, pure and spiritual. *(The Debatable Land*, p. 301.)

Những tấm thiếp trở thành tâm điểm của một vòng sáng đường kính chừng một foot. Theo dõi cẩn thận hiện tượng này, tôi thấy một bàn tay cầm bút chì của tôi trên một trong những tấm thiếp. Bàn tay ấy di chuyển êm ái từ trái sang phải, và khi một dòng vừa xong, nó lại di chuyển ngược lại để bắt đầu dòng khác. Ban đầu đó là một bàn tay có hình dạng hoàn hảo, sau đó nó trở thành một chất tối, nhỏ hơn bàn tay người, nhưng dường như vẫn cầm bút, chữ viết tiếp tục theo từng chặng, và toàn bộ vẫn nhìn thấy được gần một giờ. Tôi không thể nghĩ ra bằng chứng nào tốt hơn cho thực tại của việc viết của vong linh. Mọi biện pháp đề phòng khả năng lừa dối đều đã được thực hiện. Tôi nắm cả hai tay của đồng tử trong suốt thời gian đó. Tôi vẫn còn giữ các tấm thiếp, được viết chi chít ở cả hai mặt; những tâm ý bày tỏ ở đó có phẩm cách cao nhất, thanh cao và tinh thần. *(The Debatable Land*, tr. 301.)

This account gives us an example of the difficulty, even under these exceptionally favourable conditions, of maintaining a materialization for so long a period. It seems to have been impossible to preserve the shape of the hand, but something visible which could still hold and guide the pencil was somehow kept together until the necessary work was finished.

Bản tường thuật này cho chúng ta một ví dụ về khó khăn, ngay cả trong những điều kiện thuận lợi ngoại lệ như thế, để duy trì một hiện hình trong một thời gian dài đến vậy. Có vẻ như không thể giữ nguyên hình dạng của bàn tay, nhưng một thứ gì đó hữu hình vẫn có thể cầm và điều khiển bút chì đã được giữ kết hợp theo cách nào đó cho đến khi công việc cần thiết hoàn tất.

It seems probable that the working of the little board called planchette is sometimes accomplished by means of a partial materialization, for I have seen cases in which it distinctly moved underneath the fingers which were resting upon it, and was in no way moved by them. When it is clearly the hand which moves the board, this phenomenon of course belongs to our first class, in which the body of the medium is utilized, though that medium may be entirely unconscious of what is being done.

Dường như có thể việc vận hành cái bảng nhỏ gọi là bảng viết tự động đôi khi được thực hiện bằng một hiện hình bán phần, vì tôi đã thấy những trường hợp trong đó nó rõ ràng di chuyển ở bên dưới các ngón tay đang đặt lên nó, và hoàn toàn không do những ngón tay ấy đẩy. Khi rõ ràng chính bàn tay di chuyển bảng, thì hiện tượng này dĩ nhiên thuộc loại thứ nhất của chúng ta, trong đó thân thể của đồng tử được tận dụng, dù đồng tử có thể hoàn toàn vô thức về điều đang xảy ra.

Direct Painting—Họa Phẩm Trực Tiếp

I have also seen some good specimens of painting which were probably executed in the same manner as the writing above described. I say probably, because as they were executed in darkness, it is impossible to be absolutely sure; they may have been precipitations, although as that is a more difficult process, I do not think that it is likely to have been employed. There have been mediums who have made a specialty of this production of pictures, and it is certainly a very pleasing exhibition of astral power. I have twice seen a little landscape, perhaps eight inches by five, produced in total darkness on a marked piece of paper in from fifteen to twenty minutes. The execution was fair, the colours were natural and harmonious, and some of the paint was still wet when the lights were turned up. I am perfectly sure that the sheet of

Tôi cũng đã thấy vài mẫu hội họa khá tốt nhiều khả năng được thực hiện theo cùng cách như việc viết nói trên. Tôi nói "nhiều khả năng", vì do chúng được thực hiện trong bóng tối, nên không thể chắc chắn tuyệt đối; chúng có thể là các bức vẽ do ngưng tụ, dù vì đó là một quy trình khó hơn, tôi không cho rằng nó đã được sử dụng. Đã có những đồng tử chuyên biệt về việc tạo tác các bức tranh như thế này, và đó chắc chắn là một màn biểu diễn rất dễ chịu của uy lực cảm dục. Tôi đã hai lần thấy một bức phong cảnh nhỏ, cỡ chừng tám inch x năm inch, được vẽ trong bóng tối hoàn toàn trên một tờ giấy đã đánh dấu, trong khoảng mười lăm đến hai mươi phút. Lối vẽ tạm ổn, màu sắc tự nhiên và hài hòa, và một phần sơn vẫn còn ướt khi bật đèn. Tôi hoàn toàn chắc chắn rằng tờ giấy dùng mỗi lần đều là tờ tôi đem theo. Trong một trường hợp, ngay trước

paper employed was in each case that which I brought with me. In one instance, just before the lights were turned down, I tore a curiously jagged fragment off one of the corners of the piece and kept it in my own possession until the picture was completed, and found when the lights were turned up that it fitted exactly into the tear in the sheet upon which the landscape was drawn.

khi tắt đèn, tôi xé một mẩu răng cưa kỳ lạ ở một góc tờ giấy và giữ nó bên mình cho đến khi bức tranh hoàn tất, và khi bật đèn thì thấy mẩu giấy ấy khít chính xác với vết rách trên tờ giấy có bức phong cảnh.

On neither of these occasions was the landscape one which I recognized, though at the house of the same medium I have seen well-executed paintings of scenes with which I was familiar, which I was told had been produced in exactly the same manner. In both of these cases a box of water-colours, a palette and brushes were provided, and after the seance they bore signs of having been used. I have also on another occasion, and with a different medium, seen a much larger drawing in coloured chalks produced in darkness in even less time, but in this case the execution, though bold and dashing, was certainly crude and erratic. The subject in this case was a lady's head, and the likeness was recognizable, though not flattering. On all these occasions it was absolutely certain that the medium was in no way concerned in the production of the pictures, his hands being held during the whole time, and the outline of his form being sufficiently visible in two of the cases to prevent him from moving without instant detection.

Trong cả hai dịp ấy, phong cảnh không phải là nơi tôi nhận ra, dù tại nhà của cùng đồng tử đó tôi đã thấy những bức vẽ đẹp về các cảnh mà tôi quen thuộc, và được cho biết là đã được tạo ra theo đúng cùng cách thức. Trong cả hai trường hợp, một hộp màu nước, bảng trộn màu và cọ được chuẩn bị, và sau buổi gọi hồn chúng đều mang dấu hiệu đã được dùng. Ngoài ra, trong một dịp khác, với một đồng tử khác, tôi đã thấy một bức vẽ lớn hơn nhiều bằng phấn màu được thực hiện trong bóng tối trong thời gian còn ngắn hơn, nhưng trong trường hợp này, bút pháp tuy táo bạo, phóng khoáng, song chắc chắn là thô và thất thường. Đề tài lần đó là một bức chân dung đầu một quý bà, và diện mạo có thể nhận ra, dù không nịnh mắt. Trong tất cả những dịp này, hoàn toàn chắc chắn rằng đồng tử không hề dính dáng gì đến việc làm ra các bức tranh, vì tay ông được giữ trong suốt thời gian, và đường viền thân hình ông đủ nhìn thấy trong hai trường hợp để khiến ông không thể cử động mà không bị phát hiện ngay.

Musical Performances—Các Trình Diễn Âm Nhạc

A man who has attained facility during life in the management of any kind of instrument does not lose his power when he drops his physical body. I have heard both a violin and a flute played fairly well by invisible hands, when there was light enough to see that the instruments were not being touched by any of

Một người trong đời đã thuần thục việc điều khiển bất kỳ loại nhạc cụ nào thì không mất năng lực ấy khi lìa bỏ thể xác. Tôi đã nghe cả vĩ cầm và sáo được chơi khá ổn bởi những bàn tay vô hình, khi ánh sáng đủ để thấy rằng các nhạc cụ không bị bất kỳ ai hiện diện trong thân xác chạm vào. Tôi cũng nhiều lần thấy một đàn

the persons present in the physical body. I have also many times seen a concertina played in the same way, sometimes while I myself held the other end of the instrument. Many times also a piano has been played in my presence by invisible hands, and it seemed to make no difference whether the lid enclosing the keyboard was open or shut. Sometimes, before beginning to play, the dead man would dash back the lid, and then we could see the keys depressed as the playing went on precisely as though we ourselves had been operating upon the instrument. If during the performance we closed the piano, the playing usually went on just as if it had remained open. On two occasions I have heard the wires of a piano played without moving the keys, just as the strings of a harp might be.

concertina được chơi theo cách ấy, đôi khi trong khi chính tôi giữ đầu kia của nhạc cụ. Cũng nhiều lần, một cây dương cầm đã được chơi trước mặt tôi bởi những bàn tay vô hình, và xem ra việc nắp che bàn phím mở hay đóng cũng chẳng tạo khác biệt. Đôi khi, trước khi bắt đầu chơi, người đã khuất hất nắp lên, và rồi chúng tôi có thể thấy các phím lún xuống khi bản nhạc vang lên, chính xác như thể tự tay chúng tôi đang chơi nhạc cụ. Nếu trong lúc biểu diễn chúng tôi đóng nắp dương cầm lại, bản nhạc thường vẫn tiếp diễn như thể nắp còn mở. Có hai dịp tôi nghe các dây đàn của dương cầm được chơi mà không cần bấm phím, đúng như người ta có thể gảy dây đàn hạc vậy.

Another instance of a man who after death retained his power to operate a machine to which he had been accustomed during life is given by Sir William Crookes on p. 95 of his book. The operator was not exactly using his instrument, but he undoubtedly showed that he still possessed the power to do so, had the instrument been there. The story is as follows:

Một ví dụ khác về một người sau khi chết vẫn giữ năng lực vận hành một cỗ máy mà y từng quen dùng khi còn sống được Ngài William Crookes thuật lại ở tr. 95 trong sách của ông. Người vận hành không hẳn là đang dùng nhạc cụ của mình, nhưng y đã không chút nghi ngờ cho thấy rằng y vẫn có năng lực làm thế, nếu nhạc cụ có mặt. Câu chuyện như sau:

The Telegraph Operator—Người Điện Báo

During a seance with Mr. Home, a small lath, which I have before mentioned, moved across the table to me, in the light, and delivered a message to me by tapping my hand; I repeating the alphabet, and the lath tapping me at the right letters. The other end of the lath was resting on the table, some distance from Mr. Home's hands.

Trong một buổi gọi hồn với Ông Home, một thanh gỗ nhỏ, mà tôi đã nhắc đến trước đó, di chuyển qua bàn đến chỗ tôi, trong ánh sáng, và truyền một thông điệp cho tôi bằng cách gõ vào tay tôi; tôi đánh vần bảng chữ cái, và thanh gỗ gõ vào tay tôi đúng các chữ cái. Đầu kia của thanh gỗ đặt trên bàn, cách khá xa tay của Ông Home.

The taps were so sharp and clear, and the lath was evidently so well under control of the invisible power which was governing its movements, that I said: "Can the intelligence governing the motion of this lath change the

Các tiếng gõ rõ ràng, dứt khoát, và thanh gỗ hiển nhiên ở dưới sự kiểm soát rất tốt của quyền năng vô hình đang điều khiển chuyển động của nó, đến mức tôi nói: "Liệu trí tuệ đang điều khiển chuyển động của thanh gỗ

character of the movements, and give me a telegraphic message through the Morse alphabet by taps on my hand?" (I have every reason to believe that the Morse code was quite unknown to any other person present, and it was only imperfectly known to me.) Immediately I said this, the character of the taps changed, and the message was continued in the way I had requested. The letters were given too rapidly for me to do more than catch a word here and there, and consequently I lost the message; but I heard sufficient to convince me that there was a good Morse operator at the other end of the line, wherever that might be.

này có thể thay đổi tính chất chuyển động, và gửi cho tôi một thông điệp điện báo theo bảng chữ Morse bằng các tiếng gõ vào tay tôi chăng?" (Tôi có đủ lý do để tin rằng bảng mã Morse hoàn toàn xa lạ với bất kỳ ai khác có mặt, và tôi thì cũng chỉ biết chắp vá.) Ngay khi tôi nói vậy, tính chất của các tiếng gõ thay đổi, và thông điệp tiếp tục theo cách tôi đã yêu cầu. Các chữ được gửi quá nhanh khiến tôi chỉ kịp chộp lấy một từ chỗ này chỗ kia, và vì thế tôi đã bỏ lỡ thông điệp; nhưng tôi nghe đủ để tin chắc rằng ở đầu dây bên kia, dù ở đâu đi nữa, là một người điện báo Morse giỏi.

The Direct Voice—Giọng Nói Trực Tiếp

In the case of the flute above mentioned it is obvious that the performer must have materialized not only finger-tips to press the keys, but also a mouth with which to blow. It is by no means uncommon at a seance for the dead man to construct vocal organs sufficiently to produce intelligible sound, though this appears to be (as indeed one would naturally suppose) a much more difficult feat than the production of a hand. Often the construction of such organs seems to be imperfect, and the resulting voice is a hoarse whistling whisper. I think almost invariably the first attempts of an unaccustomed ghost to materialize a voice go no further than the softest of whispers; but on the other hand the "spirit guide" of a regular medium, having practiced the art of materializing organs and speaking through them many hundreds of times, often possesses a perfectly natural and characteristic voice.

Trong trường hợp cây sáo nói trên, hiển nhiên người biểu diễn phải hiện hình không chỉ các đầu ngón tay để bấm phím, mà còn cả một cái miệng để thổi. Tại một buổi gọi hồn, việc người đã khuất cấu tạo các cơ quan phát âm đủ để tạo ra âm thanh rõ ràng hoàn toàn không hiếm, dù điều này xem ra (như tự nhiên ta vẫn nghĩ) là một kỳ công khó hơn nhiều so với việc tạo ra một bàn tay. Thường thì việc cấu tạo các cơ quan như vậy có vẻ không hoàn chỉnh, và giọng nói kết quả chỉ là một tiếng thì thào rè rè như huýt gió. Theo tôi, hầu như luôn luôn, nỗ lực đầu tiên của một hồn ma chưa quen việc hiện hình giọng nói sẽ không đi xa hơn mức thì thào khẽ nhất; nhưng mặt khác, "vong linh hướng dẫn" của một đồng tử chuyên nghiệp, sau khi luyện tập nghệ thuật hiện hình các cơ quan và nói qua chúng hàng trăm lần, thường có một giọng nói hoàn toàn tự nhiên và đặc trưng.

All those who have been in the habit of attending the seances of certain well-known mediums during the last half-century must be familiar with the round, sonorous voice of the

Tất cả những ai quen lui tới các buổi gọi hồn của một số đồng tử nổi tiếng trong nửa thế kỷ qua hẳn đều quen thuộc với giọng tròn và ngân vang của vị điều phối chọn lấy tên "John

director who elects to be known by the name of "John King", and the hearty, friendly manner in which he greets those whom he has come to know and trust. I well remember an occasion when, having invited a medium down to my cottage in the country, we were walking together across a wheat-field, and a well-known "spirit-voice" joined in our conversation in the most natural way in the world, just exactly as if a third person had been walking with us.

King", và phong thái thân thiện, chân tình trong cách ông chào đón những người mà ông đã quen biết và tin cậy. Tôi còn nhớ rất rõ một lần, sau khi mời một đồng tử về căn nhà nhỏ của tôi ở nông thôn, chúng tôi đang cùng nhau đi băng qua một cánh đồng lúa mì, thì một "giọng vong linh" quen thuộc hòa vào câu chuyện của chúng tôi theo cách tự nhiên nhất thế gian, đúng y như thể có một người thứ ba đang cùng đi với chúng tôi vậy.

I am quite aware that the ordinary explanation of a "spirit-voice" is that it is an effort of ventriloquism on the part of the medium, but when one recognizes the voice as one well known in earth-life that explanation seems a trifle unsatisfactory. Also it seems to me to fail to account for the fact that on one occasion, at a seance in my own house, the unseen performers treated us to a song in which all four parts were distinctly audible, two of them being taken by very good female voices—and that although the medium was of the male sex (and in a deep trance anyhow) and none but men (trusted friends of my own) were physically present in the room.

Tôi hoàn toàn ý thức rằng lời giải thích thông thường về một "giọng vong linh" là đó là một màn nói tiếng bụng của đồng tử, nhưng khi người ta nhận ra giọng nói đó là một giọng rất quen thuộc trong đời sống trần gian thì lời giải thích ấy xem ra hơi thiếu thỏa đáng. Hơn nữa, theo tôi, nó cũng không giải thích được thực tế rằng có một lần, tại một buổi gọi hồn ở chính nhà tôi, những người biểu diễn vô hình đã đãi chúng tôi một bản hợp xướng trong đó cả bốn bè đều nghe rất rõ, trong đó có hai bè do các giọng nữ rất tốt đảm nhiệm—mặc dù đồng tử là nam giới (và dù sao cũng đang ở trong xuất thần sâu) và trong phòng chỉ có nam giới (những người bạn tôi tin cậy) hiện diện về mặt thể chất.

Under this head of partial materialization we must also include what are sometimes called "spirit photographs"; for whatever can be photographed must of course be physical matter, capable of reflecting some of the rays of light which can act upon the sensitized plate of the camera. It does not at all follow that it need be composed of matter visible to us, for the camera is sensitive to a large range of actinic ultra-violet rays which produce no impression whatever upon our eyes as at present constituted.

Trong mục hiện hình bán phần này, chúng ta cũng phải bao gồm cái đôi khi được gọi là "ảnh vong linh"; vì bất cứ thứ gì có thể chụp ảnh được ắt dĩ nhiên là vật chất hồng trần, có khả năng phản xạ một số tia sáng tác động lên bản kính nhạy sáng của máy ảnh. Hoàn toàn không nhất thiết nó phải cấu thành từ chất liệu hữu hình với chúng ta, vì máy ảnh nhạy với một dải rộng các tia tử ngoại có tính quang hóa vốn không hề gây ấn tượng với đôi mắt của chúng ta như hiện đang cấu tạo.

I know enough of photography to realize how easily a so-called "spirit-photograph" could be

Tôi hiểu nhiếp ảnh đủ để nhận ra một "ảnh vong linh" gọi là có thể dễ dàng được tạo ra

produced by trickery, but I also know that there are a great many which were as a matter of fact *not* so produced. I have seen a large number of those which were taken under test conditions for Mr. W. T. Stead when he was investigating this curious form of mediumship, and I have also been favoured with a sight of several of those taken by and for our late Vice-President, Mr. A. P. Sinnett.

bằng trò bịp, nhưng tôi cũng biết có rất nhiều bức trên thực tế *không* được tạo ra như vậy. Tôi đã xem nhiều bức được chụp trong các điều kiện kiểm soát cho Ông W. T. Stead khi ông đang khảo sát dạng đồng cốt kỳ lạ này, và tôi cũng đã may mắn được xem vài bức do và cho cố Phó Chủ tịch của chúng ta, Ông A. P. Sinnett, chụp.

Interesting Photographs—Những Bức Ảnh Thú Vị

A good typical case of this photography of the partially materialized dead was related to me by a veteran army officer. It seems that he had lost (as we usually call it) three daughters by death, within a comparatively short space of time. One day in a large city, hundreds of miles from home, he saw an advertisement of a photographer who professed to be able to produce portraits of the dead, so he turned into his studio then and there, and asked to be taken. He gave no indication of what he expected, or indeed that he expected anything at all beyond his own portrait; and he asserts that it was absolutely impossible that he could have been, in any way known to the photographer. Yet when he called for the portraits three floating faces appeared grouped about his own, fainter than his, but unmistakably recognizable. He showed me the photograph, and also the portraits of his daughters taken during their physical life; they were unquestionably the same young ladies as those in the picture taken after their death.

Một trường hợp tiêu biểu hay về việc chụp ảnh người đã khuất hiện hình bán phần được kể lại với tôi bởi một sĩ quan quân đội kỳ cựu. Dường như ông đã "mất" (như ta thường nói) ba cô con gái do cái chết, trong một khoảng thời gian tương đối ngắn. Một ngày, tại một thành phố lớn cách nhà hàng trăm dặm, ông thấy một quảng cáo của một nhiếp ảnh gia tự nhận có thể chụp chân dung người đã khuất, thế là ông bước vào phòng chụp ngay lúc ấy, và xin được chụp. Ông không đưa ra bất kỳ dấu hiệu nào về điều mình mong đợi, hay thực ra rằng ông mong đợi điều gì khác ngoài chân dung của chính mình; và ông quả quyết rằng hoàn toàn không thể có chuyện ông bị nhiếp ảnh gia biết đến theo bất cứ cách nào. Thế mà khi ông đến lấy ảnh, ba gương mặt lơ lửng xuất hiện tụ lại quanh ảnh ông, mờ hơn ảnh ông, nhưng nhận ra không thể lầm lẫn. Ông cho tôi xem bức ảnh, cùng với các chân dung của các con gái ông chụp khi còn sống; không thể nghi ngờ đó chính là những cô gái giống hệt với các khuôn mặt trong bức ảnh chụp sau khi họ qua đời.

In *Photographing the Invisible* Dr. James Coates gives us a number of examples of photographs on which appear psychic "extras," as they are sometimes called. Many of these were produced under conditions which precluded any sort of preparation of the plates, and were developed in the presence of reliable

Trong *Photographing the Invisible*, Bác sĩ James Coates đưa ra cho chúng ta một số ví dụ về những bức ảnh có "ảnh phụ" tâm linh, như đôi khi người ta gọi. Nhiều bức trong số này được tạo ra dưới các điều kiện loại trừ mọi sự chuẩn bị trước cho bản kính, và được tráng rửa trước sự chứng kiến của các nhân chứng đáng tin

witnesses. A curious example on the photograph of a Chinese man is recounted by Mr. Edward Wyllie, a well-known American "spirit-photographer". (pp. 167-8.)

I had been giving tests to some gentlemen in Los Angeles in connection with the Psychic Research Society. Some were convinced of the fact of psychic photography, and others were not. It was suggested by one member it would be a good thing if I could obtain "extras" on the plate of someone wholly ignorant of both the subject and of spiritualism. Then it could not be said that their knowledge or attitude had anything to do with the results. It was not easy to get someone with the qualifications desired. When one day "Charlie," a Chinese laundryman, called for my clothes, it struck me to ask him: "Charlie, like to have your picture taken?" "No," he replied. "No likee that." He knew that I was a photographer, but had a dislike, I think, to photography, as most Chinese have. I tried to persuade him after he had called two or three times. I showed him that there could be no harm in it, and I would take a "glass" (as negatives are called) for nothing, and print him some nice pictures of himself. Charlie wanted to go home and change his clothes, but I knew it would not do to let him slip, and got him to sit. He was very much scared. I made his mind easy and asked him to come in a few days, and I would give him the pictures. When I developed the negative there were two "extras "on it—a Chinese boy and some Chinese writing. When Charlie came round I showed him the print, and he said: "That my boy; where you catchee him? "I asked him if it was not one of his cousins in the city. He said, "No, that my boy. He not here; where you catchee him?" I asked him where his boy was, and he said, "That my boy. He's in China. Not seen him for three years."

cậy. Một ví dụ kỳ lạ trên tấm ảnh của một người Trung Hoa được thuật lại bởi Ông Edward Wyllie, một "nhiếp ảnh gia vong linh" nổi tiếng người Mỹ. (tr. 167-168.)

Tôi từng làm các thử nghiệm cho một số quý ông ở Los Angeles trong mối liên hệ với Hội Nghiên Cứu Tâm linh. Một số bị thuyết phục về tính thực của nhiếp ảnh tâm linh, số khác thì không. Một thành viên đề nghị rằng sẽ hay nếu tôi có thể thu được "ảnh phụ" trên tấm kính của một người hoàn toàn không biết cả về chủ đề lẫn về thuyết gọi hồn. Khi đó sẽ không thể nói rằng sự hiểu biết hay thái độ của họ có can dự gì vào kết quả. Không dễ để tìm được người có đủ các điều kiện mong muốn. Một hôm, "Charlie", một người giặt ủi Trung Hoa, đến lấy quần áo của tôi, tôi chợt nảy ý hỏi anh ta: "Charlie, muốn chụp hình không?" "Không," anh trả lời. "Không thích cái đó." Anh biết tôi là nhiếp ảnh gia, nhưng tôi nghĩ anh không thích nhiếp ảnh, như đa phần người Trung Hoa. Tôi tìm cách thuyết phục anh sau khi anh ghé hai ba lần. Tôi cho anh thấy chẳng hại gì, và tôi sẽ chụp một "tấm kính" (cách gọi bản kính âm) miễn phí, và in cho anh vài tấm ảnh đẹp của chính anh. Charlie muốn về nhà thay áo quần, nhưng tôi biết không thể để anh tuột mất, và khiến anh ngồi vào chụp. Anh rất sợ. Tôi trấn an anh và dặn vài hôm nữa quay lại, tôi sẽ đưa ảnh cho. Khi tôi tráng rửa bản kính, có hai "ảnh phụ" trên đó—một cậu bé Trung Hoa và vài dòng chữ Trung Hoa. Khi Charlie đến, tôi cho anh xem ảnh in, và anh nói: "Đó con trai tôi; ông bắt nó ở đâu vậy?" Tôi hỏi có phải đó là một trong các anh em họ của anh trong thành phố không. Anh nói, "Không, đó con trai tôi. Nó không ở đây; ông bắt nó ở đâu?" Tôi hỏi con trai anh ở đâu, và anh nói, "Đó con trai tôi. Nó đang ở Trung Hoa. Không gặp nó đã ba năm."

Charlie would not believe that I had not by some magic got his "boy here". Charlie then brought other Chinamen—friends of his own—to see the picture, and they all recognised the youngster. Charlie did not know that his son was dead. As far as he knew, he was alive and well.

Charlie không chịu tin rằng tôi không bằng một phép thuật nào đó đã "đem con trai anh đến đây". Rồi Charlie đưa những người Trung Hoa khác—bạn bè của anh—đến xem tấm ảnh, và tất cả đều nhận ra cậu bé. Charlie không biết con trai mình đã chết. Theo như anh biết, nó vẫn sống và khỏe.

Mr. Wyllie also had remarkable success in obtaining the same sort of psychic impressions upon photographs of letters and locks of hair. Dr. Coates relates (p. 197 *et seq*.) that before Mr. Wyllie was induced to visit Scotland, a test of his photography was proposed in *The Two Worlds* (1st Jan., 1909). In consequence about forty people sent locks of hair to be photographed. All got some "extras," some of which were identifiable portraits of departed friends.

Ông Wyllie cũng rất thành công trong việc thu được cùng loại ấn tượng tâm linh trên ảnh chụp thư từ và tóc. Bác sĩ Coates thuật lại (tr. 197 *và tiếp theo*) rằng trước khi Ông Wyllie được mời thăm Scotland, một cuộc thử nghiệm nhiếp ảnh của ông đã được đề xuất trên *The Two Worlds* (1/1/1909). Hệ quả là khoảng bốn mươi người gửi lọn tóc để chụp ảnh. Tất cả đều có "ảnh phụ", trong đó một số là các chân dung nhận diện được của bằng hữu đã khuất.

Among the experimenters were Mrs. A. S. Hunter, widow of Dr. Archibald Hunter of Bridge of Allan, and Mme. A. L. Pogosky, also a widow, director of the Russian Peasant Industries in London. The photograph of Mme. Pogosky's card had two psychic faces upon it—one of Dr. Hunter, and the other that of the deceased wife of Mr. Auld, a friend of Dr. Coates'. Mrs. Hunter's photograph showed, in addition to the letter and lock of hair which she had sent, three forms, identified as an old schoolfellow, and a niece and nephew, all dead. Referring to the picture of Mrs. Auld, Dr. Coates remarks:

Trong số những người thử nghiệm có Bà A. S. Hunter, quả phụ của Bác sĩ Archibald Hunter ở Bridge of Allan, và Bà A. L. Pogosky, cũng là quả phụ, giám đốc ngành Công nghiệp Nông dân Nga ở Luân Đôn. Bức ảnh chụp tấm thiếp của Bà Pogosky có hai gương mặt tâm linh trên đó—một của Bác sĩ Hunter, và một của người vợ đã khuất của Ông Auld, một người bạn của Bác sĩ Coates. Ảnh của Bà Hunter cho thấy, ngoài lá thư và lọn tóc bà gửi, còn có ba hình, được nhận diện là một bạn học cũ, và một cháu gái cùng một cháu trai, tất cả đều đã mất. Nói về bức ảnh của Bà Auld, Bác sĩ Coates nhận xét:

Here we have an identified portrait of a lady, taken by a stranger six thousand miles away, wholly ignorant of Mr. Auld or ourselves. I had not written this medium (Mr. Wyllie) till the 17th of March, 1909, nearly two months after this picture was obtained, and of its existence none in Rothesay were aware till... nearly fourteen months afterwards. Truly truth is stranger than fiction.

Ở đây chúng ta có một chân dung đã được nhận diện của một quý bà, do một người xa lạ chụp cách sáu ngàn dặm, hoàn toàn không hay biết về Ông Auld hay về chúng tôi. Tôi chưa từng viết cho đồng tử này (Ông Wyllie) cho đến ngày 17 tháng Ba, 1909, gần hai tháng sau khi bức ảnh này được chụp, và ở Rothesay không ai biết về sự tồn tại của nó cho đến... gần mười bốn tháng sau. Thật đúng là sự thật còn

lạ lùng hơn hư cấu.

Later Mr. Wyllie visited Dr. and Mrs. Coates in Scotland, and took many "spirit" photographs there. When he was packing up his things preparatory to taking his departure Mrs. Coates (who was herself psychic) had a sudden impulse to ask for a sitting. Mr. Wyllie had packed away his favourite camera, but there were still in the room a Kodak camera and some plates purchased locally, that is, in Rothesay. One of the plates was exposed on Mrs. Coates, and when developed showed also a good likeness of her grandmother (p. 223),

Sau đó Ông Wyllie thăm Bác sĩ và Bà Coates ở Scotland, và chụp nhiều ảnh "vong linh" tại đó. Khi ông đang thu xếp hành lý chuẩn bị lên đường, Bà Coates (bà vốn có năng lực tâm linh) bỗng có thôi thúc xin một buổi chụp. Ông Wyllie đã cất đi chiếc máy ảnh ưa thích, nhưng trong phòng vẫn còn một máy Kodak và vài bản kính mua tại địa phương, tức ở Rothesay. Một trong các bản kính được chụp cho Bà Coates, và khi tráng rửa đã cho thấy thêm một hình ảnh rõ nét của bà ngoại bà (tr. 223),

That Mr. Wyllie's "extras" could be produced under test conditions was proved by the report of a test committee, appointed by the Glasgow Association of Spiritualists. They stipulated that they should provide the camera and plates; the former belonged to one of the committee, the latter, eight in number, were bought at the nearest chemist's twenty minutes before the meeting, and were put into slides in the chemist's dark room. After the plates were exposed they were immediately placed in the camera bag and taken away by the committee and developed. Under these test conditions several of the plates showed psychic impressions. (pp. 253-6.)

Việc "ảnh phụ" của Ông Wyllie có thể được tạo ra dưới các điều kiện kiểm soát đã được chứng minh bằng báo cáo của một ủy ban thử nghiệm do Hội Những Người Thông linh Glasgow bổ nhiệm. Họ đặt điều kiện rằng chính họ sẽ cung cấp máy ảnh và bản kính; máy ảnh thuộc một ủy viên, còn bản kính, số tám chiếc, được mua tại hiệu thuốc gần nhất hai mươi phút trước buổi họp, và được lắp vào các khung trượt trong phòng tối của hiệu thuốc. Sau khi các bản kính được phơi sáng, chúng lập tức được đặt vào túi máy ảnh và mang đi bởi ủy ban để tráng rửa. Dưới các điều kiện thử nghiệm này, vài bản kính cho thấy các ấn tượng tâm linh. (tr. 253-256.)

CHAPTER VII—CHƯƠNG VII

THE MANIPULATION OF PSYCHIC RODS—SỰ ĐIỀU KHIỂN CÁC CẦN LỰC THÔNG LINH

The Goligher Circle—Vòng Tròn Goligher

In three valuable little books—*The Reality of Psychic Phenomena* (1916), *Experiments in*

Trong ba cuốn sách nhỏ quý giá— *The Reality of Psychic Phenomena* (1916), *Experiments in*

Psychical Science (1919), and *Psychic Structures* (1921)—the late Mr. W. J. Crawford, D.Sc., of Belfast, Ireland, has given us a carefully classified account of a long series of investigations into the telekinetic phenomena of the Goligher Circle, his studies having been carried on especially from the mechanical point of view. The circle is so called because it is composed of the principal medium, Miss Kathleen Goligher, and other members of her family, namely her three sisters, brother, father and brother-in-law, with only occasional visitors.

Psychical Science (1919), và *Psychic Structures* (1921)—cố Ông W. J. Crawford, D.Sc., ở Belfast, Ireland, đã đưa ra cho chúng ta một bản tường thuật được phân loại cẩn thận về một loạt dài các khảo sát hiện tượng di chuyển bằng tâm năng của Vòng Tròn Goligher, với các nghiên cứu của ông được tiến hành đặc biệt từ góc nhìn cơ học. Vòng tròn có tên gọi như vậy vì nó gồm đồng tử chính, Cô Kathleen Goligher, và các thành viên khác trong gia đình cô, là ba chị em gái, anh trai, cha và anh rể, chỉ thỉnh thoảng mới có khách.

Recording The Sounds—Ghi Âm Các Âm Thanh

It is characteristic of Dr. Crawford's methods that at the very beginning of his research he should seek to convince himself and the rest of the circle that they were merely subjects of hallucinatory sense-images induced by the peculiar conditions of the seance-room. This he did by taking a number of phonograph records. He explained to the invisible operators, with whom he was in communication by means of raps, that he was about to make a record, and requested them to give as complete a selection as possible of the various sounds which they had been producing in the circle, and all within the space of time permitted by the revolutions of the recording cylinder. About this he says:

Đặc trưng trong phương pháp của Bác sĩ Crawford là ngay từ đầu nghiên cứu, ông đã tìm cách tự thuyết phục mình và những người khác trong vòng tròn rằng họ không chỉ là những người bị các hình ảnh cảm giác mang tính ảo giác chi phối bởi các điều kiện kỳ lạ của phòng gọi hồn. Ông làm điều đó bằng cách ghi một số đĩa phonograph. Ông giải thích với các người điều khiển vô hình, những người ông liên lạc bằng các tiếng gõ, rằng ông sắp thu một bản ghi, và yêu cầu họ cung cấp một tuyển tập đầy đủ nhất có thể các âm thanh mà họ đã tạo ra trong vòng tròn, tất cả trong khoảng thời gian cho phép bởi các vòng quay của ống trụ ghi âm. Về điều này, ông viết:

I then asked the operators if all was ready, and on their replying by three raps in the affirmative I called out, "Start". Immediately a thunderous blow resounded on the floor and I started the machine. Half a dozen sledge-hammer blows, varieties of double and treble knocks, and shufflings like sand-paper rubbing the floor were given in succession; the hand-bell was lifted and rung; the legs of the table were raised and knocked on the floor; the sound of wood being apparently sawn was

Tôi liền hỏi các điều khiển viên xem mọi thứ đã sẵn sàng chưa, và khi họ trả lời bằng ba tiếng gõ khẳng định, tôi hô, "Bắt đầu". Lập tức một tiếng đập như sấm vang trên sàn và tôi cho máy chạy. Nửa tá cú đập như búa tạ, các biến thể của những cú gõ đôi và gõ ba, và những tiếng kéo lê như giấy nhám chà sàn được thực hiện nối tiếp; chuông tay được nhấc lên và rung; các chân bàn được nâng và gõ xuống sàn; xuất hiện âm thanh như thể gỗ đang được cưa; vân vân. Họ giữ nhịp độ ầm ầm

heard; and so on. They kept up this terrific noise until I called out, "Stop"; when, at the word, perfect silence reigned. We then tried the record, and found that most of the noises had been recorded; but the bell, owing to its being rung too far away, was almost inaudible. I therefore suggested to the operators that they should ring the bell right in the middle of the circle and as near the trumpet of the phonograph as possible, and I promised not to upset their conditions of equilibrium by attempting to touch it. Accordingly, during the taking of the next record the bell was rung within an inch or two of my hand, and so close to the trumpet that it accidently touched it and knocked it off the instrument. This partly spoiled the record.

khủng khiếp ấy cho đến khi tôi hô, "Dừng"; khi vừa dứt lời, im lặng hoàn toàn bao trùm. Chúng tôi liền nghe lại bản ghi, và thấy rằng phần lớn các âm thanh đã được ghi lại; nhưng chuông, do rung quá xa, hầu như không nghe thấy. Vì vậy, tôi đề nghị với các điều khiển viên rằng họ nên rung chuông ngay giữa vòng tròn và càng gần miệng kèn của máy ghi âm càng tốt, và tôi hứa sẽ không làm xáo trộn các điều kiện cân bằng của họ bằng cách cố chạm vào nó. Theo đó, trong khi lấy bản ghi tiếp theo, chuông được rung cách tay tôi chỉ một hai inch, và gần miệng kèn đến mức vô tình chạm vào và làm nó rơi khỏi thiết bị. Điều này làm hỏng một phần bản ghi.

In all, three good records and the partly spoiled one were taken, and these show beyond dispute, as was anticipated, that the sounds are ordinary objective sounds. *(R. P. P.*, pp. 30-1.)

Tổng cộng, ba bản ghi tốt và một bản bị hỏng một phần đã được thực hiện, và những bản này chứng tỏ ngoài mọi tranh cãi, như đã dự liệu, rằng các âm thanh là những âm thanh khách quan thông thường. *(R. P. P.*, tr. 30-31.)

Weighing The Medium—Cân Nặng của Đồng Tử

Further on in the same book Dr. Crawford records a number of experiments in which he weighed the medium before and during the levitation of the table or stool placed in the center of the circle of the sitters, it being never in contact with any portion of the body or dress of the medium or any other sitter. His conclusions as to this are given as follows:

Tiếp theo trong cùng cuốn sách, Bác sĩ Crawford ghi chép một số thí nghiệm trong đó ông cân đồng tử trước và trong khi chiếc bàn hay ghế đẩu đặt ở trung tâm vòng tròn được nâng lên, mà không hề tiếp xúc với bất kỳ bộ phận nào của thân hay y phục của đồng tử hay bất kỳ người dự nào khác. Kết luận của ông về việc này như sau:

(a) When the table is steadily levitated, a weight is added to the medium very nearly equal to the weight of the table.

(a) Khi chiếc bàn được nâng ổn định, một khối lượng được cộng vào cân nặng của đồng tử gần bằng với khối lượng của chiếc bàn.

(b) The seat of the reaction would therefore appear to be chiefly the medium herself.

(b) Vì vậy, vị trí của phản lực xem ra chủ yếu là ở chính đồng tử.

(c) Taking an average over the six cases, the increased weight on the medium seems to be about 3 per cent less than the weight of the

(c) Tính trung bình trên sáu trường hợp, phần tăng cân trên đồng tử có vẻ thấp hơn khoảng 3 phần trăm so với trọng lượng của chiếc bàn

levitated table. (pp. 44-5.)

Wishing then to discover if any of the weight of the steadily levitated table was added to other members of the circle, he asked Mr. Morrison (the brother-in-law) to sit on the chair on the weighing machine which had previously been occupied by the medium, while she sat on an ordinary chair in the circle. When the table was levitated, Mr. Morrison's weight rose two ounces. As this might have been due to other causes, Dr. Crawford balanced the steelyard of the weighing machine and then, asked the operators to jerk the table up and down in the air. While it was moving, the steelyard went up and down lightly against the stops, in synchronism with the movement of the table. After a number of such experiments he drew the conclusion that when the table is steadily levitated the reaction falls upon the body of the medium to the extent of at least 95%, and that a small proportion is distributed over the bodies of the other sitters. Thus:

As Admiral Moore suggests, when a table is steadily levitated the effect is precisely the same as it would be if the medium lifted it herself with her hands, aided by a very slight assistance from the members constituting the circle—say, the help that could be given by a force applied by one finger each. (p. 48.)

The Lines Of Force—Các Đường Lực

Dr. Crawford goes on to relate that in the course of many investigations, when he and others sought to press down the levitated table they encountered an elastic resistance, but to their surprise, when they tried to push the table towards the medium they found a perfectly rigid or solid resistance. Whenever a visitor undertook to try to prevent the table from rising, it did so nevertheless; first the

được nâng. (tr. 44-45.)

Muốn biết xem liệu có phần nào trọng lượng của chiếc bàn đang được nâng ổn định được cộng vào cân nặng của các thành viên khác trong vòng tròn hay không, ông nhờ Ông Morrison (anh rể) ngồi lên chiếc ghế đặt trên cân đòn mà trước đó đồng tử đã ngồi, trong khi cô ngồi trên một chiếc ghế thường trong vòng tròn. Khi chiếc bàn được nâng, cân nặng của Ông Morrison tăng hai ounce. Vì điều này có thể do các nguyên nhân khác, Bác sĩ Crawford cân bằng đòn cân rồi yêu cầu các điều khiển viên giật chiếc bàn lên xuống trong không trung. Trong khi nó chuyển động, đòn cân nhấp lên xuống nhẹ nhàng chạm các chốt, đồng bộ với chuyển động của chiếc bàn. Sau một loạt thí nghiệm như vậy ông rút ra kết luận rằng khi chiếc bàn được nâng ổn định, phản lực rơi vào thân thể của đồng tử ít nhất 95%, và một phần nhỏ phân bố trên thân thể những người dự khác. Như vậy:

Như Đô đốc Moore gợi ý, khi một chiếc bàn được nâng ổn định, hiệu quả chính xác giống như thể đồng tử nâng nó bằng tay mình, được trợ lực rất nhẹ từ các thành viên trong vòng tròn—chẳng hạn, sự giúp sức có thể có từ lực mà mỗi người đặt được bằng một ngón tay. (tr. 48.)

Bác sĩ Crawford kể tiếp rằng trong quá trình nhiều khảo sát, khi ông và những người khác tìm cách ấn chiếc bàn đang nâng xuống, họ gặp một sự kháng cự đàn hồi, nhưng đến ngạc nhiên, khi họ cố đẩy chiếc bàn về phía đồng tử, họ lại gặp một sự kháng cự hoàn toàn cứng hay rắn. Bất cứ khi nào một vị khách tìm cách ngăn chiếc bàn khỏi nâng lên, nó vẫn cứ nâng; trước hết, hai chân gần đồng tử nhất nâng lên, như

two legs nearest to the medium rose, as though the table were being tilted at the inclination most suitable for a projection from the medium to gain the shortest and most powerful grasp. As this occurred wherever the visitor might be standing (though it must be understood that he was in no case permitted to do so directly between the medium and the table) it would seem that there is a projection in the direction suggested by the diagram reproduced herewith. (Fig. 4, p. 73.)

thể chiếc bàn đang được nghiêng theo góc thuận lợi nhất để một vươn ra từ đồng tử đạt lấy điểm bám ngắn nhất và mạnh nhất. Vì điều này xảy ra bất kể vị khách đứng ở đâu (dù cần hiểu rằng ông ta trong mọi trường hợp đều không được phép đứng trực diện giữa đồng tử và chiếc bàn), có vẻ như có một vươn ra theo hướng được gợi ý bởi sơ đồ được tái bản kèm theo đây. (Hình 4, tr. 73.)

Further experiments with a compression spring-balance under the table, when the operators were requested to levitate the table in their usual manner, gave the result, to take one example, that the vertical reaction for the seance table weighing $10^{3}/_{8}$ lb, was greater than 28 lb, and showed that there was also a horizontal pressure against the balance and away from the medium, amounting to about 5 lb. (p. 120). A stool weighing $2^{3}/_{4}$ lb when levitated above a drawing board weighing $5^{1}/_{2}$ lb resting upon a compression spring-balance, registered a downward force of about 24 lb. In this class of experiments it is evident that in the total we have pressing upon the drawing-board the weight of the stool plus that of the pillar of psychic matter which is supporting it. In the earlier type of experiment mentioned above, we have evidently a cantilever support from the medium, not resting on the floor. The full researches into these matters showed Dr. Crawford that in most cases the cantilever form was used when it would not inconvenience the medium by tending to overbalance her. (p. 131.)

Những thí nghiệm tiếp theo với một cân lò xo nén đặt dưới bàn, khi các điều khiển viên được yêu cầu nâng chiếc bàn theo cách thường lệ của họ, cho kết quả, lấy một ví dụ, rằng phản lực theo phương thẳng đứng đối với chiếc bàn dùng trong buổi gọi hồn nặng 10 3/8 lb, lớn hơn 28 lb, và cho thấy cũng có một áp lực theo phương ngang tác dụng lên cân và hướng ra xa đồng tử, khoảng 5 lb. (tr. 120). Một chiếc ghế đẩu nặng 2 3/4 lb khi được nâng lên phía trên một tấm ván vẽ nặng 5 1/2 lb đặt trên một cân lò xo nén, ghi nhận một lực ép xuống khoảng 24 lb. Trong nhóm thí nghiệm này, hiển nhiên trong tổng lực ép lên tấm ván vẽ có trọng lượng của chiếc ghế đẩu cộng với trọng lượng của trụ chất liệu thông linh đang đỡ nó. Trong loại thí nghiệm trước đó nêu trên, hiển nhiên chúng ta có một gối đỡ dạng dầm công-xôn từ đồng tử, không tựa trên sàn. Toàn bộ các khảo sát về những vấn đề này cho thấy với Bác sĩ Crawford rằng trong đa số trường hợp, dạng công-xôn được dùng khi nó không gây bất tiện cho đồng tử bằng cách làm cô có xu hướng bị lệch trọng tâm. (tr. 131.)

Dr. Crawford next invented a very delicate "contact-maker". Two pieces of cardboard *(c)* and wood *(w)* were hinged together as shown in the diagram (Fig. 22, p. 139). Two small strips of clock-spring *(ss)* were attached to these, and to an electric bell circuit, so that

Bác sĩ Crawford sau đó phát minh ra một "bộ tạo tiếp điểm" rất tinh tế. Hai miếng bìa cứng *(c)* và gỗ *(w)* được bản lề nối với nhau như trong sơ đồ (Hình 22, tr. 139). Hai dải nhỏ bằng lò xo đồng hồ *(ss)* gắn vào đó và nối với mạch chuông điện, sao cho khi có bất kỳ áp lực

when any pressure was exerted upon the wood and cardboard sides so as to bring the two strips into contact the bell would ring. The instrument was so delicate that heavy breathing upon it was sufficient to cause contact. With this instrument Dr. Crawford explored the field under the levitated table and near to the medium, and thus found the situation of the stress-lines of the force from the medium to the table, as in both cases the bell rang at certain points and the levitation was then interrupted in some degree. On this he writes as follows:

nào tác động lên phía gỗ và bìa khiến hai dải tiếp xúc nhau thì chuông sẽ reo. Dụng cụ này tinh nhạy đến mức chỉ cần thở mạnh vào cũng đủ gây tiếp điểm. Với dụng cụ này, Bác sĩ Crawford khảo sát vùng dưới chiếc bàn đang được nâng bổng và gần đồng tử, nhờ vậy xác định vị trí các đường ứng suất của mãnh lực từ đồng tử tới bàn, vì ở cả hai trường hợp chuông đều reo tại những điểm nhất định và khi đó sự nâng bổng bị gián đoạn phần nào. Về điểm này, Ông viết như sau:

I have some reason to believe that the establishing of these stress-lines (the links) is for the operators a difficult process, and that once formed they remain more or less *in situ* for the duration of the seance. I think they may be likened to tunnels somewhat laboriously cut through resisting material. Their basis seems to be physical, for I have actually felt the motion of material particles near the ankles (and proceeding outwards from them) of the medium (the stress-lines seem to commence sometimes at the wrists and ankles of my medium), and I have noticed during the rapping that when my hand interferes with the particle flow—which seems to correspond with a stress-line—the rapping has ceased for quite a long time and could seemingly only be restarted with difficulty. In other words, the path had been obliterated. I do not think the particles of matter (for such I am assuming them to be) are the cause of the pressure which lifts the table. I think they are the connecting links which allow the psychic pressure to be transmitted, much in the manner that a wire is a path which enables electricity to flow. (pp. 140-1).

Tôi có lý do để tin rằng việc thiết lập các đường ứng suất này (các mối nối) là một tiến trình khó khăn đối với các vị điều khiển, và một khi đã hình thành thì chúng ít nhiều vẫn giữ *ngay tại chỗ* trong suốt buổi gọi hồn. Tôi nghĩ có thể ví chúng như những đường hầm được đục xuyên một cách khá nhọc nhằn qua vật chất kháng cự. Cơ sở của chúng dường như là vật lý, vì tôi thực sự cảm nhận được sự chuyển động của những hạt vật chất gần mắt cá (và đi ra phía ngoài từ đó) của đồng tử (các đường ứng suất đôi khi dường như khởi đi từ cổ tay và mắt cá của đồng tử của tôi), và tôi đã ghi nhận trong lúc có tiếng gõ rằng khi bàn tay tôi can thiệp vào dòng chảy hạt—dường như tương ứng với một đường ứng suất—thì tiếng gõ ngưng hẳn trong một thời gian khá lâu và có vẻ chỉ có thể khởi động lại một cách khó khăn. Nói cách khác, lối đi đã bị xoá mờ. Tôi không cho rằng các hạt vật chất (tôi giả định chúng là như thế) là nguyên nhân của áp lực nâng chiếc bàn lên. Tôi nghĩ chúng là những mối nối cho phép truyền dẫn áp lực thông linh, giống như cách một sợi dây là lối đi cho điện chảy. (tr. 140-1).

Feeling The Substance—Cảm nhận Vật chất

In Experiment 65 (p. 145) Dr. Crawford describes what this substance feels like to the touch. He says:

Trong Thí nghiệm 65 (tr. 145) Bác sĩ Crawford mô tả cảm giác khi chạm vào vật chất này. Ông nói:

I felt no sense of pressure whatever, but I did feel a clammy, cold, almost oily sensation—in fact, an indescribable sensation, as though the air there were mixed with particles of dead and disagreeable matter. Perhaps the best word to describe the feeling is "reptilian". I have felt the same substance often—and I think it is a substance—in the vicinity of the medium, but there it has appeared to me to be moving outwards from her. Once felt, the experimenter always recognizes it again. This was the only occasion on which I have felt it under the levitated table, though perhaps it is always there, but not usually in such an intense form. Its presence under the table and also in the vicinity of the medium shows that it has something to do with the levitation; and in short I think there can be little doubt that it is actual matter temporarily taken from the medium's body and put back at the end of the seance, and that it is the basic principle underlying the transmission of psychic force.

Tôi hoàn toàn không cảm thấy áp lực nào, nhưng tôi có cảm giác ẩm lạnh, gần như nhờn —thực ra là một cảm giác không thể tả, như thể không khí ở đó hoà lẫn những hạt vật chất chết và khó chịu. Có lẽ từ mô tả phù hợp nhất là "bò sát". Tôi đã nhiều lần cảm nhận cùng vật chất đó—và tôi cho rằng nó là một vật chất—ở gần đồng tử, nhưng ở đó nó dường như chuyển động ra ngoài từ cô ấy. Một khi đã cảm nhận, nhà thực nghiệm luôn nhận ra nó lần nữa. Đây là lần duy nhất tôi cảm nhận nó dưới chiếc bàn đang nâng bổng, dù có lẽ nó luôn hiện diện ở đó, chỉ là thường không ở dạng mạnh như vậy. Sự hiện diện của nó dưới bàn và cả gần đồng tử cho thấy nó có liên quan đến hiện tượng nâng bổng; tóm lại, tôi nghĩ khó có thể nghi ngờ rằng đó là vật chất thực, tạm thời lấy từ thân thể đồng tử và trả lại vào cuối buổi gọi hồn, và nó là nguyên lý cơ bản chi phối sự truyền dẫn lực thông linh.

The above-mentioned test was made with his hand under the table near the top while it was levitated. When he moved his hand to and fro among the psychic stuff the table soon dropped. On page 225 he also mentions that he has often felt the same cold, clammy, reptile-like sensation near the ankles of the medium when rapping was taking place close to her feet at the commencement of a seance, though he would never experiment in this way at an important sitting, because he found that it interrupted the flow of matter and put a stop to the phenomena for the time being.

Bài kiểm tra nói trên được thực hiện khi tay ông đặt dưới bàn gần mặt trên trong lúc bàn đang nâng bổng. Khi ông đưa tay qua lại trong đám vật chất thông linh, chiếc bàn nhanh chóng hạ xuống. Ở trang 225 ông cũng nhắc rằng ông thường cảm thấy cùng cảm giác lạnh, ẩm, như bò sát gần mắt cá của đồng tử khi đang có tiếng gõ gần bàn chân cô ấy vào lúc bắt đầu buổi gọi hồn, dù ông không bao giờ thực nghiệm theo cách này trong một buổi quan trọng, vì ông thấy nó làm gián đoạn dòng vật chất và khiến các hiện tượng dừng lại trong một thời gian.

The sensation would lead him to believe that the same quality of matter is present during

Cảm giác đó khiến ông tin rằng cùng phẩm chất vật chất hiện diện trong khi có tiếng gõ

rapping as under the levitated table, and he noticed that in the former case it is in motion in the direction from the body of the medium outwards; this, he says, can easily be observed by the spore-like sensation as of soft particles moving gently against the hand. He adds that during levitation of the table he never actually interrupted the line of stress from the medium to the table with his hand, but he sometimes placed delicate pressure-recording apparatus in that line, which showed that there was some mechanical pressure close to the body of the medium and acting outwards from her towards the levitated table. In every case the placing of the apparatus in that line soon caused the table to drop.

cũng như dưới chiếc bàn được nâng bổng, và ông nhận thấy trong trường hợp trước, nó chuyển động theo hướng từ thân thể đồng tử đi ra ngoài; điều này, ông nói, có thể dễ dàng nhận ra qua cảm giác như bào tử—như những hạt mềm chuyển nhẹ nhàng lên tay. Ông bổ sung rằng trong khi nâng bổng chiếc bàn, ông chưa bao giờ trực tiếp chặn đường ứng suất từ đồng tử tới bàn bằng tay mình, nhưng đôi khi ông đặt các thiết bị ghi áp lực tinh nhạy vào đường đó, và chúng cho thấy có một áp lực cơ học nào đó rất gần thân đồng tử và tác động từ cô ấy hướng ra chiếc bàn đang nâng. Trong mỗi trường hợp, việc đặt thiết bị trong đường đó sớm khiến chiếc bàn hạ xuống.

In *Psychic Structures* (p. 61) he adds that he distinctly felt a cold breeze issuing from the neighbourhood of the medium's ankles and the region just above her shoes, which appeared to be caused by material particles of a cold, disagreeable, spore-like matter. As his investigations proceeded he came to know quite certainly that what he was really doing was to cut across the part of the structure which was not heavily materialized, as is the end with which its work is done.

Trong *Psychic Structures* (tr. 61), ông bổ sung rằng ông cảm nhận rõ rệt một luồng gió lạnh thổi ra từ vùng lân cận mắt cá chân của đồng tử và khu vực ngay trên giày cô, dường như do những hạt vật chất lạnh, khó chịu, như bào tử gây nên. Khi cuộc điều tra tiến triển, ông nắm chắc rằng thực ra ông đang cắt ngang phần của cấu trúc chưa được vật chất hoá đậm đặc, khác với phần đầu tận cùng nhờ đó công việc được thực hiện.

Sometimes Dr. Crawford did come in contact with the end of a rod. On some occasions the operators held the end of a rod stationary in the air while he pressed against it and kicked it, and found it "softish but very dense". He says *(Psychic Structures*, p. 31) that during one of the tests, when he was poking about the floor in the medium's neighbourhood with a wooden rod, he accidently came against the end of a psychic rod which happened to be out an inch or two up in the air. In the same place he mentions that the suckers on the ends of the rods can often be heard slipping over the wood, when they are presumably being forced off or are taking new grips. He mentions (p.

Đôi khi Bác sĩ Crawford có chạm vào đầu một chiếc cần. Có vài dịp các vị điều khiển giữ đầu một chiếc cần đứng yên trong không khí trong khi ông ấn và đá vào nó, và thấy nó "hơi mềm nhưng rất đậm đặc". Ông nói *(Psychic Structures*, tr. 31) rằng trong một lần thử nghiệm, khi ông đang dùng một cây gậy gỗ thăm dò dưới sàn gần đồng tử, ông vô tình chạm vào đầu một chiếc cần thông linh tình cờ ló ra khỏi sàn khoảng một hai inch. Cũng tại chỗ đó ông nhắc rằng các giác hút ở đầu các cần thường nghe thấy tiếng trượt trên gỗ, hẳn là khi chúng bị buộc tách ra hoặc đang bám lại vị trí mới. Ông kể (tr. 32) một lần chiếc bàn bất chợt hạ xuống khoảng sáu inch trong không

32) an occasion when the table suddenly dropped about six inches in the air and simultaneously there was heard a swishing noise.

khí và đồng thời vang lên một tiếng vun vút.

A visitor to the Circle, Mr. Arthur Hunter, also describes what he himself felt, as follows:

Một vị khách của Vòng, Ông Arthur Hunter, cũng mô tả cảm giác chính ông trải qua như sau:

Towards the end of the seance I asked the "operators" (having first obtained the permission of the leader of the circle) if they could place the end of the structure in one of my hands. On the reply "Yes" I went inside the circle, lay down on my right side on the floor alongside the table, and placed my gloved right hand between the two nearest legs of the table. Almost immediately I felt the impact of a nearly circular rod-like body about 2 inches in diameter on the palm of my hand, which was held palm upwards. (The back of my hand was towards the floor and at a distance of about 5 in. from it.) This circular rod-like body was flat at the end, *i.e.*, as if the rod were sawn across. It maintained a steady pressure evenly distributed over the area of impact, and was soft but firm to the sense of touch. I estimate the magnitude of pressure at from 4 to 6 oz. Without being requested to do so, the "operators" moved this rod-like structure until I felt the clearly defined edges of the circular blunt end. This was accompanied by a sensation of roughness, as though the edge were serrated, such a feeling, I believe, as would be given by a substance similar to *very* fine emery paper, (pp. 21-2.)

Về cuối buổi gọi hồn, tôi hỏi các "vị điều khiển" (sau khi đã xin phép người dẫn vòng) xem họ có thể đặt đầu của cấu trúc vào một trong hai tay tôi không. Khi nhận được trả lời "Vâng" tôi bước vào trong vòng, nằm nghiêng bên phải trên sàn cạnh chiếc bàn, và đặt bàn tay phải đang đeo găng giữa hai chân bàn gần nhất. Gần như ngay lập tức tôi cảm thấy một vật gần tròn dạng que, đường kính khoảng 2 inch, đập vào lòng bàn tay tôi, tay tôi đang ngửa lên. (Mu bàn tay hướng xuống sàn và cách sàn khoảng 5 in.) Vật hình que tròn này có đầu phẳng, *tức là*, như thể chiếc que bị cưa ngang. Nó duy trì một lực ép đều, phân bố đồng đều trên diện tích tiếp xúc, và mềm nhưng chắc khi chạm vào. Tôi ước lượng độ lớn của áp lực vào khoảng 4 đến 6 ounce. Dù tôi chưa kịp yêu cầu, các "vị điều khiển" đã di chuyển cấu trúc dạng que này cho đến khi tôi cảm thấy rõ rệt các mép của đầu tròn tù. Kèm theo đó là một cảm giác nhám, như thể mép có răng cưa, cảm giác ấy, tôi tin, giống như do một chất liệu tương tự giấy ráp *rất* mịn mang lại. (tr. 21-2.)

In addition to this feeling, he had occasionally had fitful glimpses of the psychic matter in the ordinary red light of the seance room, but in 1919 Dr. Crawford made a discovery which enabled the form to be much more easily seen. A sheet of cardboard about one foot square was covered with luminous paint, exposed to

Ngoài cảm giác này, đôi khi ông còn thoáng thấy chập chờn vật chất thông linh trong ánh sáng đỏ thông thường của phòng gọi hồn, nhưng vào năm 1919 Bác sĩ Crawford đã có một khám phá giúp hình dạng được nhìn rõ dễ dàng hơn. Một tấm bìa khoảng một foot vuông được phủ sơn dạ quang, phơi nắng vài giờ rồi

sunlight for some hours and then placed on the floor within the circle. In the dark seance-room such luminous sheets shone quite strongly. While the medium had her feet and ankles locked in a box the operators were asked to bring out the structure and hold it over the phosphorescent sheet. In a short time a curved body somewhat resembling the toe of a boot advanced into the light. The operators modified it into many shapes, while Dr. Crawford watched the changes. The end portion would contract and gradually lengthen until a pointed shape was produced, and then that would sometimes curl round into a hook, twisting and untwisting before his eyes. It could also spread out sideways until it resembled a mushroom or a cabbage. The flexibility, he says, was marvellous. (pp. 111-3).

đặt trên sàn trong vòng. Trong phòng gọi hồn tối, những tấm dạ quang như vậy phát sáng khá mạnh. Trong khi bàn chân và mắt cá của đồng tử bị khoá trong một chiếc hộp, các vị điều khiển được yêu cầu đưa cấu trúc ra và giữ nó trên tấm dạ quang. Chẳng bao lâu, một vật cong tựa mũi giày nhô vào vùng sáng. Các vị điều khiển biến đổi nó thành nhiều hình dạng, trong khi Bác sĩ Crawford quan sát các thay đổi. Phần đầu sẽ co lại rồi dần dài ra cho đến khi tạo thành một đầu nhọn, rồi đôi khi đầu đó cuộn lại thành móc, xoắn và tháo xoắn ngay trước mắt ông. Nó cũng có thể toè sang hai bên cho đến khi giống như một cây nấm hay một bắp cải. Ông nói, tính linh hoạt thật kỳ diệu. (tr. 111-3).

The Cantilevers—Dầm Công-xôn

Following upon a great number and variety of experiments Dr. Crawford put forward his cantilever theory for levitation of light tables, based upon the fact that (1) during steady levitation with no apparatus or other impedimenta below the table, the weight of the table is practically added to that of the medium; (2) the medium is under stress, the muscles of her arms from wrist to shoulder being rigid, and other parts of the body being similarly affected, though to a less degree, and (3) there is no reaction on the floor under the table. The idea that the force employed is in the form of a cantilever issuing direct to the table from the body of the medium is also supported by the facts that vertical pressure meets with elastic resistance, while pressure towards the medium meets with solid resistance. His summation of the theory, after considering all mechanical evidence, and after conversing on the subject with the operators by means of raps, was that:

Sau một số lượng lớn và đa dạng các thí nghiệm, Bác sĩ Crawford đề xuất thuyết công-xôn cho hiện tượng nâng bổng các bàn nhẹ, dựa trên các sự kiện rằng (1) khi nâng bổng ổn định mà không có dụng cụ hay vật cản nào dưới bàn, trọng lượng của chiếc bàn hầu như được cộng vào trọng lượng của đồng tử; (2) đồng tử ở trong trạng thái căng lực, các cơ ở tay từ cổ tay tới vai ở trạng thái cứng, và các phần khác của thân cũng chịu ảnh hưởng tương tự, dù ở mức độ nhẹ hơn, và (3) không có phản lực trên sàn dưới chiếc bàn. Ý tưởng rằng mãnh lực được dùng có dạng một dầm công-xôn xuất lộ trực tiếp từ thân đồng tử tới chiếc bàn còn được củng cố bởi các sự kiện là áp lực theo phương thẳng đứng gặp sự kháng cự đàn hồi, trong khi áp lực hướng về phía đồng tử gặp sự kháng cự rắn chắc. Kết luận của ông về thuyết này, sau khi xem xét mọi bằng chứng cơ học và sau khi đàm thoại về chủ đề với các vị điều khiển bằng tiếng gõ, là:

The cantilever arm gets under the table—probably a more or less straight arm in this case, as there is little stress. Whatever the physical composition of the substratum of the end of the arm may be, it has the power to take an adhesive grip on certain substances, such as wood, with which it comes into contact. The broad columnar end of the arm grips adhesively the under surface of the table. (*R.P.P.*, p. 167).

Cánh tay công-xôn chui vào dưới bàn—có lẽ là một cánh tay tương đối thẳng trong trường hợp này, vì lực căng ít. Dẫu thành phần vật lý của nền tảng ở đầu cánh tay là gì, nó có khả năng bám dính vào một số chất liệu như gỗ, khi tiếp xúc với chúng. Đầu dạng cột, bản rộng của cánh tay bám dính vào mặt dưới của chiếc bàn. (*R.P.P.*, tr. 167).

On page 230 (*R. P. P.*) this theory is confirmed by a lady clairvoyant who happened to be present at some of the experiments. She said that she saw under the table, close to the under surface and extending down a little way, a whitish vapoury substance which increased in density when the table was levitated. She was able to call out that a movement was about to occur before it actually took place, by noticing the increase of density and opacity. She explained that the column did not reach to the floor, but that a band of it came from the medium and was continuous with that under the table, and also that there were very thin bands, like ribbons, coming from all the other sitters as well, and joining it. She also saw various "spirit forms" and "spirit hands" manipulating the psychic material.

Ở trang 230 (*R. P. P.*) thuyết này được một phụ nữ thông nhãn tình cờ có mặt trong một số thí nghiệm xác nhận. Bà nói rằng bà thấy dưới chiếc bàn, sát mặt dưới và kéo xuống một đoạn, có một chất trắng như hơi nước, đậm đặc hơn khi chiếc bàn được nâng bổng. Bà có thể báo trước rằng một chuyển động sắp xảy ra trước khi nó thực sự diễn ra, bằng cách chú ý sự tăng lên của mật độ và độ mờ đục. Bà giải thích rằng cột đó không chạm đến sàn, nhưng một dải từ đồng tử kéo đến và liên tục với phần dưới bàn, và cũng có những dải rất mỏng như những dải ruy-băng xuất phát từ tất cả những người ngồi khác, nhập vào nó. Bà cũng thấy nhiều "hình dáng linh hồn" và "bàn tay linh hồn" thao tác vật chất thông linh.

But the culmination of proof arrived when Dr. Crawford succeeded in taking photographs of the structure. Quite a number of photographs of matter thus issuing from the medium and forming these structures have been published in *Psychic Structures*. The first of these faces page 10, and shows the general form of the structure as above described, and the fact that it is connected not only with the medium but also with other sitters,

Nhưng bằng chứng đỉnh điểm đến khi Bác sĩ Crawford thành công chụp ảnh cấu trúc. Khá nhiều bức ảnh vật chất phát lộ từ đồng tử và hình thành những cấu trúc này đã được công bố trong *Psychic Structures*. Bức đầu tiên đặt trước trang 10, cho thấy hình dạng tổng quát của cấu trúc như mô tả ở trên, và sự kiện rằng nó nối không chỉ với đồng tử mà còn với những người tham dự khác,

In *Experiments in Psychical Science* (p. 14) Dr. Crawford recounts how he obtained from the

Trong *Experiments in Psychical Science* (tr. 14) Bác sĩ Crawford thuật lại cách ông nhận được

operators a description of the dimensions and shape of a normal levitating cantilever. They said that the top of the columnar part of the cantilever is spread out into a broad flat surface of area approximating to the under surface of the table, that the vertical and horizontal sections are about 4 inches in diameter, the latter being 3 or 4 inches above the floor, and that just before entering the body of the medium the rod widens out to a diameter of about 7 inches. Dr. Crawford drew the figure which we reproduce herewith (Fig. 6, *E.P.S.,* p. 15) to show these facts.

từ các vị điều khiển một mô tả về kích thước và hình dạng của một dầm công-xôn nâng bổng bình thường. Họ nói rằng đỉnh phần dạng cột của dầm công-xôn được xoè ra thành một bề mặt phẳng rộng có diện tích xấp xỉ mặt dưới của chiếc bàn, rằng các tiết diện thẳng đứng và ngang có đường kính khoảng 4 inch, tiết diện ngang ở cao hơn sàn 3 hoặc 4 inch, và ngay trước khi đi vào thân đồng tử, chiếc cần sẽ nở ra đến đường kính khoảng 7 inch. Bác sĩ Crawford vẽ hình mà chúng tôi tái hiện tại đây (Hình 6, *E.P.S.,* tr. 15) để minh hoạ các sự kiện này.

It was found in certain experiments (*E.P.S.,* p. 31), that when the levitated table was heavily weighted the medium's body swung gently forward, and she said that she felt herself being urged forward, though she was not conscious of any mechanical pressure. When she swung strongly forward the table dropped. Dr. Crawford then told her to hold on with her hands to the arms of the chair, while he placed an additional weight on the table, increasing the whole to nearly 48 lbs. "When the table levitated the medium's chair tilted forward on its two front legs and the table dropped.

Trong một số thí nghiệm (*E.P.S.,* tr. 31), khi chiếc bàn nâng bổng được gia tải nặng, thân đồng tử đu đưa nhẹ về phía trước, và cô nói rằng cô cảm thấy mình bị thúc về phía trước, dù cô không ý thức về bất kỳ áp lực cơ học nào. Khi cô đu mạnh về phía trước, chiếc bàn hạ xuống. Bác sĩ Crawford bèn bảo cô bám tay vào tay ghế, trong khi ông đặt thêm tải lên bàn, nâng tổng trọng lượng lên gần 48 pound. "Khi chiếc bàn nâng bổng, ghế của đồng tử chồm lên trên hai chân trước và chiếc bàn hạ xuống."

All this was further confirmation of the cantilever method. The operators explained (p. 33) that they prefer to work with a cantilever, for when they rest the structure on the floor, as is necessary in some kinds of demonstration, it is badly strained and much energy is required to maintain its rigidity. So for all moderate weights, that is up to about 80 lbs. a true cantilever is employed, but for greater and variable forces they use a supported structure.

Tất cả điều này càng xác nhận phương pháp công-xôn. Các vị điều khiển giải thích (tr. 33) rằng họ thích làm việc với dầm công-xôn, vì khi họ đặt cấu trúc xuống sàn, như cần thiết trong một số kiểu trình diễn, nó bị căng quá mức và cần nhiều năng lượng để duy trì độ cứng. Vì vậy với mọi tải trọng vừa phải, tức đến khoảng 80 pound, một dầm công-xôn đúng nghĩa được sử dụng, nhưng với các lực lớn và biến thiên, họ dùng một cấu trúc có chống đỡ.

The question arose (*E.P.S.,* p. 117) as to how the ends of rods and cantilevers could be acting at their junction with the medium's

Nảy sinh câu hỏi (*E.P.S.,* tr. 117) về cách các đầu cần và dầm công-xôn có thể tác động tại chỗ chúng nối với thân đồng tử, vì chắc chắn

body, for certainly a structure several feet long and supporting 30 or 40 lbs. weight at its end, if it were a rigid bar, would cause serious pressure, and indeed injury. Dr. Crawford thinks that the explanation is to be found in the different condition of the matter. He speaks of X-matter, which can transmit through itself direct and shear stresses, but cannot transmit them from itself to ordinary matter. Then he posits Y-matter, a modified form of the former, which is what is usually called materialized substance. Then he says:

một cấu trúc dài vài feet và đỡ 30 hay 40 pound ở đầu, nếu là một thanh cứng, sẽ gây áp lực nghiêm trọng, thậm chí tổn thương. Bác sĩ Crawford cho rằng lời giải nằm ở trạng thái khác biệt của vật chất. Ông nói về vật chất X, có thể truyền qua chính nó các ứng suất trực tiếp và cắt, nhưng không thể truyền chúng từ nó sang vật chất thường. Rồi ông giả định vật chất Y, một dạng biến đổi của loại trước, chính là thứ thường gọi là vật chất hoá hình. Rồi ông nói:

The Y-matter at the free end of, say, the psychic cantilever, grips the wood of the under-surface of the table, which is then levitated. Weight of table is transmitted to this Y-matter, and from the latter to the X-matter of the body of structure. The mechanical stress is transmitted along the X-matter right into the body of the medium. At the place where the structure enters the body of the medium, no stress of any kind is transmitted to her flesh, because, at this particular place, we have X-matter and ordinary physical matter in juxtaposition, and stress cannot be directly transmitted from the former to the latter. Within the interstices of the medium's body the X-matter of the psychic structure probably ramifies, and each ramification at its extremity becomes Y-matter, and this Y-matter is attached to various interior portions of the medium's body, which thus finally and indirectly take the weight of the table, (p. 119.)

Vật chất Y ở đầu tự do của, thí dụ, dầm công-xôn thông linh, bám vào gỗ ở mặt dưới của chiếc bàn, khi đó được nâng bổng. Trọng lượng của bàn được truyền sang vật chất Y này, và từ đó sang vật chất X của thân cấu trúc. Ứng suất cơ học được truyền dọc theo vật chất X thẳng vào thân thể của đồng tử. Ở nơi cấu trúc đi vào thân đồng tử, không có ứng suất nào thuộc bất kỳ loại nào được truyền sang phần thịt của cô, vì tại chỗ đặc biệt này, ta có vật chất X và vật chất vật lý thường đặt cạnh nhau, và ứng suất không thể trực tiếp truyền từ cái trước sang cái sau. Trong các khe hở của cơ thể đồng tử, vật chất X của cấu trúc thông linh có lẽ phân nhánh, và mỗi nhánh ở đầu tận cùng trở thành vật chất Y, và vật chất Y này bám vào các phần bên trong khác nhau của cơ thể đồng tử, nhờ đó cuối cùng và gián tiếp gánh lấy trọng lượng của chiếc bàn. (tr. 119.)

The Raps—Những Tiếng Gõ

Similar observations and methods of weighing showed that the weight of the medium began to diminish just before light raps were heard. Soon afterwards the weight began to decrease in successive fluxes of 2 to 5 lbs. When a loud blow was given the weight

Các quan sát tương tự và phương pháp cân đo cho thấy trọng lượng của đồng tử bắt đầu giảm ngay trước khi vang lên các tiếng gõ nhẹ. Chẳng bao lâu trọng lượng bắt đầu giảm theo từng đợt liên tiếp từ 2 đến 5 pound. Khi có một cú gõ lớn, trọng lượng có thể giảm tới 20

would diminish as much as 20 lbs., and then in the course of six or seven seconds it would come nearly back to what it was before. Numerous observations led to the following conclusions:

pound, rồi trong vòng sáu hay bảy giây, nó gần như trở lại mức trước đó. Nhiều quan sát dẫn đến các kết luận sau:

From various parts of the body of the medium psychic semi-flexible rods are projected, the end portions of which, being struck sharply on the floor, table, chair, or other body, cause the sharp sounds known generally as raps.

Từ nhiều phần trên thân thể đồng tử, các cần bán linh hoạt thông linh được phóng chiếu ra, phần đầu của chúng, khi đập mạnh xuống sàn, bàn, ghế hay vật thể khác, gây nên những âm thanh sắc được gọi chung là tiếng gõ.

These rods have apparently all the characteristics of solid bodies; they are more or less flexible, and can be varied in length and diameter. Several of the smaller rods, or one of the largest size, may project from the medium at any one time. Each one, especially near its extremity, is more or less rigid, and the rigidity can be varied within limits depending upon conditions of light, the psychic energy available, and so forth. The rigidity is probably ultimately brought about by some kind of molecular action concerning which we are as yet perfectly ignorant—the kind of action that produces the same effect on the cantilever. (p. 193, *R. P. P.*)

Những cần này dường như có tất cả các đặc tính của vật thể rắn; chúng linh hoạt ở mức độ nào đó, và có thể thay đổi về chiều dài và đường kính. Vào một thời điểm, có thể có vài cần nhỏ hoặc một cần cỡ lớn phóng ra từ đồng tử. Mỗi cái, nhất là gần đầu tận cùng, ít nhiều cứng, và độ cứng có thể thay đổi trong các giới hạn tuỳ thuộc điều kiện ánh sáng, năng lượng thông linh sẵn có, v.v. Độ cứng có lẽ rốt cuộc được tạo nên bởi một kiểu tác động phân tử nào đó mà hiện nay chúng ta hoàn toàn chưa biết—kiểu tác động tạo nên cùng hiệu quả trên dầm công-xôn. (tr. 193, *R. P. P.*)

In *Experiments in Psychical Science* (p. 16), the operators' *own* account as to how the raps are produced in two ways is given as follows:

Trong *Experiments in Psychical Science* (tr. 16), tường thuật *chính* của các vị điều khiển về hai cách tạo tiếng gõ được nêu như sau:

Soft raps, bounding-ball imitation, etc.—by beating the side of the rod on the floor, as one uses a stick for beating a carpet.

Gõ nhẹ, bắt chước tiếng bóng nảy, v.v.—bằng cách quật cạnh của cần xuống sàn, như người ta dùng gậy đập thảm.

Hard raps—by beating the rod on the floor more or less axially.

Gõ mạnh—bằng cách đập cần xuống sàn gần như theo trục dọc.

Dr. Crawford says that while he was obtaining this explanation the operators illustrated the various styles of raps under consideration by actually rapping on the floor. When he asked them what were the approximate dimensions of a rod used to give a fairly hard blow, they

Bác sĩ Crawford nói rằng trong lúc ông đang nhận lời giải thích này, các vị điều khiển minh hoạ các kiểu gõ khác nhau đang được xem xét bằng cách thực sự gõ xuống sàn. Khi ông hỏi kích thước gần đúng của một chiếc cần dùng để tạo một cú đập khá mạnh, họ cho một cú

gave a sample blow on the floor and told him that the rod used was about 2 inches in diameter and of uniform thickness until just before entering the body of the medium, where it increased to about 3 inches. They also said that the same rod could be used to make a variety of raps: light taps, as though a lead pencil were striking the floor, the bouncing ball imitations, and also hard blows.

mẫu xuống sàn và nói với ông rằng chiếc cần dùng có đường kính khoảng 2 inch và bề dày đồng đều cho đến ngay trước khi đi vào thân đồng tử, nơi nó tăng lên khoảng 3 inch. Họ cũng nói rằng cùng một chiếc cần có thể dùng để tạo nhiều kiểu gõ: gõ nhẹ như bút chì chì đang gõ xuống sàn, bắt chước tiếng bóng nảy, và cả những cú đập mạnh.

Type Writing—Đánh Máy

The Reality of Psychic Phenomena (p. 201) describes an experimental attempt at typewriting, on a very old Bar-Lock machine. The keys were struck lightly and rapidly as though a pair of hands was playing over them, but they became jammed as though several had been struck simultaneously. Dr. Crawford then explained to the operators that they must strike each key separately and allow time for its return before striking another. The advice was followed by the operators, who, however, succeeding in writing only the following:

The Reality of Psychic Phenomena (tr. 201) mô tả một nỗ lực thí nghiệm đánh máy trên một máy Bar-Lock rất cũ. Các phím được gõ nhẹ và nhanh như thể có một đôi tay đang lướt trên đó, nhưng chúng bị kẹt như thể nhiều phím bị gõ cùng lúc. Bác sĩ Crawford bèn giải thích với các vị điều khiển rằng họ phải gõ từng phím một và chờ phím trở về trước khi gõ phím khác. Lời khuyên được làm theo bởi các vị điều khiển, tuy vậy họ chỉ đánh được như sau:

358. mbx: gcsq’

358. mbx: gcsq’

Dr. Crawford remarks that the experiment is chiefly interesting as showing that the keys can be struck with just the force necessary to produce the correct result. He adds that the letters on the keys were in some cases much worn, so that perhaps the operators found some difficulty in reading them.

Bác sĩ Crawford nhận xét rằng thí nghiệm chủ yếu thú vị ở chỗ cho thấy các phím có thể được gõ với đúng lực cần thiết để cho ra kết quả chính xác. Ông thêm rằng chữ trên một số phím đã bị mòn nhiều, nên có lẽ các vị điều khiển gặp khó khăn khi đọc chúng.

A more successful attempt at typewriting was made at one of the sittings of Mr. Franek Kluski, and is recorded in Dr. Greley’s book *Clairvoyance and Materialization* (p. 269). The seance was one of those intended for the production of paraffin moulds of materialized hands, of which we will give an account in a later chapter. Splashing was heard in the paraffin and the hands were seen by Mr.

Một nỗ lực đánh máy thành công hơn diễn ra trong một buổi của Ông Franek Kluski, được ghi lại trong sách của Bác sĩ Greley *Clairvoyance and Materialization* (tr. 269). Buổi gọi hồn này nhằm tạo các khuôn paraffin của những bàn tay vật chất hoá, mà chúng tôi sẽ thuật lại ở một chương sau. Nghe tiếng bì bõm trong paraffin và các bàn tay được Ông Broniewski và Hoàng thân Lubomirski trông

Broniewski and Prince Lubomirski above the tank, and at the same time a typewriter which was on the table, fully illuminated by red light, began to write. The keys were operated quickly, as by a skilful typist. There was no one near the machine, but the persons holding Mr. Kluski's hands observed that the reaction was upon him, for they twitched during the writing. The typed words were: "Je suis le sourire de 1'équilibre; mon poème d'amour et de vie emplit les siècles."

thấy phía trên bồn, đồng thời một chiếc máy đánh chữ đặt trên bàn, được chiếu sáng hoàn toàn bằng đèn đỏ, bắt đầu gõ. Các phím vận hành nhanh, như bởi một người đánh máy thành thục. Không ai ở gần máy, nhưng những người đang nắm tay Ông Kluski nhận thấy phản ứng tác động lên ông, vì tay ông giật trong lúc gõ. Những chữ được đánh là: "Je suis le sourire de l'équilibre; mon poème d'amour et de vie emplit les siècles."

Impressions In Clay—Dấu Ấn Trong Đất Sét

A large number of Dr. Crawford's experiments were performed by requesting the operators to press the ends of rods into basins or trays of clay or other substance which would take the mould, which were placed under the table. Although the ankles of the medium were securely fastened in various ways, and the feet and legs of the other sitters were also tied so that they could not get within 18 in. of the clay, quite frequently, at first somewhat to the surprise of the investigators, many of the impressions were found to be lined with what resembled stocking marks, while others seemed similar to impressions which might be made with the sole of boot or shoe. All these were examined most carefully, the conclusion being that the forms which resembled the marks of the sole of a shoe could not possibly have been so made, but were due to the elastic distortion of the ends of psychic rods, which have the following peculiarities:

Một số lớn các thí nghiệm của Bác sĩ Crawford được tiến hành bằng cách yêu cầu các vị điều khiển ấn đầu các cần vào các chậu hoặc khay đất sét hay chất liệu khác có thể giữ khuôn, đặt dưới bàn. Dù mắt cá của đồng tử bị buộc chặt bằng nhiều cách, và chân cùng chân dưới của những người tham dự khác cũng bị trói sao cho họ không thể đến gần đất sét trong vòng 18 in., khá thường xuyên, lúc đầu làm các nhà điều tra có phần ngạc nhiên, nhiều dấu ấn được phát hiện có những vân như vết vải tất, trong khi những dấu khác trông giống như vết có thể tạo bằng đế giày. Tất cả các dấu này được kiểm tra rất kỹ, đi đến kết luận rằng các hình dạng giống vết đế giày không thể nào do giày tạo ra, mà là do biến dạng đàn hồi của đầu các cần thông linh, vốn có những đặc điểm sau:

When the free end of the psychic rod is flat it can press on material substances and grip them by adhesion.

Khi đầu tự do của cần thông linh phẳng, nó có thể ấn lên các vật chất và bám chúng bằng lực dính.

The gripping action is a true suction, being due to a difference of air pressure, the air being squeezed out from the space between the flat end of the rod and the body which it is

Hành động bám là một kiểu hút chân không thật sự, do chênh lệch áp suất không khí gây nên, không khí bị ép ra khỏi khoảng không

contacting.

In order to produce this suction effect, the end of the rod is covered with what appears to be a thin, pliable skin. As a matter of fact the end of one of these large flat-ended rods often feels soft and plasm-like to the touch. The very finely divided, crater-like appearance of most of the suction marks also shows decisively that the suction end of such rods must possess a soft, pliable surface. (*P.S.*, pp. 39-40.)

The concave impressions varied in size from the mark one could make with one's little finger to a size of 4 or 5 sq. in., but the largest was less than half the size of the largest flat marks. Their peculiarity was that most of them had the imprint of stocking fabric. This was the usual effect, but on request to the operator they could also be made quite smooth (p. 53). The impression is, however, altogether sharper than anything that can actually be made with a stockinged foot, for in the latter case there is a dull, blunt outline owing to the foot behind the stocking exerting a squeezing effect, no matter how lightly it may be applied. But the psychic impression has little raised edges projecting upwards from the impression left by each thread.

The reason why this impression should appear is given as follows. The actual psychic structure is covered by a film which is formed against the medium's feet out of psychic matter oozing round about the little holes in the fabric of her stockings. It is at first in a semi-liquid state, and it collects and partly sets on the outer covering of the stocking, and being of a glutinous, fibrous nature, it takes almost the exact form of the stocking fabric. It is pulled off the stocking by the operators and then built round the end of the psychic rod. The large flat impressions, which involve heavy pulls and pushes, have this surface

giữa đầu phẳng của cần và vật thể nó tiếp xúc.

Để tạo hiệu ứng hút này, đầu cần được phủ một lớp trông như da mỏng, dẻo. Thực tế, đầu của một trong những cần lớn có đầu phẳng thường có cảm giác mềm và như ngoại chất khi chạm vào. Dáng vẻ rất mịn, tựa lòng chảo, như miệng núi lửa của phần lớn các vết hút cũng cho thấy một cách dứt khoát rằng đầu hút của các cần như vậy hẳn phải có bề mặt mềm, dẻo. (*P.S.*, tr. 39-40.)

Các vết lõm hình lòng chảo thay đổi kích cỡ, từ dấu bằng ngón út có thể tạo ra đến cỡ 4 hoặc 5 inch vuông, nhưng vết lớn nhất vẫn nhỏ hơn một nửa kích cỡ của những vết phẳng lớn nhất. Đặc điểm kỳ lạ là phần lớn chúng in vân vải của tất. Đây là hiệu ứng thường gặp, nhưng theo yêu cầu gửi tới vị điều khiển, chúng cũng có thể được làm nhẵn hoàn toàn (tr. 53). Tuy vậy, dấu ấn này sắc nét hơn hẳn bất cứ dấu nào thực sự tạo bằng bàn chân mang tất, vì trong trường hợp sau có đường viền cùn, mờ do bàn chân phía sau tất tạo lực ép, bất kể đặt vào nhẹ đến đâu. Nhưng dấu ấn thông linh lại có những gờ nhô nhỏ cao lên khỏi vết lõm in bởi mỗi sợi.

Lý do vết ấn này xuất hiện được nêu như sau. Cấu trúc thông linh thực sự được phủ bởi một màng hình thành khi áp vào bàn chân của đồng tử từ phần ngoại chất rịn ra quanh các lỗ nhỏ trong cấu trúc vải của tất cô. Ban đầu nó ở trạng thái bán lỏng, và nó tích tụ rồi phần nào đông lại trên mặt ngoài của tất, và do có bản chất dẻo dính, sợi sợi, nó gần như lấy y hệt hình dạng của cấu trúc vải tất. Nó được các vị điều khiển gỡ ra khỏi tất và sau đó được bọc quanh đầu của cần thông linh. Những vết phẳng lớn, vốn đòi hỏi những kéo đẩy mạnh, có bề mặt này được gia cố dày thêm và vững hơn bằng cách áp thêm vật chất đã vật chất

further thickened and strengthened by the application of additional materialized matter, which wholly or partly covers the impression of the stocking (pp. 56-7).

hoá, lớp này bao trùm toàn bộ hoặc một phần vết dệt của tất (tr. 56-7).

Transportation Of Clay—Sự Vận Chuyển Đất Sét

It was soon observed that some of the clay was carried back when the material returned to the medium, and streaks were found upon and within her shoes and stockings, and on the floor between the medium and the bowl of clay. In a few cases, when a sitter felt that he or she had been touched by the rod, marks were also found upon them. All this led Dr. Crawford to try to discover where the structures emerged from the medium. On page 71 he says that the floor all round the medium's shoes was covered with patches of clay, but where her feet rested on the floor it was clean, which proved that they could not have moved. The clay had been deposited on the edge of the sole of the shoes and in the slight clear space between the edge of the sole and the floor, but had not been able to penetrate where the sole was in actual contact with the floor. It was apparent that the material had then moved up the shoe and gone into it through the lace-holes and over the top, and there were generally particles of clay on the flat of the shoes inside, wherever parts of the foot of the medium were not pressing tightly on the leather. It had also been noticed that there were sometimes peculiar rustling noises in the neighbourhood of the medium's feet and ankles just prior to the phenomena, and that these were probably due to psychic stuff being sent in fluxes down the material of the stocking. There were also slight flapping noises on the floor as the material was brought out and placed there (p. 81).

Chẳng bao lâu người ta nhận thấy một phần đất sét bị mang trở lại khi vật chất quay về đồng tử, và vệt được tìm thấy trên và bên trong giày tất của cô, cũng như trên sàn giữa đồng tử và bát đất sét. Trong vài trường hợp, khi một người dự ngồi cảm thấy mình bị cần chạm vào, cũng tìm thấy dấu vết trên họ. Tất cả điều này khiến Bác sĩ Crawford cố tìm xem các cấu trúc xuất lộ từ đâu trên thân đồng tử. Ở trang 71 ông nói rằng sàn chung quanh giày của đồng tử phủ những mảng đất sét, nhưng nơi bàn chân cô đặt lên sàn thì sạch, điều đó chứng tỏ chúng không hề di chuyển. Đất sét được lắng ở mép đế giày và khoảng hở nhỏ giữa mép đế và sàn, nhưng không thể len vào nơi đế tiếp xúc thực sự với sàn. Rõ ràng vật chất sau đó đã di chuyển lên giày và chui vào qua các lỗ dây buộc và qua mép trên, và thường có các hạt đất sét trên mặt trong của giày, ở những nơi bàn chân đồng tử không ép sát vào da giày. Cũng đã ghi nhận đôi khi có những tiếng sột soạt lạ ở gần bàn chân và mắt cá của đồng tử ngay trước hiện tượng, và những tiếng này có lẽ do vật chất thông linh được đưa theo từng đợt xuống dọc theo chất liệu của tất. Cũng có những tiếng đập nhẹ trên sàn khi vật chất được đưa ra và đặt xuống đó (tr. 81).

These observations led Dr. Crawford to experiment extensively with various powders and colouring matters, in order to trace the path of the material. These investigations are recorded at length in *Psychic Structures*. I will here give only one or two examples. The following is an account of experiment Z (p. 128):

Những quan sát này khiến Bác sĩ Crawford thực nghiệm rộng rãi với các loại bột và chất tạo màu khác nhau, nhằm truy vết đường đi của vật chất. Các điều tra này được ghi chép đầy đủ trong *Psychic Structures*. Ở đây tôi chỉ nêu một hai thí dụ. Sau đây là tường thuật về thí nghiệm Z (tr. 128):

The medium had her feet on a specially modified electrical apparatus. She had her feet in the seance shoes and wore white stockings. The operators could be heard working away at the legs of the medium. After about twenty minutes they said they wished to deliver a message. This was taken by means of the alphabet and was to the effect that the white colour of the medium's stockings was affecting the plasma, and that it would be necessary for her to change into black ones. This was done, and phenomena soon commenced. A dish containing flour was placed well beyond the reach of the medium on the floor, and the operators pushed their psychic structures into it. At the end of the seance the shoes and stockings were examined.

Đồng tử đặt chân lên một thiết bị điện được cải biến đặc biệt. Cô đi đôi giày dành cho buổi gọi hồn và mang tất trắng. Có thể nghe thấy các vị điều khiển đang làm việc ở phần chân của đồng tử. Sau khoảng hai mươi phút, họ nói muốn gửi một thông điệp. Thông điệp được ghi bằng bảng chữ cái và có nội dung rằng màu trắng của tất đồng tử đang ảnh hưởng tới ngoại chất, và cô cần thay sang tất đen. Điều này được thực hiện, và hiện tượng sớm bắt đầu. Một đĩa bột mì được đặt ngoài tầm với của đồng tử trên sàn, và các vị điều khiển đẩy các cấu trúc thông linh của họ vào đó. Cuối buổi gọi hồn, giày và tất được kiểm tra.

Result: Only the right shoe and stocking were affected by the flour. On this stocking there was a large flour-mark right across the interior side, just above the shoe, and there were marks and smudges on the stocking below the level of the shoe to the sole. The magnifying glass showed that the whole sole was covered with flour particles from end to end, and there were particles at the toes.

Kết quả: Chỉ giày và tất bên phải bị bột dính. Trên chiếc tất này có một vệt bột lớn vắt ngang mặt trong, ngay phía trên giày, và có vết và vệt nhòe trên tất phía dưới mép giày xuống đến đế. Kính lúp cho thấy toàn bộ đế được phủ các hạt bột từ đầu đến cuối, và có các hạt ở các ngón chân.

There was flour all up the front and over the laces of the right shoe, as though the plasma had retreated along the floor, up the front of the shoe to the ankle of the medium on the interior side, and then down between the

Có bột dính suốt phần trước và trên dây buộc của chiếc giày bên phải, như thể ngoại chất đã rút dọc theo sàn, đi lên phần trước của giày đến mắt cá chân bên trong của đồng tử, rồi đi xuống giữa tất và giày đến đế bàn chân. Cũng

stocking and the shoes to the sole of the foot. Also there were small particles of flour right to the top of the stocking.

có những hạt bột nhỏ lên đến tận mép trên của tất.

In experiment CC gold paint was used:

Trong thí nghiệm CC dùng sơn vàng:

Medium had on shoes treated with gold paint, as in the previous seance. At the end many gold particles were found on one stocking along the sole to the heel and up over the heel. Also many particles were found on the stocking fabric to the very top of the stocking. A close inspection showed that there was a regular stream of gold particles right up both stockings to the top, this stream being most prominent about the region of the knees.

Đồng tử mang giày được xử lý bằng sơn vàng, như trong buổi trước. Cuối buổi, nhiều hạt vàng được thấy trên một chiếc tất dọc theo đế đến gót và lên qua gót. Cũng có nhiều hạt bám trên vải tất đến tận mép trên của tất. Quan sát kỹ cho thấy có một dòng hạt vàng đều đặn đi lên suốt hai chiếc tất đến mép trên, dòng này nổi bật nhất ở vùng quanh đầu gối.

Dr. Crawford's conclusions from these experiments are given on pages 133-4 as follows:

Kết luận của Bác sĩ Crawford từ các thí nghiệm này được nêu ở trang 133-4 như sau:

The data given above concerning the movement of powdered substances, such as carmine or flour, from the interior of the shoes of the medium up the sides of her shoes and up her stockings can only lead to one conclusion. The plasma must get into the medium's shoes in some manner or other. It either originates in her feet and makes its way to the outside by coming up between her shoes and her stockings, or it goes into her shoes first, accomplishes some process there, and then comes out again. It usually issues round the sides of the shoes, up from the middle of the sole of the foot, where the contact between shoe and stocking is slight, although usually there is also a considerable movement up the back of the heel. As I have already indicated, this outward and inward movement of the plasma occurs even if the medium's feet are laced up in long boots.

Các dữ kiện nêu trên về sự di chuyển của những chất bột, như carmine hay bột mì, từ bên trong giày của đồng tử lên hai bên giày và lên tất cô chỉ có thể dẫn đến một kết luận. Ngoại chất hẳn đã đi vào giày của đồng tử bằng cách nào đó. Nó hoặc phát sinh ở bàn chân cô và tìm đường ra ngoài bằng cách đi lên giữa giày và tất, hoặc nó đi vào giày trước, thực hiện một quá trình nào đó ở đó, rồi lại đi ra. Thông thường nó thoát ra quanh hai bên giày, đi lên từ giữa đế bàn chân, nơi tiếp xúc giữa giày và tất lỏng lẻo, dù thường cũng có một dòng đáng kể đi lên phía sau gót. Như tôi đã chỉ ra, sự đi ra và đi vào này của ngoại chất xảy ra ngay cả khi bàn chân đồng tử được buộc chặt trong giày ống cao.

In many of the experiments already described, as well as a well-defined carmine path from the feet, there were visible distinct traces of

Trong nhiều thí nghiệm đã mô tả, cũng như có một lối carmine được xác định rõ từ bàn chân, còn có những dấu vết carmine rõ rệt lên tất

carmine up the stockings as far as the knees, and even up to the top of the stockings. Usually these carmine paths were thickest and most plainly visible round about the ball of the calves at the back, and usually there was more carmine on the stockings between the legs than on the outside. The question then arose as to whether there was a flow of plasma from the medium's body down the legs, as well as the flow from the feet upwards, or, indeed, whether the whole of the plasma did not come from the trunk of the medium, flow down the legs and then, in some peculiar manner and for some particular reason connected with the building up of the psychic structures, enter her shoes and fill up the space between stockings and leather. For, after all, it has to be remembered that our feet and legs are only pieces of apparatus to enable us to move about, analogous to the wheels of a cart, and that the great centres of nervous energy and reproductive activity are within the body proper.

đến tận đầu gối, thậm chí lên tới mép trên của tất. Thông thường những lối carmine này đậm và rõ nhất quanh chỗ bắp chân ở phía sau, và thường có nhiều carmine trên tất ở giữa hai chân hơn là phía ngoài. Khi đó nảy sinh câu hỏi liệu có một dòng ngoại chất từ thân dưới của đồng tử chảy xuống chân, đồng thời với dòng từ bàn chân đi ngược lên, hay, thực vậy, liệu toàn bộ ngoại chất có phải xuất phát từ thân mình, chảy xuống chân rồi, bằng một cách đặc biệt nào đó và vì một lý do đặc thù gắn với việc kiến tạo các cấu trúc thông linh, đi vào giày và lấp đầy khoảng giữa tất và da giày. Vì, suy cho cùng, cần nhớ rằng bàn chân và đôi chân của chúng ta chỉ là khí cụ để giúp di chuyển, tương tự như bánh xe của một cỗ xe, còn các trung tâm lớn của năng lượng thần kinh và hoạt động sinh sản là ở trong thân thể thực sự.

Further experiments were performed in order to discover whether the plasma issues from the lower part of the trunk as well as returns by it. The following is one such experiment, with the investigator's conclusions:

Các thí nghiệm tiếp theo được thực hiện nhằm phát hiện xem ngoại chất có xuất phát từ phần thân dưới cũng như quay về theo đường ấy hay không. Sau đây là một thí nghiệm như vậy, kèm theo kết luận của nhà điều tra:

A little slightly damp carmine was carefully rubbed on the inside of the legs of the knickers some inches up, and the medium put the knickers on very carefully. At the end of the seance it was found that the carmine had traced paths right down the legs of the knickers, had spread out round the embroidery at the edge, had gone on the stockings, made paths right down the stockings, mostly along the ball of the leg, and had even gone into the shoes, which were clean ones.

Một ít carmine hơi ẩm được xoa cẩn thận vào mặt trong hai ống quần lót ở phía trên vài inch, và đồng tử mặc quần lót rất cẩn thận. Cuối buổi gọi hồn, thấy rằng carmine đã vạch những lối ngay xuống hai ống quần lót, loang ra quanh đường thêu ở mép, dính sang tất, tạo thành những lối hướng xuống theo tất, phần lớn chạy dọc theo bắp chân, và thậm chí đi vào giày, vốn là giày sạch.

Therefore it is certain that plasma issues from

Vì vậy chắc chắn ngoại chất xuất phát từ thân

the trunk as well as returns thereby.

dưới cũng như trở về theo đó.

The quantity of plasma must be considerable, for the carmine had spread round the medium's legs right to the posterior, and in between the legs to the base of the backbone; *i.e.* the plasma had at one time or another during the seance occupied practically all the space which did not make close contact with her chair. This result suggests that during interruptions in phenomena, or when light is temporarily lit during a seance, the plasma conceals itself round about the top of the medium's legs under her clothing, and does not necessarily all return to her body. If it always went back into her body, a considerable time would have to elapse between each burst of phenomena, but this does not usually occur. So long as the plasma is away from the temporary disturbing influence, such as rays of light, the purpose of the operators is served (pp.136-7).

Lượng ngoại chất hẳn là đáng kể, vì carmine đã loang quanh chân đồng tử đến tận vùng mông, và vào giữa hai chân đến gốc xương sống; *tức là* ngoại chất vào một thời điểm nào đó trong buổi gọi hồn đã chiếm gần như toàn bộ không gian không tiếp xúc chặt với ghế của cô. Kết quả này gợi ý rằng trong các quãng gián đoạn hiện tượng, hoặc khi ánh sáng tạm thời được bật trong một buổi gọi hồn, ngoại chất ẩn mình quanh phía trên hai chân đồng tử dưới y phục cô, và không nhất thiết toàn bộ quay trở lại thân thể cô. Nếu nó luôn đi trở lại vào thân, hẳn phải có một khoảng thời gian đáng kể giữa mỗi đợt hiện tượng, nhưng điều này thường không xảy ra. Chừng nào ngoại chất rời xa ảnh hưởng quấy nhiễu tạm thời, như tia sáng, mục đích của các vị điều khiển được đảm bảo (tr. 136-7).

The Photographs—Những Bức Ảnh

At last came the time when it became possible to take photographs. This could only be done after a careful study of the effect of the phenomena upon the medium. Dr. Crawford had observed (p. 146) that when the medium was sitting on her chair in the ordinary way, and he placed his hands upon her haunches, and the development of psychic action was going on, parts of the flesh seemed to cave in. Then, as the psychic material came back, little round lumps could be felt filling in on the back of the thighs and on the interior of the thighs.

Rốt cuộc cũng đến lúc có thể chụp ảnh. Điều này chỉ có thể thực hiện sau một nghiên cứu cẩn trọng về tác động của các hiện tượng đối với đồng tử. Bác sĩ Crawford đã ghi nhận (tr. 146) rằng khi đồng tử ngồi trên ghế theo cách thông thường, và ông đặt tay lên phần mông cô trong lúc hoạt động thông linh đang phát triển, vài phần thịt dường như sụt xuống. Rồi, khi vật chất thông linh quay về, có thể cảm nhận các cục tròn nhỏ lấp đầy phía sau đùi và phía trong đùi.

For about a year Dr. Crawford took one photograph each seance night, in the hope that he might ultimately obtain success. The operators had informed him by raps that he might finally expect this, though he had to take care to prevent injury to the medium, as

Trong khoảng một năm, mỗi đêm họp, Bác sĩ Crawford chụp một tấm ảnh, hy vọng cuối cùng có thể đạt được thành công. Các vị điều khiển đã báo bằng tiếng gõ rằng ông có thể kỳ vọng điều này, dù ông phải cẩn trọng để tránh gây tổn hại cho đồng tử, vì cần dần dần tạo cho

it was necessary gradually to work her up to withstand the shock of the flashlight upon the plasma. He found that the pulse of the medium, which was 84 at the beginning, rose to 120 just before the flash (while the operators were endeavouring to exteriorize a psychic structure fit to be photographed) and then went back to normal gradually, Observation showed that generally during all kinds of phenomena the pulse of the medium rose, the palms of the hands became a little moist and the fingers cool, but neither temperature nor respiration seemed to be affected to any degree. (p. 143).

cô khả năng chịu đựng cú sốc của ánh sáng chớp chiếu vào ngoại chất. Ông nhận thấy mạch của đồng tử, từ 84 lúc khởi đầu, tăng lên 120 ngay trước khi chớp đèn (trong khi các vị điều khiển đang cố gắng ngoại hiện một cấu trúc thông linh đủ để chụp ảnh) rồi dần trở về bình thường. Quan sát cho thấy nói chung trong mọi kiểu hiện tượng, mạch của đồng tử tăng, lòng bàn tay hơi ẩm và các ngón tay mát, nhưng nhiệt độ và hô hấp dường như không bị ảnh hưởng đáng kể. (tr. 143).

Ultimately, as we have already said, he succeeded in his photography. As Dr. Crawford puts it:

Cuối cùng, như chúng ta đã nói, ông thành công trong việc chụp ảnh. Như cách Bác sĩ Crawford trình bày:

After innumerable attempts, however, very small patches of plasma were obtained in full view between the medium's ankles. As time went on these increased in size and variety until great quantities of this psychic material could be exteriorized and photographed. Then the operators began to manipulate it in various ways, building it up into columns, or forming it into single or double arms, moulding it into the different shapes with which I had been long familiar in a general way from previous investigation. Not only did they do this, but they showed unmistakably, by means of set photographs, from what part of the medium's body the plasma issued, and by means of ingenious arrangements devised by themselves brought out many of its properties. (p. 148).

Sau vô số nỗ lực, rốt cuộc đã có những mảng rất nhỏ ngoại chất hiện ra rõ ràng giữa hai mắt cá chân của đồng tử. Theo thời gian, chúng lớn dần về kích thước và đa dạng cho đến khi lượng lớn vật chất thông linh này có thể được ngoại hiện và chụp ảnh. Rồi các vị điều khiển bắt đầu thao tác nó theo nhiều cách, dựng nó thành các cột, hoặc tạo thành một hay hai "cánh tay", nắn nó thành những hình dạng khác nhau mà từ trước tôi đã quen thuộc về tổng quát qua các cuộc điều tra trước đó. Không chỉ thế, họ còn cho thấy một cách không thể lầm lẫn, qua những bức ảnh có dàn dựng, ngoại chất xuất phát từ phần nào của thân đồng tử, và bằng những sắp đặt tài tình do chính họ nghĩ ra, đưa ra nhiều đặc tính của nó. (tr. 148).

The Direct Voice—Giọng Nói Trực Tiếp

Dr. Crawford also describes, in *Experiments in Psychical Science*, his experiments in direct voice phenomena in his own house with a medium known as Mrs. Z. He sat her upon a

Bác sĩ Crawford cũng mô tả, trong *Experiments in Psychical Science*, các thí nghiệm về hiện tượng giọng nói trực tiếp tại nhà riêng của ông với một đồng tử được biết dưới tên Bà Z. Ông

weighing machine with the weight balanced, while two trumpets were placed upright on the floor within the circle. After about fifteen minutes the lever of the machine fell lightly on the bottom stop, which indicated that her weight was decreasing, and he found that this decrease amounted to about $2^1/_2$ lbs. Then suddenly a voice called out from somewhere near the roof within the circle "Weigh me" and a trumpet dropped to the floor, while the medium's weight immediately returned to its original value. Fifteen minutes later the same thing happened again, the same words were heard, a trumpet dropped and the same weight was recorded.

cho bà ngồi lên một cân bàn được cân bằng sẵn, trong khi đặt hai chiếc loa đứng thẳng trên sàn trong vòng. Sau khoảng mười lăm phút, đòn cân hạ nhẹ lên chốt dưới, cho thấy trọng lượng của bà đang giảm, và ông thấy mức giảm này vào khoảng 21/2 pound. Rồi đột ngột có một tiếng nói vọng ra từ đâu đó gần trần trong vòng "Cân tôi đi" và một chiếc loa rơi xuống sàn, trong khi trọng lượng của đồng tử lập tức trở về giá trị ban đầu. Mười lăm phút sau, điều tương tự lại xảy ra, nghe cùng câu nói, một chiếc loa rơi và ghi nhận cùng mức cân.

Although these phenomena took place in the dark, and the weighing was merely felt by Dr. Crawford, it was quite impossible for the medium to have done anything but sit quite still. She weighed nearly 20 stone, and her slightest movement would have been detected, while her lifting anything would have increased, not decreased the weight. Dr. Crawford asked the control if he had been weighing her or the trumpet, but she did not seem to know.

Dù các hiện tượng này diễn ra trong bóng tối, và việc cân chỉ do Bác sĩ Crawford cảm nhận, đồng tử hoàn toàn không thể làm gì khác ngoài ngồi bất động. Bà nặng gần 20 stone, và chỉ một cử động rất nhỏ của bà cũng sẽ bị phát hiện, trong khi việc bà nhấc bất cứ vật gì sẽ làm tăng, chứ không làm giảm trọng lượng. Bác sĩ Crawford hỏi vị chủ linh liệu ông ta đã cân bà hay cân chiếc loa, nhưng bà dường như không biết.

In a later experiment (p. 184) Dr. Crawford arranged to record the direct voice on a phonographic cylinder. He asked the control to bring the mouth of the trumpet up to the horn of the phonograph, and when she said that she was ready, requested her to begin to speak as soon as she heard the buzzing of the machine. Dr. Crawford then says:

Trong một thí nghiệm sau (tr. 184) Bác sĩ Crawford sắp đặt ghi lại giọng nói trực tiếp trên một trụ ghi âm. Ông nhờ vị chủ linh đưa miệng của chiếc loa lên sát loa kèn của máy hát, và khi bà nói rằng đã sẵn sàng, ông yêu cầu bà bắt đầu nói ngay khi nghe tiếng vo vo của máy. Bác sĩ Crawford viết:

The cylinder had made only a few revolutions when the control commenced to sing a song into the horn. This song was three verses in length, and at the end of each verse she interjected remarks such as "How's that?" etc. I told her to sing a little louder, and during the third verse she sang quite loudly.

Chiếc trụ mới quay được vài vòng thì vị chủ linh bắt đầu hát một bài vào loa kèn. Bài hát có ba khổ, và cuối mỗi khổ bà xen vào những câu như "Thế nào?" v.v. Tôi bảo bà hát to hơn một chút, và trong khổ thứ ba bà hát khá to.

I plainly felt the movement of the air just at the mouth of the phonograph horn as the song was being sung, which would seem to indicate that the end of the trumpet was moving to and fro at the spot. Moreover, the control's voice emanated from a position just at the mouth of the horn. I did not attempt to touch the trumpet, as I knew from experience that if I did so it would be likely to drop. If an end of the trumpet was thus at the mouth of the phonograph horn as it appeared to be, the nearest distance of the other end of the trumpet from the medium must have been well over four feet. At the conclusion of the song, and after I had stopped the instrument, I asked the sitters on either side of the medium if they still had hold of her hands, and they replied in the affirmative. These sitters afterwards told me that during the taking of the record the medium's hands were vibrating rapidly, as though they were under great nervous stress. (pp. 184-5).

Tôi cảm nhận rõ sự chuyển động của không khí ngay ở miệng loa kèn máy hát khi bài hát đang được cất lên, điều này cho thấy đầu của chiếc loa đang đưa qua lại tại chỗ đó. Hơn nữa, giọng của vị chủ linh phát ra đúng từ vị trí ở miệng loa kèn. Tôi không cố chạm vào chiếc loa, vì theo kinh nghiệm tôi biết nếu làm vậy nó có thể rơi. Nếu một đầu của chiếc loa ở miệng loa kèn như có vẻ đúng vậy, thì khoảng cách gần nhất của đầu kia của chiếc loa tới đồng tử hẳn đã hơn bốn feet. Khi bài hát kết thúc, và sau khi tôi dừng máy, tôi hỏi những người ngồi hai bên đồng tử xem họ còn đang giữ tay cô không, và họ trả lời khẳng định. Sau đó họ nói với tôi rằng trong lúc thu bản ghi, tay của đồng tử rung rất nhanh, như thể cô đang ở trong trạng thái căng thẳng thần kinh lớn. (tr. 184-5).

As to these records, Dr. Crawford says that there is in them internal evidence that the voice must have been speaking close to the horn of the phonograph and not from some distance away. He adds that it is well known among people who are continually making records that if the voice speaks too close into the horn a kind of tinny, metallic sound is produced, which phonographic manufacturers call "blasting". In several places in the two records of the control's voice this "blasting" is heard, indicating that the voice must have been very close to, if not within, the horn of the phonograph.

Về những bản ghi này, Bác sĩ Crawford nói rằng trong đó có bằng chứng nội tại cho thấy giọng nói hẳn đã phát ra gần sát loa kèn của máy hát chứ không phải từ một khoảng cách nào đó. Ông thêm rằng điều đã được biết rõ trong giới thường xuyên làm bản ghi là nếu giọng nói vào quá sát loa kèn sẽ sinh ra một âm thanh kiểu thiếc, kim loại, mà các nhà sản xuất máy hát gọi là "nổ". Ở vài chỗ trong hai bản ghi giọng của vị chủ linh có nghe tiếng "nổ" này, cho thấy giọng nói hẳn đã ở rất gần, nếu không phải ở ngay trong, loa kèn của máy hát.

CHAPTER VIII—CHƯƠNG VIII

MISCELLANEOUS PHENOMENA—CÁC HIỆN TƯỢNG LINH TINH

Precipitation—Ngưng Tụ

I have already mentioned in connection with the phenomenal production of paintings or writings that there is another method by which this may be done, more rapid and efficient, but requiring greater knowledge of the possibilities of the astral plane. This method is usually described as precipitation, and broadly speaking its *modus operandi* is as follows: The man wishing to write or paint takes a sheet of paper, forms a clear mental image of the writing or the picture, distinct down to the minutest detail, and then by ah effort of will objectifies that image and throws it upon the paper, so that the whole picture or the whole sheet of writing appears instantaneously. It will be seen at once that this demands far greater power and fuller command of resources than is likely to be possessed by the ordinary man, either before or after his death; but just as those who have been trained along that line are capable of producing such a result while still in the physical body, so there are a few among the dead who have learnt how such powers may be exercised.

Tôi đã từng nhắc tới, liên quan việc tạo ra những bức vẽ hay bài viết mang tính hiện tượng, rằng có một phương pháp khác để thực hiện, nhanh và hiệu quả hơn, nhưng đòi hỏi hiểu biết sâu hơn về các khả năng của cõi cảm dục. Phương pháp này thường được gọi là sự ngưng tụ, và tổng quát mà nói, *phương thức vận hành* của nó như sau: Người muốn viết hay vẽ lấy một tờ giấy, tạo dựng một hình ảnh thể trí rõ ràng về bài viết hay bức tranh, sắc nét đến từng chi tiết nhỏ nhất, rồi bằng một nỗ lực ý chí, biểu hiện hoá hình ảnh đó và phóng nó lên tờ giấy, sao cho toàn bộ bức tranh hay cả trang chữ xuất hiện tức thời. Sẽ thấy ngay rằng điều này đòi hỏi năng lực lớn hơn nhiều và quyền năng điều động nguồn lực đầy đủ hơn mức một người bình thường có khả năng có được, dù trước hay sau khi chết; nhưng cũng như những ai được rèn luyện theo hướng đó có thể tạo nên kết quả như vậy khi còn trong thân thể hồng trần, thì cũng có vài người trong số người quá cố đã học được cách vận dụng những năng lực như thế.

I have seen cases in which the writing was precipitated not all at once but by degrees, so that it appeared upon the paper in successive words, just as it would have done if written in the ordinary way, except that this process was much more rapid than any writing could ever be. In the same way I have seen a picture form itself slowly, beginning at one side and passing steadily across to the other, the effect being just as though a sheet of paper which had concealed it was slowly drawn off from an

Tôi đã thấy những trường hợp trong đó bài viết được ngưng tụ không phải tức thời toàn bộ mà từng phần, nên nó hiện lên trên giấy từng từ liên tiếp, đúng như nếu viết theo cách thông thường, ngoại trừ việc quá trình này nhanh hơn bất kỳ cách viết nào có thể có. Tương tự, tôi đã thấy một bức tranh tự hình thành chậm rãi, bắt đầu từ một bên và tiến đều sang bên kia, hiệu ứng giống hệt như thể có một tờ giấy che phủ bức tranh sẵn có được kéo dần ra.

already existing picture.

Some persons in performing this feat require to have their materials provided for them; that is to say, if they have to write a letter, the writing material—ink or coloured chalk—must be by their side, or if they have to precipitate a picture the colours must be there either in powder or already moistened. In this case the operator simply disintegrates as much of the material as he requires, and transfers it to the surface of his paper. A more accomplished performer, however, can gather together such material as he needs from the surrounding ether; that is to say, he is practically able to create his materials, and so can sometimes produce results which cannot readily be imitated by any means at our disposal upon the physical plane.

Một số người khi thực hiện công việc này cần có sẵn vật liệu của họ; nghĩa là, nếu họ phải viết một lá thư, vật liệu viết—mực hay phấn màu—phải ở bên cạnh họ, hoặc nếu họ phải ngưng tụ một bức tranh thì các màu phải có sẵn, hoặc ở dạng bột, hoặc đã được làm ướt. Trong trường hợp này, người thực hiện đơn giản là phân rã một lượng vật liệu cần dùng và chuyển nó lên bề mặt tờ giấy. Tuy nhiên, một người điêu luyện hơn có thể gom góp vật liệu mình cần từ dĩ thái xung quanh; tức là, thực tế người ấy có thể "tạo" ra vật liệu của mình, và do đó đôi khi có thể tạo ra những kết quả khó có thể bắt chước bằng bất kỳ phương tiện nào trong tầm tay chúng ta trên cõi hồng trần.

In *Photographing the Invisible* (pp. 301-3), Dr. J. Coates quotes an experience, recounted by Vice-Admiral W. Usborne Moore, relating to the precipitation of a portrait, which presents a good example of the process often employed:

Trong *Photographing the Invisible* (tr. 301-3), Bác sĩ J. Coates trích dẫn một trải nghiệm do Phó Đô đốc W. Usborne Moore thuật lại, liên quan sự ngưng tụ một bức chân dung, nêu một ví dụ điển hình về quy trình thường được sử dụng:

The next day a portrait was precipitated on to a Steinbach canvas within two feet of me. The Bangs sisters each held one side of the canvas, which was put up against the window, while I sat between them and watched the face and form gradually appear. A few minutes after they began to appear, the psychics (apparently under impression) lowered the canvas toward me until it touched my breast. Mary Bangs then got a message by Morse alphabet on the table: "Your wife is more accustomed to see me in the other aspect." Up went the canvas again, and I saw the profile and bust, but turned round in the opposite direction; instead of the face looking to the right, it was looking to the left. The portrait then proceeded apace, until all the

Ngày hôm sau, một bức chân dung đã được ngưng tụ trên một tấm toan Steinbach ngay trong phạm vi chưa đầy hai bộ trước mặt tôi. Hai chị em Bangs mỗi người giữ một bên tấm toan, đặt nó tựa vào cửa sổ, còn tôi ngồi giữa họ và nhìn gương mặt cùng hình tướng dần dần hiện ra. Vài phút sau khi bắt đầu xuất hiện, các nhà thông linh (rõ ràng đang chịu ấn cảm) hạ tấm toan xuống phía tôi cho tới khi nó chạm vào ngực tôi. Mary Bangs bấy giờ nhận được một thông điệp bằng bảng chữ cái Morse trên mặt bàn: "Vợ ông quen nhìn tôi theo phương diện khác hơn." Tấm toan lại được đưa lên, và tôi thấy diện mạo nhìn nghiêng và nửa thân, nhưng quay về hướng ngược lại; thay vì gương mặt nhìn sang phải, nó nhìn sang trái. Bức chân dung sau đó tiếp tục hiện nhanh, cho

details were filled in, and in twenty-five minutes it was practically finished. Beyond a little deepening of the colour, and touches here and there by the invisible artist, the picture is the same now as when we arose from the table. The precipitated portrait is very much like a photograph of the person, taken thirty-five years ago (shortly before death), that I had in my pocket during the sitting, which the Bangs, of course, had never seen. The expression of the face, however, is far more ethereal and satisfied than in the photograph.

đến khi mọi chi tiết được lấp đầy, và trong hai mươi lăm phút nó hầu như đã hoàn tất. Ngoài một chút làm đậm màu sắc, và vài nét chấm phá đây đó của người họa sĩ vô hình, bức tranh nay vẫn y như lúc chúng tôi rời bàn. Bức chân dung được ngưng tụ rất giống với một tấm ảnh của người đó, chụp cách đây ba mươi lăm năm (ngay trước khi qua đời), mà tôi đang giữ trong túi lúc buổi ngồi, và dĩ nhiên hai chị em Bangs chưa từng thấy. Tuy nhiên, thần sắc của gương mặt trong bức chân dung thanh thoát và mãn nguyện hơn nhiều so với tấm ảnh.

These instances are but two out of many manifestations I witnessed at the Bangs sisters' house.

Những trường hợp này chỉ là hai trong vô số những hiện tượng tôi chứng kiến tại nhà hai chị em Bangs.

The Admiral refers as follows to a full-length portrait which he obtained in the same way:

Vị Đô đốc nhắc tới như sau một bức chân dung toàn thân mà Ông có được theo cùng một cách:

On this occasion the canvases arrived from the shop wet, and we had to wait half an hour for them to dry. The next day I went to the shop and complained. The woman who attended said: "The boy who brought your order said you wanted stretched canvases. When he came to take them away, we found he wanted the paper as well, so we put it on at once, and of course they left the shop wet." I relate this little incident for the benefit of those who vainly imagine that the phenomenon of precipitation may be due to normal causes.

Lần này, những tấm toan từ cửa tiệm đem tới còn ướt, và chúng tôi phải đợi nửa tiếng cho chúng khô. Hôm sau tôi tới tiệm phàn nàn. Người phụ nữ phục vụ nói: "Cậu bé mang đơn đặt hàng của Ông nói Ông muốn toan đã giăng khung. Khi cậu ấy quay lại lấy đi, chúng tôi mới biết cậu ấy còn muốn kèm cả giấy nữa, nên chúng tôi dán vào ngay, và dĩ nhiên chúng rời khỏi tiệm còn ướt." Tôi kể lại chuyện nhỏ này để những ai cứ tưởng tượng luống công rằng hiện tượng ngưng tụ có thể do các nguyên nhân bình thường gây ra sẽ rút được điều lợi ích.

Mr. G. Subba Rau, editor of the *West Coast Spectator*, Calicut, India, gives an account (p. 317) of the manner in which he received a precipitated portrait of his deceased wife, her photograph being in his pocket without the knowledge of the mediums. Although somewhat incredulous as to the powers of the Bangs sisters, he arranged to have a sitting with them. He mentions that the sisters stated

Ông G. Subba Rau, chủ bút tờ *West Coast Spectator*, Calicut, Ấn Độ, thuật lại (tr. 317) cách mà Ông nhận được một bức chân dung ngưng tụ của người vợ quá cố, trong khi tấm ảnh của Bà ở trong túi Ông mà các đồng tử không hề hay biết. Dẫu có phần hoài nghi về năng lực của hai chị em Bangs, Ông vẫn thu xếp một buổi ngồi với họ. Ông cho biết hai chị em nói rằng họ thấy "hiển hiện một hình ảnh

that they saw “apparently a life-size image of the photograph I had with me, and described it correctly in the details. For instance, they saw that I sat, that my wife stood behind, with her hand on my shoulder; that her face was round; that she wore a peculiar jewel on the nose and that her hair was parted; that a dog lay at my feet, and so on.” As to the precipitation of the picture, he adds (p. 318):

dường như bằng kích cỡ thực của tấm ảnh tôi mang theo, và mô tả đúng chi tiết. Thí dụ, họ thấy tôi ngồi, vợ tôi đứng phía sau, tay đặt lên vai tôi; rằng mặt Bà tròn; Bà đeo một món trang sức lạ ở mũi và tóc rẽ ngôi; rằng có một con chó nằm dưới chân tôi, v.v.” Về việc ngưng tụ bức tranh, Ông bổ sung (tr. 318):

They asked me to pick out any two canvas stretchers that lay against the wall, adding that I might bring my own stretchers if I liked. I took out two which were very clean and set them on the table against the glass window. I sat opposite, and the two sisters on either side. Gradually I saw a cloudy appearance on the canvas; in a few moments it cleared into a bright face, the eyes formed themselves and opened rather suddenly, and I beheld what seemed a copy of my wife’s face in the photograph. The figure on the canvas faded away once or twice, to reappear with clearer outline; and round the shoulder was formed a loose white robe. The whole seemed a remarkable enlargement of the face in the photograph. The photograph had been taken some three or four years before her death, and it was noteworthy that the merely accidental details that entered into it should now appear on the canvas. For instance, the nose ornament already referred to, she had not usually worn. Some ornaments were clumsily reproduced. One that she had always worn, which was not distinctly visible in the photograph, was omitted on the canvas. I pointed out these blemishes, and as the result, when I saw the portrait next day, all the ornaments had disappeared. I was satisfied that the portrait had been precipitated by some supernormal agency. As soon as the portrait was finished, I touched a corner of the canvas with my finger, and greyish substance came off. The portrait is still in my possession,

Họ bảo tôi chọn bất kỳ hai khung căng toan nào dựa vào tường, thêm rằng nếu thích tôi có thể tự mang khung của mình. Tôi lấy ra hai cái rất sạch và đặt chúng lên bàn tựa vào cửa kính. Tôi ngồi đối diện, hai chị em ngồi hai bên. Dần dần tôi thấy một vẻ mờ đục trên tấm toan; trong vài khoảnh khắc nó sáng rõ thành một gương mặt rực rỡ, đôi mắt tự thành hình và mở ra khá bất ngờ, và tôi nhìn thấy như là một bản sao gương mặt vợ tôi trong tấm ảnh. Hình trên toan phai đi một hai lần, rồi lại hiện rõ hơn; và quanh vai hiện ra một áo choàng trắng lỏng. Tất cả trông như một sự phóng lớn đáng kể của gương mặt trong tấm ảnh. Tấm ảnh được chụp chừng ba hay bốn năm trước khi Bà qua đời, và điều đáng chú ý là những chi tiết hoàn toàn ngẫu nhiên trong đó nay lại xuất hiện trên tấm toan. Chẳng hạn, món trang sức ở mũi đã nói, Bà vốn không thường đeo. Một số món trang sức được tái hiện vụng về. Có một món Bà luôn đeo, nhưng không thấy rõ trong ảnh, thì bị bỏ sót trên toan. Tôi chỉ ra những chỗ khiếm khuyết ấy, và kết quả là khi hôm sau tôi xem bức chân dung, tất cả trang sức đều đã biến mất. Tôi tin chắc bức chân dung đã được ngưng tụ bởi một cơ quan siêu thường nào đó. Ngay khi bức chân dung hoàn tất, tôi chạm ngón tay vào một góc tấm toan, và có chất xám xám tróc ra. Bức chân dung vẫn ở trong tay tôi cho đến nay, và trông vẫn tươi mới như thuở đầu. Tất cả hoàn thành trong hai mươi lăm phút.

and it looks as fresh as ever. It was all done in twenty-five minutes.

The same volume contains several chapters dealing with psychographs, especially written messages impressed on photographic plates which have never been exposed. For example, the Ven. Archdeacon Colley, Rector of Stockton, delivered an Easter sermon on Sunday evening, 3rd April, 1910, in the parish church. This sermon was found written on a half-plate which had been sealed up in a light-proof packet, and held between the hands of six persons for thirty-nine seconds only. Under these circumstances 1710 words were written in eighty-four lines within the small compass of the half-plate. The Archdeacon says (p. 378):

Cùng tập sách đó có nhiều chương đề cập đến các bức điện họa, nhất là những thông điệp viết được ấn trên các bản kính ảnh chưa từng lộ sáng. Thí dụ, Đức Tổng Phó tế Colley, Chánh xứ Stockton, giảng bài giảng Phục Sinh vào tối Chủ nhật, ngày 3 tháng 4 năm 1910, tại nhà thờ giáo xứ. Bài giảng này được phát hiện là đã được viết trên một nửa bản kính ảnh vốn được niêm kín trong một gói chống sáng, và chỉ được cầm giữa hai bàn tay của sáu người trong vỏn vẹn ba mươi chín giây. Trong những điều kiện như vậy, có 1710 từ được viết thành tám mươi bốn dòng trong phạm vi nhỏ của nửa bản kính. Đức Tổng Phó tế nói (tr. 378):

The smallness of the copper-plate-like writing readers it impossible to be reproduced by any engraving; while at times, with our greatly esteemed unpaid mediums in various circles, the writing on our usual quarter-plates is so microscopic, that to enable us to read it a higher power lens is necessary; and the character of the calligraphy in English, archaic Greek, Latin, Hebrew, Italian, French, Arabic, varies continually in our several separate, devotional, and private gatherings, in places from twenty-four to seventy-seven miles apart.

Cỡ chữ nhỏ, như khắc đồng, khiến bất kỳ kỹ thuật chạm khắc nào cũng không thể tái tạo; trong khi đôi khi, với các đồng tử vô tư mà chúng tôi rất trân trọng ở nhiều nhóm khác nhau, chữ viết trên các bản kính thường quy cỡ một phần tư của chúng tôi lại nhỏ đến mức hiển vi, đến nỗi để đọc được chúng phải cần một thấu kính có độ phóng đại cao; và kiểu chữ trong tiếng Anh, Hy Lạp cổ, La Tinh, Do Thái, Ý, Pháp, Ả Rập, thay đổi liên tục trong nhiều buổi nhóm riêng biệt, sùng nguyện và riêng tư của chúng tôi, tại các nơi cách nhau từ hai mươi bốn đến bảy mươi bảy dặm.

Proofs of the Truth of Spiritualism, by the Rev. Prof. G. Henslow, also contains illustrations and descriptions of many remarkable psychographs (pp. 187 *et seq*.)

Proofs of the Truth of Spiritualism, của Mục sư, Giáo sư G. Henslow, cũng có các minh họa và mô tả nhiều bức điện họa kỳ lạ (tr. 187 *và tiếp*.)

The next point for our consideration is the question of what are called “spirit lights,” that is to say the different varieties of illumination which are produced at a seance by the non-physical participators therein. Sir William Crookes gives a comprehensive catalogue of

Điểm kế tiếp chúng ta cần xét là vấn đề những gì được gọi là “ánh sáng linh thể”, nghĩa là các dạng khác nhau của sự soi sáng do những người tham dự phi vật lý tạo ra trong một buổi gọi hồn. Ngài William Crookes đưa ra một bản liệt kê bao quát về các loại này ở tr. 91 trong

these on p. 91 of his book before quoted:

cuốn sách đã trích dẫn của Ông:

Various Kinds Of Lights—Các Dạng Ánh Sáng Khác Nhau

Under the strictest test conditions I have seen a solid self-luminous body, the size and nearly the shape of a turkey's egg, float noiselessly about the room, at one time higher than any one present could reach standing on tip-toe, and then gently descend to the floor. It was visible for more than ten minutes; and before it faded away it struck the table three times, with a sound like that of a hard solid body. During this time the medium was lying back, apparently insensible, in an easy chair.

Trong những điều kiện kiểm tra nghiêm ngặt nhất, tôi đã thấy một vật thể rắn tự phát sáng, có kích thước và gần như hình dạng của một quả trứng gà tây, lặng lẽ lượn quanh phòng, lúc thì cao hơn tầm với của bất kỳ ai đang đứng kiễng chân, rồi dịu dàng hạ xuống sàn. Nó hiển hiện hơn mười phút; và trước khi phai dần, nó gõ vào bàn ba lần, phát ra âm thanh như một vật rắn cứng. Trong lúc này, đồng tử ngả lưng trên ghế bành, dường như bất tỉnh.

I have seen luminous points of light darting about and settling on the heads of different persons; I have had questions answered by the flashing of a bright light a desired number of times in front of my face. I have seen sparks of light rising from the table to the ceiling, and again falling upon the table, striking it with an audible sound. I have had an alphabetic communication given by a luminous cloud floating upwards to a picture. Under the strictest test conditions, I have more than once had a solid, self-luminous, crystalline body placed in my hand by a hand which did not belong to any person in the room. In the light, I have seen a luminous cloud hover over a heliotrope on a side-table, break a sprig off, and carry the sprig to a lady; and on some occasions I have seen a similar luminous cloud visibly condense to the form of a hand, and carry small objects about.

Tôi đã thấy những điểm sáng phát quang lao đi và đậu trên đầu các người khác nhau; tôi đã nhận được trả lời cho các câu hỏi bằng cách một luồng sáng chói lóe lên số lần như mong muốn ngay trước mặt tôi. Tôi đã thấy những tia lửa sáng bốc lên từ mặt bàn tới trần nhà, rồi lại rơi xuống bàn, đập vào đó với âm thanh nghe rõ. Tôi đã nhận một thông điệp theo bảng chữ cái bằng một đám mây phát quang trôi lên tới một bức tranh. Trong những điều kiện kiểm tra gắt gao nhất, tôi đã hơn một lần nhận được một vật thể kết tinh, rắn, tự phát sáng được đặt vào tay mình bởi một bàn tay không thuộc về bất kỳ ai trong phòng. Trong ánh sáng, tôi đã thấy một đám mây phát quang lượn trên một chậu heliotrope đặt trên bàn bên, bẻ một nhánh, rồi mang nhánh đó cho một quý bà; và đôi khi tôi đã thấy một đám mây phát quang tương tự rõ ràng ngưng tụ thành hình một bàn tay, mang các vật nhỏ qua lại.

I have already described the three varieties of lights which showed themselves to me during my preliminary home experiments without a recognized medium; and though I have seen many such lights since, they have been almost all of the same general character as those. On

Tôi đã tường thuật ba loại ánh sáng hiển hiện với tôi trong những thí nghiệm sơ khởi tại nhà mà không có một đồng tử được công nhận; và tuy về sau tôi đã thấy nhiều ánh sáng như vậy, hầu hết chúng đều cùng một tính chất chung như những ánh sáng trước. Tuy nhiên, trong

several occasions, however, I have seen a light much brighter than any of those, apparently of an electrical character, capable of fully lighting up the room, and in one case of blinding brilliance. This latter manifestation is rare at a seance, as, for reasons previously described, it would break up any partial materializations which might be necessary for the production of other phenomena.

vài dịp, tôi đã thấy một thứ ánh sáng sáng hơn hẳn những thứ kia, dường như mang tính điện, có thể soi sáng trọn căn phòng, và một lần đạt tới độ rực lóa mắt. Hiện tượng sau này hiếm gặp trong buổi gọi hồn, vì, theo những lý do đã nêu, nó sẽ phá vỡ bất kỳ sự hiện hình một phần nào có thể cần thiết cho việc sản xuất các hiện tượng khác.

Another interesting power at the command of experimenters on the astral plane is that of disintegration and of reintegration, to which we have already referred when speaking of precipitation. This is simply the process of reducing any object to an impalpable powder —in fact, into an etheric or even atomic condition. This may be brought about by the action of extremely rapid vibration, which overcomes the cohesion of the molecules of the object. A still higher rate of vibration, perhaps of a somewhat different type, will further separate these molecules into their constituent atoms. A body thus reduced to the etheric or atomic condition can be moved with great rapidity from one place to another; and the moment that the force which had been exerted to bring it into that condition is withdrawn, it will at once resume its original state.

Một năng lực thú vị khác nằm trong tầm tay những người thực nghiệm trên cõi cảm dục là năng lực phân rã và tái kết hợp, mà chúng ta đã đề cập khi nói về ngưng tụ. Đây đơn giản là tiến trình đưa bất kỳ vật thể nào về trạng thái bột mịn không thể sờ—thực ra, vào tình trạng dĩ thái hoặc thậm chí nguyên tử. Điều này có thể đạt được bằng tác động của những rung động cực nhanh, vốn thắng được sự kết dính của các phân tử của vật thể. Một tần suất rung động còn cao hơn nữa, có lẽ thuộc kiểu khác đôi chút, sẽ tách tiếp các phân tử này thành những nguyên tử cấu thành. Một vật thể được đưa về tình trạng dĩ thái hoặc nguyên tử như vậy có thể được di chuyển với tốc độ rất nhanh từ nơi này đến nơi khác; và khi lực đã được vận dụng để đưa nó vào tình trạng ấy vừa được rút đi, nó sẽ lập tức trở về trạng thái nguyên thuỷ.

How Form Is Retained—Làm Sao Giữ Được Hình Dạng

To answer an obvious objection which will at once occur to the mind of the reader I may be allowed to quote once more a few sentences from *The Astral Plane*.

Để trả lời một phản bác hiển nhiên ắt sẽ lập tức nảy ra trong tâm trí độc giả, tôi xin phép trích lại vài câu từ *The Astral Plane*.

Students often at first find it difficult to understand how in such an experiment the shape of the article can be preserved. It has been remarked that if any metallic object—say, for example, a key—be melted and raised to a vaporous state by heat, when the heat is

Các môn sinh lúc đầu thường thấy khó hiểu làm sao trong một thí nghiệm như vậy, hình dạng của đồ vật có thể được giữ lại. Người ta có nhận xét rằng nếu một vật kim loại—như, thí dụ, một chiếc chìa khóa—bị nung chảy và đưa lên trạng thái hơi bởi nhiệt, thì khi rút nhiệt đi

withdrawn it will certainly return to the solid state, but it will no longer be a key, but merely a lump of metal. The point is well taken, though as a matter of fact the apparent analogy does not hold good. The elemental essence which informs the key would be dissipated by the alteration in its condition—not that the essence itself can be affected by the action of heat, but that when its temporary body is destroyed (as a solid) it pours back into the great reservoir of such essence, much as the higher principles of a man, though entirely unaffected by heat or cold, are yet forced out of a physical body when it is destroyed by fire.

nó chắc chắn sẽ trở lại trạng thái rắn, nhưng nó sẽ không còn là một chiếc chìa khóa nữa, mà chỉ là một cục kim loại. Lập luận đó là xác đáng, tuy thực tế sự tương đồng bề ngoài ấy không đứng vững. Tinh chất hành khí thấm nhuần chiếc chìa khóa sẽ bị làm tiêu tan bởi sự biến đổi tình trạng của nó—không phải vì bản thân tinh chất có thể bị tác động bởi nhiệt, mà vì khi thân thể tạm thời của nó (vốn là ở trạng thái rắn) bị hủy hoại, nó sẽ tuôn trở về bể chứa vĩ đại của loại tinh chất ấy, giống như các nguyên khí cao của con người, dù hoàn toàn không bị nóng lạnh chi phối, vẫn bị buộc phải xuất khỏi thể xác khi nó bị lửa tiêu hủy.

Consequently, when what had been the key cooled down into the solid condition again, the elemental essence (of the "earth" or solid class) which poured back into it would not be in any way the same as that which it contained before, and there would be no reason why the same shape should be retained. But a man who disintegrated a key for the purpose of removing it by astral currents from one place to another would be careful to hold the same elemental essence in exactly the same shape until the transfer was completed, and then when his will-force was removed it would act as a mould into which the solidifying particles would now, or rather round which they would be re-aggregated. Thus, unless the operator's power of concentration failed, the shape would be accurately preserved.

Do đó, khi cái từng là chiếc chìa khóa nguội xuống và lại ở trạng thái rắn, tinh chất hành khí (thuộc loại "đất" hay chất rắn) tuôn trở vào nó sẽ không hề là cùng tinh chất như trước đó, và không có lý do gì để hình dạng cũ phải được giữ lại. Nhưng một người phân rã một chiếc chìa khóa nhằm mục đích chuyển nó bằng các dòng lưu cảm dục từ nơi này sang nơi khác sẽ cẩn trọng giữ chính tinh chất hành khí ấy trong đúng hình dạng ấy cho tới khi việc chuyển giao hoàn tất, rồi khi lực ý chí của y được rút đi, tinh chất đó sẽ hành xử như một cái khuôn để các hạt đang đông rắn lại đi vào, hay đúng hơn, kết tụ lại xung quanh. Như vậy, trừ phi năng lực tập trung của người thao tác bị thất bại, hình dạng sẽ được bảo tồn một cách chính xác.

It is in this way that objects are sometimes brought almost instantaneously from great distances at spiritualistic seances, and it is obvious that when disintegrated they could be passed with perfect ease through any solid substance, such, for example, as the wall of a house or the side of a locked box, so that what is commonly called "the passage of matter through matter" is seen, when properly

Chính bằng cách này mà đôi khi các vật thể được mang đến gần như tức thời từ những khoảng cách xa tại các buổi gọi hồn, và hiển nhiên là khi đã phân rã, chúng có thể đi qua bất kỳ chất rắn nào một cách dễ dàng hoàn hảo, thí dụ, như bức tường của một ngôi nhà hoặc vách của một chiếc hộp khóa kín, nên cái mà người ta thường gọi là "sự đi qua của vật chất xuyên vật chất" khi được hiểu đúng, sẽ

understood, to be as simple as the passage of water through a sieve, or of a gas through a liquid in some chemical experiment.

thấy đơn giản như nước đi qua cái rây, hay như khí đi qua chất lỏng trong một thí nghiệm hóa học nào đó.

Since it is possible by an alteration of vibrations to change matter from the solid to the etheric condition, it will be comprehended that it is also possible to reverse the process and to bring etheric matter into the solid state. As the one process explains the phenomenon of disintegration, so does the other that of materialization; and just as in the former case a continued effort of will is necessary to prevent the object from resuming its original state, so in exactly the same way in the latter phenomenon a continued effort is necessary to prevent the materialized matter from relapsing into the etheric condition.

Vì có thể bằng cách thay đổi rung động để chuyển vật chất từ trạng thái rắn sang trạng thái dĩ thái, nên có thể hiểu rằng cũng có thể đảo ngược tiến trình và đưa vật chất dĩ thái vào trạng thái rắn. Cũng như tiến trình thứ nhất giải thích hiện tượng phân rã, thì tiến trình kia giải thích hiện tượng hiện hình; và cũng như trong trường hợp trước cần có một nỗ lực duy trì của ý chí để ngăn vật thể trở về trạng thái nguyên thủy, thì y như vậy, trong hiện tượng sau, cần có một nỗ lực liên tục để ngăn vật chất đã hiện hình khỏi trở lại trạng thái dĩ thái.

Objects Brought From A Distance—Các Vật Được Mang Đến Từ Xa

The apport of objects from some other room, or sometimes from a far greater distance, is one of the most favourite methods by which the dead men managing a seance elect to manifest their especially astral powers. Sir William Crookes, on p. 97 of the book which I have so often quoted, tells us how at a seance with Miss Kate Fox the controlling entities announced that "they were going to bring something to show their power," and then brought into the room a small hand-bell from the library, the door between being carefully locked, and the key in Sir William's pocket.

Việc chuyển các vật từ một căn phòng khác, hoặc đôi khi từ một khoảng cách xa hơn rất nhiều, là một trong những phương pháp ưa thích mà những người đã khuất điều khiển một buổi gọi hồn lựa chọn để biểu hiện các năng lực đặc biệt mang tính cảm dục của họ. Ngài William Crookes, ở tr. 97 cuốn sách mà tôi đã nhiều lần trích dẫn, kể lại tại một buổi gọi hồn với Cô Kate Fox, các thực thể điều khiển tuyên bố rằng "họ sắp mang đến một thứ gì đó để cho thấy quyền năng của họ", rồi mang vào phòng một chiếc chuông tay nhỏ từ thư viện, trong khi cánh cửa ngăn giữa đã được khóa kỹ, và chìa khóa ở trong túi Ngài William.

I have myself frequently had all sorts of small objects brought to me from a distance—flowers and fruit being among the most common. In some cases tropical flowers and fruit, obviously perfectly fresh, have been thus presented to me in England. When interrogated as to whence these things came, the controlling entities have always most

Bản thân tôi đã nhiều lần được mang đến đủ loại vật nhỏ từ xa—hoa và trái cây là thường gặp nhất. Có trường hợp hoa nhiệt đới và trái cây, hiển nhiên còn tươi nguyên, đã được trao cho tôi như vậy ngay tại Anh. Khi bị hỏi chúng đến từ đâu, các thực thể điều khiển luôn khẳng định dứt khoát rằng họ không được phép đánh cắp tài sản của bất kỳ ai theo cách này, mà phải

emphatically asserted that they were not permitted to steal any person's property in this way, but had to search for their flowers and fruits where they grew wild. I have had a rare fern and a rare orchid brought to me in this way—thrown down upon the table with the fresh earth still clinging to their roots. I was able to plant both of them afterwards in my garden, where they took root and grew in the most natural manner.

tìm hoa và trái nơi chúng mọc hoang. Tôi từng nhận được một cây dương xỉ hiếm và một lan quý theo cách ấy—bị ném xuống bàn với đất tươi còn bám rễ. Sau đó tôi có thể đem cả hai trồng trong vườn, nơi chúng bén rễ và sinh trưởng một cách tự nhiên nhất.

The best stories that I know of the bringing of plants to a seance are contained in Madame d'Espérance's book *Shadowland*. The first is quoted from p. 261. (It should be premised that "Yolande" is the name given to a materialized "spirit" who took a prominent part in all the seances of Madame d'Espérance.)

Những câu chuyện hay nhất mà tôi biết về việc mang cây cối đến một buổi gọi hồn được chép trong sách *Shadowland* của Bà d'Espérance. Câu đầu trích ở tr. 261. (Cần nói trước rằng "Yolande" là tên gọi một "vong linh" đã hiện hình, người đóng vai trò nổi bật trong mọi buổi gọi hồn của Bà d'Espérance.)

Yolande crossed the room to where Mr. Reimers (a gentleman well known throughout Europe as a prominent spiritualist) sat, and beckoned him to go nearer the cabinet and witness some preparations she was about to make. Here it is as well to say that on previous occasions when Yolande had produced flowers for us, she had given us to understand that sand and water were necessary for the purpose; consequently a supply of fine clean white sand and plenty of water were kept in readiness for possible contingencies. When Yolande, accompanied by Mr. Reimers, came to the centre of the circle, she signified her wish for sand and water, and, making Mr. R. kneel down on the floor beside her, she directed him to pour sand into the water-carafe, which he did until it was about half full. Then he was instructed to pour in water. This was done, and then by her direction he shook it well and handed it back to her.

Yolande băng qua phòng tới chỗ Ông Reimers (một quý ông nổi tiếng khắp châu Âu như một nhà thần linh học nổi bật) đang ngồi, và ra hiệu mời Ông tiến lại gần tấm màn và chứng kiến vài sự chuẩn bị Bà sắp thực hiện. Nên nói luôn rằng trong những dịp trước khi Yolande tạo hoa cho chúng tôi, Bà đã cho hiểu rằng cần có cát và nước cho mục đích đó; vì thế luôn có sẵn một lượng cát trắng mịn sạch và nhiều nước để phòng khi cần. Khi Yolande, đi cùng Ông Reimers, đi tới trung tâm vòng tròn, Bà tỏ ý muốn có cát và nước, và bảo Ông R. quỳ xuống sàn bên cạnh mình, rồi bảo Ông đổ cát vào bình nước, Ông làm theo cho tới khi bình đầy khoảng một nửa. Kế đó Ông được chỉ bảo đổ nước vào. Làm xong, theo chỉ dẫn của Bà, Ông lắc kỹ và đưa lại cho Bà.

Yolande, after scrutinizing it carefully, placed it on the floor, covering it lightly with the

Yolande, sau khi xem xét kỹ, đặt nó xuống sàn, phủ nhẹ lên bằng tấm khăn choàng Bà lấy từ

drapery which she took from her shoulders. She then retired to the cabinet, from which she returned once or twice at short intervals, as though to see how it was getting on.

đôi vai. Rồi Bà lui vào tấm màn, và trở ra một đôi lần sau những quãng ngắn, như thể để xem nó tiến triển ra sao.

In the meantime Mr. Armstrong had carried away, the superfluous water and sand, leaving the carafe standing in the middle of the floor covered by the thin veil, which, however, did not in the least conceal its shape, the ring or top edge being especially visible.

Trong lúc đó Ông Armstrong đã mang đi phần nước và cát thừa, để lại bình nước đứng giữa sàn, được phủ bởi tấm màn mỏng, vốn tuy mỏng nhưng không hề che khuất hình dạng của bình, vành miệng hay mép trên đặc biệt rõ.

We were directed by raps on the floor to sing, in order to harmonize our thoughts, and to take off the edge, as it were, of the curiosity we were all more or less feeling.

Chúng tôi được ra hiệu bằng những tiếng gõ trên sàn là phải hát, để hòa hợp tư tưởng của mình, và nói như thế là để bớt đi phần nào sự tò mò mà tất cả chúng tôi ít nhiều đều đang cảm thấy.

While we were singing we observed the drapery to be rising from the rim of the carafe. This was perfectly patent to every one of the twenty witnesses watching it closely.

Trong khi chúng tôi hát, chúng tôi thấy tấm khăn choàng bắt đầu nâng lên từ vành miệng bình. Điều này hiển nhiên trước mắt tất cả hai mươi nhân chứng đang chăm chú quan sát.

Yolande came out again from the cabinet and regarded it anxiously. She appeared to examine it carefully, and partially supported the drapery as though afraid of its crushing some tender object underneath. Finally she raised it altogether, exposing to our astonished gaze a perfect plant, of what appeared to be a kind of laurel.

Yolande lại bước ra khỏi tấm màn và nhìn nó đầy lo lắng. Bà có vẻ xem xét kỹ lưỡng, và hơi đỡ tấm khăn choàng như sợ nó đè bẹp một vật mảnh mai nào đó bên dưới. Cuối cùng Bà nhấc hẳn nó lên, phô bày trước ánh mắt kinh ngạc của chúng tôi một cây hoàn chỉnh, trông như một loài nguyệt quế nào đó.

Yolande raised the carafe, in which the plant seemed to have firmly grown; its roots, visible through the glass being closely packed in the sand.

Yolande nâng chiếc bình, trong đó cây dường như đã bám chắc; rễ cây nhìn thấy qua lớp kính được nén chặt trong cát.

She regarded it with evident pride and pleasure, and, carrying it in both her hands, crossed the room and presented it to Mr. Oxley, one of the strangers who were present —the Mr. Oxley who is so well known by his philosophical writings on spiritual subjects, and the pyramids of Egypt.

Bà nhìn nó với niềm tự hào và hoan hỉ rõ rệt, và, nâng nó bằng cả hai tay, Bà băng qua phòng và trao cho Ông Oxley, một trong những người lạ có mặt—Ông Oxley vốn nổi tiếng với các trước tác triết học về những đề tài thần linh, và về các kim tự tháp của Ai Cập.

He received the carafe with the plant, and Yolande retired as though she had completed her task. After examining the plant Mr. Oxley, for convenience sake, placed it on the floor beside him, there being no table near at hand. Many questions were asked and curiosity ran high. The plant resembled a large-leafed laurel with dark glossy leaves, but without any blossom. No one present recognized the plant or could assign it to any known species.

Ông đón lấy bình cùng cây, và Yolande lui vào như thể Bà đã hoàn tất nhiệm vụ. Sau khi xem xét cây, vì tiện, Ông Oxley đặt nó xuống sàn bên cạnh mình, vì gần đó không có bàn. Nhiều câu hỏi được đặt ra và sự tò mò dâng cao. Cây trông giống nguyệt quế lá lớn, lá đậm và bóng, nhưng không có hoa. Không ai có mặt nhận ra loại cây này hay có thể quy nó vào một loài đã biết.

We were called to order by raps, and were told not to discuss the matter, but to sing something and then be quiet. We obeyed the command, and after singing, more raps told us to examine the plant anew, which we were delighted to do. To our great surprise we then observed that a large circular head of bloom, forming a flower fully five inches in diameter, had opened itself, while standing on the floor at Mr. Oxley's feet.

Chúng tôi được yêu cầu giữ trật tự bằng những tiếng gõ, và được dặn đừng bàn luận, mà hãy hát gì đó rồi im lặng. Chúng tôi vâng lời, và sau khi hát, những tiếng gõ khác bảo chúng tôi xem xét lại cây, điều mà chúng tôi vui mừng thực hiện. Đến sự ngạc nhiên lớn, chúng tôi nhận thấy một đầu hoa tròn lớn, tạo thành một bông hoa đường kính đủ năm inch, đã nở ra trong khi cứ đứng trên sàn nơi chân Ông Oxley.

The flower was of a beautiful orange-pink colour, or perhaps I might say that salmon-colour would be a nearer description, for I have never seen the same tints, and it is difficult to describe shades of colour in words.

Hoa có màu hồng cam tuyệt đẹp, hay có lẽ nói chính xác hơn là gần với màu cá hồi, vì tôi chưa từng thấy sắc độ như thế, và thật khó mô tả sắc màu bằng lời.

The head was composed of some hundred and fifty four-star corollas projecting considerably from the stem. The plant was twenty-two inches in height, having a thick woody stem which filled the neck of the water-carafe. It had twenty-nine leaves, averaging from two to two and a half inches in breadth, and seven and a half inches at their greatest length. Each leaf was smooth and glossy, resembling at the first glance the laurel which we had first supposed it to be. The fibrous roots appeared to be growing naturally in the sand.

Đầu hoa gồm khoảng một trăm năm mươi tràng hoa hình bốn cánh nhô ra khá xa khỏi thân. Cây cao hai mươi hai inch, có thân gỗ dày lấp đầy cổ bình. Nó có hai mươi chín lá, bề rộng trung bình từ hai đến hai rưỡi inch, và dài nhất bảy rưỡi inch. Mỗi lá nhẵn và bóng, thoạt nhìn giống hệt nguyệt quế mà chúng tôi lúc đầu đã đoán. Những rễ sợi có vẻ mọc tự nhiên trong cát.

We afterwards photographed the plant in the water-bottle, from which, by the way, it was found impossible to remove it, the neck being

Sau đó chúng tôi chụp ảnh cây trong bình nước, và nhân tiện nói, thấy rằng không thể lấy cây ra khỏi bình, vì cổ bình quá nhỏ không

much too small to allow the roots to pass; indeed, the comparatively slender stem entirely filled the orifice.

cho rễ đi qua; thật vậy, thân tương đối thon đã lấp đầy cả miệng bình.

The name, we learnt, was *Ixora Crocata*, and the plant a native of India.

Chúng tôi biết tên nó là *Ixora Crocata*, và cây có nguồn gốc Ấn Độ.

How did the plant come there? Did it grow in the bottle? Had it been brought from India in a dematerialized state and rematerialized in the seance-room?

Làm sao cây lại ở đó? Nó mọc trong bình chăng? Nó đã được mang từ Ấn Độ trong trạng thái giải hình và hiện hình lại trong phòng gọi hồn chăng?

These were questions which we put to one another without result. We received no satisfactory explanation. Yolande either could not or would not tell us. As far as we could judge—and the opinion of a professional gardener corroborated our own—the plant had evidently some years of growth.

Đó là những câu hỏi chúng tôi dành cho nhau mà không có kết quả. Chúng tôi không nhận được lời giải thích thỏa đáng. Yolande hoặc là không thể, hoặc là không muốn nói. Theo như chúng tôi phán đoán—và ý kiến của một người làm vườn chuyên nghiệp xác nhận nhận định của chúng tôi—cây rõ ràng đã có một số năm sinh trưởng.

We could see where other leaves had grown and fallen off, and wound-marks which seemed to have healed and grown over long ago. But there was every evidence to show that the plant had grown in the sand in the bottle, as the roots were naturally wound around the inner surface of the glass, all the fibres perfect and unbroken as though they had germinated on the spot and had apparently never been disturbed. It had not been thrust into the bottle, for the simple reason that it was impossible to pass the large fibrous roots and lower part of the stem through the neck of the bottle, which had to be broken to take out the plant.

Chúng tôi có thể thấy nơi những lá khác đã mọc rồi rụng, và những vết thương dường như đã lành và che phủ từ lâu. Nhưng có mọi bằng chứng cho thấy cây đã mọc trong lớp cát trong bình, vì rễ quấn tự nhiên quanh mặt trong của kính, mọi sợi đều hoàn hảo và không gãy như thể chúng đã nảy mầm tại chỗ và dường như chưa từng bị xáo trộn. Nó không hề bị nhét vào bình, đơn giản vì không thể đưa những rễ sợi lớn và phần thân dưới qua cổ bình, vốn phải bị đập vỡ ra mới lấy được cây.

Mr. Oxley, in his account, which was afterwards published, says:

Ông Oxley, trong bản tường thuật sau đó được công bố, nói:

I had the plant photographed next morning, and afterwards brought it home and placed it in my conservatory under the gardener's care. It lived for three months, when it shrivelled up. I kept the leaves, giving most of them

Sáng hôm sau tôi cho chụp ảnh cây, rồi mang về nhà đặt vào nhà kính dưới sự chăm sóc của người làm vườn. Nó sống được ba tháng, rồi héo rũ. Tôi giữ lại lá, cho đi phần nhiều trừ bông hoa và ba lá ngọn mà người làm vườn cắt

away except the flower and the three top-leaves which the gardener cut off when he took charge of the plant; these I have yet preserved under glass, but they show no signs of dematerializing as yet. Previous to the creation or materialization of this wonderful plant, the *Ixora Crocata*, Yolande brought me a rose with a short stem not more than an inch long, which I put into my bosom. Feeling something was transpiring, I drew it out and found there were two roses. I then replaced them, and withdrawing them at the conclusion of the meeting, to my astonishment the stem had elongated to seven inches, with three full-blown roses and a bud upon it, with several thorns. These I brought home and kept till they faded, the leaves dropped off and the stem dried up, a proof of their materiality and actuality.

đi khi tiếp nhận cây; đến nay tôi vẫn lưu dưới kính, và chúng vẫn chưa có dấu hiệu "giải hình". Trước khi sự tạo thành hay hiện hình của cây kỳ diệu này, *Ixora Crocata*, diễn ra, Yolande đã mang cho tôi một bông hồng với cuống ngắn không quá một inch, tôi đặt vào ngực áo. Cảm thấy có gì đó đang diễn tiến, tôi rút ra và thấy đã có hai bông hồng. Tôi lại cài vào chỗ cũ, và khi rút ra lúc cuối buổi họp, điều làm tôi sững sờ là cuống đã dài ra tới bảy inch, có ba bông hồng nở to và một nụ, kèm vài gai. Tôi đem chúng về nhà và giữ đến khi tàn, lá rụng và cuống khô lại—một bằng chứng về tính vật chất và hiện thực của chúng.

We gather from further statements that this interesting present was made to Mr. Oxley in fulfilment of a promise, for it seems that he was making a collection of plants in order to demonstrate some theory, for which he needed a specimen of this particular kind, but had been unable to obtain it by any ordinary method. The remarkable point about the arrival of this plant is its gradual appearance. It is not brought as a whole and thrown down upon the table, as my fern was, but it is seen to be slowly increasing under the drapery, precisely as though it were really growing at a most abnormal rate; and even after it has been presented to Mr. Oxley it still continues this apparent growth, for it develops a flower during the singing.

Từ những lời thuật tiếp theo, chúng ta hiểu món quà thú vị này được trao cho Ông Oxley để thực hiện một lời hứa, vì có vẻ Ông đang sưu tầm các loài cây để chứng minh một học thuyết, và Ông cần một mẫu của loài đặc biệt này, nhưng không thể có được bằng bất kỳ phương cách thông thường nào. Điều đáng chú ý nơi sự xuất hiện của cây này là vẻ xuất hiện dần dần của nó. Nó không được mang đến trọn vẹn và ném xuống bàn như cây dương xỉ của tôi, mà được thấy là tăng trưởng chậm rãi dưới tấm khăn choàng, chính xác như thể nó thực sự đang "mọc" với tốc độ cực kỳ bất thường; và ngay cả sau khi đã được trao cho Ông Oxley, nó vẫn tiếp tục "mọc" thêm, vì trong lúc chúng tôi hát nó đã nở ra một bông hoa.

It seems, however, evident that this apparent growth is not really anything of the kind, since the plant is seen on examination to be clearly several years old; so we are driven to the conclusion that the plant was, as it were, brought over in sections and built up

Tuy nhiên, có vẻ hiển nhiên rằng sự "mọc" đó không thực sự là sự sinh trưởng theo nghĩa đen, vì khi xem xét, cây rõ ràng đã có nhiều năm tuổi; bởi vậy chúng ta buộc phải kết luận rằng cây đã được, như thể, mang tới thành từng phần và được ráp dựng dần dần. Nếu một

gradually. If a living plant can be dematerialized and put together again without damaging it permanently, it may just as easily be taken to pieces bit by bit as pulverized at one blow by a mightier effort of will; indeed, one can see that the former might be the simpler process, demanding less expenditure of force. It may quite conceivably not have been within the power of those who were assisting Yolande to bring the entire vegetable at one fell swoop, and it may therefore have been absolutely necessary to make several journeys for it. It would appear that they first arranged the roots in the sand, disposing them with care exactly as they had naturally grown, and then gradually added the rest of the plant, bringing the flower over later with dramatic effect as the crowning glory of the experiment.

cây sống có thể giải hình và ráp lại mà không bị hư hại vĩnh viễn, thì nó cũng có thể dễ dàng được tháo rời từng chút một như bị nghiền nát trong một cú bằng một nỗ lực ý chí lớn hơn; thực tế, người ta có thể thấy cách thứ nhất có lẽ đơn giản hơn, đòi hỏi ít hao tổn lực hơn. Hoàn toàn có thể những vị trợ giúp Yolande đã không đủ năng lực để mang cả cây trong một lần duy nhất, và vì vậy buộc phải thực hiện vài chuyến đi. Có vẻ họ đã sắp xếp rễ trước trong lớp cát, đặt chúng cẩn thận đúng như cách chúng vốn mọc tự nhiên, rồi dần dần thêm các phần còn lại của cây, mang bông hoa tới sau cùng với hiệu ứng kịch tính như là đỉnh điểm của thí nghiệm.

It may be that the apparently rapid growth of the mango-tree in the celebrated Indian feat of magic is managed in this same manner, by successive acts of disintegration and reintegration, instead of by enormously hastening the ordinary processes of development, as is usually suggested. Clearly, as the author remarks, it could not have been thrust into the bottle, but particle by particle had been carefully arranged in the proper place among the damp sand. The operation must have been difficult and delicate, and we can hardly wonder that Yolande regarded the eventual result with considerable pride.

Rất có thể việc "mọc nhanh" bề ngoài của cây xoài trong tiết mục huyền thuật nổi tiếng ở Ấn Độ cũng được thực hiện theo cùng cách, bằng những hành vi liên tiếp của phân rã và tái kết hợp, thay vì bằng việc đẩy nhanh cực độ các tiến trình phát triển thông thường như người ta vẫn hay nghĩ. Rõ ràng, như tác giả nhận xét, cây không thể đã bị nhét vào bình, mà từng hạt từng phần tử đã được sắp xếp cẩn thận đúng chỗ trong lớp cát ẩm. Hoạt tác này hẳn là khó và tinh tế, và thật không lạ khi Yolande xem kết quả cuối cùng với niềm tự hào lớn.

Mr. Oxley seems to have regarded the plant as a temporary materialization, and expected that it would disappear in due course; but it is quite evident that it was definitely a case of apport, and that the gift was intended to remain, as indeed it did until its death—which, however, may quite possibly have been accelerated by its abrupt removal from warmer climes to the inclement latitude of

Ông Oxley dường như xem cây như một sự hiện hình tạm thời, và chờ đợi rằng nó sẽ biến mất theo thời gian; nhưng hoàn toàn hiển nhiên đây là một trường hợp chuyển vật từ xa, và món quà được định là sẽ ở lại, thực tế là cho đến khi nó chết—mặc dù, điều này cũng có thể được đẩy nhanh do nó bị chuyển đột ngột từ khí hậu ấm áp về vĩ độ khắc nghiệt của Anh. Tấm ảnh chụp cây trong bình được in lại như

England. The photograph taken of the plant in the bottle is reproduced as one of the illustrations in the book from which this account is extracted. It seems clear that the rose to which Mr. Oxley refers must also have been brought piecemeal in the same way, since it would obviously be impossible for a cut flower to grow in the way which he describes.

một trong các minh họa trong cuốn sách trích từ đó bản tường thuật này. Có vẻ rõ ràng rằng bông hồng mà Ông Oxley nhắc đến cũng đã được mang đến từng phần theo cùng cách, vì hiển nhiên không thể nào một bông hoa đã bị cắt lại có thể "mọc" như Ông mô tả.

In the same book, at p. 326, we find an account of a still more wonderful achievement of the same nature on the part of Yolande. In this case there is the additional and interesting complication that the plant was only borrowed, and had to be returned.

Trong cùng cuốn sách, ở tr. 326, chúng ta thấy một tường thuật về một thành tựu còn kỳ diệu hơn cùng loại do Yolande thực hiện. Trong trường hợp này còn có một tình tiết bổ sung thú vị là cây chỉ được mượn, và phải đem trả.

Yolande, with the assistance of Mr. Aksakof, had mixed sand and loam in the flower-pot, and she had covered it with her veil, as she had done in the case of the water-bottle in England when the *Ixora Crocata* was grown.

Yolande, với sự trợ giúp của Ông Aksakof, đã trộn cát và đất mùn trong chậu hoa, và Bà đã phủ lên chiếc khăn choàng của mình, giống như ở Anh khi *Ixora Crocata* được "trồng" trong bình nước.

The white drapery was seen to rise slowly but steadily, widening out as it grew higher and higher. Yolande stood by and manipulated the gossamer-like covering till it reached a height far above her head, when she carefully removed it, disclosing a tall plant bowed with a mass of heavy blossom, which emitted the strong sweet scent of which I had complained.

Tấm khăn trắng được thấy từ từ nâng lên nhưng vẫn vững vàng, loe ra khi nó vươn cao dần. Yolande đứng bên và điều chỉnh lớp phủ mỏng như sương cho tới khi nó đạt tới độ cao vượt hẳn đầu Bà, lúc ấy Bà cẩn thận gỡ nó ra, để lộ một cây cao oằn xuống bởi một chùm hoa nặng trĩu, tỏa ra mùi hương ngọt đậm mà trước đó tôi đã phàn nàn.

Notes were taken of its size, and it was found to be seven feet in length from root to point, or about a foot and a half taller than myself. Even when bent by the weight of the eleven large blossoms it bore, it was taller than I. The flowers were very perfect, measuring eight inches in diameter; five were fully blown, three were just opening and three in bud, all without spot or blemish, and damp with dew. It was most lovely, but somehow the scent of lilies since that evening has always made me feel faint.

Người ta ghi chú kích thước của cây, và thấy rằng nó dài bảy bộ từ gốc tới ngọn, tức cao hơn tôi khoảng một bộ rưỡi. Dù bị đè cong bởi sức nặng của mười một bông lớn mà nó mang, nó vẫn cao hơn tôi. Các bông hoa rất hoàn hảo, đường kính tám inch; năm bông nở hoàn toàn, ba bông đang hé, và ba bông còn là nụ, tất cả không tì vết và còn đẫm sương. Nó đẹp tuyệt trần, nhưng từ tối hôm ấy, không hiểu sao hương hoa ly luôn khiến tôi cảm thấy lảo đảo.

Yolande seemed very pleased with her success and told us that if we wanted to photograph the lily we were to do so, as she must take it away again. She stood beside it and Mr. Boutlerof photographed it and her twice.

Yolande có vẻ rất hài lòng với thành công của mình và nói rằng nếu chúng tôi muốn chụp ảnh bông ly thì hãy làm đi, vì Bà phải mang nó đi. Bà đứng bên nó và Ông Boutlerof chụp nó và Bà hai lần.

The plant was a *Lilium auratum,* the golden-rayed lily of Japan, and the date of this very interesting seance was June 28, 1890. The photographs mentioned are reproduced in the book, and show a fine specimen of the plant.

Cây ấy là một *Lilium auratum*, tức hoa ly tia vàng của Nhật, và ngày của buổi gọi hồn rất thú vị này là 28 tháng 6, 1890. Những bức ảnh được nhắc tới được in lại trong sách, cho thấy một mẫu cây rất đẹp.

A curious feature of the account is that the materialized figure Yolande became anxious about the affair because, having apparently borrowed this giant lily, she found herself unable to return it at the proper time. The available power seems to have been exhausted in the effort of bringing it, so that when she tried to take it back again she failed. She appears to have been much distressed at her inability to keep her promise, and begged that every care might be taken of the plant. Her physical friends did all that they could for it, but it seems (and no wonder) to have languished somewhat. The weather, too, proved unfavourable for her purposes, and it was nearly a week before she finally succeeded in restoring it to its original owner, whoever he may have been. One would like to hear the other side of this story—the surprise and regret at the mysterious disappearance from somebody's garden or conservatory of so magnificent a specimen, and their equal but much pleasanter astonishment over its inexplicable reappearance a week later, when probably all hope of tracing the thieves had been abandoned!

Một nét lạ của câu chuyện là hình tướng đã hiện hình Yolande trở nên lo lắng vì, dường như đã "mượn" bông ly khổng lồ này, Bà lại không thể hoàn trả đúng hạn. Nguồn lực khả dụng dường như đã cạn kiệt trong nỗ lực mang nó đến, nên khi Bà cố đưa nó trở lại thì thất bại. Bà tỏ ra rất khổ tâm vì không thể giữ lời hứa, và nài nỉ rằng hãy chăm sóc cây hết mực. Những người bạn nơi cõi vật chất của Bà đã làm tất cả những gì có thể, nhưng có vẻ (mà cũng dễ hiểu) nó đã phần nào héo úa. Thời tiết cũng không thuận cho mục đích của Bà, và mãi gần một tuần sau Bà mới rốt cuộc đưa nó trở về với chủ ban đầu, dù đó là ai. Người ta muốn được nghe nửa kia của câu chuyện—nỗi ngạc nhiên và tiếc rẻ khi một mẫu cây tráng lệ như thế biến mất một cách bí ẩn khỏi vườn hay nhà kính của ai đó, và rồi sự ngỡ ngàng dễ chịu không kém khi nó lại xuất hiện không thể giải thích một tuần sau, có lẽ đúng lúc mọi hy vọng lần ra kẻ trộm đã bị bỏ cuộc!

The question of the influence of weather on the production of psychic phenomena is one of considerable interest. It is evident that electrical disturbances of any sort present difficulties in the way of attempts at either

Vấn đề ảnh hưởng của thời tiết đối với việc tạo ra các hiện tượng thông linh là một điều đáng quan tâm. Hiển nhiên những nhiễu loạn điện nào đó gây khó khăn cho các nỗ lực hiện hình hoặc phân rã, có lẽ vì cùng lý do mà ánh sáng

materialization or disintegration, presumably for the same reason that bright light renders them almost impossible—the destructive effect of strong vibration. It is quite conceivable that while the air was full of strong electrical vibrations Yolande may have found it impossible safely to carry her disintegrated vegetable matter from one place to another, lest it should be so shaken up and disarranged that restoration to its original form might become difficult or impracticable.

mạnh khiến chúng gần như bất khả—tác dụng hủy hoại của rung động mạnh. Hoàn toàn có thể khi bầu không khí đầy những rung động điện mạnh, Yolande có thể đã thấy không thể an toàn mang khối vật chất thực vật đã phân rã của mình từ nơi này sang nơi khác, e rằng nó bị xáo trộn và rối loạn đến mức khó hoặc không thể phục nguyên hình dạng ban đầu.

In many cases of the apport of objects from a distance the fourth-dimensional method is obviously easiest, though in these efforts of Yolande's it would seem from the gradual growth of the plant that it was not employed. But there are many instances of which it offers the neatest and readiest explanation. There are nearly always several ways in which almost any phenomenon can be produced, and it is often not easy to determine merely from a written account which of them was actually employed in a given case.

Trong nhiều trường hợp chuyển vật từ xa, phương pháp thuộc chiều thứ tư rõ ràng là dễ nhất, dù trong những nỗ lực của Yolande dường như nó không được dùng, xét từ sự "tăng trưởng" dần dần của cây. Nhưng có nhiều trường hợp mà nó đưa ra lời giải thích gọn ghẽ và sẵn nhất. Hầu như luôn có vài cách để sản xuất bất kỳ hiện tượng nào, và thường không dễ để chỉ từ một bản tường thuật chữ nghĩa mà xác định được cách nào đã thực sự được sử dụng trong một trường hợp đã cho.

Another instance either of the passage of matter through matter, or of the employment of fourth-dimensional power, is given when a solid iron ring too small to go over the hand is passed on to one's wrist. This has three times been done to me, and in each case I had to trust to our dead friends for its removal, since it would have been quite impossible to get it off by any physical means except filing. I have also again and again had the back of a chair hung over my arm while I was grasping the hand of the medium. Once I watched that process in a moderately good light, and though the phenomenon was quickly performed it yet seemed to me that I saw part of the back of the chair fade into a sort of mist as it approached my arm. But in a moment it had passed round or through my arm and was again solid as ever.

Một ví dụ khác về hoặc là sự xuyên thấu của vật chất qua vật chất, hoặc là việc sử dụng năng lực chiều thứ tư, là khi một vòng sắt đặc quá nhỏ để lồng qua bàn tay lại được xỏ vào cổ tay. Điều này đã được thực hiện với tôi ba lần, và mỗi lần tôi đều phải trông nhờ các bạn đã khuất để tháo nó ra, vì bằng bất kỳ phương tiện vật lý nào khác ngoài mài giũa đều hoàn toàn bất khả. Tôi cũng đã không biết bao lần bị treo tựa lưng ghế vào tay trong khi tôi đang nắm tay đồng tử. Một lần, tôi đã quan sát tiến trình đó trong ánh sáng tương đối tốt, và dẫu hiện tượng diễn ra nhanh chóng, tôi vẫn cảm giác như thấy một phần lưng ghế nhạt đi thành một thứ sương mù khi nó tiến sát cánh tay tôi. Nhưng chỉ trong khoảnh khắc, nó đã vòng qua hoặc xuyên qua tay tôi và lại rắn chắc như thường.

A much rarer phenomenon at a seance, so far as my experience goes, is that of reduplication. When it does occur, this is produced simply by forming a perfect mental image of the object to be copied, and then gathering about it the necessary astral and physical matter. For this purpose it is needful that every particle, interior as well as exterior, of the object to be duplicated should be held accurately in view simultaneously, and consequently the phenomenon is one which requires considerable power of concentration to perform. Persons unable to extract the matter required directly from the surrounding ether have sometimes taken it from the material of the original article, which in this case would be correspondingly reduced in weight.

Một hiện tượng hiếm hơn nhiều trong buổi gọi hồn, theo kinh nghiệm của tôi, là sự nhân đôi. Khi nó xảy ra, nó đơn giản được tạo ra bằng cách hình thành một hình ảnh tinh thần hoàn hảo của vật thể cần sao, rồi gom quanh nó vật chất cảm dục và vật chất hồng trần cần thiết. Vì mục đích này, cần nắm giữ chính xác trong trường nhìn đồng thời từng phần tử, cả bên trong lẫn bên ngoài, của vật thể cần nhân đôi, và vì vậy hiện tượng này đòi hỏi một năng lực tập trung đáng kể để thực hiện. Những người không thể trích rút vật chất cần thiết trực tiếp từ dĩ thái chung quanh đôi khi đã lấy nó từ vật liệu của vật gốc, và trong trường hợp đó, vật gốc sẽ giảm trọng lượng tương ứng.

A Fiery Test—Một Thử Lửa

Another striking but not very common feat displayed occasionally at a seance is that of handling fire unharmed. On one occasion at a seance in London a materialized form deliberately put his hand into the midst of a brightly burning fire, picked out a lump of red-hot coal nearly as large as a tennis-ball, and held it out to me, saying quickly: “Take it in your hand.”

Một tiết mục nổi bật nhưng không quá phổ biến đôi khi được phô diễn trong buổi gọi hồn là cầm lửa mà không hề hấn. Có lần tại một buổi gọi hồn ở Luân Đôn, một hình tướng đã hiện hình cố ý đưa tay vào giữa đống lửa đang cháy rực, nhặt ra một cục than đỏ gần lớn bằng một quả bóng quần vợt, và đưa cho tôi, nói nhanh: “Hãy cầm nó trên tay.”

I hesitated for a moment, perhaps not unnaturally, but an impatient movement on the part of the dead man decided me. I felt that he probably knew what he was about, that this was perhaps a unique opportunity, and that if it burnt me I could drop it before much harm was done. So I held out my hand and the glowing mass was promptly deposited in my palm. I can testify that I felt not even the slightest warmth from it, though when the dead man immediately took a sheet of paper from the mantelpiece and applied it to the coal, the paper blazed up in a moment. I held this lump of coal for a minute and a half,

Tôi lưỡng lự một lát, có lẽ cũng không phải vô cớ, nhưng một cử chỉ thiếu kiên nhẫn của người đã khuất khiến tôi quyết định. Tôi nghĩ rằng ắt hẳn Ông biết mình đang làm gì, rằng đây có lẽ là một cơ hội độc nhất, và nếu bị bỏng tôi có thể thả nó trước khi bị hại nhiều. Vì vậy tôi đưa tay ra và khối than đang rực sáng lập tức được đặt lên lòng bàn tay tôi. Tôi có thể làm chứng là tôi không cảm thấy chút hơi ấm nào, dù ngay sau đó người đã khuất lấy một tờ giấy ở trên lò sưởi áp vào cục than, và tờ giấy bùng cháy trong chớp mắt. Tôi giữ cục than ấy trong một phút rưỡi, khi nó nhanh chóng xỉn dần, Ông ra hiệu cho tôi ném nó trở lại vào lửa.

when, as it was rapidly growing dull, he motioned to me to throw it back into the fire. Not the slightest mark or redness remained upon my hand—nothing but a little ash—nor was there any smell of burning.

Không hề có vết tích hay dấu đỏ nào còn lại trên tay tôi—chỉ chút tro—cũng không có mùi khét.

Now how was this done? I could not in the least understand at the time, and could get no intelligible theory out of the presiding entities. I know now from later occult studies that the thinnest layer of etheric substance can be so manipulated as to make it absolutely impervious to heat, and I assume that probably my hand was for the moment covered with such a layer, since that is perhaps the easiest way of producing the result. Be that as it may, I can certify that the event occurred exactly as described.

Vậy việc này được làm thế nào? Lúc ấy tôi không hiểu chút nào, và cũng không thể rút ra một thuyết giải thích nào rõ ràng từ các thực thể chủ trì. Nay, nhờ những học tập huyền bí sau này, tôi biết rằng một lớp chất dĩ thái mỏng nhất cũng có thể được thao tác sao cho hoàn toàn bất khả thấu nhiệt, và tôi cho rằng bàn tay tôi có lẽ tạm thời đã được phủ bằng một lớp như vậy, vì đó có lẽ là cách dễ nhất để tạo ra kết quả. Dù sao đi nữa, tôi có thể xác chứng rằng sự việc đã diễn ra đúng như mô tả.

It is within the resources of the astral plane to produce fire as well as to counteract its effect. I have seen this done only once myself, and then as a special "test" to prove that spontaneous combustion was a possibility, but from the accounts given by Mr. Morell Theobald in *Spirit Workers in the Home Circle* it would appear that with him the phenomenon was quite ordinary. The deceased members of his household seem to have taken almost as great a part in its work as the living members did, and to light the family fires spontaneously was one of the least of their achievements. Their action in this respect is said to have been paralleled on several occasions in Scotland by the brownies, a variety of nature-spirits or fairies, but I have not at hand the particulars of any case for quotation.

Trong phạm vi nguồn lực của cõi cảm dục còn có khả năng tạo lửa cũng như hóa giải tác động của nó. Bản thân tôi chỉ thấy việc này một lần, và đó là như một "thử nghiệm" đặc biệt để chứng minh rằng sự bốc cháy tự phát là có thể, nhưng theo những tường thuật của Ông Morell Theobald trong *Spirit Workers in the Home Circle* thì với Ông hiện tượng này khá thường. Những thành viên đã khuất trong gia đình Ông dường như tham gia vào công việc của gia đình gần như nhiều như những người sống, và việc tự phát nhóm lửa gia đình là một trong những thành tựu nhỏ nhất của họ. Hành động của họ ở phương diện này được nói là đã có những trường hợp tương tự tại Scotland bởi các brownie, một giống tinh linh thiên nhiên hay tiên, nhưng tôi không có sẵn chi tiết của trường hợp nào để trích dẫn.

The Production Of Fire—Sự Tạo Lửa

My own experience in this line was at a seance in England. We were directed by raps to procure a large flat dish, place it in the middle

Kinh nghiệm riêng của tôi trong lĩnh vực này là tại một buổi gọi hồn ở Anh. Chúng tôi được ra hiệu bằng tiếng gõ chuẩn bị một cái đĩa

of the table and make in it a little pile of shavings and of the fragments of a cigar box. We obeyed, and were then directed to turn out the lights and sing. We sat solemnly round the table holding hands and singing in total darkness for what seemed at least half an hour, though it may have been less than that in reality. Towards the end of that time a curious dull red glow showed itself in the heart of our loosely-built pile of wood, waxing and waning several times, but eventually bursting into flame. It is quite certain that none of us touched the pile or indeed could have touched it without the connivance of several others, sitting as we were; and it is also certain that the combustion commenced in a manner entirely precluding the idea of its being set in motion from outside by a match.

phẳng lớn, đặt giữa bàn và chất lên đó một đống nhỏ mạt gỗ và mảnh hộp xì gà. Chúng tôi làm theo, rồi được chỉ tắt đèn và hát. Chúng tôi nghiêm trang ngồi quanh bàn nắm tay nhau và hát trong bóng tối hoàn toàn trong khoảng thời gian mà có vẻ ít nhất là nửa tiếng, dù thực tế có thể ít hơn. Về cuối khoảng thời gian đó, một thứ ánh đỏ mờ lạ lùng xuất hiện trong lòng đống gỗ xếp lỏng lẻo của chúng tôi, lúc mạnh lúc yếu vài lần, rồi cuối cùng bùng lên thành lửa. Chắc chắn rằng không ai trong chúng tôi chạm vào đống gỗ, hay thực ra có thể chạm vào được nếu không có sự thông đồng của vài người khác, trong cách chúng tôi đang ngồi; và cũng chắc chắn rằng sự bốc cháy khởi phát theo một cách hoàn toàn loại trừ ý nghĩ rằng nó được châm từ bên ngoài bằng một que diêm.

I infer, since heat is after all simply a certain rate of vibration, that it is only necessary for the astral entities to set up and maintain that particular rate of vibration, and combustion must ensue; and this is most probably what was done. An obvious alternative would be to introduce fourth-dimensionally a tiny fragment of already glowing matter, (such as tinder, for example) and then blow upon it until it burst into flame; or again, chemical combinations which would produce combustion could easily be introduced. There are plenty of stories told in India about the way in which spontaneous fires break out in certain villages if the village deity is neglected, and does not receive his expected offerings; so it is evident that the production of fire presents no difficulty to an experienced entity functioning upon the astral plane.

Tôi suy ra rằng, vì nhiệt suy cho cùng chỉ là một tần suất rung động nhất định, nên chỉ cần các thực thể cảm dục thiết lập và duy trì tần suất rung động đặc thù đó là sự bốc cháy phải xảy ra; và rất có thể đó là điều đã được thực hiện. Một khả năng thay thế hiển nhiên là đưa theo cách thuộc chiều thứ tư vào một mảnh nhỏ chất đã đỏ rực (chẳng hạn mồi lửa), rồi thổi lên cho đến khi bùng cháy; hoặc nữa là có thể dễ dàng đưa vào những hợp chất hóa học tạo cháy. Ở Ấn Độ người ta kể không ít chuyện về việc lửa tự nhiên bùng phát tại một số ngôi làng nếu vị thần làng bị lơ là, không nhận được lễ vật mong đợi; vậy rõ ràng việc tạo lửa chẳng gây khó khăn nào cho một thực thể quen hoạt động trên cõi cảm dục.

CHAPTER IX—CHƯƠNG IX

VISIBLE MATERIALIZATIONS—CÁC HIỆN HÌNH NHÌN THẤY ĐƯỢC

Intangible Forms—Những Hình Tướng Phi Tiếp Xúc

We must consider now materializations of our second and third types—those which are visible, but not tangible, and in many cases manifestly diaphanous; and the full materializations, which seem in all respects indistinguishable for the time from persons still in the physical body. The second type is not uncommon, and though such materializations usually avoid coming within reach of the sitters I was on one occasion especially asked by a direct voice to pass my hand gently through a form of this nature. I can only say that my sense of touch detected absolutely nothing, though a distinctly visible, but semi-transparent form stood in front of me, smiling at my futile efforts. When I closed my eyes, I could not tell whether my hand was inside or outside the body which looked so perfect and so living. Forms of this nature are probably easier to construct than the more solid kind, for I have once or twice had startling evidence that one which appeared entirely solid was in reality so only in part. A hand which is strong enough to give a vigorous grasp is often joined to an arm which does not exist as far as the sense of touch is concerned, though appearing to the eye just as solid as the hand. Materializations of this second type are described by Sir William Crookes as follows, at p. 94 of his *Researches*.

Giờ chúng ta phải xét đến các hiện hình thuộc kiểu thứ hai và thứ ba—những hiện hình nhìn thấy được, nhưng không chạm được, và trong nhiều trường hợp rõ ràng là bán trong suốt; và những hiện hình hoàn toàn, dường như trên mọi phương diện không thể phân biệt trong thời gian đó với những người còn ở trong thể xác. Kiểu thứ hai không hiếm, và tuy những hiện hình như vậy thường tránh đến trong tầm tay của người ngồi, có một lần tôi được một tiếng nói trực tiếp yêu cầu đặc biệt đưa tay nhẹ nhàng xuyên qua một hình tướng thuộc loại này. Tôi chỉ có thể nói rằng xúc giác của tôi không hề ghi nhận được điều gì, dẫu trước mặt tôi là một hình tướng hiện rõ ràng, nhưng bán trong, đang mỉm cười trước nỗ lực vô ích của tôi. Khi tôi nhắm mắt lại, tôi không thể biết được tay mình đang ở trong hay ở ngoài "thân thể" trông hoàn hảo và sống động đến thế. Những hình tướng dạng này có lẽ dễ cấu tạo hơn loại đặc rắn hơn, vì tôi đã một hai lần có bằng chứng gây sửng sốt rằng một hình tướng trông hoàn toàn đặc rắn thực ra chỉ đặc một phần. Một bàn tay đủ mạnh để siết chặt đầy lực thường nối vào một cánh tay không tồn tại nếu xét theo xúc giác, dù nhìn bằng mắt nó đặc không khác gì bàn tay. Những hiện hình kiểu thứ hai này được Ngài William Crookes mô tả như sau, ở tr. 94 cuốn *Researches* của Ông.

In the dusk of the evening during a seance with Mr. Home at my house, the curtains of the window about eight feet from Mr. Home were seen to move. A dark, shadowy, semi-transparent form like that of a man was then

Trong bóng chạng vạng của buổi tối, trong một buổi gọi hồn với Ông Home tại nhà tôi, các rèm cửa sổ cách Ông Home chừng tám bộ được thấy chuyển động. Một hình tướng tối, như cái bóng, bán trong suốt, giống hình người, được

seen by all present standing near the window, waving the curtain with his hand. As we looked the form faded away and the curtain ceased to move. The following is a still more striking instance. As in the former case Mr. Home was the medium. A phantom form came from a corner of the room, took an accordion in his hand, and then glided about the room placing the instrument. The form was visible to all present for many minutes, Mr. Home also being seen at the same time. Coming rather close to a lady who was sitting apart from the rest of the company, she gave a slight cry, upon which it vanished.

mọi người có mặt thấy đang đứng gần cửa sổ, vẫy rèm bằng tay. Khi chúng tôi nhìn, hình tướng mờ dần và rèm ngừng đung đưa. Trường hợp sau đây còn ấn tượng hơn nữa. Cũng như trước, Ông Home làm đồng tử. Một hình bóng xuất hiện từ một góc phòng, cầm một chiếc đàn accordion trong tay, rồi lướt quanh phòng chơi nhạc. Hình tướng hiện rõ trước mắt tất cả mọi người trong nhiều phút, đồng thời Ông Home cũng được thấy. Khi lại gần một bà ngồi tách khỏi đám đông, Bà bật khẽ một tiếng, và ngay tức khắc hình bóng tan biến.

Mattes From The Medium—Chất Liệu Từ Nơi Đồng Tử

When materialization is performed for any reason by a living person thoroughly trained in the resources of the astral plane—one of the pupils of an Adept, for instance—he condenses the surrounding ether into the solid form, and builds in that way so much of a body as may be necessary without in any way interfering with any one else. But at a seance this is not usually done, and the simpler expedient is adopted of withdrawing a large amount of matter from the body of the medium. This matter may under favourable conditions be seen pouring out from his side in great wreaths of mist; in Mr. W. Eglinton's remarkable book, '*Twixt Two Worlds*, there will be found three interesting illustrations showing successive stages of the development of this mist, from its first faint appearance until the entranced medium is almost entirely hidden by wreaths like those of thick, heavy smoke.

Khi hiện hình vì bất kỳ lý do nào được một người sống thực hiện—người đã được huấn luyện thuần thục các nguồn lực của cõi cảm dục—chẳng hạn một môn đồ của một Chân sư—y sẽ làm đặc dĩ thái chung quanh thành hình thể rắn, và xây dựng theo cách đó phần thân thể cần thiết mà không hề gây ảnh hưởng đến bất kỳ ai khác. Nhưng trong một buổi gọi hồn, điều này thường không được làm, và người ta chọn biện pháp đơn giản hơn là rút một lượng lớn chất liệu từ chính thể của đồng tử. Trong điều kiện thuận lợi, có thể thấy chất này tuôn ra từ phía sườn của đồng tử thành những dải sương mù lớn; trong cuốn sách đáng chú ý của Ông W. Eglinton, ' *Twixt Two Worlds*, có ba minh họa thú vị cho thấy những giai đoạn kế tiếp của sự hình thành làn sương này, từ lúc nó mới lờ mờ xuất hiện cho đến khi đồng tử nhập định hầu như bị che phủ hoàn toàn bởi những làn như khói dày và nặng.

This mist rapidly condenses into a form—sometimes apparently into an exact double of the medium in the first place. I remember at a seance with the well-known medium, Mr. Cecil Husk, after a period of silent waiting, a

Làn sương này nhanh chóng cô đặc thành một hình tướng—đôi khi thoạt tiên dường như thành một bản sao y hệt của đồng tử. Tôi nhớ tại một buổi gọi hồn với đồng tử nổi tiếng, Ông Cecil Husk, sau một thời gian im lặng chờ đợi,

brilliant light suddenly blazed out, showing everything in the room quite clearly. The medium was crushed together in his chair—shrunk into himself in a most extraordinary way, apparently in a deep trance, and breathing stertorously; but just in front of him stood an exact duplicate of himself, alert and living, holding out in front of him in the palm of his hand an egg-shaped body, which was the source of the brilliant light. He stood thus for a few moments, and then in an instant the light went out, and the form addressed us in the well-known tones of one of the regular "guides"—showing how entirely he built himself out of the substance of the medium.

một luồng sáng rực rỡ bất ngờ bùng lên, soi rõ mọi thứ trong phòng. Đồng tử bị ép tụ lại trong ghế—co rút lại theo một cách lạ lùng chưa từng—dường như đang nhập định sâu và thở khò khè; nhưng ngay trước mặt Ông lại đứng một bản sao y hệt của chính Ông, tỉnh táo và sống động, đưa ra trước mặt trên lòng bàn tay một vật hình trứng, đó là nguồn của luồng sáng rực rỡ. Ông đứng như vậy vài khoảnh khắc, rồi trong chốc lát ánh sáng tắt, và hình tướng cất tiếng nói với chúng tôi bằng chất giọng quen thuộc của một trong các "vị hướng dẫn" thường xuyên—cho thấy rõ ràng Ông ta đã tự xây mình hoàn toàn bằng chất liệu của đồng tử.

There is no sort of doubt that it is not only etheric matter which is thus temporarily withdrawn from the medium's body, but also often dense solid and liquid matter, however difficult it may be for us to realize the possibility of such a transference. I have myself seen cases in which this phenomenon undoubtedly took place, and was evidenced by a considerable loss of weight in the medium's physical body, and also by a most curious and ghastly appearance of having shrivelled up and shrunk together, so that his tiny wizened-face was disappearing into the collar of his coat as he sat. The "guides" directing a seance rarely allow their medium to be seen when he is in this condition, and wisely, for it is indeed a terrible and unwholesome sight, so uncanny, so utterly inhuman that it would inevitably seriously frighten any nervous person.

Không còn nghi ngờ gì rằng không chỉ có chất liệu dĩ thái mới tạm thời bị rút khỏi thể của đồng tử theo cách ấy, mà thường cả chất rắn đậm đặc và chất lỏng nữa, dẫu đối với chúng ta việc một sự chuyển dịch như vậy có thể xảy ra nghe thật khó tin. Bản thân tôi đã thấy những trường hợp hiện tượng này chắc chắn diễn ra, được biểu hiện bằng sự sụt giảm đáng kể về trọng lượng của thể xác đồng tử, và cả bằng một vẻ ngoài rất lạ lùng và rợn người là như thể bị teo tóp và co rút lại, đến nỗi gương mặt nhỏ thô đét của Ông ta như đang biến mất vào trong cổ áo khi ngồi. Những "vị hướng dẫn" chỉ đạo một buổi gọi hồn hiếm khi cho phép đồng tử của họ được thấy khi ở trong trạng thái này, và khôn ngoan thay, vì đó thực là một cảnh tượng đáng sợ và không lành, quá dị thường, quá phi nhân đến mức hẳn sẽ khiến bất kỳ người yếu bóng vía nào kinh hãi thực sự.

In that manual of materializations, *People from the Other World* (p. 243), Colonel Olcott describes the manner in which he carefully weighed the materialized form which called itself Honto. At his first attempt this Red Indian girl weighed eighty-eight pounds, but

Trong cẩm nang về các sự hiện hình, *Những Người từ Thế Giới Bên Kia* (tr. 243), Đại tá Olcott mô tả cách ông cẩn trọng cân đo hình thể hiện hình tự xưng là Honto. Lần thử đầu, cô gái Da Đỏ này nặng tám mươi tám pao, nhưng theo yêu cầu của Đại tá, cô lập tức hạ cân nặng của

at the Colonel's request she promptly reduced herself to fifty-eight pounds, and then again increased to sixty-five, all within ten minutes, and without changing her dress. Nearly all this mass of physical matter must have been withdrawn from the body of the medium, who must consequently have lost proportionately.

mình xuống còn năm mươi tám pao, rồi lại tăng lên sáu mươi lăm, tất cả trong vòng mười phút, và không thay đổi y phục. Gần như toàn bộ khối chất hồng trần này hẳn đã được rút ra khỏi thân thể của đồng tử, người vì thế phải mất đi một phần tương ứng.

On p. 487 of the same book the Colonel tells us how he tested in the same way the materialized form of Katie Brink, who weighed at first seventy-seven pounds, and then reduced herself to fifty-nine and fifty-two, without affecting her outward appearance in any way. In this case we are confronted with the astonishing phenomenon of the total disappearance of the medium during the materialization, though the Colonel had secured her with sewing cotton, sealed with his own seal, in a peculiar and ingenious way which would absolutely prevent her from leaving her chair in any ordinary way without breaking the cotton. Nevertheless, when he was permitted during the seance to enter the cabinet, that chair was empty; and there was not only nothing to be seen, but also nothing to be felt, when he passed his hands all round the chair. Yet when the seance was over, the medium was found seated as before, half-fainting and utterly exhausted, but with cotton and seal intact! Most wonderful, truly; yet not unique; see *Un Cas de Dématerialisation*, by M. A. Aksakow.

Ở tr. 487 của cùng cuốn sách, Đại tá kể cho chúng ta cách ông thử nghiệm theo cùng một cách đối với hình thể hiện hình của Katie Brink, người lúc đầu nặng bảy mươi bảy pao, rồi giảm xuống năm mươi chín và năm mươi hai, mà không hề ảnh hưởng chút nào đến vẻ bề ngoài. Trong trường hợp này, chúng ta đối diện với hiện tượng kinh ngạc là sự biến mất hoàn toàn của đồng tử trong khi hiện hình, tuy Đại tá đã buộc cô ấy bằng chỉ khâu, niêm phong bằng chính ấn của ông, theo một cách đặc biệt và khéo léo đến mức chắc chắn tuyệt đối ngăn cô rời ghế theo bất kỳ cách thông thường nào mà không làm đứt chỉ. Thế nhưng, khi trong buổi gọi hồn ông được phép bước vào buồng, chiếc ghế ấy trống không; và không chỉ không nhìn thấy gì, mà cũng không sờ thấy gì khi ông đưa tay lần quanh chiếc ghế. Vậy mà khi buổi gọi hồn kết thúc, đồng tử lại được thấy ngồi như trước, nửa ngất xỉu và kiệt lực hoàn toàn, nhưng chỉ và ấn vẫn nguyên vẹn! Quả là kỳ diệu lắm thay; nhưng không phải là độc nhất; xem *Một Trường Hợp Phi vật chất hóa*, của Ông A. Aksakow.

This matter does not always flow out through the side only; sometimes it appears to ooze out from the whole surface of the body, drawn out by the powerful attraction or suction set up by the guides. Its flowing forth is thus described by Madame E. d'Espérance:

Chất liệu này không phải lúc nào cũng tuôn chảy ra chỉ từ phía bên hông; đôi khi nó dường như rịn ra từ toàn bộ bề mặt cơ thể, được kéo ra bởi lực hấp dẫn hay sự hút mạnh mẽ do các vị hướng dẫn thiết lập. Sự tuôn chảy của nó được Bà E. d'Espérance mô tả như sau:

Then began a strange sensation, which I had sometimes felt at séances. Frequently I have

Rồi bắt đầu một cảm giác lạ lùng, mà đôi khi tôi đã cảm thấy trong các buổi gọi hồn.

heard it described by others as of cobwebs being passed over the face, but to me, who watched it curiously, it seemed that I could feel fine threads being drawn out of the pores of my skin. *Shadowland* (p. 229).

Thường tôi nghe người khác mô tả như thể mạng nhện lướt qua mặt, nhưng với tôi, người quan sát nó một cách tò mò, thì dường như tôi có thể cảm được những sợi mảnh đang được kéo ra từ các lỗ chân lông trên da mình. *Vùng Bóng Mờ* (tr. 229).

Madame D'espérance—Madame D'espérance

Many mediums have written autobiographies, but I have met with none which impressed me so favourably as this of Madame d'Espérance. It is not only that it has about it an attractive ring of earnestness and truthfulness, but that the author seems far more closely and intelligently observant than most mediums have been, and more anxious to understand the real nature of the phenomena which occur in her presence.

Nhiều đồng tử đã viết tự truyện, nhưng tôi chưa gặp cuốn nào gây ấn tượng thuận lợi cho tôi như của Bà d'Espérance. Không chỉ vì nó có âm hưởng cuốn hút của sự mực thước và chân thành, mà còn vì tác giả dường như quan sát gần gũi và sáng suốt hơn đa số đồng tử, và khao khát hơn trong việc hiểu rõ bản chất thực sự của những hiện tượng xảy ra khi có sự hiện diện của Bà.

She takes a rational view of her abnormal faculty, and sets herself to study it with an earnest and loyal desire to arrive at the truth about it all. While heartily admiring the lady's courage and determination, one cannot but regret that it did not fall in her way to study Theosophical literature, which would have told her in the beginning every detail that she has slowly and in many cases painfully discovered, at the cost of much unnecessary suffering and anxiety. Her book begins with the pathetic story of a much-misunderstood childhood, and goes on to describe the years of mental struggle during which the medium slowly freed herself from the trammels of the narrowest orthodoxy. When her mediumship was fully developed it certainly seems to have been of a wonderful and varied character, and some of the instances given might well appear incredible to any one ignorant of the subject. I have myself, however, seen phenomena of the same nature as all those which she describes, and consequently I find no difficulty in admitting the possibility of all the strange

Bà có cái nhìn duy lý về năng lực bất thường của mình, và tự đặt ra việc nghiên cứu nó bằng một ước muốn nghiêm cẩn và trung thành nhằm đạt đến sự thật về tất cả điều đó. Trong khi chân thành khâm phục lòng can đảm và quyết tâm của vị phu nhân, người ta không khỏi tiếc rằng Bà đã không có dịp nghiên cứu văn liệu Thông Thiên Học, vốn ngay từ đầu đã có thể cho Bà biết từng chi tiết mà Bà đã chậm rãi và trong nhiều trường hợp phải nhọc nhằn mới khám phá ra, với cái giá là bao khổ sở và lo âu không cần thiết. Sách của Bà bắt đầu bằng câu chuyện cảm động về một thời thơ ấu bị hiểu lầm nhiều, rồi tiếp tục mô tả những năm tháng đấu tranh trí não trong đó đồng tử chậm rãi tự giải phóng mình khỏi những ràng buộc của loại chính thống chật hẹp nhất. Khi khả năng đồng tử của Bà phát triển đầy đủ thì hẳn đã trở nên kỳ diệu và phong phú, và một số trường hợp nêu ra có thể dễ dàng bị xem là không thể tin đối với bất kỳ ai chưa thông hiểu chủ đề này. Tuy nhiên, chính tôi đã từng thấy các hiện tượng cùng loại với tất cả những điều Bà mô tả, và do đó tôi không khó khăn gì khi

occurrences which she relates.

thừa nhận khả năng của mọi sự việc lạ lùng mà Bà thuật lại.

She realizes strongly and describes forcefully the exceedingly intimate relation which exists between the medium and the body materialized out of his vehicles. We are so entirely accustomed to identify ourselves with our bodies that it is a new and uncanny and almost a horrible sensation to find the body going through vivid and extraordinary experiences in which nevertheless its true owner has no part whatever. On p. 345 of her book above quoted she gives us a realistic description of the strangely unnatural situation in which a materializing medium must so often be placed; and I think that no one can read it without understanding how thoroughly undesirable, how utterly unhealthy on all planes and from all points of view such an experience must be.

Bà nhận thức mạnh mẽ và diễn tả đầy thuyết phục mối liên hệ cực kỳ mật thiết tồn tại giữa đồng tử và thân thể được kết tụ hiện hình ra từ các vận cụ của y. Chúng ta vốn quen hoàn toàn với việc đồng hóa mình với thân xác đến nỗi đó là một cảm giác mới mẻ, rờn rợn và gần như kinh hoàng khi thấy thân thể trải qua những kinh nghiệm sống động và dị thường trong đó, dẫu vậy, chủ nhân chân chính của nó lại hoàn toàn không dự phần. Ở tr. 345 của cuốn sách đã dẫn, Bà cho chúng ta một bức họa hiện thực về tình thế lạ kỳ và phi tự nhiên mà một đồng tử hiện hình thường phải rơi vào; và tôi nghĩ rằng không ai có thể đọc nó mà không hiểu được là trải nghiệm ấy bất hảo đến mức nào, bất lợi cho sức khỏe đến mức nào trên mọi cõi và từ mọi góc nhìn.

"Anna Or I?"—"Anna hay Tôi?"

Now comes another figure, shorter, slenderer, and with outstretched arms. Somebody rises up at the far end of the circle and comes forward, and the two are clasped in each other's arms. Then inarticulate cries of "Anna! O Anna! My child! My loved one!"

Giờ xuất hiện một dáng nữa, thấp hơn, mảnh mai hơn, và với đôi tay dang rộng. Ai đó đứng dậy ở đầu vòng tròn phía xa và bước tới, và hai người ôm chặt lấy nhau. Rồi những tiếng kêu không thành lời: "Anna! Ôi Anna! Con của mẹ! Người yêu dấu của ta!"

Then somebody else gets up and puts her arms round the figure; then sobs, cries, and blessings get mixed up. I feel my body swayed to and fro, and all gets dark before my eyes. I feel somebody's arms around me, although I sit on my chair alone. I feel somebody's heart beating against my breast. I feel that something is happening. No one is near me except the two children. No one is taking any notice of me. All eyes and thoughts seem concentrated on the white slender figure standing there with the arms of the two black-robed women around it.

Rồi một người khác đứng lên và choàng tay quanh hình dáng ấy; và rồi tiếng nức nở, tiếng khóc, và những lời chúc phúc trộn lẫn. Tôi cảm thấy thân mình bị đong đưa tới lui, và mọi thứ tối sầm trước mắt. Tôi cảm thấy vòng tay của ai đó quanh tôi, mặc dù tôi ngồi một mình trên ghế. Tôi cảm thấy trái tim ai đó đang đập vào ngực mình. Tôi cảm thấy có điều gì đang diễn ra. Chẳng ai ở gần tôi ngoại trừ hai đứa trẻ. Chẳng ai để ý đến tôi. Mọi ánh mắt và ý nghĩ dường như tập trung vào dáng hình mảnh mai trắng muốt đang đứng kia với vòng tay của hai người phụ nữ khoác áo đen ôm lấy.

It must be my own heart I feel beating so distinctly. Yet those arms round me? Surely never did I feel a touch so plainly. I begin to wonder which is I. Am I the white figure, or am I that on the chair? Are they my hands round the old lady's neck, or are these mine that are lying on the knees of me, or on the knees of the figure, if it be not I, on the chair?

Hẳn là chính tim tôi mà tôi cảm thấy đập rõ đến vậy. Thế nhưng những cánh tay kia ôm lấy tôi? Chắc chắn chưa bao giờ tôi cảm thấy xúc chạm nào rõ ràng đến thế. Tôi bắt đầu tự hỏi đâu là tôi. Tôi là dáng hình trắng ấy, hay tôi là kẻ đang ngồi trên ghế? Đó có phải là tay tôi đang ôm cổ bà lão, hay đây mới là tay tôi, đang đặt trên đầu gối tôi, hay trên đầu gối của dáng hình kia, nếu đó không phải là tôi, đang ngồi trên ghế?

Certainly they are my lips that are being kissed. It is my face that is wet with the tears which these good women are shedding so plentifully. Yet how can it be? It is a horrible feeling, thus losing hold of one's identity. I long to put out one of these hands that are lying so helplessly, and touch some one just to know if I am myself or only a dream—if "Anna" be I, and I am lost, as it were, in her identity.

Chắc chắn đó là môi tôi đang được hôn. Chính mặt tôi ướt đẫm vì những giọt lệ mà các bà tốt bụng này đang tuôn rơi thật dồi dào. Vậy mà sao có thể như thế? Thật là một cảm giác kinh hoàng, như thế mất chỗ bấu víu vào căn tính của chính mình. Tôi ước ao đưa một trong hai bàn tay đang nằm bất lực này ra, chạm vào ai đó chỉ để biết liệu tôi có còn là chính mình hay chỉ là một giấc mơ—liệu "Anna" có phải là tôi, và tôi như bị tan biến trong căn tính của cô ấy.

I feel the old Lady's trembling arms, the kisses, the tears, the blessings and caresses of the sister, and I wonder in the agony of suspense and bewilderment, how long can it last? How long will there be two of us? Which will it be in the end? Shall I be "Anna" or "Anna" be I?

Tôi cảm thấy vòng tay run rẩy của bà lão, những nụ hôn, những giọt lệ, những lời chúc phúc và vuốt ve của người chị, và tôi tự hỏi trong nỗi dày vò của chờ đợi và bối rối, nó có thể kéo dài bao lâu? Còn bao lâu nữa sẽ có hai chúng tôi? Rốt cuộc rồi sẽ là ai? Tôi sẽ thành "Anna" hay "Anna" sẽ là tôi?

Then I feel two little hands slip themselves into my nerveless hands, and they give me a fresh hold of myself, as it were, and with a feeling of exultation I find I am myself, and that little Jonte, tired of being hidden behind the three figures, feels lonely and grasps my hands for company and comfort.

Rồi tôi cảm thấy hai bàn tay bé nhỏ lách vào đôi tay bủn rủn của mình, và chúng như trao cho tôi một điểm bấu víu mới vào chính mình, và với một cảm giác hân hoan tôi nhận ra tôi vẫn là tôi, và cậu bé Jonte nhỏ xíu, chán bị trốn sau ba dáng hình, thấy cô đơn và nắm tay tôi để tìm bạn đồng hành và an ủi.

How glad I am of the touch, even from the hand of a child! My doubts as to who I am are gone. While I am feeling thus the white figure of "Anna" disappears in the cabinet, and the two ladies return to their seats, excited and tearful, but overcome with happiness.

Ôi tôi mừng biết bao với cái chạm ấy, dẫu từ bàn tay của một đứa trẻ! Mối nghi ngờ tôi là ai đã tan biến. Trong lúc tôi đang cảm thấy như thế thì dáng trắng "Anna" biến vào trong buồng, và hai bà trở về chỗ ngồi, xúc động và rơi lệ, nhưng tràn ngập hạnh phúc.

There was a great deal more to happen that night, but somehow I felt weak and indifferent to all around me, and not inclined to be interested in what occurred. Strange and remarkable incidents took place, but for the moment my life seemed dragged out of me and I longed for solitude and rest.

Đêm ấy còn nhiều việc phải xảy ra nữa, nhưng bằng cách nào đó tôi thấy yếu ớt và dửng dưng với mọi thứ xung quanh, và không có hứng thú với những gì diễn ra. Những sự kiện lạ lùng và đáng chú ý đã xảy đến, nhưng trong khoảnh khắc ấy dường như sự sống bị rút khỏi tôi và tôi khao khát cô tịch và nghỉ ngơi.

This feeling of lassitude and of having the life dragged out of them is naturally terribly common among mediums. Sir William Crookes remarks on p. 41 of his *Researches:*

Cảm giác uể oải và như bị rút cạn sự sống này tự nhiên là vô cùng phổ biến ở các đồng tử. Ngài William Crookes nhận xét ở tr. 41 của *Nghiên cứu:*

After witnessing the painful state of nervous and bodily prostration in which some of these experiments have left Mr. Home—after seeing him lying in an almost fainting condition on the floor, pale and speechless—I could scarcely doubt that the evolution of psychic force is accompanied by a corresponding drain on vital force.

Sau khi chứng kiến tình trạng suy sụp đau đớn về thần kinh và thể xác mà một số thí nghiệm này đã gây cho Ông Home—sau khi thấy ông nằm trên sàn trong trạng thái gần như ngất lịm, tái nhợt và không thể nói—tôi hầu như không thể nghi ngờ rằng sự phát lộ lực tâm linh đi kèm với một sự tiêu hao tương ứng vào sinh lực.

This entirely agrees with my own experience; I have frequently seen a medium absolutely prostrate after a seance, and I fear that many of them fancy themselves compelled to resort to alcoholic stimulants in order to recover from the terrible drain upon their strength. So much of their vitality necessarily goes into the materialized form, and the disturbance to the system is so serious, that after the seance is over, they are in a condition closely resembling the shock which follows a surgical operation. And no wonder; for that would indeed be a terrible surgical operation which removed forty to eighty pounds of matter from the body, and then restored it again.

Điều này hoàn toàn phù hợp với kinh nghiệm của riêng tôi; tôi đã nhiều lần thấy một đồng tử kiệt lực hoàn toàn sau một buổi gọi hồn, và tôi e rằng nhiều người trong số họ tự cho là bị buộc phải nhờ đến các chất kích thích có cồn để phục hồi sau sự tiêu hao khủng khiếp đối với sức lực của mình. Rất nhiều sinh lực của họ tất yếu đi vào hình thể hiện hình, và sự xáo trộn đối với hệ thống thân thể nghiêm trọng đến mức, sau khi buổi gọi hồn kết thúc, họ ở trong tình trạng rất giống cú sốc sau một ca phẫu thuật. Và thật chẳng có gì lạ; vì đó hẳn sẽ là một cuộc "phẫu thuật" ghê gớm nếu người ta lấy ra khỏi thân thể bốn mươi đến tám mươi pao vật chất, rồi lại hoàn nguyên nó trở lại như cũ.

On the curious connection between the medium and the materialized form, Madame d'Espérance writes as follows as to the relation between herself and Yolande:

Về mối liên hệ lạ lùng giữa đồng tử và hình thể hiện hình, Bà d'Espérance viết như sau về mối quan hệ giữa chính Bà và Yolande:

There seemed to exist a strange link between us. I could do nothing to ensure her appearance amongst us. She came and went, so far as I am aware, entirely independent of my will, but when she had come, she was, I found, dependent on me for her brief material existence. I seemed to lose, not my individuality, but my strength and power of exertion, and though I did not then know it, a great portion of my material substance. I felt that in some way I was changed, but the effort to think logically in some mysterious way affected Yolande, and made her weak. (*Shadowland*, p. 271.)

Dường như có một sợi dây lạ lùng tồn tại giữa chúng tôi. Tôi không thể làm gì để bảo đảm cô ấy xuất hiện giữa chúng tôi. Cô đến rồi đi, theo như tôi biết, hoàn toàn độc lập với ý chí của tôi, nhưng khi cô đã đến, tôi thấy rằng cô lệ thuộc vào tôi cho sự tồn tại vật chất ngắn ngủi của cô. Tôi dường như mất đi, không phải căn tính, mà là sức mạnh và năng lực hoạt động, và dù lúc đó tôi chưa biết, thì còn là một phần lớn chất liệu hồng trần của tôi nữa. Tôi cảm thấy bằng cách nào đó tôi đã bị thay đổi, nhưng nỗ lực tư duy mạch lạc lại bằng một cách huyền bí nào đó tác động đến Yolande, và khiến cô yếu đi. (*Vùng Bóng Mờ*, tr. 271.)

The medium is conscious of her own individuality in the background all the time; but any attempt to assert it, or to think connectedly, immediately weakens the form, or brings it back to the cabinet. And this is natural, for to think logically means to set up chemical action—to produce oxidation of the phosphorus of the brain; whereas it is only under conditions of perfect passivity in the physical vehicle that so much matter can be spared from it without danger to life. As a matter of fact, there is always a possibility of such danger; and in case of sudden shock or disturbance it may come terribly near realization. It is for that reason that the attempt of the ignorant and boastful sceptic to seize the "spirit form" is so criminal as well as so brainless an action; and the person whose colossal stupidity leads him to commit such an atrocity runs a serious risk of occupying the position of defendant in a trial for murder. Beings at that level of intelligence ought not to be permitted to take part in experiments of a delicate nature. What harm may be done by this dangerous variety of the genus blockhead is shown by the following extract from the experiences of Madame d'Espérance, given

Đồng tử ý thức về căn tính riêng của mình ở hậu trường suốt thời gian; nhưng bất kỳ nỗ lực nào nhằm khẳng định nó, hay tư duy có mạch lạc, lập tức làm yếu hình thể, hoặc kéo nó trở lại buồng. Và điều này là tự nhiên, vì tư duy mạch lạc có nghĩa là khởi phát phản ứng hóa học—tạo ra quá trình oxy hóa phốt pho của bộ não; trong khi chỉ trong điều kiện thụ động hoàn toàn nơi vận cụ hồng trần thì mới có thể tách bấy nhiêu chất liệu ra khỏi nó mà không nguy hiểm đến sự sống. Thực tế, luôn luôn có khả năng nguy hiểm như vậy; và trong trường hợp bị sốc hay rối loạn đột ngột, điều đó có thể tiến rất gần đến sự hiện thực khủng khiếp. Chính vì lẽ đó mà việc kẻ hoài nghi ngu dốt và khoác lác tìm cách chộp lấy "hình thể linh hồn" là hành động vừa tội lỗi vừa ngu xuẩn; và người có sự ngu ngốc khổng lồ đến mức dám gây ra một tội ác như vậy thì có nguy cơ nghiêm trọng phải ngồi ghế bị cáo trong một phiên tòa xử tội giết người. Những kẻ ở mức trí năng đó không nên được phép tham dự các thí nghiệm tế nhị. Tác hại mà loại đầu gỗ nguy hiểm này có thể gây ra được bày tỏ qua đoạn trích sau đây từ những trải nghiệm của Bà d'Espérance, ghi ở tr. 298 trong sách của Bà:

upon p. 298 of her book:

A Scandalous Outrage—Một Sự Sỉ Nhục Tai Tiếng

I do not know how long the seance had proceeded, but I knew that Yolande had taken her pitcher on her shoulder and was outside the cabinet. What actually occurred I had to learn afterwards. All I knew was a horrible excruciating sensation of being doubled up and squeezed together, as I can imagine a hollow guttapercha doll would feel, if it had sensation, when violently embraced by its baby owner. A sense of terror and agonizing pain came over me, as though I were losing hold of life and was falling into some fearful abyss, yet knowing nothing, seeing nothing, hearing nothing, except the echo of a scream which I heard as at a distance. I felt I was sinking down, I knew not where. I tried to save myself, to grasp at something, but missed it; and then came a blank from which I awakened with a shuddering horror and sense of being bruised to death.

Tôi không biết buổi gọi hồn đã tiến hành bao lâu, nhưng tôi biết rằng Yolande đã vác chiếc bình của cô lên vai và đang ở ngoài buồng. Những gì thực sự xảy ra tôi phải nghe kể lại sau đó. Tất cả những gì tôi biết là một cảm giác kinh khủng dữ dội như bị gập đôi và bóp chặt lại, như tôi có thể hình dung một con búp bê bằng cao su gutta-percha rỗng ruột sẽ cảm thấy thế nào, nếu nó có cảm giác, khi bị chủ nhân bé bỏng ôm ghì một cách thô bạo. Một cảm thức kinh hoàng và đau đớn tột độ ập đến, như thể tôi sắp mất chỗ bấu víu vào sự sống và đang rơi vào một vực thẳm đáng sợ nào đó, mà lại chẳng biết gì, chẳng thấy gì, chẳng nghe gì, ngoại trừ tiếng vọng của một tiếng thét mà tôi nghe như từ xa vọng lại. Tôi cảm thấy mình đang chìm xuống, tôi chẳng biết xuống đâu. Tôi cố tự cứu, cố chụp lấy thứ gì đó, nhưng hụt; rồi đến một khoảng trống, từ đó tôi choàng tỉnh với nỗi kinh hãi run rẩy và cảm giác như bị bầm dập đến chết.

My senses seemed to have been scattered to the winds, and only little by little could I gather them sufficiently together to understand in a slight degree what had happened. Yolande had been seized, and the man who had seized her declared it was I.

Các giác quan của tôi dường như bị gió cuốn đi tứ tán, và chỉ dần dần từng chút một tôi mới gom lại đủ để hiểu phần nào những gì đã xảy ra. Yolande đã bị chộp, và người đã chộp cô quả quyết đó là tôi.

This is what I was told. The statement was so extraordinary that if it had not been for my utter prostration I could have laughed, but I was unable to think or even move. I felt as though very little life remained in me, and that little was a torment. The haemorrhage of the lungs, which my residence in the south of France had apparently cured, broke out again and the blood almost suffocated me. A severe prolonged illness was the result; and our departure from England was delayed for some

Đó là điều tôi được kể. Lời khẳng định quá ư khác thường đến mức nếu không vì sự suy sụp hoàn toàn, có lẽ tôi đã bật cười, nhưng tôi không thể nghĩ, thậm chí không thể cử động. Tôi thấy như thể còn rất ít sự sống sót lại trong tôi, và cái ít ỏi ấy là một cực hình. Chứng xuất huyết phổi, mà thời gian tôi ở miền nam nước Pháp dường như đã chữa khỏi, bùng phát trở lại và máu gần như làm tôi nghẹt thở. Một cơn bệnh nặng kéo dài là kết quả; và chuyến khởi hành của chúng tôi từ Anh bị hoãn vài tuần, vì

weeks, as I could not be moved.

tôi không thể di chuyển.

No wonder that the "guides" take every precaution in their power to save their medium from such brutality. Even they themselves may suffer through the temporary vehicle which they have assumed, trusting themselves to the honour and good-feeling of those who are present on the physical plane. Mr. R. D. Owen, in *The Debatable Land* (p. 273), thus refers to this matter:

Không lạ gì khi các "vị hướng dẫn" làm mọi điều phòng ngừa có thể để cứu đồng tử của họ khỏi sự thô bạo như vậy. Ngay chính Các Ngài cũng có thể chịu tổn hại qua vận cụ tạm thời mà Các Ngài khoác lấy, phó mặc mình cho danh dự và lòng tốt của những người có mặt trên cõi hồng trần. Ông R. D. Owen, trong *Miền Đất Gây Tranh Luận* (tr. 273), đề cập đến vấn đề này như sau:

Two highly intelligent friends of mine, now deceased, Dr. A. D. Wilson and Professor James Mapes, both formerly of New York, each on one occasion firmly grasped what seemed a luminous hand. In both cases the result was the same. What was laid hold of melted entirely away—so each told me—in his grasp. I have had communications to the effect that the spirit thus manifesting its presence suffers when this is done, and that a spirit would have great reluctance in appearing, in bodily form, to any one whom it could not trust to refrain from interference with the phenomena, except by its express permission. In my experiments I have always governed myself accordingly, and I ascribe my success in part to this continence.

Hai người bạn rất thông tuệ của tôi, nay đã quá cố, Bác sĩ A. D. Wilson và Giáo sư James Mapes, trước đây đều ở New York, mỗi người trong một dịp đã nắm chặt cái có vẻ là một bàn tay phát quang. Cả hai trường hợp kết quả đều như nhau. Cái bị nắm lấy—mỗi người nói với tôi—đã tan chảy hoàn toàn trong tay ông ta. Tôi đã nhận được những thông tri cho rằng linh thể bộc lộ sự hiện diện theo cách ấy sẽ chịu đau đớn khi điều này xảy ra, và rằng một linh thể sẽ rất ngần ngại xuất hiện, dưới hình thể hồng trần, trước bất kỳ ai mà nó không thể tin tưởng sẽ kiềm chế can thiệp vào hiện tượng, trừ khi có sự cho phép minh nhiên của nó. Trong các thí nghiệm của tôi, tôi luôn tự răn mình như vậy, và tôi cho rằng một phần thành công của mình là nhờ sự tiết chế này.

I do not know whether the "spirit" would suffer in such a case as this, though it certainly does when a materialized form is struck or wounded. For that reason a sword constantly waved round a man who is haunted is supposed to be a protection (and indeed often really is so, as has been seen in some of the narratives previously quoted), and the sword was also an important part of the outfit of the mediaeval magician.

Tôi không biết liệu "linh thể" có chịu đau trong một trường hợp như thế này hay không, dù chắc chắn là có khi hình thể hiện hình bị đánh hay bị thương. Vì lẽ đó mà một thanh kiếm vung liên tục quanh một người bị ám được cho là một sự bảo hộ (và thực sự thường đúng như vậy, như đã thấy trong một số tường thuật trích dẫn trước đây), và thanh kiếm cũng là một phần quan trọng trong trang bị của nhà huyền thuật thời trung cổ.

No physical weapon could affect the astral body in the slightest degree; a sword might be passed through it again and again without the

Không một vũ khí hồng trần nào có thể tác động đến thể cảm dục dù chỉ chút ít; một thanh kiếm có thể xuyên qua nó hết lần này

owner being even aware of it; but as soon as there is any materialization (and wherever physical phenomena occur there must be some materialization, however little) physical weapons may act through it upon the astral body and produce sensation, much as was the case with the more permanent physical body during life. But undoubtedly the medium may be seriously injured by any unauthorized interference with the materialized form, as is seen by Madame d'Espérance's story.

đến lần khác mà chủ thể còn chẳng hề hay biết; nhưng ngay khi có bất kỳ sự hiện hình nào (và ở đâu có hiện tượng hồng trần thì ở đó hẳn phải có một phần hiện hình, dù ít đến đâu) thì vũ khí hồng trần có thể qua đó mà tác động lên thể cảm dục và gây cảm giác, gần như trường hợp với thể hồng trần bền vững hơn trong cuộc sống. Nhưng không nghi ngờ gì, đồng tử có thể bị tổn thương nghiêm trọng bởi bất kỳ sự can thiệp trái phép nào vào hình thể hiện hình, như đã thấy qua câu chuyện của Bà d'Espérance.

I most heartily endorse the sentiments expressed above by Mr. Owen, and I have always been governed by them in my own investigations. There are some persons who enter upon an enquiry of this kind with the fixed conviction that they are going to be deceived, and (with some idea that they can obviate a result so humbling to their self-conceit) they endeavour to invent all kinds of complicated contrivances, which they think will render fraud impossible. It is quite true that in many cases phenomena do not take place under the conditions which they prescribe, for naturally the dead man is not especially disposed to go out of his way to take a great deal of trouble for a person who meets him from the beginning with unfounded suspicion expressed in terms of egregious self-confidence. Often also the conditions prescribed by the ignoramus are really such as to render phenomena impossible.

Tôi hết lòng tán đồng những cảm nghĩ mà Ông Owen bày tỏ ở trên, và tôi luôn tự đặt mình dưới sự hướng dẫn của chúng trong các cuộc khảo cứu của chính mình. Có người bước vào một cuộc điều tra như thế này với niềm tin cố định rằng họ sắp bị lừa dối, và (với ý nghĩ nào đó rằng họ có thể ngăn chặn một kết cục hạ nhục lòng tự cao của mình) họ tìm cách bày ra đủ loại thiết bị phức tạp, mà họ nghĩ sẽ khiến cho gian lận trở nên bất khả. Hoàn toàn đúng là trong nhiều trường hợp các hiện tượng không diễn ra dưới những điều kiện mà họ áp đặt, bởi tự nhiên là người đã chết không đặc biệt sẵn lòng đi ra ngoài lề để bận tâm nhiều cho kẻ ngay từ đầu đã tiếp cận y bằng sự ngờ vực vô căn cứ được diễn tả bằng giọng điệu tự tin quá lố. Cũng thường khi những điều kiện do kẻ ngu dốt đặt ra thực sự là những điều kiện khiến cho hiện tượng trở thành bất khả.

Dr. Alfred R. Wallace once very truly remarked:

Bác sĩ Alfred R. Wallace đã có lần nhận xét rất xác đáng:

Scientific men almost invariably assume that, in this enquiry, they should be permitted at the very outset to impose conditions; and if under such conditions nothing happens, they consider it a proof of imposture or delusion. But they well know that in all other branches

Giới khoa học hầu như luôn mặc nhiên cho rằng, trong cuộc điều tra này, họ phải được phép áp đặt các điều kiện ngay từ lúc khởi đầu; và nếu dưới những điều kiện như thế không có gì xảy ra, họ coi đó là bằng chứng của trò lừa hay hoang tưởng. Nhưng họ biết rất rõ rằng

of research, Nature, not they, determines the essential conditions without a compliance with which no experiment will succeed. These conditions have to be learnt by a patient questioning of Nature, and they are different for each branch of science. How much more may they be expected to differ in an enquiry which deals with subtle forces, of the nature of which the physicist is wholly and absolutely ignorant!

trong mọi nhánh nghiên cứu khác, Chính Tự Nhiên, chứ không phải họ, mới định đoạt các điều kiện tất yếu, mà nếu không thuận theo thì không thí nghiệm nào thành công. Những điều kiện đó phải được học bằng cách kiên nhẫn chất vấn Tự Nhiên, và chúng khác nhau theo từng ngành khoa học. Trong một cuộc điều tra đề cập đến những lực vi tế, mà nhà vật lý hoàn toàn và tuyệt đối không biết gì về bản chất của chúng, thì hẳn càng phải khác biết bao!

In just the same way, a man might easily render electrical experiments impossible, if he chose to regard the insulating arrangements as suspicious, and insisted upon seeing the same results produced when the wires were uninsulated; and then, when it was gently explained to him that insulation was a necessary condition, he might raise the same old parrot-cry of fraud, and declare that these pretended electrical marvels could never be worked under *his* conditions! Instances of the extent to which folly and cruelty can go in this direction are given with full illustrations in Colonel Olcott's *People from the Other World* (pp. 36-40).

Tương tự như vậy, một người hoàn toàn có thể khiến các thí nghiệm điện học trở nên bất khả, nếu y chọn xem các bộ phận cách điện là đáng ngờ, và khăng khăng đòi thấy cùng kết quả khi dây dẫn không được cách điện; rồi khi người ta nhẹ nhàng giải thích rằng cách điện là điều kiện tất yếu, y có thể lại giương lên điệp khúc vẹt xưa cũ về trò gian lận, và khẳng định rằng những điều kỳ diệu điện học bịp bợm này chẳng bao giờ vận hành được dưới các điều kiện *của hắn*! Những ví dụ về mức độ mà sự ngu xuẩn và độc ác có thể đạt tới theo hướng này được đưa ra cùng nhiều hình minh họa trong cuốn *Những Người từ Thế Giới Bên Kia* của Đại tá Olcott (tr. 36-40).

I have myself always adopted the plan of giving the dead man credit for honest intention until I saw evidence to the contrary; I have allowed him to arrange his own conditions, and to show exactly what he chose, endeavouring first of all to establish friendly relations; and I have invariably found that as soon as he gained confidence in me, be would gladly describe the limits of his power, so far as he knew them, and would frequently himself suggest tests of various kinds to show to others the genuineness of the phenomena.

Về phần mình, tôi luôn chọn cách ghi nhận thiện ý của người đã khuất cho đến khi thấy bằng chứng ngược lại; tôi để y tự sắp đặt điều kiện, và bộc lộ chính xác những gì y muốn, nỗ lực trước hết là thiết lập mối quan hệ thân thiện; và tôi luôn nhận thấy rằng ngay khi y có lòng tin ở tôi, y sẵn lòng mô tả giới hạn quyền năng của mình, trong chừng mực y biết, và y thường tự gợi ý các phép thử khác nhau để cho người khác thấy sự chân thực của hiện tượng.

Attempts have been made to cheat me on several occasions; and when I saw this to be the action of the medium, I held my peace, but

Đã có vài lần người ta tìm cách lừa tôi; và khi tôi nhận ra đó là hành vi của đồng tử, tôi im lặng, nhưng không phiền đến đồng tử ấy nữa.

troubled that medium no further. On the other hand, I have also seen cases of deceit where I felt convinced that the medium's intentions were perfectly honest, and that the deception lay entirely with the unseen actors in the drama. I have known the medium's physical body, when in a condition of trance, to be wrapped up in materialized gauzy drapery, and passed off as "a spirit form"—apparently for no other reason than to save the operators the trouble of producing a genuine materialization, or possibly because in some way or other the power to produce the real manifestation was lacking. In this case the medium, on hearing what had happened after recovery from his trance, protested most earnestly and with every appearance of real sincerity that he had had no conception of what was being done; and, having many times before seen unmistakably genuine manifestations through him, I believed him. Exactly the same story was told to me by a well-known medium with regard to an "exposure" of him which was triumphantly trumpeted abroad in many newspapers; and it is at least perfectly possible that the statement may have been equally true in that case also. My experience therefore warrants me in saying that even when a clear case of fraud is discovered, it is not always safe to blame the medium for it. On the other hand, I have known a medium come to give a seance with half-a-yard of muslin hanging out of her pocket, and I have recognized the aforesaid muslin appearing as spirit drapery at a later stage of the proceedings—in its original form, I mean, for even in cases of genuine materialization of drapery it is frequently formed from the material of the clothes of the medium. Once more we may turn to Madame d'Espérance for an instance showing this to be the case.

Ngược lại, tôi cũng đã thấy những trường hợp dối trá mà tôi tin chắc rằng ý định của đồng tử hoàn toàn ngay thẳng, và sự lừa dối nằm trọn ở các diễn viên vô hình của vở kịch. Tôi đã biết việc thân thể hồng trần của đồng tử, khi ở trạng thái xuất thần, được quấn trong vải voan hiện hình, rồi được tung ra như "một hình thể linh hồn"—hiển nhiên chẳng vì lý do nào khác hơn là để tiết kiệm cho những người điều khiển khỏi công khó tạo ra một hiện hình đích thực, hoặc có lẽ vì bằng cách nào đó họ thiếu năng lực tạo ra một biểu hiện thật sự. Trong trường hợp này, khi nghe kể lại những gì đã xảy ra sau khi tỉnh khỏi cơn xuất thần, đồng tử đã phản đối hết sức, với mọi biểu hiện của sự chân thành thực sự, rằng y hoàn toàn không hay biết điều gì đang được làm; và vì đã nhiều lần trước đó thấy những biểu hiện đích thực không thể lẫn lộn qua y, tôi tin y. Câu chuyện y hệt cũng được một đồng tử nổi tiếng kể với tôi liên quan đến một "vụ lột mặt nạ" y, vốn đã được rêu rao đắc thắng trên nhiều tờ báo; và ít nhất cũng hoàn toàn có thể rằng lời xác nhận ấy cũng đúng trong trường hợp đó. Kinh nghiệm của tôi vì thế cho phép tôi nói rằng ngay cả khi phát hiện một vụ gian lận rõ ràng, thì cũng không phải lúc nào quy lỗi cho đồng tử là an toàn. Mặt khác, tôi từng thấy một đồng tử đến cho buổi gọi hồn với nửa thước vải muslin thò ra khỏi túi, và tôi đã nhận ra chính miếng vải ấy sau đó xuất hiện như vải phủ của linh thể ở một giai đoạn muộn hơn của buổi—ý tôi là trong hình dạng nguyên thủy của nó, vì ngay cả trong những trường hợp vải phủ hiện hình thật sự, nó thường được tạo thành từ chất liệu của y phục đồng tử. Một lần nữa, chúng ta có thể trở lại với Bà d'Espérance để có một ví dụ cho thấy điều này là sự thật.

"Spirit" Drapery—Vải "Linh"

It was at one of those seances in Christiania that a sitter "abstracted" a piece of drapery which clothed one of the spirit-forms. Later I discovered that a large square piece of material was missing from my skirt, partly cut, partly torn out. My dress was of a heavy dark woollen material. The "abstracted" piece of drapery was found to be of the same shape as that missing from my skirt, but several times larger, and white in colour, the texture fine and thin as gossamer.

Đó là trong một buổi gọi hồn ở Christiania khi một người dự ngồi "tuồn" đi một mảnh vải phủ khoác trên một trong các linh thể. Sau đó tôi phát hiện một tấm vải vuông lớn bị mất khỏi váy tôi, một phần bị cắt, một phần bị xé đi. Váy của tôi là chất liệu len dày tối màu. Mảnh vải "bị tuồn" được phát hiện có hình dạng giống với mảnh bị mất khỏi váy tôi, nhưng lớn hơn vài lần, và có màu trắng, kết cấu mịn và mỏng như tơ nhện.

Something of the kind had happened once before in England, when some one had begged the little Ninia for a piece of her abundant clothing. She complied, unwillingly, it seemed, and the reason for her unwillingness was explained when, after the seance, I found a hole in a new dress which I had put on for the first time. This being nearly black, I had attributed the mishap more to an accident on the part of Ninia than to any psychological cause. Now that it happened a second time, I began to understand that it was no accident, and that my dress, or the clothing of the persons in the seance, was the foundation of, or the stores from which the dazzling raiment of the spirit form was drawn. (*Shadowland,* p. 337.)

Một chuyện như thế đã từng xảy ra trước đó ở Anh, khi ai đó đã nài nỉ cô bé Ninia xin một mẩu từ lớp y phục dồi dào của cô. Cô miễn cưỡng chiều theo, như có vẻ vậy, và lý do cho sự miễn cưỡng của cô được giải thích khi, sau buổi gọi hồn, tôi thấy một lỗ thủng trên chiếc váy mới mà tôi mặc lần đầu. Vì chiếc váy này gần như đen, tôi đã quy sự cố phần nhiều là do bất cẩn của Ninia hơn là do nguyên nhân tâm linh. Nay điều đó xảy ra lần thứ hai, tôi bắt đầu hiểu rằng đó không phải là tai nạn, và rằng chiếc váy của tôi, hoặc y phục của những người dự trong buổi gọi hồn, là nền tảng, hay kho chứa, từ đó xiêm y rực rỡ của hình thể linh hồn được kéo ra. (*Vùng Bóng Mờ,* tr. 337.)

There are various types of this materialized drapery—some quite coarse and some exceedingly fine—finer indeed than even the production of Eastern looms. Sometimes the manifesting entity will encourage a favoured sitter to feel this drapery or even to cut a piece from it. I have had such pieces given to me on several occasions; some of them lasted for years, and appear to be permanent, while others faded away in the course of an hour or so, and one within ten minutes. Though light and filmy white drapery seems to be the regular fashion among materialized forms, I

Có nhiều kiểu vải phủ hiện hình—có loại khá thô và có loại tinh xảo cực độ—thậm chí tinh xảo hơn cả sản phẩm của các khung cửi phương Đông. Đôi khi thực thể đang hiện ra sẽ khuyến khích một người dự được ưu ái chạm vào tấm vải này hoặc thậm chí cắt một mẩu từ nó. Tôi đã được tặng những mảnh như vậy trong vài dịp; một số tồn tại suốt nhiều năm và dường như là bền vững, trong khi những mảnh khác phai đi trong vòng một giờ hay lâu hơn, và có mảnh trong vòng mười phút. Tuy vải trắng nhẹ và mỏng như sương có vẻ là thời trang thường thấy nơi các hình thể hiện hình,

have also seen them show themselves in the ordinary garb of civilization, and sometimes in a uniform or some special dress characteristic of their position during life.

tôi cũng đã thấy họ hiện ra trong y phục thường nhật của văn minh, và đôi khi trong một bộ quân phục hay một y phục đặc thù nào đó đặc trưng cho vị thế của họ khi còn sống.

Materialization In Full View—Hiện Hình Ngay Trước Mắt

The following very good account of the materialization and dematerialization of a form is given in *Shadowland* (p. 254), and was written by a member who had frequently formed part of that circle:

Bản tường thuật rất hay sau đây về sự hiện hình và phi vật chất hóa của một hình thể được đưa trong *Vùng Bóng Mờ* (tr. 254), do một thành viên từng thường xuyên tham dự vòng tròn đó viết:

First a filmy, cloudy patch of something white is observed on the floor in front of the cabinet. It then gradually expands, visibly extending itself as if it were an animated patch of muslin, lying fold upon fold, on the floor, until extending about two and a half by three feet and having a depth of a few inches—perhaps six or more. Presently it begins to rise slowly in or near the centre, as if a human head were underneath it, while the cloudy film on the floor begins to look more like muslin falling into folds about the portion so mysteriously rising. By the time it has attained two or more feet, it looks as if a child were under it and moving its arms about in all directions as if manipulating something underneath.

Đầu tiên, một mảng mơ hồ, mây mù của thứ gì đó màu trắng được thấy trên sàn trước buồng. Rồi nó dần dần nở ra, rõ ràng tự trải rộng như thể đó là một mảng vải muslin có sinh khí, nằm chồng nếp này lên nếp khác trên sàn, cho đến khi trải rộng khoảng hai rưỡi trên ba bộ Anh và có bề dày vài insơ—có lẽ sáu hoặc hơn. Ngay sau đó nó bắt đầu từ từ trồi lên ở giữa hoặc gần giữa, như thể có một cái đầu người bên dưới, trong khi lớp màn mây trên sàn bắt đầu trông giống vải muslin rơi thành nếp quanh phần đang bí ẩn trồi lên. Khi nó đạt đến độ cao hai bộ hoặc hơn, trông như thể có một đứa trẻ bên dưới và đang đưa tay chuyển động khắp các hướng như thể đang thao tác thứ gì đó phía dưới.

It continues rising, oftentimes sinking somewhat to rise again higher than before, until it attains a height of about five feet, when its form can be seen as if arranging the folds of drapery about its figure.

Nó tiếp tục trồi lên, thường lún xuống chút ít rồi lại trồi lên cao hơn trước, cho đến khi đạt độ cao khoảng năm bộ, khi dáng hình của nó có thể được thấy như thể đang sắp xếp những nếp vải phủ quanh thân mình.

Presently the arms rise considerably above the head and open outwards through a mass of cloud-like spirit drapery, and Yolande stands before us unveiled, graceful and beautiful, nearly five feet in height, having a turban-like head dress, from beneath which her long black hair hangs over her shoulders and down her back.

Rồi đôi tay vươn cao hơn hẳn lên khỏi đầu và mở ra xuyên qua một khối vải phủ như mây, và Yolande đứng trước chúng tôi, không còn che mạng, duyên dáng và xinh đẹp, cao gần năm bộ, đội một khăn đội đầu kiểu khăn xếp, từ dưới đó mái tóc đen dài xõa qua vai và xuống lưng.

Her body-dress, of Eastern form, displays every limb and contour of the body, while the superfluous white veil-like drapery is wrapped round her for convenience, or thrown down on the carpet out of the way till required again.

Y phục thân người của cô, kiểu phương Đông, phô bày mọi chi và đường nét của thân thể, trong khi tấm vải phủ trắng mỏng thừa ra được quấn quanh để tiện lợi, hoặc ném xuống thảm tránh vướng cho đến khi cần lại.

All this occupies from ten to fifteen minutes to accomplish.

Tất cả điều này mất từ mười đến mười lăm phút để hoàn tất.

When she disappears or dematerializes it is as follows. Stepping forward to show herself and be identified by any strangers then present, she slowly and deliberately opens out the veil-like superfluous drapery; expanding it, she places it over her head, and spreads it round her like a great bridal veil, and then immediately but slowly sinks down, becoming less bulky as she collapses, dematerializing her body beneath the cloud-like drapery until it has little or no resemblance to Yolande. Then she further collapses until she has no resemblance to human form, and more rapidly sinks down to fifteen or twelve inches. Then suddenly the form falls into a heaped patch of drapery—literally Yolande's left-off clothing, which slowly but visibly melts into nothingness.

Khi cô biến đi hay phi vật chất hóa thì như sau. Bước lên phía trước để cho mình được thấy và để người lạ có mặt nhận diện, cô chậm rãi và cố ý mở tấm vải mỏng dư thừa; trải rộng nó, cô phủ nó lên đầu, và xòe nó quanh mình như một tấm khăn voan cô dâu lớn, rồi ngay lập tức nhưng chậm rãi lún xuống, trở nên kém đồ sộ khi cô co rút lại, phi vật chất hóa thân thể mình bên dưới lớp vải như mây cho đến khi nó còn ít hoặc không còn chút giống Yolande. Rồi cô co rút thêm nữa cho đến khi không còn giống hình người, và nhanh hơn lún xuống còn mười lăm hay mười hai insơ. Rồi đột ngột hình thể đổ sụp thành một đống vải phủ—nói đúng ra là y phục bỏ lại của Yolande, và đống ấy chậm rãi nhưng rõ ràng tan biến thành hư vô.

The dematerializing of Yolande's body occupies from two to five minutes, while the disappearance of the drapery occupies from half a minute to two minutes. On one occasion, however, she did not dematerialize this drapery or veil, but left the whole lying on the carpet in a heap, until another spirit came out of the cabinet to look at it for a moment, as if moralizing on poor Yolande's disappearance. This taller spirit also disappeared and was replaced by the little, brisk, vivacious child-form of Ninia, the Spanish girl, who likewise came to look at Yolande's remains; and, curiously picking up the loft-off garments, proceeded to wrap them round her

Việc phi vật chất hóa thân thể của Yolande chiếm từ hai đến năm phút, trong khi sự biến mất của vải phủ chiếm từ nửa phút đến hai phút. Tuy nhiên, có một lần cô không phi vật chất hóa tấm vải phủ này mà để nguyên cả tấm nằm trên thảm thành một đống, cho đến khi một linh thể khác bước ra khỏi buồng ngó qua nó một lúc, như thể đang chiêm nghiệm về sự biến mất của Yolande tội nghiệp. Linh thể cao hơn này cũng biến mất và được thay thế bởi hình dáng nhỏ bé, nhanh nhẹn, hoạt bát của Ninia, cô gái người Tây Ban Nha, cô cũng bước ra nhìn "tàn tích" của Yolande; và, lạ lùng thay, nhặt những áo quần bỏ lại, cô bèn quấn chúng quanh thân mình nhỏ xíu, vốn đã

own little body, which was already well clothed with drapery.

được phủ vải khá đầy đủ.

I have myself seen both these processes, almost exactly as described above. In my case the form was that of an unusually tall man, and he did not begin by forming drapery, but appeared as a patch of cloudy light on the floor, which rose and increased until it looked somewhat like the stump of a tree. It grew on until it was a vague pillar of cloud towering above our heads, and then gradually condensed into a definite and well-known form, which stepped forward, shook me warmly by the hand, and spoke in a full clear voice, exactly as any other friend might have done. After talking to us for about five minutes and answering several questions, he again shook hands with us and announced that he must go. Bidding us good-bye, he immediately became indistinct in outline, and relapsed into the pillar of cloud, which sank down fairly rapidly into the small cloudy mass of light upon the floor, which then flickered and vanished.

Về phần mình, tôi đã thấy cả hai quá trình này, gần như đúng như mô tả trên. Trong trường hợp của tôi, hình thể là một người đàn ông cao bất thường, và ông không bắt đầu bằng việc tạo vải phủ, mà xuất hiện như một đám sáng mờ trên sàn, trồi lên và lớn dần cho đến khi trông giống như gốc một thân cây. Nó tiếp tục lớn cho đến khi thành một cột mây mơ hồ cao vượt lên trên đầu chúng tôi, rồi dần dần ngưng đặc thành một hình thể rõ ràng và quen thuộc, bước tới, nắm chặt tay tôi thân mật, và nói bằng một giọng vang đầy và rõ, đúng như một người bạn nào khác có thể làm. Sau khi trò chuyện với chúng tôi chừng năm phút và trả lời vài câu hỏi, ông lại bắt tay chúng tôi và nói rằng ông phải đi. Chào tạm biệt, ông lập tức trở nên mờ nét, và trở lại thành cột mây, cột ấy khá nhanh lún xuống thành một đám sáng mờ nhỏ trên sàn, rồi chớp lên và tắt hẳn.

I have seen three materialized forms together —one of them an Arab six inches taller than the medium, another a European of ordinary medium height, and the third a little girl of dark complexion, claiming to be a Red Indian —while the medium was securely locked up inside a wire cage of his own invention, which was secured by two keys (both in my pocket) and a letter-lock which could only be operated from the outside. Later in the same evening we were requested to unlock this cage, and the two forms first described brought out the entranced medium between them, one supporting him by each arm. We were allowed to touch both the medium and the materialized forms, and were much struck to find the latter distinctly firmer and more definite than the former. They did not in this

Tôi đã thấy ba hình thể hiện hình cùng lúc— một trong số đó là một người Ả Rập cao hơn đồng tử sáu insơ, một người châu Âu cao vừa phải, và người thứ ba là một bé gái nước da ngăm, tự xưng là người Da Đỏ—trong khi đồng tử bị khóa chặt trong một cái lồng dây thép do chính y phát minh, được khóa bằng hai chìa (cả hai đều ở trong túi tôi) và một ổ khóa chữ chỉ có thể vận hành từ bên ngoài. Về sau trong cùng buổi tối, chúng tôi được yêu cầu mở cái lồng này, và hai hình thể mô tả trước đã dìu đồng tử đang xuất thần ra giữa, mỗi người đỡ một bên tay. Chúng tôi được phép chạm vào cả đồng tử lẫn các hình thể hiện hình, và thấy hết sức ấn tượng khi phát hiện các hình thể hiện hình đó rõ ràng rắn chắc và xác quyết hơn đồng tử. Trong trường hợp này họ không đưa y trở lại lồng, mà đặt y lên ghế trường kỷ để tất

case return him to his cage, but laid him upon a sofa in full view of us all, cautioned us that he would be exceedingly exhausted when he woke, and then incontinently vanished into thin air before our eyes. All this took place in a dim light, the two gas-jets in the room being both turned very low, but there was all the time quite sufficient illumination to enable us to recognize clearly the features both of the medium and of our dead visitors, and to follow their movements with absolute certainty.

cả chúng tôi đều nhìn thấy, căn dặn rằng y sẽ vô cùng kiệt sức khi tỉnh dậy, rồi lập tức tan vào không khí ngay trước mắt chúng tôi. Tất cả diễn ra trong ánh sáng lờ mờ, hai béc đèn gas trong phòng đều được vặn rất thấp, nhưng suốt thời gian ấy vẫn có đủ ánh sáng để chúng tôi nhận ra rõ ràng diện mạo của cả đồng tử lẫn những vị khách đã khuất, và theo dõi chuyển động của họ với sự chắc chắn tuyệt đối.

It is only when the conditions are favourable that one may hope to find the materialized forms able to move about the room as freely as in the cases above described. More generally the materialized form is strictly confined to the immediate neighbourhood of the medium, and is subject to an attraction which is constantly drawing it back to the body from which it came, so that if kept away from the medium too long the figure collapses, and the matter which composed it, returning to the etheric condition, rushes back instantly to its source. It is excessively dangerous to the medium's health, or even to his life, to prevent this return in any way; and it was no doubt precisely this that caused such terrible suffering in the case of poor Madame d'Espérance, above quoted. It would seem from her own account as though the majority of her etheric matter, and probably a great deal of the denser also, was with Yolande rather than in the cabinet; and since the form of Yolande was so unwarrantably detained it is probable that what was left in her body would rush into Yolande's, and so it would in one sense be true that she was found outside the cabinet and in the hands of the ignorant vulgarian who had seized the materialized form. All this makes it increasingly obvious that no one who has not sufficient education to comprehend a little of the conditions ought

Chỉ khi các điều kiện thuận lợi thì người ta mới hy vọng thấy các hình thể hiện hình có thể đi lại trong phòng tự do như trong những trường hợp mô tả ở trên. Thông thường hơn, hình thể hiện hình bị giới hạn nghiêm ngặt trong vùng lân cận ngay sát đồng tử, và chịu một sự hấp dẫn liên tục kéo nó trở lại thân thể mà từ đó nó đến, đến nỗi nếu bị giữ xa đồng tử quá lâu, hình dáng ấy sẽ sụp đổ, và chất liệu cấu thành nó, trở về trạng thái dĩ thái, lập tức lao nhanh về nguồn. Ngăn cản sự quay về này theo bất kỳ cách nào đều cực kỳ nguy hiểm cho sức khỏe, thậm chí cho tính mạng của đồng tử; và chắc chắn chính điều đó đã gây nên nỗi thống khổ khủng khiếp trong trường hợp của Bà d'Espérance tội nghiệp, đã dẫn ở trên. Có vẻ như theo tường thuật của chính Bà thì phần lớn chất dĩ thái của Bà, và có lẽ cả một phần lớn chất đậm đặc hơn nữa, ở với Yolande hơn là trong buồng; và vì hình thể của Yolande đã bị giam giữ không chính đáng nên rất có khả năng phần còn lại trong thân thể Bà sẽ lao vào thân của Yolande, và như vậy theo một nghĩa nào đó là đúng khi Bà được tìm thấy bên ngoài buồng và trong tay của tay phàm phu ngu dốt đã chộp lấy hình thể hiện hình. Tất cả điều này càng làm rõ ràng hơn rằng bất kỳ ai không có đủ học vấn để thấu hiểu đôi chút về các điều kiện thì không bao giờ nên được phép tham gia một buổi gọi hồn.

ever to be permitted to take part in a seance.

Another reason for great care in the selection of sitters is that in the case of materialization matter is borrowed to some extent from all of them as well as from the medium. There is no doubt, therefore, a considerable intermixture of such matter, and undesirable qualities or vices of any kind in any one of the sitters are distinctly liable to react upon the others, and most of all upon the medium, who is almost certain to be the most sensitive person present —from whom, in any case, the heaviest contribution will be drawn. Yet again we may obtain an example of this from Madame d'Espérance's invaluable book. On p. 307 she writes:

Một lý do khác để hết sức cẩn trọng trong việc tuyển chọn người dự là trong trường hợp hiện hình, chất liệu được "mượn" ở một mức nào đó từ tất cả những người dự cũng như từ đồng tử. Do đó, chắc chắn có một sự pha trộn đáng kể của loại chất liệu như vậy, và những phẩm chất hay thói xấu không mong muốn thuộc bất kỳ loại nào ở bất kỳ ai trong số người dự đều có khả năng tác động ngược trở lại lên những người khác, và hơn hết là lên đồng tử, người gần như chắc chắn là người nhạy cảm nhất có mặt—và dù sao đi nữa cũng là người mà từ đó sẽ rút ra phần đóng góp nặng nhất. Lại một lần nữa, chúng ta có thể lấy một ví dụ về điều này từ cuốn sách vô giá của Bà d'Espérance. Ở tr. 307 Bà viết:

Evil Effect Of Tobacco—Tác Hại của Thuốc Lá

From the very beginning of our experiments in this line I had always more or less suffered from nausea and vomiting after a seance for materialization, and I had grown to accept this as a natural consequence and not to be avoided. This had always been the case, except when surrounded only by the members of our home circle or children. During the course of seances for photography this unpleasantness increased so much that I was usually prostrate for a day, or sometimes two, after a sitting, and, as the symptoms were those of nicotine poisoning, experiments were made and it was discovered that none of these uncomfortable sensations were felt when seances were held with non-smokers. Again, when sick persons were in the circle, I invariably found myself feeling more or less unwell afterwards. With persons accustomed to the use of alcohol the discomfort was almost as marked as with smokers.

Ngay từ đầu của các thí nghiệm theo hướng này, tôi đã luôn ít nhiều chịu đựng cảm giác buồn nôn và nôn mửa sau một buổi gọi hồn để hiện hình, và tôi đã chấp nhận điều đó như hệ quả tự nhiên và không thể tránh. Điều này luôn xảy ra, trừ khi xung quanh tôi chỉ là các thành viên trong vòng tròn ở nhà hoặc trẻ em. Trong quá trình các buổi gọi hồn để chụp ảnh, sự khó chịu này tăng lên đến mức tôi thường kiệt lực trong một ngày, đôi khi hai, sau mỗi buổi, và vì các triệu chứng là của ngộ độc nicotine, nên người ta đã làm thí nghiệm và phát hiện rằng không thấy bất kỳ cảm giác khó chịu nào trong các buổi gọi hồn chỉ có những người không hút thuốc. Lại nữa, khi có người bệnh trong vòng tròn, tôi luôn thấy mình ít nhiều khó ở sau đó. Với những người quen dùng rượu, sự khó chịu gần như rõ rệt như với người hút thuốc.

These seances were to me fruitful in many

Những buổi gọi hồn này đối với tôi phong phú

respects; I learned that many habits, which are common to the generality of mankind and sanctioned by custom, are deleterious to the results of a seance, or, at any rate, to the health of a medium.

theo nhiều phương diện; tôi học được rằng nhiều thói quen, vốn phổ biến trong số đông nhân loại và được tập quán cho phép, là có hại đối với kết quả của một buổi gọi hồn, hoặc ít nhất là đối với sức khỏe của đồng tử.

A "guide" who has been working for some years, and has learnt to know fairly well the possibilities of the plane, has often interesting phenomena connected with materialization which he is willing to exhibit to special friends when the power is strong. One such exhibition was sometimes given by him who calls himself "John King" many years ago, and may perhaps be given by him still. He would sometimes take one of the painted luminous slates and lay his hand upon it. A fine, strong, muscular, well-shaped hand it was, and its outline of course stood forth perfectly distinctly against the faintly luminous background. Then as we watched it, he would cause that hand to diminish visibly until it was a miniature about the size of a small baby's hand, though still perfect in its resemblance to his own. Then slowly and steadily under our eyes it would grow again until it became gigantic, and covered the whole slate, and would finally return by degrees to its normal size. Now of course this manifestation might easily have been a mere case of mesmeric influence if only one person had seen it; but since every one in the circle saw precisely the same, and there was nothing to indicate that any attempt at mesmerism was being made, it seemed on the whole more probable that it was really an exhibition of augmentation and diminution in the materialized hand—a result which could readily be brought about by any one who understood how to manipulate the matter.

Một "vị hướng dẫn" đã làm việc nhiều năm, và đã học để biết khá rõ những khả năng của cõi giới, thường có những hiện tượng thú vị liên quan đến hiện hình mà y sẵn lòng trình diễn cho bằng hữu đặc biệt khi năng lực mạnh. Một cuộc trình diễn như vậy đôi khi được thực hiện bởi vị tự xưng là "John King" nhiều năm về trước, và có lẽ đến nay vẫn còn. Đôi khi y lấy một trong những tấm bảng sơn phát quang và đặt tay mình lên đó. Một bàn tay đẹp, mạnh mẽ, rắn chắc, cân đối, và đường viền của nó dĩ nhiên nổi bật hoàn toàn rõ rệt trên nền ánh sáng mờ. Rồi, khi chúng tôi đang quan sát, y khiến bàn tay ấy thu nhỏ trông thấy cho đến khi nó thành hình tí hon cỡ bàn tay của một em bé nhỏ, dù vẫn hoàn toàn giống với tay của chính y. Rồi chậm rãi và đều đặn ngay trước mắt chúng tôi, nó lại lớn trở lại cho đến khi trở nên khổng lồ, phủ kín cả tấm bảng, và cuối cùng dần trở về kích thước bình thường. Tất nhiên, biểu hiện này có thể dễ dàng chỉ là một trường hợp chịu ảnh hưởng thôi miên nếu chỉ có một người thấy; nhưng vì mọi người trong vòng tròn đều thấy chính xác như nhau, và không có gì cho thấy đang có nỗ lực thôi miên, nên có vẻ hợp lý hơn khi cho rằng đó thực sự là một cuộc trình diễn về sự phóng đại và thu nhỏ nơi bàn tay hiện hình—một kết quả mà bất cứ ai hiểu cách thao tác chất liệu đều có thể đưa đến một cách dễ dàng.

A Dead Man's Joke—Trò Đùa của Người Chết

Occasionally the materialization takes some

Đôi khi sự hiện hình mang dạng khác hơn

other shape than the human. One such case which I recollect vividly shows that our departed friends by no means lose their sense of humour when they pass over into astral life. At a certain seance we were much annoyed by the presence of a man of the boastful sceptic genus. He swaggered in the usual blatant way, and showed his entire ignorance by every word he uttered in the loud, coarse voice which constantly reiterated that he knew that all these things were nonsense, and that we might be sure that nothing would happen so long as *he* was there.

hình người. Một trường hợp như thế mà tôi nhớ rất rõ cho thấy những người bạn đã khuất của chúng ta tuyệt nhiên không đánh mất óc khôi hài khi họ bước sang đời sống cảm dục. Trong một buổi gọi hồn nọ, chúng tôi vô cùng bực mình vì có một người thuộc giống hoài nghi khoác lác. Y vênh vang theo kiểu ồn ào thường thấy, và bộc lộ sự ngu dốt hoàn toàn qua từng lời y thốt ra bằng giọng to, thô lỗ, liên tục lặp rằng y biết tất cả những điều này là chuyện tào lao, và rằng chúng tôi có thể chắc rằng chẳng gì xảy ra chừng nào *y* còn ở đó.

This went on for some time as we sat round the table, and at last the medium, who was a mild, inoffensive sort of man, quietly advised him to moderate his tone, as on several occasions the "spirits" had been known to treat rather roughly persons who talked in that manner. The sceptic, however, only became coarser and more offensive in his remarks, defying any spirit that ever existed to frighten *him*, or even to dare to show itself in his presence. We had now been sitting for a good while in the darkness, and nothing whatever had happened beyond a few brief words from one of the "guides" at the commencement of the seance, which had informed us that they were storing up power. As the time passed on we all became somewhat wearied, and I at least began to think that perhaps our sceptic really was so inharmonious an influence that it would be impossible to obtain any good results—wherein, however, it seems that I was wrong.

Điều này kéo dài một lúc trong khi chúng tôi ngồi quanh bàn, và cuối cùng đồng tử, một người thuộc kiểu hiền lành, không xâm phạm ai, nhẹ nhàng khuyên y hạ giọng, vì trong vài dịp "các linh" đã từng đối xử hơi thô bạo với những người nói theo cách đó. Tuy nhiên, kẻ hoài nghi chỉ càng trở nên thô bỉ và xúc phạm hơn trong lời lẽ, thách thức bất kỳ linh nào từng tồn tại dám làm y sợ, hoặc thậm chí dám hiện ra trước mặt y. Chúng tôi đã ngồi khá lâu trong bóng tối, và chẳng có gì xảy ra ngoài vài lời ngắn của một "vị hướng dẫn" vào đầu buổi, cho biết rằng Các Ngài đang tích lũy năng lực. Thời gian trôi qua tất cả chúng tôi đều có phần mỏi mệt, và ít nhất tôi bắt đầu nghĩ rằng có lẽ tên hoài nghi của chúng tôi thực sự là một ảnh hưởng bất hòa đến mức không thể đạt kết quả tốt—tuy nhiên, xem ra tôi đã lầm.

To make clear what did happen I must say a few words as to the room in which the seance was being held. It was a tiny apartment at the back of the house on the second floor, opening out of a much larger front room by great folding-doors which reached up to the ceiling. We were seated round a large circular table, so

Để làm rõ điều đã xảy ra, tôi phải nói qua về căn phòng nơi buổi gọi hồn được tổ chức. Đó là một gian nhỏ ở phía sau nhà trên tầng hai, thông với một phòng trước lớn hơn nhiều bằng cặp cửa gấp lớn cao đến trần. Chúng tôi ngồi quanh một chiếc bàn tròn lớn, quá cỡ so với căn phòng đến nỗi lưng ghế của chúng tôi

much out of proportion to the room that the backs of our chairs were all but touching the walls and the big door as we sat round it. There was another door in the corner of the room leading to a flight of stairs; that was locked, the key being in the lock on the inside, and the great doors were also secured by a bolt on our side. We sat, as I say, with practically no manifestations for about three-quarters of an hour, and I at least was heartily tired of the whole thing.

hầu như chạm vào tường và cánh cửa lớn khi ngồi quanh bàn. Có một cửa khác ở góc phòng dẫn ra một nhánh cầu thang; cửa đó đã khóa, chìa còn cắm ở ổ khóa phía trong, và cặp cửa lớn cũng được chốt bên phía chúng tôi. Như tôi nói, chúng tôi ngồi đó, hầu như không có hiện tượng gì trong khoảng ba phần tư giờ, và ít nhất là tôi đã chán ngấy tất cả.

Suddenly in the adjoining room we heard extraordinarily ponderous footsteps, as of some mighty giant; and even as we raised our heads to listen the great doors burst violently open, crashing into the backs of the chairs on that side, driving them and their occupants against the table, and so pushing the table itself against those on the opposite side. A pale, rather ghastly luminosity shone in through the opened door, and by its light we saw—we all saw—an enormous elephant stepping straight in upon us, dashing the chairs together with his stride! A gigantic elephant in a room of that size is not exactly a pleasant neighbour; nobody stopped to think of the impossibility of the thing—nobody waited to see what would happen next; the great beast was on the top of us, as it were, and the man nearest to the back door tore it open, and before we had time for a second thought we were all rushing madly down those stairs.

Bỗng nhiên, ở phòng bên cạnh, chúng tôi nghe những bước chân nặng một cách khác thường, như của một gã khổng lồ; và ngay khi chúng tôi ngẩng đầu lắng nghe, cặp cửa lớn bật tung dữ dội, đập sầm vào lưng những chiếc ghế bên đó, đẩy ghế và người ngồi dồn vào bàn, và vì thế đẩy bàn vào những người ở phía đối diện. Một thứ ánh sáng nhợt nhạt, hơi rờn rợn hắt vào qua cánh cửa mở, và trong ánh sáng ấy, chúng tôi nhìn thấy—tất cả chúng tôi đều thấy—một con voi khổng lồ sừng sững bước thẳng vào phía chúng tôi, với những bước đi đập ghế vào nhau! Một con voi khổng lồ trong một căn phòng cỡ ấy chẳng phải là người láng giềng dễ chịu; chẳng ai kịp nghĩ đến tính bất khả của chuyện này—chẳng ai chờ xem điều gì sẽ xảy ra tiếp; con quái thú như chồm lên ngay trên đầu chúng tôi, và người ngồi gần cửa sau nhất đã xé tung nó, và trước khi chúng tôi kịp có ý nghĩ thứ hai, tất cả chúng tôi đã ùa chạy điên cuồng xuống cầu thang.

A roar of Homeric laughter followed us, and in a moment we realized the absurdity of the situation, and some of us ran back, and struck a light. No one was there, and both the rooms were empty; there was no way out of either of them but the doors which opened side by side upon the head of the stair, which had been within our sight all the time; there was no place to which anybody could have escaped, if any one could have been playing a trick upon

Một tràng cười lớn vang dội như sử thi đuổi theo chúng tôi, và trong khoảnh khắc chúng tôi chợt nhận ra sự lố bịch của tình thế, và một số chúng tôi chạy trở lại, thắp đèn. Chẳng có ai ở đó, cả hai phòng đều trống; không có lối nào ra khỏi hai phòng đó ngoại trừ cánh cửa mở cạnh nhau ra đầu cầu thang, vốn vẫn trong tầm mắt chúng tôi suốt thời gian; không có nơi nào để ai có thể tẩu thoát, nếu có ai đang giở trò với chúng tôi; không một dấu vết của con

us; not a trace of an elephant, and nothing to show for our fright, except the bolt torn off the folding-door with the force of the bursting open, and three broken chairs to testify to the speed of our departure! We gathered again in our room, and gave way (now it was over) to unrestrained mirth—all but our sceptic, who had rushed straight out of the house; and he was so terrified that he would not even return into the hall below for his coat and hat, and they had to be carried out into the street for him. I have never seen him since, but I have sometimes wondered exactly *how* he explained to himself afterwards the deception which he must have supposed to be practised upon him.

voi, và chẳng có gì để chứng minh nỗi khiếp hãi của chúng tôi, ngoài chiếc chốt bị giật bứt khỏi cánh cửa gấp bởi lực bật tung, và ba chiếc ghế gãy xác nhận tốc độ tháo chạy của chúng tôi! Chúng tôi lại tụ về trong phòng, và (giờ thì đã qua) cười thoải mái hết cỡ—trừ kẻ hoài nghi, kẻ đã lao thẳng ra khỏi nhà; và y khiếp đảm đến mức còn chẳng dám trở vào sảnh dưới nhà để lấy áo khoác và mũ, và người ta phải mang ra tận đường cho y. Từ đó đến nay tôi chưa từng gặp lại y, nhưng đôi khi tôi tự hỏi rốt cuộc *y* đã tự giải thích cho mình thế nào về sự dối lừa mà y hẳn cho là đã diễn ra với y.

In this case the guides controlling the seance evidently thought it desirable to administer a salutory lesson; but this is rarely done, as it is not usually considered worth while to waste so large an amount of energy over so unworthy an object as the conceited and blatant sceptic. It is one of the rules of the higher life that force should be economized, and employed only where there is at least reasonable hope that good can be done. We have an instance of the application of this rule in the life of our Great Exemplar, for is it not recorded that when Christ visited His own country "He did not many mighty works there because of their unbelief"?* His power could unquestionably have broken down their obstinate scepticism; but it is His Will to knock at the door of the human heart, not to force Himself upon those who are as yet unready to profit by His ministrations.

Trong trường hợp này, các vị hướng dẫn điều khiển buổi gọi hồn hiển nhiên thấy cần phải ban cho một bài học cảnh tỉnh; nhưng điều đó hiếm khi được làm, vì thường không được coi là đáng để lãng phí một lượng năng lực lớn như vậy vào đối tượng tầm thường như kẻ hoài nghi tự phụ ầm ĩ. Một trong những quy luật của đời sống cao hơn là năng lực cần được tiết kiệm, và chỉ sử dụng nơi nào ít nhất có hy vọng hợp lý rằng có thể gây ích. Chúng ta có một ví dụ về việc áp dụng quy luật này trong đời sống của Đấng Gương Mẫu Vĩ Đại của chúng ta, vì chẳng phải đã ghi rằng khi Đức Christ thăm quê hương của Ngài, "Ngài đã không làm nhiều phép lạ ở đó vì sự vô tín của họ" sao?* Quyền năng của Ngài chắc chắn có thể đánh tan sự hoài nghi cố chấp của họ; nhưng Ý Chí của Ngài là gõ cửa trái tim con người, chứ không ép mình lên những ai còn chưa sẵn sàng để thọ ích từ tác vụ của Ngài.

• Matthew, xiii, 58.

 Ma-thi-ơ, xiii, 58.

CHAPTER X—CHƯƠNG X

SOME RECENT MATERIALIZATION PHENOMENA—MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG HIỆN HÌNH GẦN ĐÂY

Ectoplasms—Ngoại chất

It is only lately that scientific men have undertaken an enquiry into the nature of the curious material produced at seances, out of which visible and tangible phantoms are built. It has long been understood in a general way by spiritualists that the visiting entities use some sort of matter derived from the medium, and to some extent from the other persons present, with which to densify their superphysical forms. Bat only comparatively recently has it been realized that the material so employed comes not merely from the etheric body, but even to a large extent from the tissues of the dense physical body, and that it therefore has in some way impressed upon it the habit of the organic structures from which it comes.

Chỉ gần đây giới khoa học mới bắt tay vào khảo cứu bản chất của thứ chất liệu lạ lùng được tạo ra trong các buổi gọi hồn, từ đó các bóng hình hữu hình và sờ chạm được được kiến tạo. Từ lâu các nhà thông linh đã hiểu một cách đại cương rằng các thực thể ghé thăm sử dụng một dạng chất liệu nào đó lấy từ đồng tử, và ở một mức nào đó từ những người hiện diện, để làm dày đặc các hình thể siêu vật chất của họ. Nhưng chỉ khá gần đây người ta mới nhận ra rằng chất liệu được sử dụng như vậy không chỉ đến từ thể dĩ thái, mà còn ở mức lớn từ chính các mô của thể xác đậm đặc, và vì vậy theo một cách nào đó nó mang in thói quen của các cấu trúc hữu cơ mà từ đó nó xuất phát.

Apparently, then, the operating entities find it necessary to allow that material to follow its own lines of growth in the production of forms as it densifies, adapting these only so far as may be absolutely necessary; the aim being, no doubt, to conserve energy as much as possible. This physiological aspect of materialization phenomena has called forth much scientific interest, and up to date we have the results of extensive research upon it in several volumes, particularly in Dr. Geley's *Clairvoyance and Materialization* and Baron von Schrenck-Notzing's *Phenomena of Materialization*.

Hiển nhiên là, các thực thể điều khiển thấy cần để cho chất liệu ấy đi theo các đường lối tăng trưởng riêng của nó trong quá trình kiến tạo hình thể khi nó dày đặc hóa, chỉ điều chỉnh trong chừng mực tuyệt đối cần thiết; mục đích, không nghi ngờ gì, là tiết kiệm năng lượng tối đa có thể. Phương diện sinh lý học của hiện tượng hiện hình này đã khơi dậy mối quan tâm lớn lao của khoa học, và cho đến nay chúng ta đã có kết quả của các khảo cứu rộng rãi về nó trong vài tập sách, đặc biệt là trong *Thông Nhãn và Hiện Hình* của Bác sĩ Geley và *Các Hiện Tượng Hiện Hình* của Nam tước von Schrenck-Notzing.

The substance in question appears to be of precisely the same character from whatever medium it may come. It issues in an invisible

Chất liệu được nói đến có vẻ đúng hệt cùng một đặc tính, bất kể nó phát sinh từ đồng tử hay môi giới nào. Nó xuất lộ dưới dạng vô

form, which may sometimes be felt as a wind. It then becomes vaporous, and finally condenses into a white, grey or black material of various textures. This is then moulded into human limbs and faces and sometimes entire figures, apparently by unseen sources of intelligence. Sometimes, however, the operating intelligences are seen by the medium or other clairvoyant persons who may be present, and also other than human forms are produced, as in the case of Mr. Kluski, about whom a perfectly formed eagle has frequently been seen and even photographed. On account of the plastic quality of this material and the fact that it can be moulded into forms at a little distance from the medium's body, it goes by the name of teleplasm, and to the forms made out of it Professor Richet gave the name ectoplasms some years ago. Afterwards, some writers modified Professor Richet's nomenclature, and designated the substance itself ectoplasm.

hình, đôi khi có thể cảm như một luồng gió. Rồi nó trở nên như hơi, và sau cùng ngưng tụ thành chất trắng, xám hay đen với nhiều kết cấu khác nhau. Chất này sau đó được nắn thành những chi thể và gương mặt người và đôi khi thành cả hình người trọn vẹn, dường như do những nguồn trí tuệ vô hình thực hiện. Tuy nhiên, đôi khi các trí tuệ điều hành lại được đồng tử hoặc những người có thông nhãn khác đang hiện diện nhìn thấy, và cũng có những hình thể khác loài người được tạo ra; như trong trường hợp Ông Kluski, quanh Ông người ta thường thấy, thậm chí chụp ảnh được, một con đại bàng kết thành hoàn toàn. Do phẩm tính dẻo của vật chất này và do sự kiện nó có thể được nắn thành hình ở một khoảng cách nhỏ so với thân thể đồng tử, người ta đặt tên cho nó là viễn chất, và với các hình thể được làm ra từ đó, Giáo sư Richet cách đây mấy năm đã đặt tên là ngoại chất. Về sau, một số tác giả sửa đổi thuật ngữ của Giáo sư Richet và gọi chính chất liệu ấy là ngoại chất.

In the case of the famous medium Eusapia Palladino the first manifestation appeared in the form of a cool wind issuing from her forehead, especially from an old wound on one side of her head, and from other parts of the body. This wind would billow out the curtains of the cabinet or the material of her dress, and within the protection of the dark space behind them would proceed to densify into a form, which might then emerge into some degree of light. The endeavours of later investigators have been to induce the operating entities to perform the entire process in full view as far as possible, for the sake of scientific research, and this no doubt accounts for the fact that many of the materialized forms photographed in various stages of growth are not as perfect as some of the earlier phenomena, such as the appearance of Katie King through the

Trong trường hợp đồng tử lừng danh Eusapia Palladino, sự biểu hiện đầu tiên xuất hiện như một luồng gió mát thổi ra từ trán Bà, nhất là từ một vết thương cũ ở một bên đầu, và từ những phần khác của thân thể. Luồng gió ấy thổi phồng rèm của buồng tối hoặc vải áo của Bà, và trong sự che chở của khoảng tối phía sau những vật ấy, nó bắt đầu đặc lại thành một hình thể, rồi có thể bước ra nơi có chút ít ánh sáng. Nỗ lực của các nhà điều tra về sau là khuyên các thực thể điều hành thực hiện toàn bộ tiến trình ấy càng công khai càng tốt, vì lợi ích của nghiên cứu khoa học, và điều này hẳn giải thích vì sao nhiều hình thể hiện hình được chụp trong những giai đoạn tăng trưởng khác nhau lại không hoàn hảo như một số hiện tượng sớm hơn, chẳng hạn như sự xuất hiện của Katie King qua khả năng đồng tử của Florence Cook.

mediurnship of Florence Cook.

The Phenomena Of Eusapia Palladino—Các Hiện Tượng Của Eusapia Palladino

The following typical account of Madame Palladino's work appears in Mr. Carrington's *Eusapia Palladino and her Phenomena*, p. 205:

Tường thuật điển hình sau về công việc của Bà Palladino xuất hiện trong tác phẩm *Eusapia Palladino và các Hiện tượng của Bà* của Ông Carrington, tr. 205:

After the medium had resumed her chair, we felt her head with our hands, to see if the cold breeze was issuing from her forehead. We all clearly perceived it with our hands, placed at a distance of about three inches from the medium's head. F. held his hand over her mouth and nose, and we all did likewise, holding our noses and mouths and refraining from breathing, and the breeze was still distinctly perceptible. B. then held a small paper flag to the medium's forehead—her nose and mouth, as well as our own, still being covered. The flag blew out several times, and then out so forcibly that it turned completely over and wrapped itself once round the flagstaff, to which it was attached. The objective nature of this breeze was thus established—though a thermometer held to her head failed to record any lowering of temperature.

Sau khi đồng tử trở lại ghế, chúng tôi dùng tay rờ đầu Bà để xem luồng gió lạnh có phát ra từ trán Bà không. Tất cả chúng tôi đều cảm nhận rõ ràng luồng gió ấy bằng bàn tay đặt cách đầu đồng tử chừng ba inch. F. đặt tay lên miệng và mũi Bà, và chúng tôi đều làm như vậy, bịt mũi và miệng mình và ngưng thở, mà luồng gió vẫn cảm thấy rõ rệt. Sau đó B. cầm một lá cờ giấy nhỏ đưa lên trán đồng tử—miệng và mũi Bà, cũng như của chúng tôi, vẫn bị che kín. Lá cờ bay phấp phới vài lần, rồi bay mạnh đến mức lật hẳn và quấn một vòng quanh cán cờ. Bản chất khách quan của luồng gió như vậy đã được xác lập—dẫu một cây nhiệt kế đưa lên đầu Bà không ghi nhận được sự hạ nhiệt độ nào.

A fair example of the phenomena produced by what was presumably a condensation of this wind was given in the experiments made at Turin in 1907 by Professor Lombroso and his two assistants, Dr. Imoda and Dr. Audenino. These seances were held in the clinical chamber of psychiatry in the University, and were attended by a number of eminent men. The unanimous opinion was that "even the cleverest trickery could not begin to explain the majority of the phenomena observed". The phenomena took place in the light of an electric lamp of ten candle-power. In the second and later seances there were heavy

Một ví dụ khá tiêu biểu về các hiện tượng do cái mà có lẽ là sự ngưng tụ của luồng gió này tạo ra đã được đưa ra trong các thí nghiệm thực hiện tại Turin năm 1907 bởi Giáo sư Lombroso và hai phụ tá của Ông, Bác sĩ Imoda và Bác sĩ Audenino. Những buổi gọi hồn này diễn ra trong phòng lâm sàng tâm thần của Đại học, và có sự tham dự của một số vị danh tiếng. Ý kiến nhất trí là "ngay cả trò bịp bợm tinh vi nhất cũng không thể bắt đầu giải thích phần lớn các hiện tượng quan sát được". Các hiện tượng diễn ra dưới ánh đèn điện công suất mười nến. Trong buổi thứ hai và các buổi sau đó có những tiếng đập mạnh trên bàn

blows on the table as well as the usual lighter raps, and various musical instruments were played. The persons present were tapped and pulled, and various objects were thrown about.

cũng như những tiếng gõ nhẹ thường lệ, và nhiều nhạc cụ khác nhau được chơi. Những người hiện diện bị vỗ vào người và bị kéo, và nhiều đồ vật bị ném tung.

A footstool of common wood, which was inside the medium's cabinet, shook and fell; the curtain also shook; behind it a hand grasped repeatedly the extended hands of those present; shook them and caressed them. Suddenly, to the surprise of all, a little closed hand, the arm covered with a dark sleeve, showed itself in the full light, quite visibly; it was pink, plump and fresh. "Surprise did not prevent our at once giving attention to the control of the medium; her hands were firmly enclosed in those of the two watchful doctors." A few minutes later a cold wind came from behind the curtain, which suddenly opened as if it had been opened by two hands, a human head came out, with a pale, haggard face, of sinister evil aspect. It lingered a moment and then disappeared.

Một chiếc ghế đẩu bằng gỗ tầm thường ở bên trong buồng tối của đồng tử rung lên rồi đổ; tấm rèm cũng rung; phía sau rèm một bàn tay nhiều lần nắm lấy những bàn tay đang đưa ra của người hiện diện; lắc chúng và vuốt ve chúng. Đột nhiên, trước sự ngạc nhiên của mọi người, một bàn tay bé xíu nắm chặt, cánh tay phủ một ống tay áo sẫm, xuất hiện ngay trong vùng sáng, hoàn toàn trông thấy; nó hồng hào, mũm mĩm và tươi tắn. "Sự ngạc nhiên không ngăn cản chúng tôi lập tức chú ý đến việc khống chế đồng tử; hai bàn tay Bà bị hai vị bác sĩ cảnh giác nắm chặt." Vài phút sau, một luồng gió lạnh thổi từ sau rèm, bỗng chốc tấm rèm mở ra như thể có hai bàn tay mở nó, một cái đầu người ló ra, với gương mặt tái nhợt, hốc hác, mang vẻ hung hiểm độc ác. Nó nán lại một thoáng rồi biến mất.

The wooden stool rose up in the air and seemed to want to leave the cabinet, pushing aside the curtains. It was liberated from the curtains, then it continued to ascend in an inclined position toward the circle. Several hands stretched out, following the curious phenomenon, and lightly touched the object.

Chiếc ghế gỗ bay lên không trung và dường như muốn rời khỏi buồng tối, đẩy rèm sang bên. Nó được gỡ khỏi rèm, rồi tiếp tục bay lên theo thế nghiêng về phía vòng tròn. Vài bàn tay đưa ra, dõi theo hiện tượng lạ ấy, và chạm nhẹ vào vật thể.

The woman's small hand then reappeared near the curtain, seized one of the feet of the footstool, and pushed it. Signor Mucchi broke the chain, and, by a rapid action, seized the warm hand, which at once seemed to dissolve and disappeared. Immediately observations were made to ascertain if the medium's two hands were well controlled; such was found to be the case. The footstool kept on rising, and passed over the heads of the sitters, but at this moment the medium seemed in distress, and

Bàn tay nhỏ của người phụ nữ lại xuất hiện gần rèm, nắm lấy một chân ghế đẩu, và đẩy nó. Ngài Mucchi phá vòng dây, và bằng một động tác nhanh, chộp lấy bàn tay ấm áp, vốn lập tức dường như tan rã và biến mất. Lập tức người ta kiểm tra để xác định hai tay của đồng tử có bị khống chế tốt không; và quả đúng như vậy. Chiếc ghế đẩu tiếp tục bay lên, và bay qua đầu những người tham dự, nhưng vào lúc này đồng tử có vẻ khổ sở, và kêu lên: "Nó sẽ giết chúng ta! Bắt lấy nó!" Những bàn tay đang dõi

cried out: “It will kill us! Catch it!” The hands that were following the movements of the small piece of furniture then seized hold of it to withdraw it from this perilous position, but an invisible force withdrew it to the centre of the table, where it finally remained in repose.

theo chuyển động của món đồ nội thất nhỏ bèn chộp lấy nó để đưa nó khỏi vị trí nguy hiểm ấy, nhưng một sức mạnh vô hình kéo nó về giữa bàn, nơi cuối cùng nó nằm yên.

At the close of the seance, the reporter placed his hand on the deep scar which the medium has on the left side of her head, and felt a strong, cold, continuous breeze issuing from it, like a human breath. He subsequently felt the same cold breeze issuing, though less strongly, from the tips of her fingers. (p. 90).

Cuối buổi gọi hồn, người tường thuật đặt tay lên vết sẹo sâu ở phía trái đầu đồng tử, và cảm thấy một luồng gió mạnh, lạnh, liên tục thổi ra từ đó, như hơi thở người. Sau đó Ông cũng cảm thấy luồng gió lạnh tương tự, tuy yếu hơn, thổi ra từ đầu ngón tay Bà. (tr. 90).

In some cases a complete form appeared, as in the following record, on page 96:

Trong vài trường hợp một hình thể trọn vẹn xuất hiện, như trong ghi chép sau, ở trang 96:

The medium rested her head against the shoulder of the controller on the right; her hands were held in his; suddenly the curtain shook violently, a cold wind passed out, then a human form covered by the thin material of the curtain was visible against this light background. The head of a woman, unstable and staggering, approached the face of the old man; she moved tremblingly like an old woman; perhaps she kissed him; the old man encouraged her; she withdrew, returned, seemed as if she was afraid to venture, then advanced resolutely.

Đồng tử tựa đầu vào vai người giữ bên phải; hai tay Bà bị Ông ấy nắm; đột ngột tấm rèm rung dữ dội, một luồng gió lạnh thổi ra, rồi một hình người phủ bởi lớp vải mỏng của tấm rèm hiện rõ trên nền sáng phía sau. Đầu của một phụ nữ, lảo đảo không vững, tiến lại gần mặt cụ ông; bà ta di chuyển run rẩy như một bà lão; có lẽ bà đã hôn Ông; cụ ông khích lệ bà; bà lui lại, quay lại, có vẻ như sợ dấn bước, rồi quyết liệt tiến lên.

The Teleplasm Of Eva C.—Viễn Chất Của Eva C.

One of the most successful materializing mediums of recent years is the lady known as Eva C. More than a hundred scientific men, especially physicians, have had an opportunity of observing her phenomena. Dr. Geley had two sittings a week with her for twelve months, and has fully and carefully described the teleplasm or ectoplasm. In a lecture given on the 28th of January, 1918, to the members of the Psychological Institute in the medical lecture theatre of the College de

Một trong những đồng tử hiện hình thành công nhất trong những năm gần đây là một phụ nữ được biết dưới tên Eva C. Hơn một trăm nhà khoa học, đặc biệt là các bác sĩ, đã có dịp quan sát các hiện tượng của Bà. Bác sĩ Geley có hai buổi ngồi mỗi tuần với Bà trong mười hai tháng, và đã mô tả đầy đủ và cẩn trọng viễn chất hay ngoại chất. Trong một bài thuyết giảng vào ngày 28 tháng Giêng năm 1918 trước các thành viên của Viện Tâm lý học tại giảng đường y khoa của Collège de France,

France, in which Dr. Geley discusses his observations with Eva C., he gave a description of the material which has been summarized as follows. (*Phenomena of Materialization*, p. 328.)

trong đó Bác sĩ Geley thảo luận các quan sát của Ông với Eva C., Ông đã đưa ra một mô tả về chất liệu, được tóm lược như sau. (*Những Hiện tượng Hiện hình*, tr. 328.)

A substance emanates from the body of the medium, it externalizes itself, and is amorphous, or polymorphous, in the first instance. This substance takes various forms, but, in general, it shows more or less composite organs. We may distinguish (1) the substance as a substratum of materialization; (2) its organized development. Its appearance is generally announced by the presence of fluid, white and luminous flakes of a size ranging from that of a pea to that of a five-franc piece, and distributed here and there over the medium's black dress, principally on the left side.

Một chất liệu xuất lộ từ thân thể đồng tử, nó tự ngoại hiện, và lúc đầu vô định hình, hay đa hình. Chất này nhận nhiều dạng, nhưng nói chung, nó cho thấy những cơ quan có tính chất tổng hợp ít nhiều. Chúng ta có thể phân biệt (1) chất ấy như là nền chất của sự hiện hình; (2) sự phát triển có tổ chức của nó. Sự xuất hiện của nó thường được báo hiệu bởi những mảnh vụn trắng, phát quang, dạng lưu chất, có kích cỡ từ bằng hạt đậu đến đồng năm franc, rải rác đây đó trên chiếc váy đen của đồng tử, chủ yếu ở bên trái.

This manifestation is a premonitory phenomenon, which sometimes precedes the other phenomena by three quarters of an hour, or an hour. Sometimes it is wanting, and it occasionally happens that no other manifestation follows.

Sự biểu hiện này là một hiện tượng báo trước, đôi khi đi trước các hiện tượng khác ba phần tư giờ, hay một giờ. Đôi khi nó vắng mặt, và đôi khi xảy ra là không có biểu hiện nào khác tiếp theo.

The substance itself emanates from the whole body of the medium, but especially from the natural orifices and the extremities, from the top of the head, from the breasts, and the tips of the fingers. The most usual origin, which is most easily observed, is that from the mouth. We then see the substance externalizing itself from the inner surface of the cheeks, from the gums, and from the roof of the mouth.

Chính chất liệu ấy xuất lộ từ khắp thân thể đồng tử, nhưng đặc biệt từ các lỗ tự nhiên và các đầu mút, từ đỉnh đầu, từ ngực, và đầu ngón tay. Nguồn gốc thường thấy nhất, và dễ quan sát nhất, là từ miệng. Khi ấy chúng ta thấy chất vật tự ngoại hiện từ mặt trong của má, từ lợi, và từ vòm miệng.

The substance occurs in various forms, sometimes as ductile dough, sometimes as a true protoplastic mass, sometimes in the form of numerous thin threads, sometimes as cords of various thickness, or in the form of narrow rigid rays, or as a broad band, as a membrane,

Chất liệu xuất hiện dưới nhiều dạng, đôi khi như một khối bột dẻo, đôi khi như một khối nguyên sinh thật sự, đôi khi thành vô số sợi mảnh, đôi khi thành dây với bề dày khác nhau, hoặc thành những tia hẹp cứng, hoặc thành một dải rộng, như một màng, như một tấm

as a fabric, or as a woven material with indefinite and irregular outlines. The most curious appearance is presented by a widely expanded membrane, provided with fringes and rucks, and resembling in appearance a net.

vải, hay như một vật liệu dệt với đường viền bất định và bất quy tắc. Hình dạng lạ lùng nhất là một màng trải rộng, có tua và nếp gợn, trông giống như một tấm lưới.

The amount of externalized matter varies within wide limits. In some cases it completely envelops the medium as in a mantle. It may have three different colours—white, black, or grey. The white colour is the most frequent, perhaps because it is most easily observed. Sometimes the three colours appear simultaneously. The visibility of the substance varies a great deal, and it may slowly increase or decrease in succession. To the touch it gives various impressions. Sometimes it is moist and cold, sometimes viscous and sticky, more rarely dry and hard. The impression created depends on the shape. It appears soft and slightly elastic when it is expanded, and hard, knotty, or fibrous when it forms cords. Sometimes it produces the feeling of a spider's web passing over the observer's hand. The threads are both rigid and elastic.

Lượng chất ngoại hiện biến thiên trong những giới hạn rất rộng. Có khi nó bọc kín đồng tử như trong một chiếc áo choàng. Nó có thể mang ba màu khác nhau—trắng, đen hoặc xám. Màu trắng là thường gặp nhất, có lẽ vì dễ quan sát nhất. Đôi khi ba màu xuất hiện đồng thời. Độ khả kiến của chất này thay đổi rất nhiều, và nó có thể chậm rãi tăng lên hoặc giảm đi nối tiếp nhau. Khi chạm vào, nó đem lại nhiều cảm giác. Đôi khi ẩm và lạnh, đôi khi dẻo và dính, hiếm hơn thì khô và cứng. Ấn tượng tạo ra tùy thuộc vào hình dạng. Nó có vẻ mềm và hơi đàn hồi khi trải rộng, và cứng, có nút hoặc dạng sợi khi kết thành dây. Đôi khi nó gây cảm giác như một mạng nhện lướt qua bàn tay người quan sát. Những sợi này vừa cứng vừa đàn hồi.

The substance is mobile. Sometimes it moves slowly up or down, across the medium, on her shoulders, on her breast, or on her knees, with a creeping motion resembling a reptile.

Chất liệu có tính linh động. Đôi khi nó di chuyển chậm rãi lên hoặc xuống, băng qua người đồng tử, trên vai, trên ngực, hoặc trên đầu gối Bà, với chuyển động bò trườn giống loài bò sát.

Sometimes the movements are sudden and quick. The substance appears and disappears like lightning and is extraordinarily sensitive. Its sensitiveness is mixed up with the hyperaesthetic sensibility of the medium. Every touch produces a painful reaction in the medium. When the touch is moderately strong, or prolonged, the medium complains of a pain comparable with the pain produced by a shock to the normal body.

Đôi khi các chuyển động bất chợt và nhanh chóng. Chất liệu xuất hiện và biến mất như chớp và nhạy cảm một cách phi thường. Tính nhạy cảm của nó hòa lẫn với sự tăng cảm của đồng tử. Mọi sự chạm vào đều gây phản ứng đau đớn nơi đồng tử. Khi chạm vừa phải mạnh, hoặc kéo dài, đồng tử than phiền một nỗi đau có thể so với cú sốc tác động lên thân thể bình thường.

The substance is sensitive to light. Strong light, especially when sudden and unexpected, produces a painful disturbance in the subject. Yet nothing is more variable than the action of light. In some cases, the phenomena withstand full daylight. The magnesium flash-light acts like a sudden blow on the medium, but it is withstood, and flash-light photographs can be taken.

Chất liệu nhạy với ánh sáng. Ánh sáng mạnh, nhất là khi bất ngờ và đột ngột, gây xáo trộn đau đớn nơi chủ thể. Tuy vậy không có gì biến thiên hơn tác động của ánh sáng. Trong vài trường hợp, hiện tượng chịu đựng được cả ánh sáng ban ngày. Đèn chớp magiê tác động như một cú đánh bất ngờ đối với đồng tử, nhưng Bà chịu đựng được, và vẫn có thể chụp ảnh đèn chớp.

The substance has an intrinsic and irresistible tendency towards organization. It does not remain long in the primitive condition. It often happens that the organization is so rapid that the primordial substance does not appear at all. At other times one sees at the same time the amorphous substance, and some forms or structures, more or less completely embedded in it, *e.g.*, a thumb suspended in a fringe of the substance. One even sees heads and faces embedded in the material.

Chất liệu có khuynh hướng nội tại và bất khả cưỡng đối với sự tổ chức hóa. Nó không ở lâu trong tình trạng nguyên thủy. Thường xảy ra là sự tổ chức hóa diễn ra nhanh đến mức chất nguyên thủy chẳng hề xuất hiện chút nào. Lúc khác, người ta thấy đồng thời cả chất vô định hình, và vài hình dạng hay cấu trúc, ít nhiều được nhúng trong đó, thí dụ một ngón tay treo trong một tua của chất liệu. Người ta thậm chí còn thấy đầu và mặt chìm trong vật liệu.

As to actual experiments, Dr. Geley gives the following case from his note book:

Về các thí nghiệm thực tế, Bác sĩ Geley đưa trường hợp sau từ sổ tay của Ông:

A cord of white substance proceeds slowly from the mouth down to Eva's knees, having the thickness of about two fingers. This band assumes the most varied forms before our eyes. Sometimes it expands in the form of a membraneous fabric, with gaps and bulges. Sometimes it contracts and folds up, subsequently expanding and stretching out again. Here and there projections issue from the mass, a sort of pseudopods, and these sometimes take, for a few seconds, the form of fingers, or the elementary outline of a hand, subsequently returning back into the mass. Finally, the cord contracts into itself, extending again on Eva's knees. Its end rises in the air, leaves the medium, and approaches me. I then see that the end condenses itself in the form of a knot or terminal bud, and this again expands into a perfectly modelled hand.

Một dải chất trắng từ từ đi ra từ miệng, xuống đến đầu gối của Eva, dày chừng bằng hai ngón tay. Dải này nhận những hình dạng hết sức đa tạp ngay trước mắt chúng tôi. Đôi khi nó xòe ra thành một tấm màng như vải, có lỗ hổng và chỗ phồng. Đôi khi nó co lại và gấp nếp, rồi lại xòe ra và duỗi ra lần nữa. Đây đó những chồi nhỏ trồi ra khỏi khối, một loại giả túc, và đôi khi chúng nhận, trong vài giây, hình dạng của những ngón tay, hoặc đường nét sơ đẳng của một bàn tay, rồi lại quay trở về khối. Sau cùng, dải co vào chính nó, rồi lại trải ra trên đầu gối Eva. Đầu dải nâng lên trong không khí, rời đồng tử, và tiến về phía tôi. Khi ấy tôi thấy đầu dải ngưng tụ lại thành hình một cái nút hay một nụ ở đầu, và cái ấy lại xòe ra thành một bàn tay được tạo mẫu hoàn chỉnh. Tôi chạm vào bàn tay này; cảm giác hoàn toàn bình thường. Tôi sờ thấy xương và các ngón với

I touch this hand; it feels quite normal. I feel the bones and the fingers with the nails. This hand is then drawn back, becomes smaller, and vanishes at the end of the cord. The latter makes a few further motions, contracts, and then returns into the medium's mouth. (p. 330.)

móng tay. Bàn tay ấy rồi được kéo trở lại, nhỏ dần, và biến mất ở đầu dải. Dải ấy cử động thêm vài lần nữa, co lại, rồi quay trở vào miệng đồng tử. (tr. 330.)

Again:

Lại nữa:

A head suddenly appears about 30 inches from the head of the medium, above her and on her right side. It is a human head of normal dimensions, well developed, and with the usual relief. The top of the skull and the forehead are completely materialized. The forehead is broad and high. The hair is short and thick, and of a chestnut or black colour. Below the line of the eyebrows the design is vague, only the forehead and skull appearing clearly. The head disappears for a moment behind the curtain, and then reappears in the same condition, but the face, imperfectly materialized, is covered with a white mask. I extend my hand, and pass my fingers through the bushy hair, and touch the bones of the skull. The next moment everything had disappeared. (p. 330.)

Một cái đầu bất chợt xuất hiện cách đầu đồng tử khoảng 30 inch, ở phía trên và bên phải của Bà. Đó là một cái đầu người với kích thước bình thường, phát triển tốt, và với những chỗ nhô thường thấy. Đỉnh sọ và trán được hiện hình hoàn toàn. Trán rộng và cao. Tóc ngắn và dày, màu hạt dẻ hay đen. Dưới đường chân mày đường nét mơ hồ, chỉ có trán và sọ hiện rõ. Cái đầu biến mất một thoáng sau tấm rèm, rồi lại xuất hiện trong cùng tình trạng, nhưng khuôn mặt, hiện hình chưa hoàn toàn, được che bằng một chiếc mặt nạ trắng. Tôi đưa tay ra, luồn ngón tay qua mái tóc rậm, và chạm vào xương sọ. Khoảnh khắc sau mọi thứ đều biến mất. (tr. 330.)

Speaking from the physiological point of view the doctor adds:

Từ quan điểm sinh lý học, Bác sĩ thêm:

Both normal and supernormal physiology tend to establish the unity of the organic substance. In our experiments we have observed, above all, that a uniform amorphous substance externalizes itself from the medium's body, and gives rise to the various ideoplastic forms. We have seen how this uniform substance organized and transformed itself under our eyes. We have seen a hand emerging from the mass of the substance; a white mass developed into a face. We have seen how in a few moments the form

Cả sinh lý học bình thường lẫn siêu thường đều hướng tới việc xác lập tính thống nhất của chất hữu cơ. Trong các thí nghiệm của chúng tôi, trước hết chúng tôi nhận thấy một chất vô định hình đồng nhất tự ngoại hiện khỏi thân đồng tử, và sinh ra những hình thể ý-tạo khác nhau. Chúng tôi đã thấy chất đồng nhất đó tổ chức hóa và tự chuyển hóa ngay trước mắt chúng tôi. Chúng tôi đã thấy một bàn tay ló ra khỏi khối chất; một khối trắng phát triển thành một gương mặt. Chúng tôi đã thấy trong vài khoảnh khắc hình dạng của một cái

of a head was replaced by the shape of a hand. By the concurrent testimony of sight and touch we have followed the transition of the amorphous unorganized substance into an organically developed structure which had temporarily all the attributes of life—a complete formation, so to speak, in flesh arid blood.

We have watched the disappearance of these formations as they sank back into primitive substance, and have even observed how, in an instant, they were absorbed into the body of the medium. In supranormal physiology there are no different organic substrata for the various substances, as, *e.g.*, a bone substance, a muscular, visceral, or nervous substance; it is simply then a single substance, the basis and substratum of organic life.

In normal physiology it is exactly the same, but it is not so obvious. In some cases it appears quite clear that the phenomenon which takes place in the black seance cabinet, takes place also, as already mentioned, in the chrysalis of the insect. The dissolution of tissues reduces a large proportion of the organs, and their various parts, to a single substance, that substance which is destined to materialize the organs and the various parts of the adult form. We, therefore, have the same manifestation in both physiologies. (p. 332.)

But it is Baron von Schrenck-Notzing of Munich who has given us the fullest account of Eva's mediumship, in his great work *Phenomena of Materialization*, a large volume containing no less than 225 illustrations, mostly from actual photographs of the occurrences. These are derived from literally hundreds of sessions, extending from May, 1909 to June, 1914. The phenomena described in this book are of the same nature as those of Dr. Geley, but as they relate to an earlier period

đầu được thay thế bằng hình dạng của một bàn tay. Bằng lời chứng đồng thời của thị giác và xúc giác, chúng tôi đã theo dõi sự chuyển tiếp của chất vô định hình chưa tổ chức thành một cấu trúc phát triển hữu cơ, vốn tạm thời có đầy đủ các thuộc tính của sự sống—nói vậy, là một cấu thành hoàn chỉnh bằng thịt và máu.

Chúng tôi đã chứng kiến sự biến mất của các cấu thành ấy khi chúng lắng lại vào chất nguyên thủy, và thậm chí còn quan sát được cách chỉ trong một sát-na, chúng được hấp thu vào thân đồng tử. Trong sinh lý học siêu thường không có những nền chất hữu cơ khác nhau cho các mô khác nhau, như, chẳng hạn, một chất xương, một chất cơ, tạng hay thần kinh; lúc ấy chỉ đơn giản là một chất duy nhất, nền tảng và nền chất của sự sống hữu cơ.

Trong sinh lý học bình thường cũng đúng như vậy, nhưng không hiển nhiên. Trong vài trường hợp người ta thấy khá rõ rằng hiện tượng diễn ra trong buồng tối của buổi gọi hồn cũng diễn ra, như đã nói, trong cái kén của côn trùng. Sự tan rã mô làm cho một phần lớn các cơ quan, và các phần khác nhau của chúng, quy về một chất duy nhất, chất mà số phận là sẽ hiện hình nên các cơ quan và những phần khác nhau của hình dạng trưởng thành. Do đó, chúng ta có cùng một biểu hiện trong cả hai loại sinh lý học. (tr. 332.)

Nhưng chính Nam tước von Schrenck-Notzing ở Munich đã cho chúng ta bản tường thuật đầy đủ nhất về khả năng đồng tử của Eva, trong tác phẩm lớn *Những Hiện tượng Hiện hình*, một tập dày có đến 225 minh hoạ, phần lớn từ ảnh chụp thực sự về các sự kiện. Những ảnh này có được từ hàng trăm buổi, kéo dài từ tháng Năm, 1909 đến tháng Sáu, 1914. Các hiện tượng được mô tả trong sách này đồng loại với những của Bác sĩ Geley, nhưng vì chúng liên quan đến thời kỳ sớm hơn trong công việc của Eva, nên

of Eva's work they show a gradual development of the power, at any rate with respect to that condition of the teleplastic substance in which it is capable of being photographed. Madame Bisson, who lives with Eva, and has taken care of her for many years, describes a number of occasions on which she was able to handle the teleplasm, and she confirms the sensations of it which are described by Dr. Geley.

chúng cho thấy sự phát triển dần của năng lực, ít nhất là đối với tình trạng của chất viễn tạo mà trong đó nó có thể được chụp ảnh. Bà Bisson, người sống cùng Eva và đã chăm sóc Bà nhiều năm, mô tả một số dịp Bà có thể chạm tay vào viễn chất, và Bà xác nhận các cảm giác về nó như Bác sĩ Geley đã mô tả.

The teleplasm is rarely, if ever, entirely separated from the medium, and though it possesses no organized nerves, impressions made upon it by touch and by light appear in the medium's consciousness as her own sensations. Incidentally, this proves that the nervous system is not absolutely necessary for the communication of sensations to the brain. Generally speaking, any pressure given to the substance, or any sudden and powerful light, such as that from a pocket electric lamp, hurts the medium. The pain seems to appear in the body of the medium in that part of the body from which the material was probably drawn. The following example illustrates this to some extent.

Viễn chất hiếm khi, nếu không muốn nói là không bao giờ, tách rời hoàn toàn khỏi đồng tử, và tuy nó không có thần kinh tổ chức, những ấn tượng tác động lên nó bởi sự chạm vào và bởi ánh sáng dường như xuất hiện trong tâm thức của đồng tử như là cảm giác của chính Bà. Nhân tiện, điều này chứng tỏ rằng hệ thần kinh không tuyệt đối cần thiết cho việc truyền đạt cảm giác lên bộ não. Nói chung, bất kỳ sức ép nào tác động lên chất liệu, hoặc bất kỳ ánh sáng đột ngột và mạnh nào, như từ một đèn pin, đều làm đau đồng tử. Cơn đau dường như xuất hiện nơi thân đồng tử ở phần cơ thể mà từ đó có lẽ chất liệu đã được rút ra. Ví dụ sau minh hoạ điều này phần nào.

Eva took my right hand in both her hands. This time the material was thrown on my right hand and on her hands, completely enclosing our hands. I then commenced to pull again and to draw the material outwards, proceeding as tenderly as possible, in order not to hurt the medium. When I began to examine the material, it had curled right round my hand. Suddenly Eva made a movement with her hands, lying on my arm, and involuntarily pulled at the material held by me. It obviously frightened and hurt her, for she screamed, and gave me great anxiety. I tried to soothe her, but she complained of a strong nausea. The nausea continued for about ten minutes (p. 98.)

Eva nắm tay phải tôi bằng cả hai tay của Bà. Lần này chất liệu được thả lên tay phải tôi và lên tay Bà, bao bọc hoàn toàn đôi tay chúng tôi. Tôi bèn bắt đầu kéo ra và rút chất liệu về phía ngoài, tiến hành nhẹ nhàng nhất có thể, để không làm đồng tử đau. Khi tôi bắt đầu xem xét chất liệu, nó đã cuộn tròn quanh tay tôi. Đột nhiên Eva cử động đôi tay Bà, đang đặt trên cánh tay tôi, và vô tình kéo vào chất liệu mà tôi đang giữ. Rõ ràng là điều đó làm Bà hoảng và đau, vì Bà kêu thét, khiến tôi vô cùng lo lắng. Tôi cố trấn an Bà, nhưng Bà than chịu một cơn buồn nôn dữ dội. Cơn buồn nôn kéo dài chừng mười phút (tr. 98.)

At a later sitting (p. 131) when a female head showed itself, the Baron heard Eva speak at the same time, and request Madame Bisson to cut a lock from the head. Madame Bisson took a pair of scissors, and while under the careful observation of the Baron, cut off a lock of hair about four inches long and gave it to him. The materialized structure then suddenly disappeared in the direction of the medium, accompanied by a scream from her. After the sitting a lock of the medium's hair was cut, with her permission. While Eva's hair showed an entirely brunette character, that taken from the small head (which represented a female form whom Eva called Estelle) was blonde, and the fact that the two samples of hair were quite different was further proved by the microphotographical and chemical examinations made by experts (p. 133).

Trong một buổi muộn hơn (tr. 131) khi một cái đầu phụ nữ xuất hiện, Nam tước nghe Eva đồng thời lên tiếng và đề nghị Bà Bisson cắt một lọn tóc từ cái đầu ấy. Bà Bisson lấy một chiếc kéo, và trong khi được Nam tước quan sát kỹ, cắt một lọn tóc dài chừng bốn inch và đưa cho Ông. Cấu trúc hiện hình rồi bỗng biến mất theo hướng về phía đồng tử, kèm một tiếng kêu của Bà. Sau buổi ngồi, một lọn tóc của đồng tử được cắt, với sự cho phép của Bà. Trong khi tóc của Eva thể hiện hoàn toàn sắc nâu sẫm, thì tóc lấy từ cái đầu nhỏ (đại diện cho một hình phụ nữ mà Eva gọi là Estelle) lại vàng, và sự kiện hai mẫu tóc hoàn toàn khác nhau được chứng minh thêm bằng các kiểm tra hiển vi nhiếp ảnh và hoá học do các chuyên gia thực hiện (tr. 133).

Scientific Precautions—Những Biện Pháp Khoa Học

It should be mentioned that the scientists engaged in this research work always made every possible examination of the medium as well as of the place of meeting beforehand. As to this Dr. von Schrenck-Notzing writes:

Cần nói rằng các nhà khoa học tham gia công việc nghiên cứu này luôn tiến hành mọi kiểm tra có thể đối với đồng tử cũng như đối với nơi gặp gỡ trước đó. Về việc này, Bác sĩ von Schrenck-Notzing viết:

Not one of the observers during these four years has ever found on the medium's body, or in the seance costumes anything which could have been used for the fraudulent production of the phenomena. The author was a witness to the thorough performance of this task on no less than 180 occasions. The honesty of the medium is therefore not a probability, but a certainty placed beyond all question. She has never introduced any objects into the cabinet with which she could have fraudulently represented the teleplastic products. The various seance rooms, in different houses, had no secret passages or trap-doors, and were regularly examined, both before and after every sitting. (p. 275.)

Không một người quan sát nào trong suốt bốn năm ấy từng tìm thấy trên thân đồng tử, hoặc trong y phục dùng cho buổi gọi hồn, bất cứ thứ gì có thể được dùng để sản xuất giả mạo các hiện tượng. Tác giả đã chứng kiến sự thực hiện kỹ lưỡng nhiệm vụ này không dưới 180 lần. Tính trung thực của đồng tử do đó không phải là một khả hữu, mà là một điều chắc chắn ngoài mọi nghi vấn. Bà chưa bao giờ mang vào buồng tối bất kỳ vật nào bằng đó Bà có thể trình diễn giả mạo những sản phẩm viễn tạo. Các phòng buổi gọi hồn khác nhau, ở những căn nhà khác nhau, không có lối bí mật hay cửa sập, và đều được kiểm tra định kỳ, trước và sau mỗi buổi. (tr. 275.)

If many of the faces and forms which appear look to the casual observer as though drawn upon and cut out of paper, and are even marked by lines as though that paper, had been folded up, nevertheless it cannot be assumed that paper figures were smuggled into the seances. Both the rigidity of the searches and the control of the medium prevent not only their being introduced, but also their being handled if introduced. The examination of the photographs by experts, and their fruitless attempt to produce similar effects with paper figures photographed under exactly the same conditions, also show fraud to be impossible; and the exgurgitation hypothesis, which has been proposed by some speculators, also stretches the imagination too far from possible facts; besides, in some of the experiments bilberry jam was given to Eva to eat shortly before the sitting, and this must inevitably have coloured the entire contents of the stomach (p. 206).

Nếu nhiều gương mặt và hình thể xuất hiện dường như dưới mắt người quan sát tình cờ là như thể được vẽ rồi cắt ra từ giấy, và thậm chí có vết hằn như thể tờ giấy ấy từng bị gấp lại, thì mặc dù vậy không thể giả định rằng những hình giấy đã được lén mang vào buổi gọi hồn. Cả tính nghiêm ngặt của khám xét lẫn sự kiểm soát đồng tử đều ngăn không chỉ việc mang chúng vào, mà còn việc chạm đến chúng nếu có mang vào. Việc các chuyên gia xem xét ảnh chụp, và nỗ lực bất thành của họ nhằm tạo ra các hiệu ứng tương tự với hình giấy chụp dưới đúng các điều kiện như thế, cũng cho thấy gian lận là bất khả; và "giả thuyết ợ ói" do vài nhà suy đoán đề xuất cũng kéo trí tưởng tượng đi quá xa khỏi các sự kiện khả hữu; hơn nữa, trong một số thí nghiệm, người ta cho Eva ăn mứt việt quất ngay trước buổi ngồi, và điều đó hẳn tất yếu đã làm nhuộm màu toàn bộ chất chứa trong dạ dày (tr. 206).

The Development Of The Forms—Sự Phát Triển Của Các Hình Thể

On the other hand, it does often appear that the intelligences operating in the production of the forms have some difficulty in their materialization, which they can overcome only by methods of production resembling those of the artist and the sculptor on our own plane. For example, as to the experiment of the 10th of September, 1912, the Baron mentions (p. 196) that the head which appeared showed in several respects faults of drawing. Sometimes the same phantom appears a number of times, with or without a considerable interval. In such cases Baron von Schrenck-Notzing finds that while there is the same head and dress, and position of the arms crossed over the breast, there are a great number of small differences. He concludes that the differences between the pictures taken of the same type but on different

Mặt khác, người ta thường thấy rằng các trí tuệ điều hành trong việc tạo ra hình thể gặp đôi chút khó khăn trong sự hiện hình, điều mà họ chỉ có thể vượt qua bằng những phương pháp sản xuất giống như của người hoạ sĩ và nhà điêu khắc trên chính cõi của chúng ta. Chẳng hạn, về thí nghiệm ngày 10 tháng Chín, 1912, Nam tước ghi (tr. 196) rằng cái đầu xuất hiện cho thấy ở vài phương diện những lỗi trong nét vẽ. Đôi khi cùng một bóng hình xuất hiện nhiều lần, có hoặc không có khoảng cách đáng kể. Trong những trường hợp như vậy, Nam tước von Schrenck-Notzing nhận thấy rằng tuy cùng là cái đầu và y phục, và tư thế hai cánh tay khoanh trước ngực, vẫn có một số lượng lớn những khác biệt nhỏ. Ông kết luận rằng những khác biệt giữa các bức chụp cùng một kiểu nhưng vào những buổi khác nhau có thể so sánh với những dáng khác nhau của

evenings may be compared with the different poses of a person at a photographer's, and that they are due principally to different positions of the body, owing to displacement and changes in the external lines and the folds of the dress. The differences, he adds, indicate mobility and variability of the artistic will behind the scenes in the details and shades of the conception, for the "elementary formative principle" never produces rigid and unchangeable products, "but the photographed emanations always indicate a mobile, soft material basis, which is highly changeable and rapidly perishable." (p. 230.)

một người khi chụp ảnh, và rằng chúng chủ yếu do vị trí thân thể khác nhau, bởi sự xê dịch và những thay đổi ở đường nét bên ngoài và nếp gấp của y phục. Những khác biệt ấy, Ông thêm, chỉ ra tính linh động và biến dị của ý chí nghệ thuật hậu trường trong chi tiết và sắc thái của quan niệm, vì "nguyên lý kiến tạo sơ đẳng" không bao giờ tạo ra những sản phẩm cứng nhắc và bất biến, "mà các xuất lộ được chụp ảnh luôn chỉ ra một nền chất mềm, linh động, rất dễ biến đổi và chóng hư hoại." (tr. 230.)

The same distinguished investigator had also a number of seances with a Polish medium, a girl of nineteen years, named Stanislava P. (p. 251 *et seq*.) From her he obtained phenomena very similar to those presented by Eva C. In this series of investigations some cinema pictures were taken—on one occasion as many as four hundred, and on another three hundred and sixty (p. 258). The films show the recession of the material into the mouth of the medium, and one of them also shows the broadening and narrowing of the mass of substance.

Cùng nhà điều tra xuất sắc này cũng có một số buổi với một đồng tử Ba Lan, một cô gái mười chín tuổi, tên Stanislava P. (tr. 251 *và tiếp theo*.) Từ cô, Ông thu được những hiện tượng rất giống với các hiện tượng của Eva C. Trong loạt điều tra này, người ta chụp cả phim chiếu bóng—có lần đến bốn trăm tấm, và lần khác ba trăm sáu mươi (tr. 258). Phim cho thấy chất liệu co rút trở lại vào miệng đồng tử, và một trong số đó cũng cho thấy sự loe rộng và thu hẹp của khối chất.

In 1922 Baron von Schrenck-Notzing devoted several months to demonstrations of the reality of ectoplasm to members of the liberal professions, in this case with a medium named Willy Schneider, an Austrian boy of 16. Through these phenomena a large number of scientists became convinced of the reality of materializations.

Năm 1922 Nam tước von Schrenck-Notzing dành vài tháng để trình diễn thực tại của ngoại chất cho các thành viên thuộc các giới nghề tự do, trong trường hợp này với một đồng tử tên Willy Schneider, một thiếu niên người Áo mười sáu tuổi. Qua những hiện tượng này, một số đông các nhà khoa học đã tin chắc vào thực tại của các sự hiện hình.

The Clothing Of Phantoms—Y Phục Của Các Bóng Hình

The question is sometimes asked why the materialized forms of persons who have been dead for a considerable time still present themselves in the clothing which they used to

Đôi khi người ta hỏi vì sao những hình thể hiện hình của những người đã qua đời từ lâu vẫn xuất hiện trong y phục họ từng mặc. Điều này không phải lúc nào cũng đúng một cách

wear. This is not always strictly the case, but it is generally so even when the departed person may have changed his habit in the astral world. One reason for this is that many of them would not be recognized in their new condition, but it appears also that when they come within earth influence their old earth condition closes in upon them, as it were, and reproduces the old material forms. Through Mrs. Coates in trance (*Photographing the Invisible*, p. 208) the reply given to this question was:

nghiêm ngặt, nhưng thường là như vậy ngay cả khi người quá cố có thể đã đổi thói quen ở cõi cảm dục. Một lý do là nhiều người trong số họ sẽ không được nhận ra trong tình trạng mới, nhưng cũng có vẻ như khi họ đến gần ảnh hưởng trần thế thì tình trạng trần thế cũ của họ dường như khép vào, và tái tạo những hình thể vật chất cũ. Qua Bà Coates trong trạng thái xuất thần (*Chụp ảnh Cái Vô hình*, tr. 208) câu trả lời đưa ra cho câu hỏi này là:

When we think what we were like upon the earth, the ether condenses around us and encloses us like an envelope. We are within those ether-like substances which are drawn to us, and our thoughts of what we were like and what we would be better known by, produce not only the clothing, but the fashioning of our forms and features. It is here the spirit chemists step in. They fashion according to their ability that ether substance quicker than thought, and produce our earth features so that they may be recognized... When I was photographed... at Los Angeles, that etherealized matter was attracted or clung to me, taking on the features fashioned by my thoughts, which were, by some sudden impulse or mysterious law, those of my last illness on earth.

Khi chúng tôi nghĩ về hình dạng của mình khi còn ở trần gian, chất dĩ thái ngưng tụ quanh chúng tôi và bao bọc chúng tôi như một cái vỏ. Chúng tôi ở trong những chất giống dĩ thái ấy vốn bị hút đến chúng tôi, và những ý nghĩ của chúng tôi về diện mạo xưa và về điều gì sẽ khiến chúng tôi dễ được nhận ra hơn, tạo nên không chỉ y phục, mà còn cả việc nắn tạo hình dáng và nét mặt của chúng tôi. Ở đây các nhà hoá học linh giới nhập cuộc. Họ gia công chất dĩ thái ấy theo khả năng của mình nhanh hơn ý nghĩ, và tạo nên các nét diện mạo trần gian của chúng tôi để có thể được nhận ra... Khi tôi được chụp ảnh... tại Los Angeles, chất vật đã được làm dĩ thái ấy bị hút vào tôi hoặc bám theo tôi, tiếp nhận các nét diện mạo được hình thành bởi tư tưởng của tôi, vốn theo một thúc lực bất chợt hoặc một định luật bí nhiệm nào đó, là các nét của cơn bệnh cuối đời của tôi trên trần thế.

A somewhat unusual modification of this process is recounted in Mr. J. Arthur Hill's *New Evidences in Psychical Research*. At a sitting on Feb. 7th, 1908, the medium Watson said that he saw in the room the dead mother of one of the sitters. He described her as attired in a brown silk dress, high in the neck, trimmed with white, and having a lined or watered effect in its texture. He said that there was some history attached to this dress, about

Một biến tấu khá khác lạ của tiến trình này được kể lại trong *Những Bằng chứng Mới trong Nghiên cứu Thần linh học* của Ông J. Arthur Hill. Trong một buổi ngồi ngày 7 tháng Hai, 1908, đồng tử Watson nói rằng Ông thấy trong phòng người mẹ đã khuất của một trong các người tham dự. Ông mô tả bà ăn vận một chiếc váy lụa nâu, cổ cao, viền trắng, và có hiệu ứng kẻ sọc hay gợn nước trong kết cấu vải. Ông nói rằng có một câu chuyện liên quan đến

which the sitter ought to enquire from her sister. On enquiry from the lady mentioned they learned that the old lady had ordered a dress such as that described, but it was delivered only the day before she died, and so was never worn. Mr. Hill remarks that, if the supposition of fraud be dismissed, this incident suggests:

chiếc váy này, và người tham dự nên hỏi chị gái mình về điều đó. Khi hỏi thăm người phụ nữ được nhắc đến, họ biết rằng cụ bà đã đặt may một chiếc váy như mô tả, nhưng nó chỉ được giao vào ngày trước khi bà mất, nên chưa từng được mặc. Ông Hill nhận xét rằng, nếu loại bỏ giả định gian trá, thì sự việc này gợi ý:

Neither telepathy nor a rummaging among passive memories in a cosmic reservoir, but rather the activity of a surviving mind, able to marshal its earth-memories and to select from them for presentation to the medium such details as will constitute the strongest possible evidence of identity. (p. 134.)

Không phải là viễn cảm, cũng không phải là việc lục lọi trong những ký ức thụ động của một kho ký ức vũ trụ, mà đúng hơn là hoạt động của một tâm thức còn tồn tại, có thể huy động các ký ức trần gian của mình và chọn lọc từ đó để trình hiện cho đồng tử những chi tiết sao cho cấu thành bằng chứng mạnh mẽ nhất có thể về căn cước. (tr. 134.)

The Wax Gloves—Những "Găng Tay" Bằng Sáp

It would be difficult to imagine anything more effective in the way of proof of the actual presence of solid materialized human forms than those products which have become popularly known as the wax gloves. These are paraffin wax moulds of various human members. Dr. Geley gives us a full account of a number of seances in which these were produced. (*Clairvoyance and Materialization*, pp. 221 to 252.) The medium for these experiments was Mr. Franek Kluski, of Warsaw. This gentleman, who has been psychic from childhood, is described by Dr. Geley as a member of a liberal profession, a writer and a poet, a sympathetic and attractive personality, very intelligent, well educated, speaking several languages, and adds that he has placed his wonderful gifts freely and disinterestedly at the service first of his own compatriots and then of the Metapsychic Institute, by frank devotion to science. The phenomena are plentiful, including exhibitions of the primary substance and luminous phenomena,

Khó mà tưởng tượng một bằng chứng nào hiệu lực hơn về sự hiện diện thực sự của những hình thể người hiện hình vững chắc so với những sản phẩm đã được gọi phổ biến là những "găng tay bằng sáp". Đó là những khuôn bằng sáp parafin của các chi thể người khác nhau. Bác sĩ Geley cho chúng ta một tường thuật đầy đủ về một số buổi ngồi trong đó các khuôn này được tạo ra. (*Thông nhãn và Hiện hình*, tr. 221 đến 252.) Đồng tử cho các thí nghiệm này là Ông Franek Kluski, ở Warsaw. Vị này, vốn có năng lực tâm linh từ nhỏ, được Bác sĩ Geley mô tả là một thành viên của một ngành nghề tự do, một nhà văn và thi sĩ, một nhân cách dễ mến và cuốn hút, rất thông minh, có học, nói được vài thứ tiếng, và thêm rằng Ông đã hiến tặng các năng khiếu kỳ diệu của mình một cách tự do và vô tư cho đồng bào trước tiên, rồi cho Viện Siêu tâm lý, bằng một sự tận hiến thẳng thắn cho khoa học. Các hiện tượng rất phong phú, bao gồm phô diễn chất nguyên sơ và các hiện tượng phát quang, hiện hình các chi thể người, các gương mặt người và hình thú, và sự chuyển động của đồ vật không

materializations of human members, of human faces and animal forms, and the movement of objects without apparent contact, as well as phenomena of a mental order.

có tiếp xúc hiển nhiên, cũng như các hiện tượng thuộc loại tâm thần.

We will, however, confine ourselves here to a brief account of the wax moulds. In these sittings a tank of melted paraffin wax was set upon an electric heater, the materialized entity was asked to plunge a hand or foot or even part of the face into the paraffin several times. This action results in the formation of a closely fitting envelope, which sets quite rapidly. When the form dematerializes the glove or envelope remains, and if it be desired plaster can afterwards be poured into the mould, giving a perfect cast of the hand or other member upon which it had been formed. In one short series of sittings nine moulds were produced, of which seven were all hands, one was a foot and one a mouth and chin. The following is Dr. Geley's account of the tenth experiment in this series:

Tuy nhiên, ở đây chúng ta chỉ tóm lược về các khuôn sáp. Trong những buổi này, một thùng sáp parafin nóng chảy được đặt trên một bộ gia nhiệt điện, thực thể hiện hình được yêu cầu nhúng một bàn tay hoặc một bàn chân hay thậm chí một phần gương mặt vào parafin vài lần. Động tác này tạo thành một lớp vỏ bọc vừa khít, và đông lại rất nhanh. Khi hình thể giải hiện, chiếc găng hay lớp vỏ vẫn còn, và nếu muốn, người ta có thể rót thạch cao vào khuôn, cho ra một mẫu đúc hoàn hảo của bàn tay hay chi thể khác đã được tạo khuôn. Trong một loạt buổi ngắn, chín khuôn đã được tạo, trong đó bảy cái là bàn tay, một là bàn chân và một là miệng và cằm. Sau đây là lời của Bác sĩ Geley về thí nghiệm thứ mười trong loạt này:

Control was perfect—right hand held by Professor Richet and left by Count Potocki. The controllers kept repeating "I am holding the right hand," or "I am holding the left hand." After fifteen or twenty minutes splashing was audible in the tank, and the hands operating, covered with warm paraffin, touched those of the controllers. Before the experiment Professor Richet and I had added some blue colouring matter to the paraffin, which then had a bluish tinge. This was done secretly, to be an absolute proof that the moulds were made on the spot and not brought ready-made into the laboratory by Franek or any other person, and passed off on us by legerdemain. The operation lasted as before, from one to two minutes.

Kiểm soát là hoàn hảo—tay phải do Giáo sư Richet giữ và tay trái do Bá tước Potocki. Những người khống chế cứ lặp lại "Tôi đang giữ tay phải," hoặc "Tôi đang giữ tay trái." Sau mười lăm hay hai mươi phút, tiếng quẫy nước nghe được trong thùng, và những bàn tay đang thao tác, phủ parafin ấm, chạm vào tay của những người khống chế. Trước thí nghiệm, Giáo sư Richet và tôi đã cho thêm một ít chất màu xanh vào parafin, khiến nó có ánh xanh nhạt. Điều này được làm kín đáo, để làm bằng chứng tuyệt đối rằng các khuôn đã được tạo ngay tại chỗ chứ không phải do Franek hay ai khác mang sẵn vào phòng thí nghiệm, rồi dùng ảo thuật đánh tráo. Việc thao tác kéo dài như trước, từ một đến hai phút.

Two admirable moulds resulted, of right and

Kết quả là hai khuôn tuyệt hảo, của tay phải và

left hands of the size of the hands of children five to seven years old. These were of bluish wax, the same colour as that in the tank.

tay trái với kích thước bằng tay của trẻ em năm đến bảy tuổi. Chúng là sáp xanh nhạt, cùng màu với sáp trong thùng.

Weight of paraffin before experiment: 3 kilograms 920 grams.

Trọng lượng parafin trước thí nghiệm: 3 kilôgam 920 gam.

Weight of paraffin after the experiment: 3 kilograms 800 grams.

Trọng lượng parafin sau thí nghiệm: 3 kilôgam 800 gam.

Weight of the moulds: 50 grams.

Trọng lượng các khuôn: 50 gam.

The difference is represented by a considerable quantity of wax scattered on the floor, about 15 grams near the medium and also some far from him, $3^1/_2$ yards distant, in a place to which he could not have gone, near the photographic apparatus. We did not scratch up this last, which was adherent to the floor, for weighing, but there was a good deal of it—about 25 grams. Mr. Kluski had not been near that place either before or during the experiment. There was also paraffin on the hands and clothes of the medium. His hands had never been released from the hold of the controllers. (p. 224.)

Phần sai biệt được biểu hiện bởi một lượng đáng kể sáp vung vãi trên sàn, khoảng 15 gam gần đồng tử và cũng có sáp ở xa Bà, cách 3 1/2 thước Anh, tại một nơi Bà không thể đến, gần máy ảnh. Chúng tôi không cạy phần sau này, vốn dính chặt sàn, để cân, nhưng có khá nhiều —khoảng 25 gam. Ông Kluski cũng không đi gần chỗ đó, trước hoặc trong thí nghiệm. Cũng có parafin trên tay và áo quần của đồng tử. Hai tay Bà chưa bao giờ được rời khỏi sự nắm giữ của những người khống chế. (tr. 224.)

The appearance of paraffin on Mr. Kluski's hands and clothes reminds us of the same occurrences in Mr. Crawford's experiments in the Goligher circle, already described in Chapter VII. The moulds mentioned above show hands with fingers bent down, and thumbs turned over them or over the palm of the hand, and in some cases two hands are shown with fingers interlocked in various ways. For these and other reasons it is quite certain that the wax moulds have been made upon human members afterwards dematerialized.

Việc xuất hiện parafin trên tay và áo quần của Ông Kluski khiến chúng ta nhớ lại những hiện tượng tương tự trong các thí nghiệm của Ông Crawford tại nhóm Goligher, đã mô tả trong Chương VII. Những khuôn kể trên cho thấy các bàn tay với những ngón co xuống, và ngón cái gập qua chúng hoặc qua lòng bàn tay, và trong vài trường hợp là hai bàn tay với các ngón đan vào nhau theo nhiều cách. Vì những lý do này và những lý do khác, hoàn toàn chắc chắn rằng các khuôn sáp đã được tạo trên những chi thể người rồi sau đó được giải hiện.

In the second series of experiments conducted at Warsaw (those above mentioned took place in Paris) some of the materializations were at the same time visible. Dr. Geley says:

We had in this case a new and hitherto unpublished proof. We had the great pleasure of seeing the hands dipped into the paraffin. They were luminous, bearing points of light at the finger-tips. They passed slowly before our eyes, dipped into the wax, moved in it for a few seconds, came out, still luminous, and deposited the glove against the hand of one of us. (p. 234.)

Trong loạt thí nghiệm thứ hai được tiến hành ở Warsaw (những thí nghiệm kể trên diễn ra tại Paris) một số hiện hình đồng thời có thể trông thấy. Bác sĩ Geley nói:

Trong trường hợp này chúng tôi có một bằng chứng mới và chưa từng công bố. Chúng tôi rất hân hạnh được thấy các bàn tay được nhúng vào parafin. Chúng phát quang, mang những điểm sáng ở đầu ngón tay. Chúng chậm rãi đi ngang qua trước mắt chúng tôi, nhúng vào sáp, chuyển động trong đó vài giây, rồi đi ra, vẫn phát quang, và đặt chiếc găng lên bàn tay của một người trong chúng tôi. (tr. 234.)

CHAPTER XI—CHƯƠNG XI

OUR ATTITUDE TOWARDS SPIRITUALISM—THÁI ĐỘ CỦA CHÚNG TA ĐỐI VỚI THẦN LINH HỌC

Much In Common—Nhiều Điểm Chung

"But," some spiritualists have said to me, "we always thought that you Theosophists supposed all our phenomena to be the work of elementals, or fairies, or devils or something of that sort!" No Theosophist who knows anything about it has ever made any such foolish assertion. What may have been said is that some part of the phenomena were occasionally produced by agencies other than dead men or women; and that is perfectly true. It has often seemed to me that there has frequently been a good deal of entirely unnecessary mistrust and misconception between Theosophists and spiritualists. Various spiritualistic organs have frequently abused Theosophy in no measured terms, and there is no doubt that on our side also both speakers and writers have often referred to

"nhưng," một số nhà thần linh học đã nói với tôi, "chúng tôi vẫn nghĩ rằng các ông những người Thông Thiên Học cho rằng mọi hiện tượng của chúng tôi đều là việc làm của các hành khí, hay tiên, hay ác ma hay gì đó tương tự!" Không một người Thông Thiên Học nào hiểu biết đôi chút về vấn đề này từng phát biểu một khẳng định dại dột như vậy. Điều có thể đã được nói là một phần các hiện tượng đôi khi được tạo bởi những tác nhân khác ngoài những người nam hay nữ đã chết; và điều đó hoàn toàn đúng. Tôi thường thấy rằng đã có rất nhiều ngờ vực và hiểu lầm hoàn toàn không cần thiết giữa những người Thông Thiên Học và các nhà thần linh học. Nhiều tạp chí thần linh học đã thường xuyên mạt sát Thông Thiên Học bằng những lời lẽ chua cay, và không nghi ngờ gì rằng phía chúng ta cũng

spiritualism with much scorn, but with little knowledge. But I hope that with more knowledge each of the other we shall come to respect one another more as we understand one another better, for we each have our part to fill in the great work of the future. It would indeed be foolish of us to quarrel, for we have more in common with each other than either of us has with any of the other shades of opinion.

vậy, cả diễn giả lẫn người viết đã thường nhắc đến thần linh học với nhiều khinh miệt nhưng ít hiểu biết. Nhưng tôi hy vọng rằng với sự hiểu biết nhiều hơn về nhau, chúng ta sẽ đến chỗ tôn trọng nhau hơn khi thấu hiểu nhau hơn, vì chúng ta mỗi bên đều có phần việc phải đảm đương trong công trình lớn của tương lai. Quả là dại dột nếu chúng ta gây gổ, bởi vì chúng ta có nhiều điểm chung với nhau hơn là mỗi bên có với bất kỳ quan điểm nào khác.

Points Of Agreement—Những Điểm Đồng Thuận

We both hold strenuously to the great central idea of man as an immortal and ever-progressive being; we both know that as is his life now, so shall it be after he has cast aside this body, which is his only that he may learn through it; we both hold the Fatherhood of God and the brotherhood of man as fundamental tenets; and we both know that the gains and rewards of this world are but as dross compared with the glorious certainties of the higher life beyond the grave. Let us stand side by side on this common platform, and let us postpone the consideration of our points of difference until we have converted the rest of the world to the belief in these points upon which we agree. Surely that is wise policy, for these are the points of importance; and if the life is lived in accordance with these all the rest will follow.

Chúng ta đều kiên trì nắm lấy đại ý tưởng trung tâm về con người như một hữu thể bất tử và luôn tiến hoá; chúng ta đều biết rằng đời sống của y bây giờ như thế nào thì sau khi y đã cởi bỏ thân thể này—vốn chỉ là của y để y học hỏi qua nó—đời sống của y cũng sẽ như thế; chúng ta đều coi "Thượng đế là Cha" và "nhân loại là anh em" như những tín điều nền tảng; và chúng ta đều biết rằng lợi lộc và phần thưởng thế gian chỉ như cặn bã so với những điều chắc chắn vinh quang của đời sống cao hơn bên kia nấm mồ. Chúng ta hãy đứng kề vai nhau trên nền tảng chung này, và hãy hoãn việc xét đến các điểm dị biệt cho đến khi chúng ta đã làm cho phần còn lại của thế giới tin vào những điểm mà chúng ta đồng ý. Hẳn đó là chủ trương khôn ngoan, vì đó là những điểm quan trọng; và nếu đời sống được sống phù hợp với những điểm ấy thì mọi điều khác sẽ theo sau.

We have a magnificent system of philosophy; our spiritualistic brother does not care for it. Well, if his thought does not run along that line, why should we seek to force it upon him? Perhaps presently he will feel the need of some such system; if he does, then there it is all ready for his study. I believe that in due course I shall return to live again upon this earth; herein some of my spiritualistic brothers agree with me, and some do not; but, after all,

Chúng ta có một hệ thống triết học tuyệt hảo; người anh em thần linh học của chúng ta không mặn mà với nó. Ừ thì, nếu tư tưởng của Ông không vận hành theo tuyến ấy, tại sao chúng ta phải tìm cách áp đặt nó lên Ông? Có lẽ rồi đây Ông sẽ cảm thấy cần một hệ thống như thế; nếu có, thì nó đã sẵn sàng ở đó cho Ông khảo cứu. Tôi tin rằng theo thời, tôi sẽ trở lại sống trên trần gian này; ở điểm này có vài người anh em thần linh học đồng ý với tôi, và

what does that matter? To us this doctrine of reincarnation is luminous and helpful, because it seems to explain so much for which otherwise there is no solution; but if another man does not yet feel the need of it, it is no part of our policy to try to force it upon him.

vài người không; nhưng, rốt cuộc, điều đó có nghĩa lý gì? Với chúng ta, học thuyết tái sinh sáng sủa và hữu ích, bởi nó dường như giải thích rất nhiều điều mà nếu không thì chẳng có lời giải; nhưng nếu một người khác chưa cảm thấy cần đến nó, thì không thuộc chủ trương của chúng ta là cố ép buộc Ông chấp nhận.

We hold the idea of continued progress after death by means of further lives upon this earth, after the life on subtler planes is over; the spiritualist prefers the idea of passing on to other and higher spheres altogether. We both agree that there is a progress hereafter; let us live so as to make the best use of this existence as a preparation for that, for if we do that we shall surely come out successfully, whichever of us is right as to the place of our future meeting. When all the world is living its highest in the preparation for that life of progress, it will be time enough to begin to argue about where it will be lived.

Chúng ta chủ trương ý tưởng tiến bộ liên tục sau khi chết bằng những đời sống tiếp theo trên trần gian, sau khi đời sống ở các cõi tinh tế hơn đã kết thúc; nhà thần linh học thích quan niệm tiến lên hẳn các cõi cao hơn. Chúng ta đều đồng ý rằng có sự tiến bộ ở đời sau; vậy hãy sống sao cho tận dụng tốt nhất đời sống này như một sự chuẩn bị cho đời sống ấy, vì nếu làm vậy, chắc chắn chúng ta sẽ thành công, bất kể ai trong chúng ta đúng về nơi sẽ gặp nhau trong tương lai. Khi cả thế giới đang sống cao nhất đời sống của mình để chuẩn bị cho đời sống tiến bộ ấy, thì bấy giờ hãy tranh luận về nơi nó sẽ được sống cũng chưa muộn.

Untrained Observation Of Little Value—Quan Sát Chưa Được Huấn Luyện Ít Giá Trị

As to the spiritualistic phenomena, we have no quarrel whatever with them; we know well that they take place, and we know that they have had great value as demonstrating the reality of superphysical life to many a sceptical mind. There are many men who seem constitutionally incapable of profiting by the experience of others; they must go and see everything for themselves, not realizing that, even if they do see, their untrained observations will be of little value. On this point Mr. Fullerton has well said:

Còn về các hiện tượng thần linh học, chúng ta hoàn toàn không có tranh chấp gì với chúng; chúng ta biết rõ rằng chúng xảy ra, và chúng ta biết rằng chúng đã có giá trị lớn trong việc chứng minh thực tại của đời sống siêu vật lý đối với biết bao tâm trí hoài nghi. Có nhiều người dường như bẩm tính không thể hưởng lợi từ kinh nghiệm của kẻ khác; họ phải tự mình đi xem mọi thứ, không nhận ra rằng, ngay cả khi họ có thấy, thì những quan sát chưa được huấn luyện của họ cũng ít giá trị. Về điểm này Ông Fullerton đã nói rất hay:

To ensure observations with any worth there must be long and careful discipline; natural errors must through repeated experience be guarded against, distinctions and qualifications and illusions be learned. This is

Để bảo đảm các quan sát có giá trị, phải có sự kỷ luật lâu dài và cẩn trọng; những sai lầm tự nhiên phải qua kinh nghiệm lặp đi lặp lại mà được phòng ngừa, phải học các phân biệt và giới định và ảo ảnh. Điều này đúng trên cõi

true of the physical plane; much more of the astral plane, where phenomena are so different, conditions so unlike, misguidance so multiform. He who assumes that his untutored observation for the first time of the contents and facts of the astral world would better determine them than does the trained faculty of long and accomplished students, presupposes really that he is an exception to universal rule, superior to other men and of different mould. But what is this save a form of vanity, a case of that strange delusion as to personal worth which the smallest observation of human nature might have cured? It is akin to the supposition that his first introduction to an unknown continent, he not being a naturalist, a physicist, or a botanist, would be more conclusive in its results than the protracted researches of scientists long familiar with the region and mutually comparing their investigations. (*The Proofs of Theosophy*, p. 7.)

hồng trần; càng đúng hơn trên cõi cảm dục, nơi hiện tượng quá khác, điều kiện không giống, sự dẫn sai muôn mặt. Kẻ nào cho rằng những quan sát chưa được rèn luyện lần đầu của mình về những nội dung và sự kiện của thế giới cảm dục sẽ xác định chúng tốt hơn năng lực được rèn luyện của những đạo sinh lâu năm và thiện nghệ, thì thật ra là giả định rằng y là ngoại lệ đối với quy luật phổ quát, vượt trội kẻ khác và được nặn bằng khuôn khác. Nhưng đó là gì nếu không phải là một hình thức hư danh, một trường hợp của ảo tưởng lạ lùng về giá trị cá nhân mà chỉ cần quan sát nhỏ nhất về bản tính con người cũng đủ chữa trị? Nó tương tự như giả định rằng lần đầu y đặt chân lên một lục địa chưa biết, trong khi y không phải là nhà tự nhiên học, nhà vật lý hay nhà thực vật học, sẽ có kết quả thuyết phục hơn những khảo cứu kéo dài của các nhà khoa học vốn lâu quen thuộc với vùng đó và thường so sánh lẫn nhau các cuộc điều tra của mình. (*Những Bằng chứng của Thông Thiên Học*, tr. 7.)

If a man must see for himself, and is unable to rest upon the basis of intellectual conviction, by all means let him attend the spiritualistic seance, and learn by experience, as so many others have done. It is not a course that we should advise except to such a man as this, because there are certain serious drawbacks to it from our point of view.

Nếu một người phải tự thấy mới tin, và không thể an tâm dựa trên nền tảng của xác tín trí tuệ, thì cứ để Ông ta đến buổi gọi hồn, và học bằng kinh nghiệm, như bao người khác đã làm. Đó không phải là một đường hướng chúng ta khuyên trừ phi với một người như vậy, vì theo quan điểm của chúng ta có những mặt bất lợi nghiêm trọng nhất định.

Drawbacks—Mặt Bất Lợi

The greatest of these is one at which the sceptic would laugh—the danger of believing too much! For if the sceptic has determination and perseverance, he will assuredly be convinced sooner or later; and when he is, it is quite likely that the pendulum will swing to the other extreme, and that he will believe too much, instead of too little. He may readily grow to regard all the words of the dead as

Nghiêm trọng nhất trong những điều này là điều mà kẻ hoài nghi sẽ cười nhạo—nguy cơ tin quá nhiều! Vì nếu kẻ hoài nghi có quyết tâm và bền chí, y hẳn sẽ được thuyết phục sớm hay muộn; và khi y đã tin, con lắc rất có thể sẽ văng sang cực kia, và y sẽ tin quá nhiều, thay vì quá ít. Y có thể dễ dàng đi đến chỗ xem mọi lời của người chết như kinh điển, mọi thông điệp đến qua những lần bàn nghiêng như được

gospel, all communications which come through the tilts of a table as divinely inspired.

linh cảm thiêng liêng.

There is also another danger—that of being uncomfortably haunted. Often there come to a seance most undesirable dead people, men of depraved morals, seeking to gratify vicariously obscene lower passions. And besides these, there are those dead men who are mad with fear, who are clutching desperately at any and every opportunity to seize a physical vehicle, to get back at any cost and by any means into touch with the lower life which they have lost. The "guide" usually protects his medium from such influences, and will not allow such a man to communicate; but he cannot prevent him from attaching himself to other sitters and following them home. The sceptic may think himself strong-minded and non-sensitive, and therefore proof against any such possibility; some day he may be unpleasantly undeceived as to this; but even if that be so, does he wish to run the risk of bringing home an influence to his wife or his daughter? Of course, I fully recognize that this is only a possibility—that a man might attend a score of seances and encounter nothing of this sort; yet these things have happened, and they are happening even now. People driven to the verge of insanity by astral persecution have come to me again and again; and in many cases it was at a seance that they first encountered that ghostly companion. The strong can resist; but who knows whether he is strong until he tries?

Cũng có một nguy hiểm khác—bị ám theo một cách khó chịu. Thường có những người chết hết sức bất hảo đến buổi gọi hồn, những kẻ suy đồi đạo đức, tìm cách thoả mãn lây các dục vọng thấp hèn dâm ô. Và ngoài những kẻ ấy, còn có những người chết vì sợ hãi đến phát cuồng, đang bấu víu tuyệt vọng vào bất cứ cơ hội nào để chộp lấy một vận cụ hồng trần, để bằng bất cứ giá nào và bằng mọi cách trở lại tiếp xúc với đời sống thấp mà họ đã đánh mất. "Vị linh hướng" thường bảo hộ đồng tử của mình khỏi những ảnh hưởng như vậy, và không cho phép một người như thế liên lạc; nhưng Ông không thể ngăn y bám vào những người tham dự khác và theo họ về nhà. Kẻ hoài nghi có thể nghĩ mình vững vàng và không nhạy cảm, nên miễn nhiễm với khả năng như vậy; một ngày nào đó y có thể bị tháo gỡ ảo tưởng này một cách khó chịu; nhưng ngay cả nếu là vậy, y có muốn liều mang về nhà một ảnh hưởng đối với vợ hay con gái mình không? Tất nhiên, tôi hoàn toàn thừa nhận rằng đây chỉ là một khả hữu—một người có thể tham dự hai mươi buổi gọi hồn mà không gặp gì thuộc loại này; nhưng những điều ấy đã xảy ra, và hiện vẫn đang xảy ra. Những người bị dồn đến bờ vực điên loạn bởi sự quấy nhiễu ở cõi cảm dục đã tìm đến tôi hết lần này đến lần khác; và trong nhiều trường hợp, chính ở một buổi gọi hồn họ đã gặp người bạn đồng hành ma ám đầu tiên ấy. Kẻ mạnh có thể kháng cự; nhưng ai biết mình mạnh chừng nào cho đến khi thử?

Resolution Needed—Cần Có Quyết Tâm

When, however, this unfortunate thing has already happened to a person—when he already feels himself haunted or obsessed—there is only one thing to be done, and that is to set the mind steadily against it in

Tuy nhiên, khi điều bất hạnh này đã xảy ra với một người—khi y đã cảm thấy mình bị ám hay bị nhập—thì chỉ có một việc phải làm, đó là lập tâm chống lại nó bằng sự phản kháng cương quyết. Hãy vững tin rằng ý chí con người

determined resistance. Realize firmly that the human will is stronger than any evil influence, and that you have a right to your own individuality and the use of your own organs—a right to choose your company astrally as well as on the physical plane. Assert this right persistently, and all will be well with you. Take resolutely to heart the common sense advice given by Miss Freer, in her *Essays in Psychical Research:*

mạnh hơn bất cứ ảnh hưởng xấu nào, và rằng bạn có quyền đối với cá tính của chính mình và việc sử dụng các cơ quan của mình—quyền chọn bầu bạn của mình trên cõi cảm dục cũng như trên cõi hồng trần. Hãy khẳng định quyền này một cách bền bỉ, và mọi sự sẽ ổn. Hãy quả quyết ghi tâm lời khuyên lẽ thường do Cô Freer nêu trong *Những Luận văn về Nghiên cứu Thần linh học:*

If you believe yourself obsessed, if planchette swears, if your table-raps give lying messages, and you fall into trances at unreasonable moments, *drop the subject*. Get a bicycle, or learn Hebrew, or go on a walking tour, or weed the garden! If you are sane, you can do as you like with your own mind; if you can *not*, consult the staff of Colney Hatch! Want of self-restraint is either sin or disease.

Nếu bạn tin mình bị ám, nếu bàn viết tự động chửi rủa, nếu những cú gõ bàn đưa ra các thông điệp dối trá, và bạn rơi vào xuất thần vào những lúc vô lý, thì *bỏ hẳn đề tài ấy*. Hãy sắm một chiếc xe đạp, hoặc học tiếng Do Thái, hoặc đi bộ đường dài, hoặc nhổ cỏ trong vườn! Nếu bạn tỉnh táo, bạn có thể muốn làm gì thì làm với tâm trí của mình; nếu bạn *không*, hãy đến nhờ nhân viên của Colney Hatch! Thiếu tự chủ hoặc là tội lỗi hoặc là bệnh tật.

Possibility Of Deception—Khả Năng Bị Lừa Dối

Then there is always the possibility of deception—not so much of deception by the medium, or by any one on the physical plane, as by entities behind. I have known many cases in which such deceptions were well-intentioned; but of course they remain deceptions nevertheless. It may happen that one dead man personates another from the best of motives—it may be simply to comfort surviving relations, by taking the place of one who does not care sufficiently, or perhaps is ashamed to come. Sometimes one man will take the place of another who has already passed on to the heaven-world and so is out of reach, in order that his surviving relations may not feel themselves neglected or abandoned. In such a case it is not for us to blame him; his action may be right or it may be wrong, but that is a matter exclusively for his own conscience, and we are not called

Rồi thì luôn có khả năng bị đánh lừa—không phải chủ yếu do đồng tử, hay do bất kỳ ai trên cõi hồng trần, mà là do các thực thể ở phía sau. Tôi đã biết nhiều trường hợp mà sự đánh lừa như thế lại xuất phát từ thiện ý; nhưng dĩ nhiên, dù thế nào nó vẫn là sự đánh lừa. Có thể xảy ra việc một người đã khuất mạo nhận người khác vì những động cơ tốt đẹp nhất—đơn giản là để an ủi những người thân còn sống, bằng cách thế chỗ cho người không đủ quan tâm, hoặc có lẽ hổ thẹn không muốn đến. Đôi khi một người sẽ thế chỗ cho người kia đã sang cõi thượng thiên nên không còn tiếp cận được, để cho những người thân còn sống không cảm thấy mình bị bỏ rơi hay bị lãng quên. Trong trường hợp như vậy, không phải phần việc của chúng ta là trách cứ người ấy; hành động của y có thể đúng hoặc có thể sai, nhưng đó là việc hoàn toàn thuộc về lương tâm riêng của y, và chúng ta không được kêu

upon to judge him. I simply note the fact that such cases occur.

gọi để phán xét y. Tôi chỉ ghi nhận một sự kiện là những trường hợp như vậy có xảy ra.

It must be remembered that the man who has passed on into the heaven-world has left behind him his astral corpse, which is at the stage of decay of the shade or of the shell, according to the time which has elapsed since he abandoned it. Obviously to utilize and revivify this will be the easier way of personating him, and it is therefore the plan usually adopted.

Cần ghi nhớ rằng người đã đi vào cõi thượng thiên đã bỏ lại phía sau cái xác cảm dục của mình, đang ở giai đoạn phân hủy thành "bóng" hoặc "vỏ", tùy theo khoảng thời gian từ khi y lìa bỏ nó. Rõ ràng, sử dụng và làm hồi sinh cái ấy sẽ là cách dễ hơn để mạo nhận y, do đó đây là phương án thường được áp dụng.

It is not even in the least necessary that the communicating entity should be human at all; many a joyous and obliging nature-spirit is proud to have the opportunity of playing the part of a being belonging to a superior evolution, and will continue assuring his delighted audience that he is "so happy" as long as they like to listen to him.

Thậm chí hoàn toàn không cần thiết thực thể giao tiếp phải là con người; nhiều tinh linh thiên nhiên vui tươi và hay giúp đỡ hãnh diện khi có cơ hội đóng vai một hữu thể thuộc một nấc tiến hóa cao hơn, và sẽ không ngừng quả quyết với thính chúng đang khoái trá rằng y "rất hạnh phúc" miễn là họ còn thích lắng nghe y.

The entity who poses at a seance as Shakespeare or Julius Caesar, as Mary Queen of Scots or George Washington, is usually of this class, though he is sometimes also a human being of low degree, to whom it is a joy to strut even for a few minutes in such borrowed plumes, to enjoy even for a single evening the respect due to a well-known name. Also, if he has something to say which he considers useful or important, he thinks (and quite rightly) that credulous mortals are more likely to pay attention to it if it be attributed to some distinguished person. His motives are often estimable, even though we cannot approve of his methods.

Thực thể đóng vai Shakespeare hay Julius Caesar, Mary, Nữ hoàng Scotland hay George Washington trong một buổi gọi hồn thường thuộc hạng này; tuy đôi khi cũng là một con người ở trình độ thấp—đối với y, được làm điệu một vài phút trong "bộ cánh vay mượn" như thế, được hưởng dù chỉ một buổi tối sự tôn kính dành cho một cái tên lừng danh, đã là một niềm vui. Hơn nữa, nếu y có điều gì muốn nói mà y cho là hữu ích hay hệ trọng, y nghĩ (và hoàn toàn đúng) rằng phàm nhân cả tin sẽ chú ý đến nó hơn nếu nó được gán cho một nhân vật lỗi lạc nào đó. Động cơ của y thường đáng trân trọng, dù chúng ta không thể tán thành phương pháp của y.

There is any amount of such personation as this; it is one of the commonest facts which we encounter in our researches. There is a book on Spiritualism, for example, by Judge Edmonds of the Supreme Court of New York, which consists chiefly of communications

Những màn mạo nhận như thế có vô số; đó là một trong những sự kiện phổ biến nhất mà chúng ta gặp trong khảo cứu. Chẳng hạn có một cuốn sách về Thần linh học của Thẩm phán Edmonds thuộc Tối cao Pháp viện New York, phần lớn gồm các thông điệp tự xưng

purporting to come from Swedenborg and Bacon, with occasional observations from Washington and Charlemagne; but none of these great people seem to have risen at all to the level of their earthly reputation, and their remarks do not, differ appreciably from the deadly dullness of the ordinary trance-address, while many of their statements are of course wildly inaccurate.

đến từ Swedenborg và Bacon, thỉnh thoảng có nhận xét của Washington và Charlemagne; nhưng dường như chẳng ai trong số những vị vĩ nhân ấy vươn lên ngang tầm danh tiếng trần thế của họ, và lời lẽ của họ cũng chẳng khác bao nhiêu so với sự buồn tẻ chết người của những bài nói xuất thần thông thường, trong khi nhiều phát biểu của họ dĩ nhiên sai lạc trầm trọng.

Another fine example is the list of signatures appended to the prolegomena of *The Spirits' Book*, by Allan Kardec, which is as follows: "John the Evangelist, St. Augustine, St. Vincent de Paul, St. Louis, the Spirit of Truth, Socrates, Plato, Fenelon, Franklin, Swedenborg, etc., etc." One wonders who is covered by the mystic "etc., etc.," and whether the other names were all that the communicating entity could think of at the moment!

Một ví dụ tiêu biểu khác là danh sách chữ ký đính kèm phần dẫn nhập của *Các Linh Hồn ' Cuốn Sách*, của Allan Kardec, như sau: "John nhà Phúc Âm, Thánh Augustine, Thánh Vincent de Paul, Thánh Louis, Thần Khí của Chân Lý, Socrates, Plato, Fenelon, Franklin, Swedenborg, v.v., v.v." Người ta tự hỏi "v.v., v.v." huyền bí ấy bao trùm ai, và liệu những cái tên khác có phải chỉ là tất cả những gì thực thể giao tiếp có thể nghĩ ra vào lúc đó!

All such extravagant pretensions as these are so obviously ridiculous that they are easy of detection. But when the man personated is one of ordinary type, it is quite another matter; so that at a seance, unless the sitter is himself a trained clairvoyant of no mean order, he simply cannot tell what it is that he sees, however much he may flatter himself that his discernment is perfect. Let me quote once more what I wrote some years ago in *The Astral Plane*, p. 108.

Tất cả những sự tự phụ thái quá như thế quá hiển nhiên nực cười nên dễ bị phát hiện. Nhưng khi người bị mạo nhận chỉ là một người bình thường thì lại là chuyện khác; vì thế, trong một buổi gọi hồn, trừ khi người dự vốn là một nhà thông nhãn lão luyện, không phải hạng tầm thường, y hoàn toàn không thể biết mình đang thấy gì, cho dù y có tự tâng bốc mình rằng khả năng phân biện là hoàn hảo đến đâu. Cho phép tôi dẫn lại điều tôi đã viết một vài năm trước trong *Cõi Cảm Dục*, tr. 108.

A manifesting "spirit" is often exactly what it professes to be, but often also is nothing of the kind; and for the ordinary sitter there is absolutely no means of distinguishing the true from the false, since the extent to which a being having all the resources of the astral plane at his command can delude a person on the physical plane is so great that no reliance can be placed even on what seems the most convincing proof.

Một "vong linh" xuất hiện thường đúng như điều nó tự xưng, nhưng cũng thường hoàn toàn không phải thế; và đối với người dự bình thường thì tuyệt đối không có phương tiện nào để phân biệt thật với giả, vì mức độ mà một hữu thể có trong tay mọi phương tiện của cõi cảm dục có thể đánh lừa một người ở cõi hồng trần lớn đến nỗi không thể đặt chút tin cậy nào ngay cả vào điều có vẻ là bằng chứng thuyết phục nhất.

If something manifests which announces itself as a man's long-lost brother, he can have no certainty that its claim is a just one. If it tells him of some fact known only to that brother and to himself, he remains unconvinced, for he knows that it might easily have read the information from his own mind, or from his surroundings in the astral light. Even if it goes still further and tells him something connected with his brother, of which he himself is unaware, which he afterwards verifies, he still realizes that even this may have been read from the astral records, or that what he sees before him may be only the shade of his brother, and so possess his memory without in any way being himself. It is not for one moment denied that important communications have sometimes been made at seances by entities who in such cases have been precisely what they said they were; all that is claimed is that it is quite impossible for the ordinary person who visits a seance ever to be certain that he is not being cruelly deceived in one or other of a dozen different ways.

Nếu có cái gì đó hiện hình và tự xưng là người anh em thất lạc bấy lâu của một người, y không thể có sự chắc chắn rằng lời tự xưng ấy là chính đáng. Nếu nó kể cho y một sự việc chỉ người anh em ấy và y biết, y vẫn không bị thuyết phục, vì y biết rằng nó có thể dễ dàng đọc được thông tin từ tâm trí của chính y, hoặc từ hoàn cảnh chung quanh trong ánh sáng cõi cảm dục. Ngay cả nếu nó đi xa hơn nữa và nói cho y điều gì đó liên quan đến người anh em mà chính y chưa hề hay biết, và sau đó y kiểm chứng được, y vẫn nhận ra rằng ngay cả điều ấy cũng có thể đã được đọc từ các bản ghi của cõi cảm dục, hoặc rằng cái y đang thấy trước mặt có thể chỉ là bóng của người anh em mình, nên mang ký ức của người ấy mà chẳng hề là chính người ấy. Không hề phủ nhận rằng đôi khi trong các buổi gọi hồn, những thông điệp quan trọng đã được đưa ra bởi những thực thể trong những trường hợp đó đúng như điều họ nói họ là; điều duy nhất được khẳng định là hoàn toàn không thể nào để người bình thường đến với một buổi gọi hồn có thể chắc chắn rằng mình không bị lừa dối một cách tàn nhẫn theo cách này hay cách khác trong hàng tá cách khác nhau.

Once more, I know that these are possibilities only, and that in the majority of cases the dead man gives his name honestly enough; but the possibilities exist nevertheless, and often materialize themselves into actualities.

Một lần nữa, tôi biết rằng đây chỉ là những khả năng, và trong đa số trường hợp người đã khuất xưng tên mình một cách thành thật; nhưng những khả năng ấy dẫu sao vẫn hiện hữu, và thường hiện hình thành những thực tại.

Harm To The Medium—Tổn hại đối với Đồng tử

Another point is the harm which must to a greater or less extent be done to the medium—not only the extreme physical prostration which I have mentioned, leading sometimes to nervous break-down, and sometimes to excessive use of stimulants in order to avoid that break-down—but also along moral lines. Here I must protest emphatically against the

Một điểm khác là sự tổn hại—nhiều hay ít—ắt phải giáng lên đồng tử—không chỉ là sự suy kiệt thể xác cực độ mà tôi đã đề cập, đôi khi dẫn đến suy sụp thần kinh, và đôi khi dẫn đến sử dụng quá độ các chất kích thích để tránh sự sụp đổ ấy—mà còn cả trên bình diện đạo đức. Ở đây tôi phải kịch liệt phản đối kiểu buổi gọi hồn thu tiền thông thường mà ai ai cũng có thể

ordinary type of paid seances to which anyone may come on payment of so much per head. It places the unfortunate medium in an utterly false position, and exposes him to a temptation to which no man ought ever intentionally to be exposed. Anyone who knows anything at all about these phenomena knows that they are erratic, that they are dependent upon many causes of which as yet he knows only a few, and that therefore sometimes they can be had and sometimes they cannot. This is the experience of every investigator. Miss Goodrich Freer corroborates it in the preface to her *Essays in Psychical Research*, p. vi:

dự chỉ cần trả bấy nhiêu tiền mỗi đầu người. Nó đặt người đồng tử bất hạnh vào một vị thế hoàn toàn sai trái, và phơi y ra trước một cám dỗ mà không ai nên cố ý bị đặt vào. Ai biết chút gì về các hiện tượng này đều biết rằng chúng thất thường, rằng chúng tùy thuộc vào nhiều nguyên nhân mà đến nay y mới biết được vài cái, và do đó đôi khi có thể có, đôi khi không thể. Đây là kinh nghiệm của mọi nhà điều tra. Cô Goodrich Freer xác nhận điều này trong lời tựa cho *Luận văn về Nghiên cứu Thông linh*, tr. vi:

If I know anything, I know that psychic phenomena are not to be commanded, be their origin what it may... He who ordains the services of Angels as well as of men may send His messengers—but not, I think, to produce poltergeist phenomena. The veil of the future may be lifted now and then—but not, I take it, at the bidding of a guinea fee in Bond Street. That we may momentarily transcend time and space, the temporary conditions of our mortality, I cannot doubt; but such phenomena are not to be commanded, nor of everyday occurrence, nor hastily to be assumed.

Nếu tôi biết chút gì, tôi biết rằng các hiện tượng thông linh không thể bị truyền lệnh, bất kể nguồn gốc của chúng là gì... Đấng an bài các lễ phụng sự của cả các Thiên Thần lẫn con người có thể sai các sứ giả của Ngài—nhưng, tôi nghĩ, không phải để tạo ra những hiện tượng quấy nhiễu vật thể. Bức màn của tương lai đôi lúc có thể được vén lên—nhưng, theo tôi, không phải theo lệnh của một khoản thù lao một đồng guinea ở Bond Street. Rằng chúng ta đôi lúc có thể vượt thoát thời gian và không gian—những điều kiện tạm thời của thân phận tử sinh—tôi không nghi ngờ; nhưng những hiện tượng như thế không thể bị truyền lệnh, không xảy ra hằng ngày, và không nên vội vàng giả định.

Now if the medium is in the position of having been paid beforehand for their production, and then he finds that they will not come, what is he to do to satisfy all these people who are sitting round him expecting their money's worth? It is so easy to deceive them; they lend themselves to it so readily; nay, it is often quite sufficient just to allow them to deceive themselves. It is not fair to put any man in such a position as that; and if the medium sometimes falls into cheating, it is surely not

Bây giờ, nếu đồng tử ở trong vị thế đã được trả tiền trước để tạo ra các hiện tượng, và rồi y thấy chúng không đến, y phải làm gì để làm vừa lòng tất cả những người đang ngồi quanh, mong "đáng đồng tiền bát gạo"? Thật quá dễ để lừa họ; họ lại dễ dàng để cho mình bị lừa; hơn nữa, nhiều khi chỉ cần để mặc họ tự lừa mình là đủ. Không công bằng khi đặt bất kỳ ai vào vị thế như thế; và nếu đôi khi đồng tử sa vào gian dối, chắc chắn không chỉ mình y là người đáng trách.

he alone who is to blame.

Harm To The Dead—Tổn hại đối với Người chết

Then there is the whole question of possible harm to the dead. I have already admitted that the dead man sometimes wishes to communicate in order to unburden his mind in some way, and when this is the case it is well that he should have the opportunity of doing it. But these cases are comparatively rare. If the dead want us they will seek to reach us; but we should invariably let the movement come from their side—we should never seek to draw them back. It may be said, perhaps: "But is it not a natural desire on the part of a mother to see her dead child again?" Surely it would be more natural for the mother to be entirely unselfish, and to think first of what was best for the child, before she considered her personal longings. In many cases communication with the physical plane may do a man but little harm during the earliest stages of his astral life; but it must always be remembered that in every case it intensifies and prolongs his attachment to the lower levels of the plane—that it sets up in him a habit of remaining closely in touch with the earth-life.

Rồi có cả vấn đề tổn hại có thể xảy ra cho người chết. Tôi đã thừa nhận rằng đôi khi người đã khuất muốn giao tiếp để trút bỏ nỗi lòng theo một cách nào đó, và khi điều này xảy ra thì tốt là y có cơ hội làm điều ấy. Nhưng những trường hợp như vậy tương đối hiếm. Nếu người chết cần chúng ta họ sẽ tìm cách vươn tới chúng ta; nhưng chúng ta phải luôn để cho sự chuyển động đến từ phía họ—chúng ta không bao giờ nên tìm cách kéo họ quay lại. Có thể có người nói: "Nhưng chẳng phải mong muốn tự nhiên của một người mẹ là được gặp lại đứa con đã chết của mình sao?" Hẳn nhiên tự nhiên hơn là người mẹ hoàn toàn vô kỷ, nghĩ trước hết đến điều tốt nhất cho đứa con, rồi mới xét đến khát vọng riêng của mình. Trong nhiều trường hợp, giao tiếp với cõi hồng trần có thể không gây nhiều hại cho một người trong giai đoạn sớm của đời sống cảm dục; nhưng phải luôn nhớ rằng trong mọi trường hợp, nó làm tăng và kéo dài sự vướng mắc của y với các tầng thấp của cõi—nó tạo nên nơi y một thói quen ở sát liền với đời sống trần gian.

The Place And Work Op Spiritualism—Vị trí và công việc của Thần linh học

Yet, with all this, spiritualism has assuredly its place and its work, and it has been of incalculable value to many thousands of men and women. The Catholic Church and the Salvation Army are both sections of Christianity, yet they appeal to widely different types of people, and those who are attracted by one would have been little likely to come to the other. So each has its place and its work to do for the broad idea of Christianity. In the same way it seems to me that Theosophy and spiritualism have each

Tuy vậy, với tất cả những điều ấy, Thần linh học hẳn nhiên có vị trí và công việc của nó, và nó đã mang giá trị không thể tính kể cho hàng vạn người nam và nữ. Giáo hội Công giáo và Đội Cứu Thế đều là các bộ phận của Kitô giáo, nhưng họ thu hút những kiểu người rất khác nhau, và những ai bị thu hút bởi nơi này thì ít có khả năng đến với nơi kia. Vậy nên, mỗi bên có vị trí và công việc dành cho ý niệm rộng lớn về Kitô giáo. Tương tự, theo tôi, Thông Thiên Học và Thần linh học mỗi bên có một nhóm đối tượng riêng. Những người học triết lý mà

their clientele. Those who study the philosophy which we set before them would never have been satisfied with the trance-speaking and the constantly repeated phenomena of the spiritualistic seance; those who desire such phenomena, and those who yearn after what good old Dr. Dee used to call "sermon-stuffe" would never have been happy with us, while they find exactly what they want in spiritualism. For among spiritualists, as among any other body of men, there are several types. There are those who are chiefly interested in the trance-speaking, who make this their religion and take their trance-address followed by a clairvoyant reading of surroundings every Sunday evening, just as mortals who are otherwise disposed go to church or to a Theosophical lecture. Then there is the type whose interest is purely personal—whose one and only idea in connection with the whole affair is the gratification of their private and particular wish to see their own dead relations. There is another type who honestly and unselfishly set themselves to the task of trying to help and develop the degraded, the unevolved and the ignorant among the dead; and there is no doubt that they really achieve a great deal of good with that unpromising class of people. Others there are who are really anxious to learn and understand scientifically the facts of the higher life; and these people, while intensely delighted and interested for a time, usually find presently that beyond a certain point they can get no further; and then perhaps we can do something for them in Theosophy.

chúng ta trình bày sẽ không bao giờ thấy thỏa mãn với những bài nói xuất thần và những hiện tượng lặp đi lặp lại trong các buổi gọi hồn; những ai mong những hiện tượng như thế, và những ai khao khát cái mà ông bác sĩ Dee ngày xưa thường gọi là "tư liệu giảng đạo" sẽ không bao giờ thấy hạnh phúc với chúng ta, trong khi họ lại tìm thấy đúng điều họ muốn nơi Thần linh học. Vì giữa những người theo Thần linh học, cũng như trong bất kỳ cộng đồng người nào khác, có nhiều kiểu người. Có những người chủ yếu quan tâm đến nói xuất thần, biến nó thành "tôn giáo" của họ và nghe một bài nói xuất thần kèm theo một phần đọc thông nhãn về hoàn cảnh chung mỗi tối Chủ nhật, cũng như những phàm nhân có khuynh hướng khác thì đi nhà thờ hay dự một buổi thuyết giảng Thông Thiên Học. Rồi có kiểu người chỉ có mối quan tâm thuần cá nhân—ý niệm duy nhất gắn với toàn bộ việc này là thỏa mãn ước muốn riêng của họ được trông thấy người thân đã khuất của chính mình. Lại có kiểu người chân thành và vô kỷ tự đặt mình vào nhiệm vụ cố gắng giúp đỡ và phát triển những người chết đọa lạc, chưa tiến hóa và vô minh; và chẳng nghi ngờ gì họ thực sự đạt được rất nhiều điều thiện lành với lớp người không mấy hứa hẹn ấy. Lại có những người thực sự nóng lòng muốn học hỏi và thấu hiểu một cách khoa học các sự kiện của đời sống cao hơn; và những người này, dù hết sức hoan hỉ và hứng thú một thời gian, thường sớm nhận ra rằng vượt quá một điểm nào đó họ không thể tiến thêm; và rồi có lẽ chúng ta có thể làm được điều gì đó cho họ trong Thông Thiên Học.

A question which is constantly asked is: "Why do not these dead men who return to us with the knowledge of a higher plane teach us the doctrine of reincarnation?" The answer is perfectly simple; first of all, some of them do teach it. All spiritists of the French school of

Một câu hỏi thường được nêu ra là: "Tại sao những người chết trở về với chúng ta, có tri thức về một cõi giới cao hơn, lại không dạy chúng ta giáo lý tái sinh?" Câu trả lời hoàn toàn đơn giản; trước hết, có một số người thật sự dạy điều ấy. Tất cả những người theo Thần

Allan Kardec hold this doctrine during life, and consequently when they return after death they have still the same story to tell. Those who return in England or America usually say nothing about it, because they have no means of knowing anything more about it now than they knew when they were upon earth. As we explained in an earlier chapter, it is the soul himself in his causal body who passes from life to life, and he has no more knowledge or memory of that wider existence on the astral plane than he had on the physical. So he repeats only what he has known on earth, unless he is so fortunate as to meet with someone who is able to teach him something of this grand truth—an Oriental for example, or a Theosophist.

linh học thuộc trường phái Pháp của Allan Kardec đều giữ giáo lý này khi còn sống, và do đó khi trở về sau khi chết họ vẫn kể cùng một câu chuyện. Những người trở về ở Anh hay Mỹ thường không nói gì về nó, vì họ không có phương tiện để biết gì về nó bây giờ hơn những gì họ biết khi còn ở thế gian. Như chúng tôi đã giải thích trong một chương trước, chính linh hồn trong thể nguyên nhân mới đi từ đời này sang đời khác, và y không có tri thức hay ký ức nào nhiều hơn về đời sống rộng lớn ấy trên cõi cảm dục so với khi ở cõi hồng trần. Vậy nên y chỉ lặp lại điều y đã biết trên trần, trừ khi may mắn gặp ai đó có thể dạy y phần nào về chân lý vĩ đại này—chẳng hạn một người phương Đông, hoặc một người Thông Thiên Học.

Still, even in spiritualism evidence of reincarnation occasionally appears, as, for example, in *Claude's Book*, by L. Kelway-Bamber, first published in 1918, wherein the young British officer, communicating from the astral plane, devotes a chapter to a description of the subject; and naturally it is usually of that rapid type of reincarnation of which Monsieur Gabrielle Delanne collected so many examples in the address which he delivered some years ago before one of the spiritualistic societies. Here, for example, is a curious case, extracted from the pages of *The Progressive Thinker* of December 13th, 1902. It appears in the form of a letter to the editor, signed with the initials S.O., and dated somewhat vaguely from New Mexico.

Dầu vậy, ngay trong Thần linh học, đôi khi bằng chứng về tái sinh vẫn xuất hiện, như chẳng hạn trong *Claude ' Cuốn Sách*, của L. Kelway-Bamber, xuất bản lần đầu năm 1918, trong đó chàng sĩ quan trẻ người Anh, giao tiếp từ cõi cảm dục, dành một chương để mô tả đề tài này; và tự nhiên thường là kiểu tái sinh mau chóng mà Ông Gabrielle Delanne đã sưu tập rất nhiều ví dụ trong một bài diễn thuyết ông đọc mấy năm trước trước một hội Thần linh học. Ở đây, chẳng hạn, là một trường hợp lạ, rút từ các trang của *Nhà Tư tưởng Tiến bộ* ngày 13 tháng 12, 1902. Nó xuất hiện dưới dạng một bức thư gửi tòa soạn, ký tắt S.O., và đề ngày khá mơ hồ từ New Mexico.

A Story Of Reincarnation—Một câu chuyện về Tái sinh

I offer my personal experience as an absolute fact—not as supporting any theory. At the time I passed through the experience (28 years ago), I knew absolutely nothing of mediumship in any phase and probably had never heard the word reincarnation. I was

Tôi xin dâng kinh nghiệm cá nhân của mình như một sự kiện tuyệt đối—không nhằm hỗ trợ bất kỳ học thuyết nào. Vào thời điểm tôi trải qua kinh nghiệm ấy (cách đây 28 năm), tôi hoàn toàn không biết gì về đồng tử ở bất kỳ phương diện nào và có lẽ chưa bao giờ nghe từ

then sixteen years of age and had been married one year.

"tái sinh". Lúc đó tôi mười sáu tuổi và đã kết hôn được một năm.

The knowledge that I was to become a mother had just dawned upon me, when in a vague way I became conscious of the almost constant presence of an invisible personality. I seemed to know intuitively that my invisible companion was a woman, and quite a number of years older than myself. By degrees this presence grew stronger. In the third month after she first made her presence felt, I could receive impressionally long messages from her. She manifested the most solicitous care for my health and general welfare, and as time wore on her voice became audible to me, and I enjoyed many hours of conversation with her. She gave her name and nationality, with many details of her personal history. She seemed anxious that I should know and love her for herself, as she expressed it. She made continual efforts to become visible to me, and towards the last succeeded. She was then as true a companion to me as if she had been clothed in an embodiment of flesh. I had merely to draw my curtains, shrouding the room in quiet tones, to have the presence manifest, both to sight and hearing.

Tri thức rằng mình sắp làm mẹ vừa lóe lên trong tôi, thì một cách mơ hồ tôi trở nên ý thức về sự hiện diện hầu như thường trực của một cá tính vô hình. Tôi dường như biết theo trực giác rằng bạn đồng hành vô hình của tôi là một phụ nữ, và lớn hơn tôi khá nhiều tuổi. Dần dần, sự hiện diện này mạnh lên. Vào tháng thứ ba kể từ khi bà lần đầu cho tôi cảm biết sự hiện diện, tôi có thể nhận các thông điệp dài dưới dạng ấn tượng từ bà. Bà bộc lộ sự chăm sóc ân cần nhất đối với sức khỏe và phúc lợi chung của tôi, và theo thời gian, tiếng nói của bà trở nên nghe được với tôi, và tôi có nhiều giờ trò chuyện với bà. Bà cho biết tên và quốc tịch của mình, kèm nhiều chi tiết về tiểu sử cá nhân. Bà có vẻ nóng lòng muốn tôi biết và yêu bà vì chính bà, như bà nói. Bà nỗ lực liên tục để hiện thân trước mắt tôi, và về sau đã thành công. Khi ấy bà là một người bạn đích thực với tôi như thể bà được khoác trong một thân xác bằng thịt. Tôi chỉ cần kéo rèm, phủ bóng căn phòng bằng những tông màu tĩnh lặng, thì sự hiện diện ấy liền biểu hiện, cả cho thị giác lẫn thính giác.

Two or three weeks before the birth of my baby she informed me that the real purport of her presence was her intention to enter the new form at its birth, in order to complete an earth-experience that had come to an untimely end. I confess I had but a dim conception of her meaning, and was considerably troubled over the matter.

Hai, ba tuần trước khi đứa con của tôi chào đời, bà cho tôi biết rằng ý nghĩa thực sự của sự hiện diện của bà là bà có ý định nhập vào hình hài mới lúc nó sinh ra, để hoàn tất một trải nghiệm trần thế vốn đã bị chấm dứt yểu. Tôi thú thật tôi chỉ mơ hồ hiểu ý bà, và khá bối rối về việc ấy.

On the night before my daughter's birth, I saw my companion for the last time. She came to me and said: "Our time is at hand; be brave and all will be well with us."

Đêm trước ngày con gái tôi sinh, tôi thấy người bạn đồng hành lần cuối. Bà đến và nói: "Thời khắc của chúng ta đã đến; hãy can đảm và mọi sự sẽ tốt đẹp cho chúng ta."

My daughter came, and in appearance was a

Con gái tôi chào đời, và diện mạo là một phiên

perfect miniature of my spirit friend, and totally unlike either family to which she belonged, and the first remark of everyone on seeing her would be: "Why, she does not look like a baby at all. She looks at least twenty years old."

bản thu nhỏ hoàn hảo của người bạn linh giới của tôi, hoàn toàn không giống bất kỳ bên họ hàng nào của cháu, và lời nhận xét đầu tiên của mọi người khi nhìn cháu là: "Sao, trông nó chẳng giống em bé chút nào. Nó trông ít nhất cũng hai mươi tuổi."

I was greatly surprised some years later when I chanced to find in an old work the story of the woman, whose name and history my spirit-friend claimed as her own in her earth-life, and the fragments of her story, as she had given them to me, were in accord with history, except some personal details not likely to have been known to anyone else. All this experience I kept to myself as a profound secret, for, young as I was, I realized what judgement the world would place upon the narrator of such a story.

Vài năm sau tôi vô cùng ngạc nhiên khi tình cờ tìm thấy trong một tác phẩm cũ câu chuyện về người phụ nữ mà người bạn linh giới đã nhận tên và lịch sử của bà ấy là của chính mình trong đời sống trần; và những mảnh chuyện mà bà đã kể cho tôi hài hòa với sử liệu, trừ vài chi tiết cá nhân khó có ai khác biết. Tất cả trải nghiệm này tôi giữ kín như một bí mật sâu xa, vì, dù còn trẻ, tôi hiểu thế gian sẽ phán xét thế nào về người kể một câu chuyện như vậy.

Once when my daughter was in her fifteenth year, the first name of my spirit-friend happened to be mentioned in her presence. She turned to me quickly with a look of surprise on her face and said: "Mamma, didn't my papa call me by this name?" (Her father died when she was one year old.) I said: "No, dear, you were never called this name." She replied: "Well, I surely remember it, and somebody somewhere called me by it."

Một lần, khi con gái tôi mười lăm tuổi, cái tên đầu tiên của người bạn linh giới tình cờ được nhắc đến trước mặt cháu. Cháu quay sang tôi nhanh chóng với vẻ ngạc nhiên trên khuôn mặt và nói: "Mẹ ơi, trước đây ba có gọi con bằng tên này không?" (Cha cháu mất khi cháu được một tuổi.) Tôi nói: "Không, con yêu, con chưa bao giờ được gọi bằng cái tên này." Cháu đáp: "Vâng, nhưng con nhất định nhớ nó, và ở đâu đó có ai đã gọi con bằng tên ấy."

In conclusion I will add that in character my daughter is very much like the historic character of the woman whose spirit said she would inhabit the new form.

Kết luận, tôi xin nói thêm rằng về tính cách, con gái tôi rất giống với tính cách lịch sử của người phụ nữ mà linh hồn của bà ấy nói sẽ cư ngụ vào hình hài mới.

These are my facts. I offer no explanation; if they chance to fit anybody's theory, so much the better for the theory. Theories usually need some facts to prop them up; facts are independent and able to stand on their own feet.

Đó là những sự kiện của tôi. Tôi không đưa ra lời giải thích; nếu tình cờ chúng phù hợp với học thuyết của ai, thì càng tốt cho học thuyết ấy. Các học thuyết thường cần vài sự kiện để chống đỡ; còn sự kiện thì độc lập và có thể tự đứng vững trên đôi chân của mình.

Madame d'Espérance, who seems to be in so many respects in advance of the majority of

Bà d'Espérance, người dường như về nhiều phương diện vượt trước đa số đồng tử, hình

mediums, appears to have been taught not only reincarnation but much other Theosophical doctrine by one of her dead friends, as is set forth in her book *Shadowland*. Perhaps the most striking incident in that very interesting work is the occasion on which the author leaves her body and is shown a remarkable symbolical vision of her life; for in that one experience her eyes are opened to the doctrine of cause arid effect, of evolution and reincarnation, and to the absolute realization of the fundamental unity of all, however dimly and imperfectly it may be expressed. For the law of cause and effect is involved in the statement made by the spirit-friend as to the path of life: "It is the road you have made; you have no other". Evolution is taught when she is shown "that it is the same life which, circling for ever and ever through form after form, dwelling in the rocks, the sand, the sea, in each blade of grass, each tree, each flower, in all forms of animal existence, culminates in man's intelligence and perception."

như đã được một người bạn đã khuất dạy không chỉ tái sinh mà cả nhiều giáo lý Thông Thiên Học khác, như được trình bày trong cuốn *Xứ Bóng* của bà. Có lẽ sự kiện ấn tượng nhất trong tác phẩm rất thú vị ấy là dịp tác giả lìa xác và được cho thấy một thị kiến biểu tượng kỳ lạ về đời mình; vì trong trải nghiệm ấy, mắt bà mở ra trước giáo lý về nhân và quả, về tiến hóa và tái sinh, và đạt đến sự thể nghiệm tuyệt đối về nhất thể căn bản của vạn hữu, dù nó chỉ được diễn đạt mơ hồ và bất toàn. Bởi luật nhân quả đã được bao hàm trong lời phát biểu của người bạn linh giới về con đường của đời sống: "Đó là con đường con đã tạo; con không có con đường nào khác." Tiến hóa được dạy khi bà được cho thấy "rằng đó là cùng một sự sống, vòng quanh mãi mãi qua hết hình thể này đến hình thể khác, cư ngụ trong đá, cát, biển, trong mỗi cọng cỏ, mỗi cây, mỗi bông hoa, trong mọi hình thái tồn tại của loài vật, và đạt tột đỉnh trong trí tuệ và tri nhận của con người."

As to reincarnation she remarks:

Về tái sinh, bà nhận xét:

I could see that the fact of the spirit first taking on itself the form of man did not bring it to its utmost earthly perfection, for there are many degrees of man. In the savage it widens its experience and finds a new field for education, which being exhausted, another step is taken; and so step by step, in an ever onward, progressive, expansive direction the spirit develops, the decay of the forms which the spirit employs being only the evidence that they have fulfilled their mission, and served the purpose for which they were used. They return to their original elements, to be used again and again as a means whereby the spirit can manifest itself, and obtain the development it requires. (p 376).

Tôi có thể thấy rằng việc linh hồn trước hết khoác lấy hình thể con người không khiến nó đạt ngay đến mức hoàn thiện trần thế tột cùng, vì có nhiều bậc độ của con người. Trong người dã man, nó mở rộng kinh nghiệm và tìm một lĩnh vực giáo dục mới, và khi lĩnh vực ấy cạn kiệt, một bước nữa được tiến; cứ thế, từng bước một, trong một hướng đi mãi mãi tiến bước, thăng triển, mở rộng, linh hồn phát triển; sự hư hoại của những hình thể mà linh hồn sử dụng chỉ là bằng chứng rằng chúng đã hoàn tất sứ mệnh, và phục vụ xong mục đích vì đó chúng được dùng. Chúng trở về các nguyên tố ban đầu, để được dùng đi dùng lại như một phương tiện nhờ đó linh hồn có thể tự biểu lộ, và đạt lấy sự phát triển nó cần. (tr. 376).

M. L. Chevreuil's book *Proofs of the Spirit World* contains a chapter entitled "Previous Lives", in which he vigorously supports the truth of reincarnation. He says:

Cuốn *Những Bằng Chứng về Thế Giới Linh* của M. L. Chevreuil có một chương nhan đề "Những đời trước", trong đó ông mạnh mẽ bênh vực chân lý tái sinh. Ông viết:

The soul is an entity distinct from the body; it accompanies the essential part of the human being in the course of the numerous incarnations necessary to our evolution. From the time of Plato the majority of men have lived in the knowledge of this truth, and tomorrow they will dwell in scientific certainty that this ancient philosophy has not deceived them. (p. 56.)

Linh hồn là một thực thể khác biệt với thân xác; nó đồng hành với phần tinh túy của con người trong suốt những lần nhập thể nhiều lần cần thiết cho sự tiến hóa của chúng ta. Từ thời Plato, đa số người đã sống trong tri thức về chân lý này, và ngày mai họ sẽ sống trong sự chắc chắn về khoa học rằng triết học cổ xưa ấy đã không lừa dối họ. (tr. 56.)

He describes at considerable length some of the labours of M. de Rochas upon the regression of memory. M. Chevreuil explains that every subject describes in the same manner his or her going back to the past:

Ông mô tả khá dài về một số công trình của M. de Rochas về quy hồi ký ức. Ông Chevreuil giải thích rằng mọi đối tượng đều mô tả giống nhau cách họ/quay trở về quá khứ:

They are transported back to six months of age, two months, into the body of the mother, where they take the position of the foetus; the regression is continued and they are in space. A brief lethargy, and we are present at a new scene, the death of an old person. It is the beginning of the life which preceded the present incarnation, manifesting itself backwards, and continuing back to a still older incarnation. (p. 59.)

Họ được đưa về lúc sáu tháng tuổi, hai tháng tuổi, vào trong thân thể của người mẹ, nơi họ giữ vị trí của bào thai; sự quy hồi tiếp tục và họ ở trong không gian. Một thoáng hôn trầm, và chúng ta chứng kiến một cảnh mới: cái chết của một người già. Đó là khởi đầu của đời sống có trước lần nhập thể hiện tại, biểu lộ theo chiều ngược, và tiếp tục ngược về một lần nhập thể còn xa xưa hơn nữa. (tr. 59.)

Considering the mode of the "spirit's" coming to birth, M. Chevreuil says that the vision described is always the same, that before birth the subject sees himself in space in the form of a ball or as a slightly luminous mist, and sees in the mother's womb the body in which he is to be incarnated; all agree, he adds, that the spiritual body enters little by little, and that the complete incorporation occurs at about seven years of age.

Xét về cách "linh hồn" đi đến chào đời, ông Chevreuil nói rằng thị kiến được mô tả luôn giống nhau: trước khi sinh, đối tượng thấy mình trong không gian dưới dạng một quả cầu hoặc một làn sương hơi phát sáng, và nhìn thấy trong dạ mẹ thân thể trong đó y sẽ nhập thể; tất cả đều đồng ý, ông thêm, rằng thể tinh thần đi vào từ từ, và sự nhập toàn phần diễn ra vào khoảng bảy tuổi.

Rao Bahadur Shyam Sundar Lal, C. I. E., a distinguished Minister of the Gwalior and Alwar States, has devoted many years to the study of reincarnation. Among the evidence collected by him is a case which was recounted as follows in *The New York Times*, September 16th, 1923:

Rao Bahadur Shyam Sundar Lal, C.I.E., một vị đại thần ưu tú của các bang Gwalior và Alwar, đã dành nhiều năm để nghiên cứu tái sinh. Trong số bằng chứng do ông thu thập có một trường hợp được thuật lại như sau trên *The New York Times*, ngày 16 tháng 9, 1923:

Within the Maharajah of Bharatpur's extensive territory was found a boy of four years, Prabhu by name, the son of a Brahman called Khairti, who with childish prattle and laughter told with the greatest detail of his supposed former existence. He gave his former name, the year of his other birth, his personal appearance on his earlier visit to this earth, and recounted events, such as famines, which had happened more than fifty years before his last birth. He told of his former wife, his daughters and his sons, giving their names and the money he received on their marriages, and described his former home and neighbours.

Trong lãnh thổ rộng lớn của Quốc vương Bharatpur, người ta tìm thấy một bé trai bốn tuổi, tên là Prabhu, con của một vị Bà la môn tên Khairti, với lời bi bô và tiếng cười trẻ thơ, kể lại với chi tiết tường tận về sự tồn tại trước kia của mình. Em cho biết tên trước kia, năm sinh trong lần đến trần gian trước, ngoại hình của em trong lần trước ấy, và kể lại những biến cố, như nạn đói, đã xảy ra hơn năm mươi năm trước lần sinh vừa rồi. Em kể về vợ trước, các con gái và con trai, nêu tên họ và số tiền em nhận được trong các cuộc hôn nhân của họ, và mô tả ngôi nhà trước kia và những người láng giềng của em.

The child, the savants vouch, had not been tutored and had no means outside of himself to learn of these details, or to know anything of the transmigration of souls. The neighbourhoods he described were visited by the savants, with the child, and in nearly every detail his statements were found to be correct, even to the names of his supposed former children and wife. He had some difficulty in locating his supposed former home, but this, it was claimed, may be accounted for by the fact that it is now a mass of ruins and much different from what it had been.

Các học giả bảo đảm rằng đứa trẻ không hề được dạy dỗ và không có phương tiện nào ngoài bản thân để biết được những chi tiết này, hay biết bất kỳ điều gì về sự luân hồi của các linh hồn. Các khu vực mà em mô tả đã được các học giả, cùng với em, đến thăm, và hầu như mọi chi tiết đều đúng, kể cả tên của những đứa con và người vợ trước kia của em. Em gặp đôi chút khó khăn khi xác định vị trí ngôi nhà trước kia, nhưng điều này, theo họ, có thể giải thích được bởi thực tế là nay nó chỉ còn là một đống đổ nát và rất khác so với xưa.

A somewhat similar account, but coming this time from Japan, appears in Lafcadio Hearn's *Gleanings in Buddha Fields*, Chapter X, and is entitled "The Rebirth of Katsugoro". Mr. Hearn

Một tường thuật khá tương tự, nhưng lần này đến từ Nhật Bản, xuất hiện trong *Nhặt Nhạnh trong Cánh đồng của Đức Phật* của Lafcadio Hearn, Chương X, nhan đề "Sự Tái sinh của

cites it as a good illustration of the common ideas of the people of Japan concerning pre-existence and rebirth. He takes it from a series of documents, very much signed and sealed by various officials, Priests and Daimyos. The full story is translated as follows.

Katsugoro". Ông Hearn dẫn nó như một minh họa hay về những quan niệm phổ biến của dân Nhật liên quan đến tiền sinh và tái sinh. Ông lấy nó từ một loạt tài liệu, có rất nhiều chữ ký và ấn triện của các quan chức, các Tăng và các Daimyo. Toàn bộ câu chuyện được dịch như sau.

Some time in the eleventh month of the past year, when Katsugoro was playing in the rice-field with his elder sister, Fusa, he asked her, —

Vào khoảng tháng mười một của năm vừa qua, khi Katsugoro đang chơi ở ruộng lúa cùng chị gái là Fusa, em hỏi chị, —

"Elder Sister, where did you come from before you were born into our household?"

"Chị Cả, trước khi chị sinh vào nhà mình thì chị từ đâu đến?"

Fusa answered him: —

Fusa trả lời em: —

"How can I know what happened to me before I was born?"

"Làm sao chị biết được chuyện gì đã xảy ra với chị trước khi chị sinh ra?"

Katsugoro looked surprised and exclaimed:

Katsugoro có vẻ ngạc nhiên và thốt lên:

"Then you cannot remember anything that happened before you were born?"

"Thế thì chị chẳng nhớ gì đã xảy ra trước khi chị sinh sao?"

"Do *you* remember?" asked Fusa.

"Vậy *chị* có nhớ không?" Fusa hỏi.

"Indeed I do," replied Katsugoro. "I used to be the son of Kyubei San of Hodokubo, and my name was then Tozo—do you not know all that?"

"Dĩ nhiên là có," Katsugoro đáp. "Em từng là con trai của Kyubei San ở Hodokubo, và lúc đó tên em là Tozo—chị không biết tất cả chuyện ấy sao?"

"Ah!" said Fusa, "I shall tell father and mother about it."

"À!" Fusa nói, "Chị sẽ kể cho ba mẹ biết chuyện này."

But Katsugoro at once began to cry, and said:

Nhưng lập tức Katsugoro bật khóc và nói:

"Please do not tell!—it would not be good to tell father and mother."

"Xin đừng nói!—nói với ba mẹ thì không hay đâu."

Fusa made answer, after a little while:—

Sau một lát, Fusa đáp:—

"Well, this time I shall not tell. But the next time that you do anything naughty, then I will tell."

"Thôi được, lần này chị sẽ không nói. Nhưng lần tới em làm điều gì hư, thì chị sẽ nói."

After that day whenever a dispute arose between the two, the sister would threaten the brother, saying: “Very well, then—I shall tell that thing to father and mother.” At these words the boy would always yield to his sister. This happened many times; and the parents one day overheard Fusa making her threat. Thinking Katsugoro must have been doing something wrong, they desired to know what the matter was, and Fusa, being questioned, told them the truth. Then Genzo and his wife, and Tsuya, the grandmother of Katsugoro, thought it a very strange thing. They called Katsugoro, therefore; and tried, first by coaxing, and then by threatening, to make him tell what he had meant by those words.

Sau ngày ấy, mỗi khi nảy sinh tranh chấp giữa hai chị em, cô chị lại dọa cậu em rằng: “Được rồi nhé—chị sẽ kể chuyện đó cho ba mẹ.” Nghe vậy, cậu bé luôn nhường chị. Chuyện đó xảy ra nhiều lần; và một ngày kia cha mẹ tình cờ nghe Fusa buông lời dọa. Nghĩ rằng hẳn Katsugoro đã làm điều gì sai, họ muốn biết chuyện là gì, và Fusa, khi bị hỏi, đã kể thật. Rồi Genzo và vợ ông, cùng bà Tsuya, bà nội của Katsugoro, thấy chuyện thật là lạ lùng. Họ liền gọi Katsugoro; ban đầu dỗ dành, rồi dọa nạt, để buộc em nói rõ ý của những lời em đã nói.

After hesitation, Katsugoro said:—”I will tell you everything. I used to be the son of Kyubei San of Hodokubo, and the name of my mother then was O-Shidzu San. When I was five years old, Kyubei San died; and there came in his place a man called Hanshiro San, who loved me very much. But in the following year, when I was six years old, I died of smallpox. In the third year after that I entered mother’s honorable womb, and was born again.”

Sau khi chần chừ, Katsugoro bảo:—“Con sẽ kể hết. Con từng là con trai của Kyubei San ở Hodokubo, và tên mẹ con khi ấy là O-Shidzu San. Khi con năm tuổi, Kyubei San qua đời; và có một người đàn ông tên là Hanshiro San đến thế chỗ, người rất thương con. Nhưng năm kế tiếp, khi con sáu tuổi, con chết vì đậu mùa. Sau đó ba năm, con vào lại dạ mẹ tôn kính, và sinh ra lần nữa.”

The parents and the grandmother of the boy wondered greatly at hearing this, and they decided to make all possible inquiry as to the man called Hanshiro of Hodokubo. But as they all had to work very hard every day to earn a living, and so could spare but little time for any other matter, they could not at once carry out their intention.

Cha mẹ và bà nội cậu bé vô cùng kinh ngạc khi nghe vậy, và họ quyết định tìm hiểu tất cả những gì có thể về người tên Hanshiro ở Hodokubo. Nhưng vì ai cũng phải làm việc rất vất vả mỗi ngày để kiếm sống, nên khó có thể thu xếp thời gian ngay cho việc khác, thành thử họ chưa thể thực hiện ý định tức thì.

Now, Sei, the mother of Katsugoro, had nightly to suckle her little daughter Tsune, who was four years old;—and Katsugoro therefore slept with his grandmother, Tsuya. Sometimes he used to talk to her in bed; and one night when he was in a very confiding mood, she persuaded him to tell her what

Lúc bấy giờ, Sei, mẹ của Katsugoro, đêm đêm phải cho cô con gái nhỏ Tsune, bốn tuổi, bú;—vì vậy Katsugoro ngủ với bà nội, Tsuya. Đôi khi em trò chuyện với bà trên giường; và một đêm, khi em rất tin cậy, bà dụ em kể chuyện đã xảy ra lúc em chết. Bấy giờ em nói:—“Cho đến bốn tuổi, con còn nhớ hết mọi điều; nhưng từ đó

happened at the time when he had died. Then he said:—"Until I was four years old I used to remember everything; but since then I have become more and more forgetful; and now I forget many, many things. But I still remember that I died of smallpox; I remember that I was put into a jar; I remember that I was buried on a hill. There was a hole made in the ground; and the people let the jar drop into that hole. It fell *pon*! I remember that sound well. Then somehow I returned to the house, and I stopped on my own pillow there. In a short time some old man—looking like a grandfather—came and took me away. I do not know who or what he was. As I walked I went through empty air as if flying. I remember it was neither night nor day as we went; it was always like sunset-time. I did not feel either warm or cold or hungry. We went very far, I think; but still I could hear always, faintly, the voices of people talking at home; and the sound of the Nembutsu being said for me. I remember also that when the people at home set offerings of hot rice-cake before the household shrine, I inhaled the vapour of the offerings. Grandmother, never forgot to offer warm food to the honorable dead (Hotoke Same), and do not forget to give to priests—I am sure it is very good to do these things... After that, I only remember that the old man led me by some roundabout way to this place —I remember we passed the road beyond the village. Then we came here, and he pointed to this house, and said to me: 'Now you must be reborn, for it is three years since you died. You are to be reborn in that house. The person who will become your grandmother is very kind; so it will be well for you to be conceived and born there.' After saying this, the old man went away. I remained a little time under the kaki-tree before the entrance of this house. Then I was going to enter when I heard talking inside: some one said that because father was now earning so little, mother would have to go

con càng lúc càng quên; và giờ con quên nhiều, nhiều thứ. Nhưng con vẫn nhớ con chết vì đậu mùa; con nhớ con bị bỏ vào một cái chum; con nhớ con được chôn trên một ngọn đồi. Người ta đào một lỗ trên đất; và họ thả cái chum xuống lỗ ấy. Nó rơi *pon*! Con nhớ rất rõ âm thanh ấy. Rồi bằng cách nào đó con trở về nhà, và con dừng lại bên chiếc gối của chính mình nơi đó. Chẳng bao lâu có một ông già—trông như một người ông—đến và dẫn con đi. Con không biết ông là ai hay là gì. Khi con bước đi, con đi qua khoảng không như thể đang bay. Con nhớ là khi chúng con đi, chẳng phải ngày cũng chẳng phải đêm; lúc nào cũng như giờ hoàng hôn. Con không cảm thấy ấm hay lạnh, cũng không đói. Chúng con đi rất xa, con nghĩ vậy; nhưng con vẫn luôn nghe thoang thoảng tiếng người nhà nói chuyện; và tiếng niệm Nembutsu cho con. Con cũng nhớ rằng khi người nhà bày cúng bánh nóng trước bàn thờ gia đình, con hít hương hơi của đồ cúng. Bà ơi, đừng bao giờ quên dâng thức ăn nóng cho các vong linh tôn kính (Hotoke-sama), và đừng quên cúng dường cho các sư—con chắc đó là những việc rất nên làm... Sau đó, con chỉ nhớ rằng ông già dẫn con bằng con đường vòng vèo nào đó đến chốn này—con nhớ chúng con đi qua con đường ở ngoài làng. Rồi chúng con đến đây, và ông chỉ vào ngôi nhà này, nói với con: 'Bây giờ con phải tái sinh, vì đã ba năm kể từ khi con chết. Con sẽ tái sinh trong ngôi nhà ấy. Người sẽ trở thành bà của con là người rất tử tế; vậy sẽ tốt cho con nếu được hoài thai và sinh ra ở đó.' Nói xong, ông già rời đi. Con ở lại một lát dưới cây hồng trước cổng nhà này. Rồi con định bước vào thì nghe tiếng nói chuyện bên trong: ai đó nói rằng vì cha bây giờ kiếm được quá ít, nên mẹ sẽ phải đi ở đợ tại Yedo. Con nghĩ, "Con sẽ không vào nhà ấy"; và con ở lại ba ngày trong vườn. Ngày thứ ba, cuối cùng người ta quyết định rằng mẹ sẽ không phải đi Yedo nữa. Tối hôm ấy, con đi vào nhà qua một lỗ mắt trên cánh cửa trượt;—và sau đó con ở bên lò bếp ba ngày. Rồi con vào dạ mẹ tôn

to service in Yedo. I thought, “I will not go into that house”; and I stopped three days in the garden. On the third day it was decided that, after all, mother would not have to go to Yedo. The same night I passed into the house through a knot-hole in the sliding-shutters;—and after that I stayed for three days beside the kitchen range. Then I entered mother’s honorable womb... I remember that I was born without any pain at all. —Grandmother, you may tell this to father and mother, but please never tell it to anybody else.”

kính... Con nhớ là con sinh ra mà chẳng thấy đau chút nào. —Bà ơi, bà có thể kể chuyện này cho ba mẹ, nhưng xin đừng kể cho ai khác.”

The grandmother told Genzo and his wife what Katsugoro had related to her; and after that the boy was not afraid to speak freely with his parents on the subject of his former existence, and would often say to them: “I want to go to Hodokubo. Please let me make a visit to the tomb of Kyubei San.” Genzo... asked his mother Tsuya, on the twentieth day of the first month of this year, to take her grandson there.

Bà nội kể cho Genzo và vợ ông điều Katsugoro đã thuật; và sau đó cậu bé không còn e sợ khi chuyện trò cởi mở với cha mẹ về đời sống trước của mình, và thường nói với họ: “Con muốn đi Hodokubo. Xin cho con đi thăm mộ Kyubei San.” Genzo... nhờ mẹ mình là bà Tsuya, vào ngày hai mươi của tháng Giêng năm nay, đưa cháu đến đó.

Tsuya went with Katsugoro to Hodokubo; and when they entered the village she pointed to the nearer dwellings, and asked the boy, “Which house is it?—is it this house or that one?” “No,” answered Katsugoro,—”it is further on—much further,”—and he hurried before her. Reaching a certain dwelling at last, he cried, “This is the house!”—and ran in, without waiting for his grandmother. Tsuya followed him in, and asked the people there what was the name of the owner of the house. “Hanshiro,” one of them answered. She asked the name of Hanshiro’s wife. “Shidzu,” was the reply. Then she asked whether there had ever been a son called Tozo born in that house. “Yes,” was the answer; “but that boy died thirteen years ago, when he was six years old.”

Tsuya đi với Katsugoro đến Hodokubo; và khi họ vào làng, bà chỉ vào những căn nhà gần đó và hỏi cậu bé: “Nhà nào vậy?—nhà này hay nhà kia?” “Không,” Katsugoro trả lời,—“xa hơn nữa—xa hơn nhiều,”—và em vội vã đi trước bà. Cuối cùng đến một căn nhà nào đó, em kêu lên, “Đây là nhà!”—và chạy vào, không đợi bà nội. Tsuya theo vào, và hỏi người trong nhà tên chủ nhà là gì. “Hanshiro,” một người trả lời. Bà hỏi tên vợ của Hanshiro. “Shidzu,” là câu đáp. Rồi bà hỏi trong nhà này đã từng có một con trai tên Tozo sinh ra không. “Có,” là câu trả lời; “nhưng cậu bé ấy đã chết mười ba năm trước, lúc sáu tuổi.”

Then for the first time Tsuya was convinced that Katsugoro had spoken the truth; and she

Lúc đó lần đầu tiên Tsuya tin chắc rằng Katsugoro đã nói thật; và bà không thể không

could not help shedding tears. She related to the people of the house all that Katsugoro had told her about his remembrance of his former birth. Then Hanshiro and his wife wondered greatly. They caressed Katsugoro and wept; and they remarked that he was much handsomer now than he had been as Tozo before dying at the age of six. In the meantime, Katsugoro was looking all about; and seeing the roof of a tobacco shop opposite to the house of Hanshiro, he pointed to it, and said: "That used not to be there." And he also said, —"The tree yonder used not to be there." All this was true. So from the minds of Hanshiro and his wife every doubt departed.

rơi nước mắt. Bà thuật cho gia đình ấy nghe tất cả những điều Katsugoro kể về ký ức của em về lần sinh trước. Rồi Hanshiro và vợ ông vô cùng kinh ngạc. Họ vuốt ve Katsugoro và khóc; và họ nhận xét rằng bây giờ em khôi ngô hơn nhiều so với thời còn là Tozo trước khi chết lúc sáu tuổi. Trong lúc ấy, Katsugoro nhìn quanh khắp nơi; và thấy mái nhà của một tiệm thuốc lá đối diện nhà Hanshiro, em chỉ vào đó và nói: "Hồi trước chỗ đó không có." Em cũng nói, —"Cái cây đằng kia hồi trước không có." Tất cả điều này đều đúng. Thế là mọi nghi ngờ tan biến khỏi tâm trí của Hanshiro và vợ ông.

Reincarnations In Burma—Những lần tái sinh ở Miến Điện

Some interesting cases are mentioned by Mr. H. Fielding-Hall in his charming book on Burma, *The Soul of a People*. He writes:

Vài trường hợp thú vị được Ông H. Fielding-Hall nhắc đến trong cuốn sách duyên dáng của ông về Miến Điện, *Linh Hồn của Một Dân Tộc*. Ông viết:

A friend of mine once put up for the night at a monastery far away in the forest, near a small village. Talking in the evening round the fire, he remarked that the monastery was very large and fine for so small a village; it was built of the best and straightest teak, which must have been brought from very far away; it must have taken a long time and a great deal of labour to build.

Một người bạn của tôi từng ghé qua một tu viện giữa rừng sâu, gần một ngôi làng nhỏ, để ngủ nhờ qua đêm. Tối đến, đàm đạo quanh bếp lửa, anh nhận xét rằng tu viện ấy rất lớn và đẹp so với một ngôi làng nhỏ như vậy; nó được dựng bằng những thân gỗ tếch tốt nhất, thẳng nhất, hẳn phải chở từ rất xa tới; hẳn mất rất nhiều thời gian và công sức để xây.

In explanation he heard a curious story. It appeared that in the old days there used to be only a bamboo and grass monastery there, such as most jungle villages have; and the then monk was distressed at the smallness of his abode and the little accommodation there was for his school (for a monastery is always a school). So one rainy season he planted with great care a number of teak seedlings round about, and he watered and cared for them.

Để giải thích, anh nghe một câu chuyện lạ. Hóa ra thời trước nơi đây chỉ có một tu viện bằng tre và cỏ, như hầu hết các làng rừng khác có; và vị sư khi đó băn khoăn vì nơi ở của mình chật hẹp và ít chỗ cho trường học (vì tu viện bao giờ cũng là trường học). Vậy là một mùa mưa, ông trồng với tất cả sự chăm chút một số cây tếch non quanh vùng, và ông tưới tắm, chăm nom chúng.

"When they are grown up," he would say,

"Khi chúng lớn lên," ông thường nói, "những

“these teak-trees shall provide timber for a new and proper building; and I myself will return in another life, and with those trees I will build a monastery more worthy than this.”

cây tếch này sẽ cung cấp gỗ để dựng một tòa nhà mới, đúng nghĩa; và chính ta sẽ trở lại trong một đời khác, và với những cây này ta sẽ dựng một tu viện xứng đáng hơn nơi này.”

Teak-trees take a hundred years to reach a mature size, and while the trees were still but saplings the monk died and another monk taught in his stead. And so it went on, and the years rolled by, and from time to time new monasteries of bamboo were built-and rebuilt, and the teak-trees grew bigger and bigger. But the village grew smaller, for the times were troubled, and the village was far away in the forest. So it happened that at last the village found itself without a monk at all; the last monk was dead, and no one came to take his place.

Cây tếch phải một trăm năm mới trưởng thành, và khi chúng vẫn còn là cây non thì vị sư qua đời, và một vị sư khác giảng dạy thay ông. Cứ thế, năm tháng trôi qua, thi thoảng lại có những tu viện tre mới được dựng lên và dựng lại, và cây tếch ngày càng lớn. Nhưng ngôi làng lại nhỏ đi, vì thời thế rối ren, và làng ở xa trong rừng. Thành thử rốt cuộc, làng thấy mình không còn sư ở nữa; vị sư cuối cùng đã mất, và không ai đến thay.

It is a serious thing for a village to have no monk. To begin with, there is no one to teach the lads to read and write and do arithmetic; and there is no one to whom you can give offerings and thereby acquire merit, and there is no one to preach to you and tell you of the sacred teaching. So the village was in a bad way.

Việc một ngôi làng không có sư là chuyện hệ trọng. Trước hết, không có ai dạy bọn trẻ đọc, viết, làm tính; và không có ai để bạn dâng cúng mà nhờ thế tạo công đức, và không có ai để giảng giải và nói với bạn về giáo pháp linh thiêng. Vậy nên làng lâm vào cảnh khó.

Then at last one evening, when the girls were all out at the well drawing water, they were surprised by the arrival of a monk from the forest, weary with a long journey, footsore and hungry. The villagers received him with enthusiasm, and furnished up the old monastery in a hurry for him to sleep. But the curious thing was that the monk seemed to know it all. He knew the monastery and the path to it, and the ways about the village, and the names of the hills and the streams. It seemed as though he must have lived there in the village, and yet no one knew him or recognized his face, though he was but a young man still, and there were villagers who

Rồi cuối cùng, một buổi chiều, khi các cô gái đang ra giếng gánh nước, họ ngạc nhiên thấy một vị sư từ rừng đi ra, mệt mỏi sau hành trình dài, chân chai và đói lả. Dân làng nồng nhiệt đón tiếp, và vội vã chỉnh trang tu viện cũ cho ngài nghỉ đêm. Nhưng điều lạ lùng là vị sư ấy dường như biết cả mọi thứ. Ngài biết tu viện và đường vào đó, lối lách trong làng, tên các ngọn đồi, các dòng suối. Có vẻ như ngài đã từng sống ở làng ấy, vậy mà chẳng ai biết hay nhận ra mặt ngài, dù ngài hãy còn trẻ, và có những dân làng đã sống ở đó bảy mươi năm. Sáng hôm sau, vị sư đi vào làng với bình bát, như các nhà sư vẫn làm, và khất thực phần ăn trong ngày: và tối hôm ấy, khi dân làng đến thăm, ngài bảo

had lived there for seventy years. Next morning the monk came into the village with his begging-bowl, as monks do, and collected his food for the day: and that evening, when the villagers went to see him, he told them he was going to stay. He recalled to them the monk who had planted the teak-trees, and how he had said that when the trees were grown he would return.

rằng ngài sẽ ở lại. Ngài gợi cho họ nhớ vị sư đã trồng cây tếch, và lời ông đã nói rằng khi cây lớn ông sẽ trở lại.

"I," said the young monk, "am he who planted these trees. Lo, they are grown up and I have returned, and now we will build a monastery as I said."

"Ta," vị sư trẻ nói, "là người đã trồng những cây này. Kìa, chúng đã lớn và ta đã trở lại, và bây giờ chúng ta sẽ dựng một tu viện như ta đã nói."

When the villagers, doubting, questioned him, and old men came and talked to him of traditions of long-past days, he answered as one who knew all. He told them he had been born and educated far away in the South, and had grown up not knowing who he had been; then he had entered a monastery, and in due time became a Pongyi. The remembrance came to him, he went on, in a dream of how he had planted the trees and had promised to return to that village far away in the forest.

Khi dân làng còn nghi ngờ, họ tra hỏi ngài, và các bô lão đến trò chuyện với ngài về những chuyện truyền lại của những ngày xa xưa, ngài trả lời như người biết tất cả. Ngài kể mình sinh và học ở phương Nam xa xôi, và lớn lên mà không biết mình đã từng là ai; rồi ngài vào tu viện, và đến kỳ thì trở thành một Pongyi. Sự nhớ biết đến với ngài, ngài kể tiếp, trong một giấc mơ về việc ông đã trồng cây và đã hứa sẽ trở lại ngôi làng xa trong rừng ấy.

The very next day he had started, and travelled day after day and week upon week, till at length he had arrived, as they saw. So the villagers were convinced, and they set to work and cut down the great boles, and built the monastery which my friend saw. And the monk lived there all his life, and taught the children, and preached the marvellous teaching of the great Buddha, till at length his time came again and he returned; for of monks it is not said that they die, but that they return.....

Ngay ngày hôm sau ngài lên đường, và đi ngày này qua tuần khác, cho đến khi cuối cùng ngài đến nơi, như mọi người đã thấy. Thế là dân làng tin, và họ bắt tay vào việc, đốn những thân cây lớn, và dựng nên tu viện mà bạn tôi đã thấy. Và vị sư ở đó suốt đời, dạy bọn trẻ, và giảng pháp mầu nhiệm của đức Phật vĩ đại, cho đến khi thời của ngài lại đến và ngài "trở về"; vì về các nhà sư, người ta không nói họ chết, mà nói họ trở về.....

About fifty years ago in a village called Okshitgon were born two children, a boy and a girl. They were born on the same day in neighbouring houses, and they grew up

Khoảng năm mươi năm trước, trong một ngôi làng tên Okshitgon, có hai đứa trẻ ra đời, một trai và một gái. Chúng sinh cùng ngày, trong hai căn nhà kề cận, và lớn lên cùng nhau, chơi

together and played together, and loved each other. In due course they married and started a family, and maintained themselves by cultivating the fields about the village. They were always known as devoted to each other, and they died as they had lived—together. The same death took them on the same day; so they were buried without the village and were forgotten, for the times were serious... Okshitgon was in the midst of one of the most distressed districts, and many of its people fled; and one of them, a man named Maung Kan, went with his young wife to the village of Kabyu and lived there.

cùng nhau, yêu nhau. Đến thời, chúng kết hôn và lập gia đình, mưu sinh bằng nghề canh tác các cánh đồng quanh làng. Ai cũng biết đôi vợ chồng này gắn bó với nhau, và họ chết như họ đã sống—cùng nhau. Cùng một cái chết đến với cả hai trong cùng một ngày; họ được chôn ngoài làng và rồi bị quên lãng, vì thời cuộc rối ren... Okshitgon nằm giữa một trong những vùng khổ sở nhất, và nhiều người của nó đã bỏ chạy; một người trong đó, một người tên Maung Kan, cùng vợ trẻ đến ở làng Kabyu và sinh sống ở đó.

Now, Maung Kan's wife had borne to him twin sons. They were born at Okshitgon shortly before their parents had to run away, and they were named, the first Maung Gyi (which means Brother Big-fellow) and the second Maung Ngé (which means Brother Little-fellow). These lads grew up at Kabyu, and soon learnt to talk; and their parents were surprised to hear them calling to each other at play, not as Maung Gyi and Maung Ngé, but as Maung San Nyein and Ma Gywin. The latter is a woman's name, and the parents remembered that these were the names of the man and wife who had died at Okshitgon about the time the children were born.

Bây giờ, vợ của Maung Kan đã sinh cho ông ta một cặp song sinh trai. Chúng sinh ở Okshitgon trước khi cha mẹ phải bỏ trốn không lâu, và chúng được đặt tên, đứa đầu là Maung Gyi (nghĩa là Anh Cả), đứa hai là Maung Ngé (nghĩa là Em Bé). Hai cậu bé lớn lên ở Kabyu, và sớm biết nói; và cha mẹ ngạc nhiên nghe chúng gọi nhau lúc chơi, không phải là Maung Gyi và Maung Ngé, mà là Maung San Nyein và Ma Gywin. Tên sau là tên phụ nữ, và cha mẹ nhớ rằng đó là tên của người vợ chồng đã chết ở Okshitgon vào khoảng thời điểm hai đứa trẻ được sinh.

So the parents thought that the souls of the man and wife had entered into the children, and they took them to Okshitgon to try them. The children knew everything in Okshitgon; they knew the roads, the houses and the people, and they recognized the clothes they used to wear in the former life: there was no doubt about it. One of them, the younger, remembered how she had borrowed two rupees once from a woman, Ma Thet, unknown to her husband, and left the debt unpaid. Ma Thet was still living, so they asked her, and she recollected that it was true she

Thế là cha mẹ nghĩ rằng linh hồn của đôi vợ chồng kia đã nhập vào hai đứa trẻ, và họ đưa chúng về Okshitgon để "thử". Hai đứa trẻ biết hết mọi thứ ở Okshitgon; chúng biết đường xá, nhà cửa và người dân, và nhận ra những bộ quần áo chúng từng mặc trong đời trước: không còn nghi ngờ gì nữa. Một đứa, đứa nhỏ hơn, nhớ rằng nó từng vay hai rupee của một người phụ nữ tên Ma Thet, mà chồng không hay, và để lại món nợ chưa trả. Ma Thet vẫn còn sống, nên họ hỏi bà, và bà nhớ lại rằng đúng là ngày xưa bà đã cho vay số tiền ấy....

had lent the money long ago....

Shortly afterwards I saw these two children. They were then just over six years old. The elder, into whom the soul of the man entered, is a fat, chubby little fellow, but the younger twin is smaller, and has a curious dreamy look in his face, more like a girl than a boy. They told me much about their former lives. After they died they said they lived for some time without a body at all, wandering in the air and hiding in the trees. Then, after some months they were born again as twin boys. "It used to be so clear," said the elder boy, "I could remember everything; but it is getting duller and duller, and I cannot now remember as I used to do."

Another little boy told me once that the way remembrance came to him was by seeing the silk he used to wear made into curtains, which are given to the monks and used as partitions in their monasteries, and as walls to temporary erections made at festival times. He was taken when some three years old to a feast at the making of the son of a wealthy merchant into a monk. There he recognized in the curtain walling in part of the bamboo building his old dress, and pointed it out at once.*

Sau đó không lâu, tôi gặp hai đứa trẻ này. Khi ấy chúng vừa hơn sáu tuổi. Đứa lớn, vào đó linh hồn người chồng nhập, là một cậu bé mũm mĩm, bầu bĩnh, còn đứa song sinh nhỏ hơn thì bé hơn, và có một vẻ đăm chiêu kỳ lạ trên khuôn mặt, trông giống con gái hơn con trai. Chúng kể cho tôi nghe nhiều điều về đời trước. Sau khi chết, chúng nói, chúng sống một thời gian không có thân xác, lang thang trong không khí và ẩn mình trong các tán cây. Rồi, sau vài tháng, chúng được sinh ra lại thành cặp trai song sinh. "Trước đây rõ ràng lắm," cậu lớn nói, "tôi có thể nhớ hết; nhưng bây giờ mờ dần, mờ dần, và tôi không còn nhớ như trước nữa."

Một cậu bé khác từng kể tôi nghe rằng cách ký ức trở lại với cậu là khi nhìn thấy tấm lụa cậu từng mặc được may thành rèm, dâng cho các sư và dùng làm vách ngăn trong tu viện, và làm vách cho những kiến trúc tạm thời dựng vào dịp lễ hội. Cậu được dẫn, khi khoảng ba tuổi, đi dự một lễ làm con của một nhà buôn giàu thành sư. Ở đó, cậu nhận ra trong những bức rèm che một phần căn nhà tre bộ y phục cũ của mình, và lập tức chỉ ra.*

---

*Op. cit., p. 291 et seq.

*Sđd., tr. 291 trở đi.

Most of the examples of reincarnation given above are taken from Oriental countries—not because the great law of rebirth is operative only in those lands, but because for various reasons it is easier to trace its action there. The law is universal, but the interval between lives differs widely. For some it is a matter of many centuries; for others it may be only a few months, or even days. With the Burmese, as we have just seen from Mr. Fielding Hall's

Hầu hết các ví dụ về tái sinh nêu trên được lấy từ các xứ phương Đông—không phải vì đại định luật tái sinh chỉ vận hành tại những vùng đất ấy, mà bởi vì vì nhiều lẽ khác nhau, ở đó ta dễ theo dõi sự tác động của định luật hơn. Định luật là phổ quát, nhưng khoảng cách giữa các kiếp sống khác nhau rất xa. Với một số người, đó là chuyện của nhiều thế kỷ; với kẻ khác, có thể chỉ vài tháng, thậm chí vài ngày. Với người Miến, như chúng ta vừa thấy qua tường thuật

account, very short intervals seem to be the rule, and the Burman evidently has also the peculiarity that he usually takes birth over and over again in the same race before transferring himself to another. These two habits of his are specially convenient for the student of reincarnation who, by researches among that race, can readily convince himself of the truth of the general principle before extending his inquiries into other fields where the investigation is more difficult.

của Ông Fielding Hall, những khoảng cách rất ngắn dường như là điều thường thấy, và người Miến hiển nhiên còn có một nét đặc thù là y thường thọ sinh hết lần này đến lần khác trong cùng một giống dân trước khi chuyển mình sang giống dân khác. Hai nếp quen này của họ đặc biệt thuận tiện cho đạo sinh nghiên cứu tái sinh—kẻ mà, nhờ khảo cứu trong giống dân ấy, có thể dễ dàng tự mình xác chứng chân lý của nguyên lý tổng quát trước khi mở rộng việc truy cứu sang những cánh đồng khác, nơi cuộc điều tra khó khăn hơn.

There is plenty of testimony available of quite another kind, for there are a certain number of people who have a clear memory of at least some of their own former births; and it is sometimes possible for those who have lived simultaneously in the past to compare notes, and so obtain some sort of verification of their recollections. I remember once, years ago, when I had given a lecture upon reincarnation to an Indian audience, and asked at the conclusion of it for questions on any point which I had not made quite clear, a highly-cultured Indian gentleman rose, and with the utmost courtesy said:

Có rất nhiều lời chứng thuộc một loại hoàn toàn khác, vì có một số người nhất định có ký ức rõ ràng về chí ít một vài kiếp trước của chính họ; và đôi khi điều cũng có thể là những người đã từng sống đồng thời trong quá khứ có thể đối chiếu các điều ghi nhận, nhờ đó có được một dạng xác minh nào đó cho những hồi ức của họ. Tôi còn nhớ một lần, nhiều năm trước, khi tôi giảng một bài về tái sinh cho một thính chúng Ấn Độ, và ở phần kết tôi mời đặt câu hỏi về bất kỳ điểm nào mà tôi chưa làm rõ lắm, một quý ông Ấn Độ có học thức cao đứng lên và với sự nhã nhặn hết mực đã nói:

"Sir, this theory of reincarnation is familiar to us from childhood; we all of us begin by accepting it, and it is only when we grow up and absorb your European culture that we come to doubt it. Have you any objection to telling us how it happens that you, an Englishman, whose education and surroundings must have been so entirely different, are able to speak to us so convincingly and with such apparent certainty on this subject?"

"Thưa ông, thuyết tái sinh này vốn thân quen với chúng tôi từ thời thơ ấu; tất cả chúng tôi đều khởi đầu bằng việc chấp nhận nó, và chỉ khi lớn lên tiếp thu văn hóa Âu châu của các ông thì chúng tôi mới bắt đầu hoài nghi. Ông có ngại cho biết làm sao mà ông, một người Anh, với nền giáo dục và hoàn cảnh hẳn là hoàn toàn khác, lại có thể nói với chúng tôi một cách đầy thuyết phục và với vẻ quả quyết như vậy về chủ đề này không?"

I in my turn put a question to him: "Do you wish me to rehearse for you the stock arguments which show so conclusively that reincarnation is the only rational theory of

Đến lượt mình, tôi đặt một câu hỏi với ông ấy: "Ông muốn tôi nhắc lại cho ông nghe những luận cứ kinh điển cho thấy một cách thuyết phục rằng tái sinh là học thuyết hợp lý duy

life, the only hypothesis which enables us to account in any degree equitably for the conditions which we see around us? Or do you want me to unveil something of my own inner life, and give you my *real* reason?"

nhất về sự sống, là giả thuyết duy nhất cho phép chúng ta phần nào giải thích một cách công bằng những điều kiện chung quanh ta? Hay ông muốn tôi vén mở đôi điều về đời sống nội tâm của chính mình, và nói với ông *lý do thật* của tôi?"

He replied: "Sir, if I may venture to put so intimate, so almost impertinent a question (though I assure you that it is not asked impertinently) it is precisely that real inner reason that it would mean so much to me to hear."

Ông đáp: "Thưa ông, nếu tôi dám nêu một câu hỏi riêng tư đến vậy, gần như là đường đột (dù tôi cam đoan không hề có ý khiếm nhã), thì chính cái lý do nội tâm thật ấy là điều mà tôi rất mong được nghe."

Seeing how genuine and how serious was his query, I answered him openly: "Very well then," I said, "I speak definitely and certainly about reincarnation because I *know* it to be a fact, because I can clearly remember a large number of my own past births, and in the case of some of them I have been able to satisfy myself by exterior evidence that my recollection is accurate. But of course that, however satisfactory to me, is no proof to *you*."

Thấy câu hỏi của ông chân thành và nghiêm cẩn đến thế, tôi đáp thẳng thắn: "Thế thì được," tôi nói, "tôi nói rành rẽ và quả quyết về tái sinh vì tôi *biết* đó là một sự thật, vì tôi nhớ rõ ràng rất nhiều kiếp trước của chính mình, và trong một vài trường hợp, tôi đã có thể tự thỏa mãn mình, bằng những bằng chứng bên ngoài, rằng hồi ức của tôi là xác thực. Nhưng dĩ nhiên, điều đó, tuy khiến tôi hoàn toàn an tâm, vẫn không phải là chứng cứ đối với *ông*."

He thanked me heartily, assuring me that that was exactly what he had wanted to hear.

Ông chân thành cảm ơn tôi, quả quyết rằng đó chính là điều ông muốn được nghe.

CHAPTER XII—CHƯƠNG XII

CONCLUSION—KẾT LUẬN

I have tried to describe the life on the other side of death just as it is, just as it is seen to be by those who, taking part in it (as we all do every night of our earthly lives) have unfolded within themselves the power to remember clearly what they see and do, so that to them it is familiar, simple, straightforward—part of

Tôi đã cố gắng mô tả đời sống ở bên kia cái chết đúng như nó là, đúng như nó được thấy bởi những ai tham dự vào đó (như tất cả chúng ta đều làm mỗi đêm trong đời sống trần gian), và đã khai mở trong chính mình năng lực nhớ rõ những gì mình thấy và làm, để đối với họ nó là điều quen thuộc, giản dị, thẳng băng—một

their everyday existence. And I have gathered together from many sources a large number of illustrative cases, a vast amount of concurrent testimony to show you that the account I give is not a dream or a hallucination, but a plain statement of the facts as commonly experienced.

phần của đời sống thường nhật. Và tôi đã gom lại từ nhiều nguồn vô số trường hợp minh họa, một khối lượng lớn lời chứng đồng quy để chỉ cho bạn thấy rằng tường thuật mà tôi đưa ra không phải là một giấc mơ hay một ảo giác, mà là một trình bày thẳng thắn về những sự kiện như người ta thường nghiệm qua.

For those who are able to accept this, all fear of death should be eradicated, all grief for those whom we call the dead should automatically cease. Yet so strong is this ingrained habit of mourning, so firmly implanted within us is this hereditary, though baseless, sense of separation, that even those who intellectually grasp the truth, who fully believe all that is written herein, may at times find themselves slipping back under its influence into that old and harmful attitude of despondency, of longing, of never-fading regret.

Với những ai có thể chấp nhận điều này, mọi sợ hãi cái chết nên bị nhổ sạch, mọi sầu khổ vì những người mà chúng ta gọi là kẻ chết nên tự động chấm dứt. Thế nhưng thói quen khóc than đã ăn sâu quá mạnh, cảm thức di truyền về chia lìa ấy—dù vô căn cứ—đã được cắm chặt trong chúng ta đến mức ngay cả những người nắm bắt chân lý bằng trí tuệ, những người hoàn toàn tin vào mọi điều được viết ở đây, đôi lúc vẫn thấy mình trượt ngược trở lại dưới ảnh hưởng của nó, vào thái độ cũ kỹ mà tai hại của u sầu, khắc khoải, và nuối tiếc không phai.

So sad is this, so injurious both to the living and the dead, that I feel it my duty to close this book with a final and urgent appeal to my readers to raise themselves once and forever above the possibility of any such relapse, to take their stand firmly in God's sunlight, and never for a moment allow it to be obscured by man-made clouds of doubt or fear. To the man, then, whose sky is dark because one whom he loves deeply has left this physical world, I would address myself thus:

Điều đó thật đáng buồn biết bao, thật tổn hại cả cho người sống lẫn kẻ chết, đến nỗi tôi cảm thấy bổn phận phải kết thúc cuốn sách này bằng một lời khẩn thiết tối hậu gửi đến độc giả: hãy tự mình nâng dậy, một lần cho mãi mãi, vượt khỏi mọi khả năng tái rơi vào trạng thái ấy; hãy đứng vững trong ánh dương của Thượng đế, và đừng để nó bị che khuất dù chỉ một chốc bởi những đám mây do con người dựng nên của hoài nghi hay sợ hãi. Vậy nên, với người mà trời mây u tối vì kẻ y yêu sâu đậm đã rời bỏ thế giới hồng trần này, tôi xin ngỏ lời như sau:

An Earnest Appeal—Lời Kêu Gọi Khẩn Thiết

My brother, you have lost by death one whom you loved dearly—one who perhaps was all the world to you; and so to you that world seems empty, and life no longer worth the living. You feel that joy has left you for ever—that existence can be for you henceforth nothing but hopeless sadness—naught but

Huynh đệ của tôi, bạn đã mất bởi cái chết một người mà bạn yêu thiết—một người có lẽ từng là cả thế giới đối với bạn; và thế nên với bạn, thế giới đó dường như rỗng không, và đời sống không còn đáng sống nữa. Bạn cảm thấy niềm vui đã rời bỏ bạn mãi mãi—rằng từ nay sự sống đối với bạn chỉ còn là nỗi buồn vô vọng—chẳng

one aching longing for "the touch of a vanished hand and the sound of a voice that is still". You are thinking chiefly of yourself and your intolerable loss; but there is also another sorrow. Your grief is aggravated by your uncertainty as to the present condition of your beloved; you feel that he has gone you know not where. You hope earnestly that all is well with him, but when you look upward all is void; when you cry, there is no answer. And so despair and doubt overwhelm you, and make a cloud that hides from you the Sun which never sets.

là gì ngoài một khắc khoải nhức nhối vì "bàn tay đã khuất chạm khẽ" và "âm thanh của một giọng nói nay đã im lặng". Bạn đang nghĩ chủ yếu về chính mình và mất mát không sao chịu nổi của bạn; nhưng còn có một nỗi buồn khác nữa. Sầu khổ của bạn bị tăng nặng bởi sự bất định về tình trạng hiện tại của người thương; bạn cảm thấy y đã đi đâu, bạn không biết. Bạn chân thành hy vọng mọi sự đều tốt đẹp với y, nhưng khi ngước nhìn lên chỉ thấy trống không; khi bạn kêu gào, chẳng có câu đáp lời. Và thế là tuyệt vọng và hoài nghi trùm lấp bạn, tạo nên một đám mây che khuất Mặt Trời chẳng bao giờ lặn.

Your feeling is most natural; I who write understand it perfectly, and my heart is full of sympathy for all those who are afflicted as you are. But I hope that I can do more than sympathize; I hope that I can bring you help and relief. Such help and relief have come to thousands who were in your sad case. Why should they not come to you also?

Cảm xúc của bạn là điều tự nhiên nhất; tôi, người đang viết dòng này, hiểu rõ nó, và trái tim tôi tràn đầy cảm thông với tất cả những ai đau khổ như bạn. Nhưng tôi hy vọng mình có thể làm hơn cả việc cảm thông; tôi hy vọng có thể mang đến cho bạn sự trợ giúp và niềm khuây khỏa. Trợ giúp và khuây khỏa như thế đã đến với hàng ngàn người vốn ở trong cảnh ngộ buồn bã của bạn. Tại sao chúng lại không đến với bạn?

You say: "How can there be relief or hope for me?"

Bạn nói: "Làm sao có thể có khuây khỏa hay hy vọng cho tôi?"

There is the hope of relief for you because your sorrow is founded on misapprehension; you are grieving for something *which has not really happened*. When you understand the *facts* you will cease to grieve.

Có hy vọng và khuây khỏa cho bạn vì nỗi sầu của bạn đặt nền trên sự hiểu lầm; bạn đang đau buồn vì một điều *vốn thực ra chưa hề xảy ra*. Khi bạn hiểu các *sự kiện*, bạn sẽ thôi không còn sầu khổ.

You answer: "My loss *is a fact*. How can you help me—unless, indeed, you give me back my dead?"

Bạn đáp: "Mất mát của tôi *là một sự kiện*. Ông giúp được gì cho tôi—trừ phi, thật vậy, ông trả lại cho tôi người đã khuất?"

I understand your feeling perfectly; yet bear with me for awhile, and try to grasp three main propositions which I am about to put before you—at first merely as broad statements, and then in convincing detail.

Tôi hiểu trọn vẹn cảm xúc của bạn; tuy vậy, xin bạn nhẫn nại đôi chút và cố nắm bắt ba mệnh đề chính mà tôi sắp trình bày—ban đầu như những mệnh đề khái quát, rồi sau đó là những chi tiết thuyết phục.

Your loss is only an *apparent* fact—apparent from your point of view. I want to bring you to another view-point. Your suffering is the result of a great delusion—of ignorance of Nature's law; let me help you on the road towards knowledge by explaining a few simple truths which you can study further at your leisure.

Mất mát của bạn chỉ là một sự kiện *bề ngoài* — bề ngoài từ lập trường của bạn. Tôi muốn đưa bạn đến một điểm nhìn khác. Khổ đau của bạn là kết quả của một ảo tưởng lớn—là do không biết định luật của Tự Nhiên; hãy để tôi giúp bạn đi trên con đường hướng đến tri thức bằng cách giải thích vài chân lý đơn giản mà bạn có thể thong thả học hỏi thêm.

You need be under no uneasiness or uncertainty with regard to the condition of your loved one, for the life after death is no longer a mystery. The world beyond the grave exists under the same natural laws as this which we know, and has been explored and examined with scientific accuracy.

Bạn không cần phải bồn chồn hay bất định gì về tình trạng của người thân yêu, vì đời sống sau khi chết không còn là điều huyền bí nữa. Thế giới bên kia nấm mồ tồn tại theo những định luật tự nhiên giống hệt như thế giới chúng ta quen biết, và đã được thám sát, khảo cứu với độ chính xác của khoa học.

You must not mourn, for your mourning does harm to your loved one. If you can once open your mind to the truth, you will mourn no more.

Bạn không nên than khóc, vì sự than khóc của bạn gây hại cho người thương. Nếu một lần bạn mở tâm trí mình ra với chân lý, bạn sẽ không còn than khóc.

Before you can understand your lost friend's condition you must understand your own. Try to grasp the fact that you are an immortal being, immortal because you are divine in essence—because you are a spark from God's own Fire; that you lived for ages before you put on this vesture which you call a body, and that you will live for ages after it has crumbled into dust. "God made man to be an image of His own eternity." This is not a guess or a pious belief, it is a definite scientific fact, capable of proof, as you may see from the literature of the subject if you will take the trouble to read it. What you have been considering as your life is in truth only one day of your real life as a soul, and the same is true of your beloved; therefore, *he* is not dead —it is only his body that is cast aside.

Trước khi bạn có thể hiểu tình trạng của người bạn đã mất, bạn phải hiểu chính mình. Hãy cố nắm bắt sự thật rằng bạn là một hữu thể bất tử, bất tử vì về bản thể bạn là thiêng liêng—vì bạn là một tia lửa từ Lửa của Chính Thượng đế; rằng bạn đã sống suốt nhiều thời đại trước khi khoác lên mình tấm áo mà bạn gọi là thân xác này, và rằng bạn sẽ còn sống suốt nhiều thời đại sau khi nó đã tan thành bụi đất. "Thượng đế đã dựng nên con người để làm ảnh tượng của sự vĩnh hằng riêng của Ngài." Đây không phải là một phỏng đoán hay một niềm tin sùng kính, mà là một sự thật khoa học xác quyết, có thể chứng minh, như bạn có thể thấy từ các trước tác liên quan nếu chịu khó đọc. Điều mà bạn vẫn xem là đời sống của mình thực ra chỉ là một ngày của đời sống thật của bạn như một linh hồn, và điều đó cũng đúng với người thân yêu của bạn; bởi vậy, *y* không hề chết—chỉ có thân xác của y là bị trút bỏ.

Yet you must not, therefore, think of him as a

Tuy vậy, đừng vì thế mà nghĩ về y như một hơi

mere bodiless breath, as in any way less himself than he was before. As St. Paul said long ago: “There is a natural body, and there is a spiritual body.” People misunderstand that remark, because they think of these bodies as successive, and do not realize that we all of us possess both of them even now. You, as you read this, have both a “natural” or physical body, which you can see, and another inner body, which you cannot see, that which St. Paul called the “spiritual”. And when you lay aside the physical, you still retain the other finer vehicle; you are clothed in your “spiritual body”. If we symbolize the physical body as an overcoat or cloak, we may think of this spiritual body as the ordinary house-coat which the man wears underneath that outer garment.

thở không thân thể, như theo bất kỳ cách nào đó mà y kém là chính mình hơn trước. Như Thánh Phao-lô đã nói từ lâu: “Có thân thể tự nhiên, và có thân thể tinh thần.” Người ta hiểu lầm lời nói đó, vì họ nghĩ về những thân thể này như là kế tiếp nhau, và không nhận ra rằng tất cả chúng ta hiện nay đều đang sở hữu cả hai. Bạn, trong khi đọc điều này, vừa có một thân thể “tự nhiên” hay thân xác mà bạn có thể nhìn thấy, vừa có một thân thể bên trong khác mà bạn không thấy được, điều mà Thánh Phao-lô gọi là “thể tinh thần”. Và khi bạn đặt thân xác sang một bên, bạn vẫn còn giữ vận cụ tinh tế kia; bạn khoác trên mình “thể tinh thần” của bạn. Nếu ví thân xác như một chiếc áo khoác ngoài, ta có thể xem “thể tinh thần” này như chiếc áo mặc nhà thường nhật mà người ta khoác bên dưới tấm áo ngoài.

If that idea is by this time clear to you, let us advance another step. It is not only at what you call death that you doff that overcoat of dense matter; every night when you go to sleep you slip it off for awhile, and roam about the world in your spiritual body—invisible as far as this dense world is concerned, but clearly visible to those friends who happen to be using their spiritual bodies at the same time. For each body sees only that which is on its own level; your physical body sees only other physical bodies, your spiritual body sees only other spiritual bodies. When you resume your overcoat—that is to say, when you come back to your denser body. and wake up (or down) to this lower world—it occasionally happens that you have some recollection, though usually considerably distorted, of what you have seen when you were away elsewhere; and then you call it a vivid dream. Sleep, then, may be described as a kind of temporary death, the difference being that you do not withdraw yourself so entirely from your overcoat as to be unable to resume it. It follows that when you sleep, you enter the

Nếu đến đây ý niệm đó đã rõ đối với bạn, chúng ta hãy bước thêm một bước nữa. Không chỉ vào lúc bạn gọi là chết bạn mới cởi chiếc áo khoác của chất liệu đậm đặc ấy; mỗi đêm khi bạn đi ngủ bạn đều tạm trút nó xuống, và dạo bước khắp thế giới trong thể tinh thần của mình—vô hình đối với thế giới đậm đặc này, nhưng lại hiện rõ với những bạn bè đang sử dụng thể tinh thần của họ cùng lúc. Vì mỗi thể chỉ nhìn thấy cái gì ở trên cấp độ của chính nó; thân xác của bạn chỉ thấy những thân xác khác, còn thể tinh thần của bạn chỉ thấy những thể tinh thần khác. Khi bạn mặc lại chiếc áo khoác—tức là khi bạn trở về với thân thể đậm đặc hơn của mình và thức dậy (hay “tụt xuống”) thế giới thấp này—đôi khi sẽ xảy ra là bạn có một ít hồi ức, dẫu thường bị bóp méo đáng kể, về những điều bạn đã thấy khi rời xa nơi khác; và bạn gọi đó là một giấc mơ sống động. Vậy thì, giấc ngủ có thể được mô tả như một thứ cái chết tạm thời, chỉ khác ở chỗ bạn không rút mình ra khỏi chiếc áo khoác đến mức không thể khoác lại nó. Do đó, khi bạn ngủ, bạn nhập vào cùng một tình trạng như tình trạng mà người thương của bạn đã bước

same condition as that into which your beloved has passed. What that condition is I will now proceed to explain.

vào. Tình trạng ấy là gì, giờ tôi sẽ giải thích.

Many theories have been current as to the life after death—most of them based upon misunderstandings of ancient scriptures. At one time the horrible dogma of what was called everlasting punishment was almost universally accepted in Europe, though none but the hopelessly ignorant believe it now. It was based upon a mistranslation of certain words attributed to Christ, and it was maintained by the mediaeval monks as a convenient bogey with which to frighten the ignorant masses into well-doing. As the world advanced in civilization, men began to see that such a tenet was not only blasphemous, but ridiculous. Modern religionists have, therefore, replaced it by somewhat saner suggestions; but they are usually quite vague and far from the simplicity of the truth.

Nhiều thuyết đã lưu hành về đời sống sau khi chết—phần lớn dựa trên những sự hiểu sai các thánh thư cổ. Có thời, giáo điều khủng khiếp gọi là hình phạt đời đời hầu như được chấp nhận rộng khắp ở Âu châu, dẫu nay chỉ còn những kẻ vô minh cùng cực mới tin. Nó dựa trên một sự dịch sai vài lời được gán cho Đức Christ, và đã được các tu sĩ thời trung cổ duy trì như một con ngáo ộp tiện lợi để dọa đám đông thất học phải ăn ở cho phải. Khi thế giới tiến bộ trong văn minh, con người bắt đầu thấy rằng tín điều như thế không chỉ là phạm thượng mà còn lố bịch. Các tôn giáo hiện đại vì vậy đã thay thế nó bằng những đề nghị có phần tỉnh táo hơn; nhưng chúng thường rất mơ hồ và cách xa sự giản dị của chân lý.

All the Churches have complicated their doctrines because they insisted upon starting with an absurd and unfounded dogma of a cruel and angry Deity who wished to injure His people. They import this dreadful idea from primitive Judaism, instead of accepting the teaching of Christ that God is a loving Father. People who have grasped the fundamental fact that God is Love, and that His universe is governed by wise eternal laws, have begun to realize that those laws must be obeyed in the world beyond the grave just as much as in this. But even yet beliefs are vague. We are told of a far-away heaven, of a day of judgement in the remote future, but little information is given us as to what happens here and now. Those who teach do not even pretend to have any personal experience of after-death conditions. They tell us not what they themselves know, but only what they have heard from others. How can that satisfy

Mọi Giáo hội đều làm phức tạp các giáo điều của mình bởi vì họ khăng khăng khởi đi từ một giáo điều vô lý và vô căn: một Thần linh tàn nhẫn và giận dữ muốn làm hại dân Ngài. Họ mang theo ý niệm đáng sợ này từ Do Thái giáo nguyên sơ, thay vì chấp nhận giáo huấn của Đức Christ rằng Thượng đế là một Người Cha đầy Tình Thương. Những ai đã nắm bắt sự thật căn bản rằng Thượng đế là Tình Thương, và vũ trụ của Ngài được cai quản bởi những định luật vĩnh cửu, khôn ngoan, đã bắt đầu nhận ra rằng những định luật ấy phải được tuân theo ở thế giới bên kia nấm mồ cũng như ở đây. Nhưng cho đến giờ những niềm tin vẫn mơ hồ. Người ta nói với chúng ta về một thiên đường xa xăm, về một ngày phán xét trong tương lai xa, nhưng rất ít thông tin được đưa ra về những gì xảy ra ngay bây giờ, tại đây. Những người giảng dạy thậm chí không hề giả vờ có bất kỳ kinh nghiệm cá nhân nào về các điều kiện hậu tử. Họ không nói với chúng ta điều họ

us?

tự biết, mà chỉ điều họ nghe từ kẻ khác. Làm sao như thế có thể khiến chúng ta thỏa mãn?

The truth is that the day of blind belief is past; the era of scientific knowledge is with us, and we can no longer accept ideas unsustained by reason and common-sense. There is no reason why scientific methods should not be applied to the elucidation of problems which in earlier days were left entirely to religion; indeed, such methods have been applied by the Theosophical Society and the Society for Psychical Research; and it is the result of those investigations, made in a scientific spirit, that I wish to place before you now.

Sự thật là thời của niềm tin mù quáng đã qua; kỷ nguyên của tri thức khoa học đang ở cùng chúng ta, và chúng ta không còn có thể chấp nhận những ý tưởng không được nâng đỡ bởi lý trí và lẽ thường. Không có lý do gì các phương pháp khoa học lại không được áp dụng để làm sáng tỏ những vấn đề mà trong thời trước từng được phó mặc hoàn toàn cho tôn giáo; thật vậy, những phương pháp như thế đã được áp dụng bởi Hội Thông Thiên Học và Hội Nghiên cứu Tâm Linh; và chính kết quả của những khảo cứu ấy, được tiến hành với tinh thần khoa học, là điều tôi muốn trình bày với bạn bây giờ.

Let us consider the life which the dead are leading. In it there are many and great variations, but at least it is almost always happier than the earth-life. As an old scripture puts it: “The souls of the righteous are in the hand of God, and there shall no torment touch them. In the sight of the unwise they seem to die, and their departure is taken for misery, and their going from us to be utter destruction; but they are in peace.”* We must disabuse ourselves of antiquated theories; the dead man does not leap suddenly into an impossible heaven, nor does he fall into a still more impossible hell. There is indeed no hell in the old wicked sense of the word; and there is no hell anywhere in any sense except such as a man makes for himself. Try to understand clearly that death makes no change in the man; he does not suddenly become a great saint or angel, nor is he suddenly endowed with all the wisdom of the ages; he is just the same man the day after his death as he was the day before it, with the same emotions, the same disposition, the same intellectual development. The only difference is that he has lost the physical body.

Chúng ta hãy xét đời sống mà những người đã khuất đang sống. Trong đó có nhiều biến thiên lớn, nhưng ít nhất nó hầu như luôn hạnh phúc hơn đời sống trần gian. Như một thánh thư xưa nói: “Linh hồn người công chính ở trong tay Thượng đế, và không hình khổ nào chạm đến họ. Trước mắt kẻ dại dột, họ dường như chết, và cuộc ra đi của họ bị cho là khổ sở, và việc rời xa chúng ta tưởng như hủy diệt hoàn toàn; nhưng họ được bình an.”* Chúng ta phải gạt bỏ những thuyết cũ kỹ; người đã khuất không đột ngột nhảy vào một thiên đường bất khả, cũng không rơi vào một địa ngục càng bất khả hơn. Quả thật chẳng có địa ngục theo nghĩa độc ác xưa kia của từ ấy; chẳng có địa ngục nào ở đâu theo bất cứ nghĩa nào, ngoại trừ cái mà con người tự tạo cho mình. Hãy cố hiểu cho tỏ rằng cái chết không làm thay đổi con người; y không đột nhiên trở thành một đại thánh hay thiên sứ, cũng không bất thần được ban cho tất cả minh triết của muôn đời; y là cùng một con người như ngày hôm sau khi chết y vốn là vào ngày hôm trước, với những xúc cảm y như, với khí chất y như, với trình độ trí tuệ y như. Khác biệt duy nhất là y đã mất thân xác.

*Wisdom of Solomon, iii, 1.

In this spiritual world no money is necessary, food and shelter are no longer needed, for its glory and its beauty are free to all its inhabitants without money and without price. In its rarefied matter, in the spiritual body, a man can move hither and thither as he will; if he loves the beauteous landscape of forest and sea and sky, he may visit at his pleasure all earth's fairest spots; if he loves art he may spend the whole of his time in the contemplation of the masterpieces of all the greatest painters, and may himself produce masterpieces by the exercise of the wonderful magic of his thought-power; if he be a musician, he may pass from one to the other of the world's chiefest orchestras, he may spend his time in listening to the most celebrated performers, or with the willing aid of the great Angels of music he may himself give forth such strains as are never heard on earth.

Whatever has been his particular delight on earth—his hobby, as we should say—he has now the fullest liberty to devote himself to it entirely and to follow it out to the utmost, provided only that its enjoyment is that of the intellect or of the higher emotions—that its gratification does not necessitate the possession of a physical body. Thus it will be seen at once that all rational and decent men are infinitely happier after death than before it, for they have ample time not only for pleasure, but for really satisfactory progress along the lines which interest them most.

Are there then none in that world who are unhappy? Yes, for that life is necessarily a sequel to this, and the man is in every respect

*Khôn Ngoan của Salômôn, iii, 1.

Trong thế giới tinh thần này, tiền bạc không cần thiết, lương thực và chỗ ở không còn cần nữa, vì vinh quang và vẻ đẹp của nó đều tự do cho mọi cư dân, không cần tiền cũng chẳng phải mua. Trong chất liệu loãng nhẹ của nó, trong thể tinh thần, con người có thể di chuyển chỗ này chỗ kia theo ý muốn; nếu y yêu những phong cảnh tuyệt mỹ của rừng, biển và trời, y có thể tùy nghi viếng thăm mọi nơi đẹp nhất trên trái đất; nếu y yêu nghệ thuật, y có thể dành trọn thời gian cho sự chiêm ngưỡng các kiệt tác của mọi danh họa vĩ đại, và chính y cũng có thể tạo nên kiệt tác bằng cách vận dụng phép màu nhiệm lạ lùng của năng lực tư tưởng; nếu y là một nhạc sĩ, y có thể đi từ dàn nhạc trứ danh này sang dàn nhạc trứ danh khác của thế giới, có thể dành thời gian lắng nghe những nghệ sĩ trứ danh nhất biểu diễn, hoặc, với sự trợ lực sẵn lòng của các thiên thần của âm nhạc, chính y có thể trổi lên những khúc điệu chưa từng được nghe trên trần thế.

Bất cứ điều gì từng là thú vui riêng biệt của y trên đời—như chúng ta vẫn nói, sở thích—thì giờ đây y được tự do trọn vẹn để tận hiến cho nó hoàn toàn và lần theo nó đến tận cùng, miễn là sự thưởng thức ấy thuộc về trí tuệ hay các cảm xúc cao thượng—tức việc thỏa mãn nó không cần đến một thân xác. Do đó có thể thấy ngay rằng mọi người có lý trí và phẩm hạnh đều hạnh phúc vô ngần sau khi chết hơn trước đó, vì họ có dư dả thời gian không chỉ cho niềm vui, mà còn cho tiến bộ thật sự thỏa đáng dọc theo những đường hướng khiến họ quan tâm nhất.

Vậy có ai trong thế giới ấy bất hạnh chăng? Có, vì đời sống đó tất yếu là sự tiếp nối của đời này, và con người, ở mọi phương diện, vẫn là cùng

the same man as he was before he left his body. If his enjoyments in this world were low and coarse, he will find himself unable in that world to gratify his desires. A drunkard will suffer from unquenchable thirst, having no longer a body through which it can be assuaged; the glutton will miss the pleasures of the table; the miser will no longer find gold for his gathering. The man who has yielded himself during earth-life to unworthy passions will find them still gnawing at his vitals. The sensualist still palpitates with cravings that can never now be satisfied; the jealous man is still torn by his jealousy, all the more that he can no longer interfere with the action of its object. Such people as these unquestionably do suffer—but only such as these, only those whose proclivities and passions have been coarse and physical in their nature. And even they have their fate absolutely in their own hands. They have but to conquer these inclinations, and they are at once free from the suffering which such longings entail. Remember always that there is no such thing as punishment; there is only the natural result of a definite cause; so that you have only to remove the cause and the effect ceases—not always immediately, but as soon as the energy of the cause is exhausted.

một con người như trước khi y rời thân xác. Nếu các thú vui của y ở thế gian thấp hèn và thô lậu, y sẽ thấy mình bất lực trong thế giới kia để thỏa mãn các dục vọng. Kẻ nghiện rượu sẽ chịu đựng một cơn khát không nguôi vì y không còn một thân thể qua đó có thể giải tỏa; kẻ phàm ăn sẽ thiếu vắng lạc thú ở bàn tiệc; kẻ bủn xỉn sẽ chẳng còn tìm được vàng để tích cóp. Kẻ đã buông thân mình cho những dục vọng bất xứng trong đời trần sẽ thấy chúng vẫn còn đang gặm nhấm tận cốt tủy. Kẻ trụy lạc vẫn sôi sục những thèm khát nay không sao thỏa mãn; kẻ ghen tuông vẫn bị xâu xé vì ghen, càng dữ dội hơn bởi y không còn có thể can thiệp vào hành động của đối tượng ghen tuông. Những hạng người như thế chắc chắn là chịu khổ—nhưng chỉ những hạng người như thế, chỉ những ai có khuynh hướng và đam mê thô lậu, mang bản chất trần tục. Và ngay cả họ cũng hoàn toàn nắm số phận trong tay mình. Họ chỉ cần chế ngự những khuynh hướng ấy, là lập tức được giải thoát khỏi nỗi khổ do những thèm muốn ấy kéo theo. Luôn luôn hãy nhớ rằng không hề có cái gọi là trừng phạt; chỉ có hậu quả tự nhiên của một nguyên nhân xác định; thế nên bạn chỉ cần loại bỏ nguyên nhân thì hệ quả sẽ chấm dứt—không phải lúc nào cũng tức thời, nhưng ngay khi năng lượng của nguyên nhân đã kiệt.

"Do the dead then see us?" it may be asked; "do they hear what we say?" Undoubtedly they see us in the sense that they are always conscious of our presence, that they know whether we are happy or miserable; but they do not hear the words that we say, nor are they conscious in detail of our physical actions. A moment's thought will show us what are the limits of their power to see. They are inhabiting what we have called the "spiritual body"—a body which exists in ourselves, and is, as far as appearance goes, an exact duplicate of the physical body; but while we are awake our consciousness is focussed exclusively in the

"Vậy những người chết có thấy chúng ta không?" có thể có người hỏi; "họ có nghe điều chúng ta nói không?" Hẳn nhiên họ thấy chúng ta theo nghĩa rằng họ luôn ý thức sự hiện diện của chúng ta, rằng họ biết chúng ta vui hay buồn; nhưng họ không nghe những lời chúng ta nói, cũng không ý thức chi tiết về các hành động hồng trần của chúng ta. Chỉ cần một thoáng nghĩ là thấy được giới hạn của khả năng thấy của họ. Họ đang cư ngụ trong điều mà chúng ta gọi là "thể tinh thần"—một thể hiện hữu trong chính chúng ta, và, xét về diện mạo, là bản sao y hệt thân xác; nhưng khi chúng ta thức, tâm thức của ta tập trung độc

latter. We have already said that just as only physical matter appeals to the physical body, so only the matter of the spiritual world is discernible by that higher body. Therefore, what the dead man can see of us is only our spiritual body, which, however, he has no difficulty in recognizing.

When we are what we call asleep, our consciousness is using that vehicle, and so to the dead man we are awake; but when we transfer our consciousness to the physical body, it seems to the dead man that we fall asleep, because though he still sees us, we are no longer paying any attention to him to able to communicate with him. When a living-friend falls asleep we are quite aware of his presence, but for the moment we cannot communicate with him unless we arouse him. Precisely similar is the condition of the living man (while he is awake) in the eyes of the dead. Because we cannot usually remember in our waking consciousness what we have seen during sleep, we are under the delusion that we have lost our dead; but they are never under the delusion that they have lost us, because they can see us all the time. To them the only difference is that we are with them during the night and away from them during the day; whereas, when they were on earth with us, exactly the reverse was the case.

All life is evolving, for evolution is God's law; and man grows slowly and steadily along with the rest. What is commonly called man's life is, in reality, only one day of his true and longer life. Just as in this ordinary life man rises each morning, puts on his clothes, and goes forth to do his daily work, and then when night descends he lays aside those clothes and takes his rest, and then again on the following morning rises afresh to take up his work at the point where he left it—just so when the man comes into the physical life he puts upon him

nhất vào thân xác. Chúng ta đã nói rằng cũng như chỉ có vật chất hồng trần mới tác động lên thân xác, thì chỉ có chất liệu của thế giới tinh thần mới được thể cao hơn kia nhận biết. Vậy nên, điều người đã khuất thấy ở chúng ta chỉ là thể tinh thần của ta, dẫu vậy, họ không gặp khó khăn gì trong việc nhận ra ta.

Khi chúng ta ở trong điều ta gọi là giấc ngủ, tâm thức của ta đang sử dụng vận cụ ấy, và vì thế đối với người đã khuất thì ta đang thức; nhưng khi ta chuyển tâm thức về thân xác, đối với người đã khuất dường như ta chìm vào giấc ngủ, bởi tuy họ vẫn thấy ta, chúng ta không còn chú tâm đến họ hay có thể giao tiếp với họ nữa. Khi một bạn sống của ta ngủ thiếp, chúng ta hoàn toàn biết sự hiện diện của bạn ấy, nhưng lúc đó ta không thể giao tiếp với bạn ấy trừ phi đánh thức bạn. Tình trạng của người đang sống (khi họ thức) dưới mắt người đã khuất cũng giống hệt như vậy. Bởi vì chúng ta thường không nhớ được trong ý thức lúc thức những gì đã thấy trong giấc ngủ, chúng ta lầm tưởng rằng đã mất người thân; nhưng họ thì chẳng bao giờ lầm rằng họ đã mất chúng ta, vì họ có thể thấy chúng ta mọi lúc. Với họ, khác biệt duy nhất là chúng ta ở cùng họ vào ban đêm và rời xa họ vào ban ngày; trong khi khi họ còn trên trần với ta thì tình trạng lại y như ngược lại.

Mọi sự sống đều đang thăng thượng tiến hóa, vì tiến hóa là định luật của Thượng đế; và con người lớn lên chậm rãi mà vững bền cùng với muôn loài. Cái thường được gọi là đời người thực ra chỉ là một ngày trong đời thật và dài hơn của y. Cũng như trong đời thường, mỗi buổi sáng con người thức dậy, khoác áo, bước ra làm công việc hằng ngày, rồi khi đêm xuống thì cởi áo ra nghỉ ngơi, và sáng hôm sau lại thức dậy để nối lại công việc ngay điểm vừa bỏ dở—thì cũng vậy, khi con người đến với đời sống hồng trần, y khoác lên mình tấm áo là

the vesture of the physical body, and when his work-time is over he lays aside that vesture again in what you call death, and passes into the more restful condition which I have described; and when that rest is over he puts upon himself once more the garment of the body, and goes forth yet again to begin a new day of physical life, taking up his evolution at the point where he left it. And this long life of his lasts until he attains that goal of divinity which God means him to attain.

thân xác, và khi thời gian lao tác kết thúc, y lại trút tấm áo ấy xuống trong điều mà bạn gọi là cái chết, và sang tình trạng an nghỉ hơn mà tôi đã mô tả; và khi kỳ nghỉ ấy chấm dứt, y khoác lên mình một lần nữa chiếc áo của thân xác, và lại bước ra khởi đầu một ngày mới của đời sống trần gian, tiếp tục tiến hóa của mình ở đúng điểm vừa bỏ dở. Và đời sống dài lâu ấy của y kéo dài cho đến khi y đạt đến đích của thần tính mà Thượng đế định cho y đạt tới.

One of the saddest cases of apparent loss is when a child passes away from this physical world and its parents are left to watch its empty place, to miss its loving prattle. What then happens to children in this strange new spiritual world? Of all those who enter it, they are perhaps the happiest and the most entirely and immediately at home. Remember that they do not lose the parents, the brothers, the sisters, the playmates whom they love; it is simply that they have them as companions during what we call the night instead of the day; so that they have no feeling of loss or separation.

Một trong những trường hợp mất mát bề ngoài buồn thảm nhất là khi một đứa trẻ rời thế giới hồng trần và cha mẹ nó còn ở lại nhìn chỗ trống của con, nhớ tiếng ríu rít yêu thương của con. Điều gì sẽ xảy ra cho trẻ thơ trong thế giới tinh thần mới lạ ấy? Trong tất cả những ai bước vào đó, có lẽ chúng là hạnh phúc nhất và là những người hoàn toàn, lập tức thấy như ở nhà nhiều nhất. Hãy nhớ rằng chúng chẳng hề mất cha mẹ, anh chị em, bạn chơi mà chúng yêu; chỉ là chúng có họ làm bạn vào điều mà chúng ta gọi là ban đêm thay vì ban ngày; vì vậy chúng không hề có cảm giác mất mát hay chia lìa.

During our day they are never left alone, for there as here, children gather together and play together—play in Elysian fields full of rare delights. We know how here a child enjoys "making believe", pretending to be this character or that in history—playing the principal parts in all sorts of wonderful fairy stories or tales of adventure. In the finer matter of that higher world thoughts take to themselves visible form, and so the child who imagines himself a certain hero promptly takes on temporarily the actual appearance of that hero. If he wishes for an enchanted castle, his thought can build that enchanted castle. If he desires an army to command, at once that army is there. And so among the dead the hosts of children are always full of joy—

Trong ban ngày của chúng ta, chúng không bao giờ bị bỏ mặc một mình, vì ở đó cũng như ở đây, trẻ con tụ lại với nhau và chơi đùa cùng nhau—chơi trong những cánh đồng Elysium đầy ắp thú vui hiếm có. Chúng ta biết ở đây một đứa trẻ thích thú thế nào khi "giả bộ", tưởng tượng mình là nhân vật này hay nhân vật kia trong lịch sử—đóng vai chính trong đủ loại truyện cổ tích hay chuyện phiêu lưu kỳ diệu. Trong chất liệu tinh tế của thế giới cao ấy, tư tưởng mang lấy hình dạng hữu hình, nên đứa trẻ hình dung mình là một anh hùng nào đấy sẽ lập tức tạm thời mang diện mạo thực sự của anh hùng ấy. Nếu nó muốn một tòa lâu đài huyền phép, tư tưởng của nó có thể dựng nên tòa lâu đài huyền phép đó. Nếu nó muốn một đạo quân để chỉ huy, lập tức đạo

indeed, often even riotously happy.

quân ấy hiện ra. Và như thế, giữa những người đã khuất, đoàn lũ trẻ thơ luôn luôn đầy ắp niềm vui—thậm chí thường là hân hoan rộn rã.

If you have been able to assimilate what I have already said, you will now understand that, however natural it may be for us to feel sorrow at the death of our relatives, that sorrow is an error and an evil, and we ought to overcome it. There is no need to sorrow for *them*, for they have passed into a far wider and happier life. If we sorrow for our own fancied separation from them, we are, in the first place, weeping over an illusion, for in truth they are *not* separated from us; and, secondly, we are acting selfishly, because we are thinking more of our own apparent loss than of their great and real gain. We must strive to be utterly unselfish, as indeed all love should be. We must think of *them* and not of ourselves—not of what we wish or we feel, but solely of what is best for them and most helpful to their progress.

Nếu bạn đã có thể tiêu hóa những điều tôi nói, giờ bạn sẽ hiểu rằng, cho dù tự nhiên đến đâu khi chúng ta cảm thấy sầu khổ trước cái chết của thân quyến, thì nỗi sầu ấy là một lầm lỗi và một điều ác, và chúng ta nên vượt thắng nó. Không cần buồn cho *họ*, vì họ đã bước vào một đời sống rộng lớn và hạnh phúc hơn nhiều. Nếu chúng ta sầu khổ vì tưởng mình chia lìa họ, thì trước hết, chúng ta đang khóc vì một ảo ảnh, bởi sự thật là họ *không hề* bị tách lìa khỏi chúng ta; và thứ đến, chúng ta đang hành xử ích kỷ, vì chúng ta nghĩ nhiều hơn về mất mát bề ngoài của mình hơn là lợi lạc lớn lao và thật sự của họ. Chúng ta phải nỗ lực hoàn toàn vô ngã, như lẽ ra mọi tình yêu đều phải vậy. Chúng ta phải nghĩ về *họ* chứ không nghĩ đến mình—không phải điều ta muốn hay ta cảm, mà chỉ điều gì tốt nhất cho họ và hữu ích nhất cho tiến bộ của họ.

If we mourn, if we yield to gloom and depression, we throw out from ourselves a heavy cloud which darkens the sky for them. Their very affection for us, their very sympathy for us, lay them open to this direful influence. We can use the power which that affection gives us to help them instead of hindering them, if we only will; but to do that requires courage and self-sacrifice. We must forget ourselves utterly in our earnest and loving desire to be of the greatest possible assistance to our dead. Every thought, every feeling of ours influences them; let us then take care that there shall be no thought which is not broad and helpful, ennobling and purifying.

Nếu chúng ta than khóc, nếu chúng ta buông mình cho u ám và phiền não, chúng ta phát ra từ chính mình một đám mây nặng trĩu che tối bầu trời của họ. Chính tình yêu họ dành cho ta, chính sự đồng cảm của họ đối với ta, mở họ ra trước ảnh hưởng khủng khiếp ấy. Chúng ta có thể dùng quyền năng mà tình yêu ấy ban cho để giúp họ thay vì cản trở họ, nếu chúng ta thật tâm muốn; nhưng để làm vậy cần có can đảm và sự hy sinh. Chúng ta phải quên mình hoàn toàn trong ước muốn khẩn thiết và đầy yêu thương để trở nên sự trợ lực lớn nhất có thể cho người đã khuất. Mọi tư tưởng, mọi cảm xúc của chúng ta đều ảnh hưởng đến họ; vậy hãy cẩn trọng để chẳng có một tư tưởng nào mà không quảng đại và hữu ích, không cao thượng và thanh lọc.

If it is probable that they may be feeling some

Nếu có khả năng rằng họ đang lo lắng về

anxiety about us, let us be persistently cheerful, that we may assure them that they have no need to feel trouble on our account. If, during physical life, they have been without detailed and accurate information as to the life after death, let us endeavour at once to assimilate such information ourselves, and to pass it on in our nightly conversations with them. Since our thoughts and feelings are so readily mirrored in theirs, let us see to it that those thoughts and feelings are always elevating and encouraging. "If ye know these things, happy are ye if ye do them."*

chúng ta, hãy bền bĩ vui tươi, để chúng ta có thể trấn an họ rằng chẳng cần phải bận lòng vì chúng ta. Nếu trong đời sống hồng trần, họ thiếu thông tin chi tiết và xác thực về đời sống sau khi chết, hãy nỗ lực ngay để chúng ta tự hấp thu những hiểu biết như thế, và truyền đạt chúng trong những cuộc đàm thoại ban đêm với họ. Vì tư tưởng và cảm xúc của chúng ta rất dễ phản chiếu trong họ, hãy đảm bảo rằng những tư tưởng và cảm xúc ấy luôn cao vời và khích lệ. "Nếu các ngươi biết những điều ấy, phúc cho các ngươi, miễn là các ngươi làm theo."*

St. John, xiii, 17.

* *Thánh Gioan,* xiii, 17.

Not only should we abstain from mourning; we should go further than that; we should earnestly try to develop within ourselves positive joyousness. It is the duty of every man to be happy, that he may radiate happiness on others; and most especially is that true of those who have dear friends who have recently passed over into the higher life. The best anodyne for sorrow is active work for others; and that also is the surest way to peace and joy.

Chẳng những chúng ta nên kiêng than khóc; chúng ta còn nên tiến xa hơn; chúng ta nên cố gắng chân thành phát triển trong mình niềm hoan lạc tích cực. Bổn phận của mỗi người là hạnh phúc, để có thể tỏa chiếu hạnh phúc đến kẻ khác; và điều ấy càng đúng hơn với những ai có bạn thân mới đây vừa bước qua cõi sống cao hơn. Phương dược xoa dịu tốt nhất cho sầu khổ là công việc tích cực vì người khác; và đó cũng là con đường chắc chắn nhất dẫn đến bình an và hoan lạc.

That great truth we can impress upon these friends of ours, if they do not already know it; for the opportunities for helpful work are greater far in the astral world than in the physical. Among the vast hosts of those whom we call the dead there are many who are bewildered by their surroundings, many who through erroneous religious teaching on earth are in a state of painful uncertainty and even acute terror, many who are causing themselves unnecessary suffering by perpetuating earthly desires and passions in that higher life where there is no assuagement for them. What occupation can be nobler and

Chân lý lớn lao ấy chúng ta có thể in sâu nơi những người bạn này, nếu họ chưa biết; vì cơ hội để làm việc ích lợi ở cõi cảm dục lớn lao hơn rất nhiều so với cõi hồng trần. Giữa đoàn lũ mênh mông những người mà chúng ta gọi là kẻ chết, có nhiều người hoang mang vì hoàn cảnh chung quanh, nhiều người do giáo huấn tôn giáo sai lạc ở trần gian mà rơi vào tình trạng bất định đau đớn, thậm chí kinh sợ tột độ, nhiều người tự gây cho mình nỗi khổ không cần thiết bằng cách kéo dài những dục vọng và đam mê trần tục trong đời sống cao hơn nơi không còn có gì để thỏa mãn chúng. Có công việc nào cao quý và hạnh phúc hơn

happier than to help these poor souls from darkness to light, to relieve their sufferings, to explain these things that puzzle them, and to guide their feet into the way of peace?

Into the splendid corps of Invisible Helpers who are ceaselessly engaged in this benevolent activity we can introduce our newly-arrived friends, thus assuring them of happy and useful work during the whole of their stay in this wonderful astral world which God has provided for the training and enjoyment of His people, even though it be but a stage on the way to that still higher realm whose glories eye hath not seen, neither hath it entered into the heart of man to conceive it.

Try to comprehend the unity of all; there is one God, and all are one in Him. If we can but bring home to ourselves the unity of that Eternal Love, there will be no more sorrow for us; for we shall realize, not for ourselves alone, but also for those whom we love, that whether we live or die, we are the Lord's, and that in Him we live and move and have our being, whether it be in this world or in the world to come. The attitude of mourning is a faithless attitude, an ignorant attitude. The more we know, the more fully we shall trust, for we shall feel with utter certainty that we and our dead alike are in the hands of perfect Power and perfect Wisdom, directed by perfect Love.

việc giúp những linh hồn tội nghiệp ấy đi từ tối tăm đến ánh sáng, xoa dịu nỗi khổ của họ, giải thích những điều làm họ bối rối, và dẫn bước họ vào con đường bình an?

Vào đoàn thể lừng lẫy gồm Những Người Trợ Giúp Vô Hình, những vị không ngừng dấn thân trong hoạt động nhân ái này, chúng ta có thể giới thiệu những người bạn vừa mới tới, nhờ đó bảo đảm cho họ một công việc hạnh phúc và hữu ích suốt cả thời gian lưu trú trong cõi cảm dục kỳ diệu này—cõi mà Thượng đế đã an bài cho việc rèn luyện và hưởng vui của dân Ngài, dẫu nó chỉ là một chặng trên đường đi tới cảnh giới cao hơn nữa—nơi vinh quang mắt chưa hề thấy, lòng người chưa hề nghĩ đến.

Hãy cố thấu hiểu sự hợp nhất của muôn loài; chỉ có một Thượng đế, và tất cả đều là một trong Ngài. Nếu chúng ta có thể khắc ghi vào lòng mình sự hợp nhất của Tình Thương Vĩnh Cửu ấy, sẽ không còn sầu khổ cho chúng ta nữa; vì chúng ta sẽ nhận ra, không chỉ cho chính mình, mà cả cho những người ta yêu, rằng dù sống hay chết, chúng ta đều thuộc về Chúa, và rằng trong Ngài chúng ta sống, cử động và hiện hữu, dù là ở thế giới này hay ở thế giới sẽ đến. Thái độ than khóc là một thái độ vô tín, một thái độ vô minh. Càng biết nhiều, chúng ta sẽ càng tin cậy trọn vẹn hơn, vì chúng ta sẽ cảm nhận với sự chắc chắn tuyệt đối rằng cả chúng ta lẫn người đã khuất đều ở trong tay Quyền Năng trọn hảo và Minh Triết trọn hảo, được điều hướng bởi Tình Thương trọn hảo.

All taint of grief and mourning we firmly lay aside,

Our seeming loss forgetting, since they are glorified.

We know they stand before us and love us as of

Mọi vết dấu của ưu sầu và than khóc, ta vững vàng gạt sang bên,

Quên đi mất mát bề ngoài, vì họ đã được vinh hiển nên.

Ta biết họ đứng trước mặt ta và yêu thương như

old;

God grant we may not fail them, nor let our love grow cold!

With heart and soul we trust Thee; Thy love no tongue can tell;

Thou art the All-Commander, Who doest all things well.

thuở nào;

Xin Thượng đế cho ta chớ phụ họ, chớ để tình yêu phai nhạt nào!

Bằng cả tâm hồn, ta tin cậy nơi Ngài; tình yêu Ngài không môi lưỡi nào kể xiết;

Ngài là Đấng Toàn Chỉ Huy, Đấng làm mọi sự đều tốt đẹp hoàn thiện.

Peace To All Beings

Ode To The Living Dead

Loved ones! though our waking vision

Know your forms no more,

Earth's illusion shall not hold us;

Well we know your loves enfold us

Even as before.

Death? 'Tis but a stepping forward —

No divorce at all;

Swifter than of old the meeting,

Warmer, heartier the greeting

When you hear our call.

And at night, when softest slumber

Seals these earthly eyes,

Lo, a new day dawneth brightly;

From our fetters slipping lightly

To your world we rise;

Bình an đến với muôn loài

Khúc Tụng Ca Gửi Những Người Chết-Vẫn-Sống

Những người thân yêu! dẫu nhãn quan khi thức tỉnh

Chẳng còn thấy hình dung của các bạn nữa rồi,

Ảo ảnh cõi trần chẳng thể cầm tù chúng ta mãi;

Ta biết chắc tình yêu các bạn ôm ấp ta mãi mãi

Như thuở xa xôi.

Chết ư? Chỉ là một bước chân tiến tới—

Chẳng hề chia ly;

Cuộc gặp gỡ mau hơn xưa gấp bội,

Nồng ấm hơn, niềm chào đón phấn khởi

Khi các bạn nghe ta gọi tức thì.

Và đêm về, khi giấc miên man êm ái

Khép lại đôi mắt hồng trần,

Kìa, một ngày mới bừng rạng rỡ;

Ta nhẹ nhàng tuột khỏi xiềng xích, bay tự do

Lên thế giới của các bạn—hân hoan.

There to work and there to wander

In the sweet old way —

Drink of upper springs and nether,

Learn what Love hath knit together

Standeth fast for aye.

Praise and glory for this knowledge

To the One in Three;

For the sting from death is taken,

Nevermore are we forsaken

Through eternity.

D. W. M. Burn

Nơi đó ta làm việc và rong ruổi

Theo lối cũ ngọt lành—

Uống nguồn suối trên cao và dưới thấp,

Học điều Tình Yêu đã kết dệt mầu nhiệm

Đứng vững muôn vàn năm.

Xin dâng ngợi khen và vinh hiển vì tri thức này

Cho Ba Ngôi uy linh;

Vì nọc độc của chết đã bị lấy đi,

Từ nay chúng ta chẳng bao giờ bị bỏ rơi

Qua cõi vĩnh sinh.

D. W. M. Burn